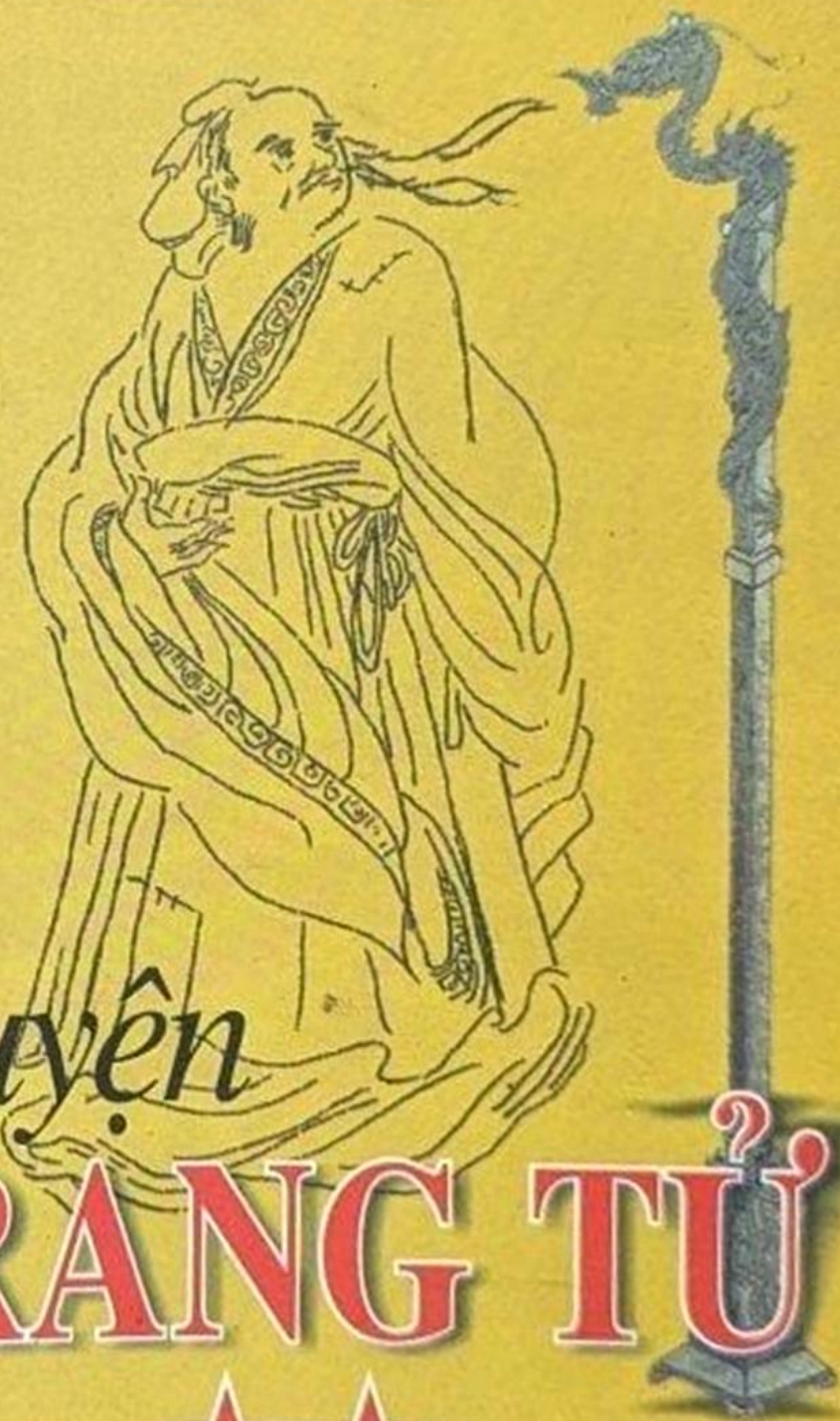


VƯƠNG TÂN DÂN

Người dịch: Lê Xuân Khải - Trần Hiệp



Truyện
TRANG TỬ
★★



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

TRUYỆN TRANG TỬ

★★

VƯƠNG VƯƠNG TÂN
Người dịch: Lê Xuân Khải - Trần Hiệp

Truyện

TRANG TỬ



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

CHƯƠNG VI

Cùng quần bên giấy

Vừa lòng cuộc sống

I

Thời gian trôi nhanh, Trang Chu đã ở tuổi năm mươi. Ông sống trong ngôi nhà nhỏ Mông Trạch, lúc đánh đàn, lúc đọc sách, lúc bàn bạc đôi câu đối câu chuyện với Lận Thả, Tô Ngọc. Những lúc trời quang mây tạnh ông câu cá bên đầm Mông Trạch. Lúc nào ngẫu hứng ông lại cùng Lận Thả, Tô Ngọc đi chơi xa hơn quanh rừng núi. Có khi nhiều người ở phương xa đến tâm sự học đạo, Trang Chu đem những câu chuyện ngụ ngôn đã viết kể cho họ nghe, Lận Thả và Tô Ngọc gom góp lại thành từng chồng dày.

Tư tưởng của ông ngày một thành thực, tiếng tăm ngày một lan xa. Học thuyết của ông cùng với Mặc gia, Nho gia đứng như ba chân vạc. Kể sĩ trong thiên hạ có người tôn Lão Trang, Mặc Tử hoặc Khổng Tử. Ban đầu người ta còn chưa hiểu tư tưởng của Trang Chu, về sâu qui mô các cuộc chiến tranh giữa các chư hầu ngày một tăng; theo đó

sáng làm khanh tướng, chiều là kẻ áo vải dần dần đã trở thành hiện tượng phổ biến, những người hiểu biết trong thiên hạ chán ghét chính trị, những người theo học đạo dưỡng sinh ngày càng tăng.

Người có học ngày càng hiểu rằng trong thời đại đầy rẫy những kẻ có quyền hành, mưu gian xảo trá và binh đao liên miên như hiện nay, muốn dựa vào sức mình, làm theo ý mình đâu có dễ dàng. Do đó họ sôi nổi chuyển sang học dưỡng sinh, nếu không giúp được thiên hạ; bất đắc dĩ cũng hoàn thiện được chính mình.

Nhiều vương công đại nhân bị chèn ép chính trị, trong đấu tranh quyền lực thất thế, thậm chí có người nước mất nhà tan, họ gửi gắm tâm tư mình vào những câu chuyện ngụ ngôn của Trang Tử để khuây sầu giải muộn.

Nhưng sự ngưỡng mộ của mọi người đối với học thuyết Trang Chu không làm thay đổi cuộc sống bản cùng của ông. Một ít vốn liếng tích lũy khi làm lại ở vườn sơn đã hết mau chóng.

Mấy năm gần đây, cuộc sống của cả gia đình đều dựa vào ít tôm cá do Trang Chu và Lận Thả câu được ở đầm, đem ra chợ đổi lấy gạo muối, đắp đổi qua ngày.

Cả nhà Trang Chu hàng mấy năm liền không may sắm thêm một tấm quần manh áo. Những

chiếu áo ấm bằng gai thô của trẻ con không còn cách nào vá vuiu được, áo mền ngắn của vợ đã bạc théch, ngay đến quần của Trang Chu miếng nọ vá đụp lên miếng kia, không ra hình thù nữa.

Gần nửa tháng nay, trời quái ác mưa dầm liên miên, Trang Chu và Lận Thả không ra ngoài câu cá được, nhà còn hạt gạo nào đã ăn hết.

Cả nhà ba bữa đều ăn rau tập tàng. Đứa con mười lăm tuổi, đang tuổi ăn tuổi lớn, đói đến mặt xanh nanh vàng, da bọc xương, mệt lả không buồn nói. Lúc này không còn cách để kéo dài cuộc sống nữa, Trang Chu khoác chiếc áo tơi, đội mũ lá ra khỏi nhà đi vay gạo. Mưa ào ào trút nước, đường ngập khắp nơi, lầy lội, cây cối ngập chìm trong nước, cả làng mù mịt, mênh mông mưa và nước.

Trang Chu một tay xách túi rỗng, một tay cầm gậy lần từng bước. Từng cơn gió lạnh thổi về, rét căm căm. Lúc Trang vừa ra cửa, vợ không đồng ý:

- Trời mưa thế này, chàng đi đâu vay gạo? Hãy đợi qua cơn đã!

Để vợ an tâm, Trang Chu vờ như mình nắm rất chắc phần được:

- Đến nhà ai mà chẳng vay được ít gạo, cứ chuẩn bị nồi đi, tôi đem về ngay.

Nhưng, bây giờ một mình ông dò dẫm trong mưa gió, vẫn chưa biết nên đến nhà ai vay? Tử

Khánh chẳng? Xa quá, mưa to thế này làm sao đến được! Đến nhà Tô Ngọc chẳng? Khăng định là không được, nhà này chắc chắn treo niêu! Nếu không hẳn đã mang gạo đến cho thầy rồi. Những năm gần đây, Tô Ngọc thường xuyên tiếp tế cho gia đình Trang Chu. Nhà ông anh cả chẳng? Bao nhiêu năm nay, tuy anh em cùng ở một thôn nhưng trong con mắt ông anh, thằng em mất dạy này không chơi được, đã đoạn tuyệt qua lại, bây giờ tự nhiên vác mặt đến, e rằng bị cấm cửa mất! Ai bảo trời đất khoan dung? Ra khỏi nhà là bơ vơ. Trang Chu một học giả tên tuổi lẫy lừng như vậy, lúc này đang trôi nổi trong gió mưa thê thảm. Nhưng Trang Chu không hề oán trời, giận người và càng không tự trách mình. Ông luôn tâm niệm với mình rằng:

- “Biết mình không làm được gì thì yên với mệnh, đó là rất đức vậy”

Tất cả điều này do ai gây nên nhỉ? Không phải mình, không phải người, mà là mệnh trời sâu kín không thể chống lại.

Mệnh trời đã định, hà tất phải tránh nổi bất bình, sự thực đã như vậy, cũng chẳng nên đau lòng làm gì.

Mưa ken dày như sợi dệt, bong bóng bông bênh trôi nổi trên mặt đất sũng nước, nhìn lại cái

túi rỗng trong tay, bất giác Trang Chu nghĩ ra câu chuyện ngụ ngôn:

“Khổng Tử lúc ở biên giới nước Trần và nước Thái, cuộc sống gặp nguy cơ, bảy ngày bảy đêm liền không nhóm lửa nấu cơm, Khổng Tử và các đệ tử đều đói, mặt xám ngắt như đất. Nhưng Khổng Tử tay trái cầm một khúc gỗ khô làm nhạc khí, tay phải cầm một cành khô gõ nhịp hát một bài hát từ xa xưa để lại, vẻ mặt không hề sốt ruột.

Tử Lộ tính vốn nóng nảy thấy thế không còn nhẫn nại được nữa, bèn thưa với Khổng Tử:

- Bây giờ đã như thế, phu tử còn có thể vui vẻ được sao?

Khổng Tử bảo:

- Hãy lại đây, ta bảo ngươi. Trong thời kỳ chính trị rõ ràng trong sáng, không có một người nào nghèo khổ, điều đó không có nghĩa là không có người nào mưu trí hơn người; trong thời kỳ chính trị đen tối, trong thiên hạ không có ai hạnh phúc, không có nghĩa là không có người nào mưu trí kém người. Điều đó hoàn toàn do thời thế tạo nên.

Bơi trong nước mà không né tránh thường luồng là người dân chài dũng cảm, đi trên đất liền mà không tránh né tê giác và hổ là người đi săn dũng cảm, trong gươm đao sáng loáng giao tranh, coi thường cái chết là người lính dũng cảm. Biết sự cùng khổ là do mệnh trời sắp đặt, biết hạnh phúc

của con người là do thời đại quyết định, đứng trước vô vàn khó khăn không sợ mới là lòng dũng cảm của bậc thánh nhân.

Nghe xong, bao nhiêu buồn đau trong lòng Tử Lộ đều tan biến, vui hẳn lên cùng hát và đánh nhịp theo Khổng Tử, nhảy múa, đắm mình trong sự bình an, dịu lắng.

Ngĩ xong câu chuyện, ông tự trào:

- Khổng Khâu vì nhân nghĩa, lễ, trí, gặp khổ nạn không sợ, Trang Tử ta vì tự do, thoải mái, há lại sợ sao?

Mưa không những không ngớt mà càng ngày càng to. Vợ con ở nhà đang đợi gạo bỏ vào nồi nấu, đi đâu để vay bây giờ đây?

Trang Chu nghĩ đến Giám Hà Hầu. Giám Hà Hầu là tên tham quan ngu xuẩn, nhưng lúc Trang Chu làm lại ở vườn sơn, họ thường đi lại với nhau. Ông cũng thường tỏ thái độ ân cần thân thiết. Lại nữa, hồi đó Trang Chu cũng đem đến tặng sơn cho Giám, bây giờ cũng có thể đổi lấy một túi gạo được chứ! Huống nữa Giám Hà Hầu cũng đã từng nói, cần giúp đỡ gì xin cứ nói, đừng ngại.

Vì thế Trang Chu lợi bùn đến thẳng phủ Giám Hà Hầu. Trang Chu tuổi đã cao, không còn nhanh nhẹn như hồi còn trẻ nữa, đường trơn, lúc đi qua mương nước bị trượt ngã. Đến cửa phủ Giám Hà Hầu, ông thở hổn hển, hết hơi, kiệt sức. Ông quên

phất ngay việc đi vay gạo, chỉ còn muốn ngồi ở hành lang trước cổng nghỉ một lát.

Nhưng khi vừa đặt đít ngồi, người gác cổng đi qua hăm hăm bảo:

- Cút ngay! Đi xin cơm à!

Trang Chu nhìn kẻ gác cổng như nhìn một con chó giữ nhà, bình tĩnh nói:

- Xin mời quan phủ của các anh ra, nói với ngài có viên lại ở vườn sơn xua xin cầu kiến!

Tên gác cổng hống hách nghe ba tiếng “Lại vườn sơn” biết người này cũng ghê gớm đây, vội vào bẩm báo ngay.

Giám Hà Hầu đang ăn trưa. Hắn càng to béo hơn ngày xưa, mặt nung núc thịt, đôi mắt híp lại như chìm vào bên trong. Hắn vừa đưa miếng thịt lợn béo ngậy vào mồm nhai ngấu nghiến, mỡ theo hai bên khóe mép chảy dài xuống cằm, xuống cổ.

Vừa nghe tin Trang Chu đến thăm, hắn chau mày, đang mưa to thế này, hắn lại chỗ ta, liệu có điều gì tốt lành không? Sau khi gắp nuốt vội miếng thịt, hắn bảo người gác cổng:

- Mời ông ta vào phòng khách.

Hắn lau sạch mỡ ở cằm, ở cổ rồi lê tấm thân béo phì, chậm chạp đến cửa phòng khách, nhìn Trang Chu ướn như con chuột lột, đang rét run cầm

cập ở trong phòng. Giám Hà Hầu vừa vào cửa đã rất nhiệt tình cười ha ha:

- Ô! Hôm nay Trang tiên sinh nhã húng, du lãm vào lúc mưa gió thế này, lại quá bước đến tề xá của đệ, xin hãy lại gần đây nhìn xem có còn nhận ra Giám tôi, con người thô tục ngày xưa không? Thật thất lễ, thất lễ! Nói xong hấn chấp tay chào.

Trang Chu chào lại, nghĩ bụng, với giọng lười này, Giám Hà Hầu đã biết tổng tông tong hoàn cảnh của mình hiện tại, kiểu này là hấn sẽ từ chối khéo mình. Nhưng bây giờ đã đến bước sơn cùng thủy tận, đến nhà hấn rồi, thôi cũng đành mặt dày mày dạn vậy:

- Giám Hà Hầu! Lâu quá không gặp, cả nhà ngài mạnh khỏe chứ?

- Thưa ngài, vẫn khỏe.

Trong khoảnh khắc, Trang Chu đưa lời ướm hỏi:

- Hôm nay tôi đến thăm ngài, chả có việc gì khác, chỉ mong vay một túi gạo để sống qua những ngày mưa gió.

Giám Hà Hầu nghe xong vỗ vai Trang Chu hào hiệp nói:

- Ô! Chả sao! Đợi đến mùa thu đệ nhận bổng lộc, xin cho huynh vay ba trăm lạng vàng.

- Còn bây giờ...

Giám Hà Hầu vò đầu, cái đầu bóng nhảy như quả bóng, tỏ vẻ rất khó xử, đảo mắt nhìn Trang Chu một lượt, ái ngại nói:

- Bây giờ thì... Đệ đây cũng được bữa sáng, mất bữa tối!

Trang Chu cảm thấy như bị sỉ nhục bởi trò hề của hắn. Trang nhìn thẳng vào hắn, Giám Hà Hầu con người khô khan, thô bỉ. Ông hối hận đã biết rõ hắn là con người bợ đỡ nịnh hót, đáng lý mình không nên đến để chuốc lấy điều chẳng thú vị gì. Ái chà! Mình nhìn người quá nông nổi nên mới dẫn đến hậu quả này.

Cảm giác bị sỉ nhục của Trang Chu cũng chỉ thoáng qua trong nháy mắt, Trang vẫn dăm dăm nhìn Giám, bốn mắt gặp nhau, Giám hơi ngượng, đầu cúi xuống.

“Không để cho kẻ tiểu nhân này đắc ý.”

Trang Chu nghĩ như thế. Trang bình tâm nhẹ nhàng bảo Giám:

- Tôi sẽ kể cho ngài một câu chuyện, chẳng là ngài từng bảo thích nghe tôi kể chuyện là gì? “Một hôm tôi đang đi trên đường, bỗng nhiên có tiếng gọi ở phía sau. Tôi quay đầu lại, nhìn chung quanh, chẳng thấy bóng người, cúi xuống nhìn, vệt ố gà trên đường khô queo, chính là con cá bào gọi tôi. Tôi đến gần nói:

- Cá bào, cá gọi ta có việc gì?

Cá bào rất đau khổ ngáp ngáp nói:

- Tôi chính là đại thần, thủ hạ của thần Đông Hải, không may bị nước mưa trôi dạt đến nơi này, khó trở về lại với biển cả, bây giờ tôi khát đến cháy họng khô cổ, tính mệnh khó bảo toàn, ông có thể giúp tôi, múc một gáo nước ở nơi gần đây để cứu mạng cho tôi không?

- Đương nhiên là được, nhưng cá phải chờ, chờ tôi đến phương nam du thuyết vua Ngô và vua Việt, họ sẽ đưa nước Tây giang đến đón cá, được không?

Cá bào vừa nghe xong, giận tím mặt nói:

- Tôi đã đánh mất cuộc sống bình thường của mình, phiêu bạt không nơi ở, nay chỉ cần một gáo nước cứu mạng sống cho mình, ông lại nói những lời xa vời, nước xa đâu cứu được cơn khát gần. Thật viễn vông!”

Kể xong câu chuyện ngụ ngôn, Trang Chu khoác áo tơi, đội nón lá, tay xách túi rỗng, tay cầm gậy giận dữ bỏ đi không đợi Giám Hà Hầu đưa tiễn.

Trang ra khỏi cổng phủ Giám Hà Hầu, trời đã tạnh mưa. Mặt trời ló ra khỏi đám mây đen, ánh sáng chói chang làm Trang Chu choáng váng loá mắt. Đã nửa tháng nay không một ngày trời tạnh,

nên mọi người quen với tối tăm u ám, hơi lạ lẫm với ánh mặt trời rực rỡ.

Đúng vậy, nhân loại là như thế. Từ khi phong tục thuần phác thời xa xưa bị đánh mất đến nay, loài người sống trong đêm dài đen tối! Kẻ lừa người bịp, hục hặc lẫn nhau. Những người lương thiện, chính trực lại trở thành đối tượng để người ta châm biếm.

Biết bao giờ thần quang minh chính đại mới trở về với trái đất? Biết bao giờ người trong thiên hạ mới được đắm mình dưới ánh mặt trời ấm áp tươi sáng? Bao giờ? Bao giờ người với người đối đãi nhau vui vẻ chân thành, một lòng một dạ, hiểu biết nhau như loài cá ở đại dương mênh mông?

“Suối khô, cá tro trên cạn, thấm ướt cho nhau, tưới cho nhau một giọt nước; bằng không, quên nhau nơi giang hồ. Trang Chu vừa đi vừa suy nghĩ, bất giác đã đến bờ Mông Trạch. Sau mưa trời đã tạnh, cầu vồng vắt ngang qua không trung, mây đen tan biến, đất trời một màu xanh. Cây cỏ qua mưa mượt mà xanh tươi, chim chóc véo von trên cành, lâng lâng một niềm vui êm ái, cảnh xuân phơi phới.

Ông đứng bên hồ, tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên, hít thở không khí trong lành, tâm thần thư thái, trong lòng trở nên khoáng đạt. Tinh thần ông bay bổng như trời kia xanh thẳm, như hồ kia yên

tĩnh trong veo, như cây cỏ chim muông đang mùa sinh sôi nảy nở.

Ông hoà vào cảnh đẹp thiên nhiên, quên mình và quên tất cả. Ông như tìm được ngôi nhà xưa của mình trong lòng trời đất, cảm thấy an toàn hạnh phúc như trẻ thơ nấu mình trong lòng mẹ. Chẳng biết Lận Thả đã đứng cạnh Trang Chu từ bao giờ, nhẹ nhàng đưa chiếc cần câu nói:

- Thưa thầy! Chúng ta câu cá đi. Trang Chu như chợt tỉnh từ cõi người và vật hoà làm một tươi đẹp trở về hiện thực. Ông nhớ ra mình đang đi vay gạo, lúc bấy giờ trời đang mưa.

Ông lặng lẽ cầm cần câu, ném lưới câu xuống mặt hồ câu cá. Lận Thả yên lặng đứng cạnh, cả hai thầy trò đều hiểu rất rõ hoàn cảnh của họ lúc này, nên không ai muốn cất tiếng phá tan cái im lặng như tờ.

Hôm sau Lận Thả nói với Trang Chu:

- Thưa thầy! Đã đến lúc chúng ta phải tìm cách khác mưu sinh! Chỉ dựa vào câu cá, khó mà duy trì cuộc sống cho cả gia đình.

Trang Chu nói:

- Theo ý con, chúng ta nên làm gì tốt hơn?

Lận Thả nói:

- Con thấy ở ven hồ này cây cỏ gai rất thích hợp việc làm giấy cỏ, nhất định đem ra chợ bán sẽ

đắt hàng và được tiền. Vả lại nghề này ít vốn, nhẹ nhàng, ổn định. Trang Chu cười!

- Ta quên khuấy đi! Con ngày trước buôn bán làm ăn ra trò. Điều mấu chốt bây giờ là phải nhập cuộc. Hãy quyết định như vậy.

Trang Chu, Lận Thả, Nhan Ngọc và con cùng hợp sức vào việc bện giấy cỏ, người chọn cỏ, người bện giấy

Lận Thả đến bên hồ chọn gai, Nhan Ngọc cùng con ở nhà bện giấy, Trang Chu ra chợ bày hàng bán. Bán giấy cỏ tuy là loại buôn bán nhỏ, ít vốn ở thôn trang nhưng cũng đủ duy trì cuộc sống cho bốn miệng ăn trong gia đình. Chẳng bao lâu gia đình Trang Chu thoát khỏi cảnh nghèo túng, bắt đầu cuộc sống no đủ, chưa gọi là dư dật. Tiền bán giấy cũng chỉ đủ mua gạo, mua mắm, gia đình từ trước đến nay chưa hề được nếm qua miếng thịt lợn, thịt chó, càng không thể nói đến thịt bò.

Trang Chu hằng ngày đến các chợ ở Mông Ấp bán giấy. Ông ngồi ở giữa bàn hàng, chào không hề gượng ép. Ông thà rằng kiếm cái ăn bằng sức mình còn hơn là cầu kết với bọn quan tham như Giám Hà Hầu vợ vét của dân đến tận xương tủy.

Bán giấy tất nhiên phải đo bàn chân người, đủ loại không ai giống ai, người chân to, người chân nhỏ, chân dài, chân ngắn, mình phải đáp ứng tất tât.

Nhiều người lại không có bàn chân, họ nhìn nơi bày bán giày cỏ của Trang Chu với những sắc thái khác nhau: người thì tỏ ra ăn năn hối hận, người thì ghen ghét, người thì tuyệt vọng, người thì căm giận.

Họ là ai? Vì sao họ bị chặt bàn chân? Họ là kẻ trộm cắp, kẻ cướp giết chẳng? Hay là kẻ nhặt của người ta đánh rơi trên đường?

Thật đáng trách những hình phạt tàn khốc hiện nay, những người bị chặt bàn chân nhan nhản. Trang Chu nghĩ ra câu chuyện:

“Rẻ giày cỏ đắt đồ giày cắt”.

Bấy giờ Tề Cảnh Công quá lạm dụng hình phạt tàn khốc chặt chân người vô tội dẫn đến các chợ ở đô thành giá giày cắt cho những người không có chân tăng lên gấp bội, còn giày cỏ cho những người lành lặn không ai hỏi đến, nên Án Tử mới can: “Các chợ trong nước này rẻ giày cỏ, đắt đồ giày cắt.”

Có lẽ Án Tử nói hơi ngoa, nhưng đúng là hình phạt chặt chân man rợ ở đất nước này từ xưa đến nay vẫn tồn tại đáng sợ. Nghĩ đến đây Trang Chu thấy mình may mắn hơn thiên hạ, tuy nghèo túng nhưng thân thể còn nguyên vẹn.

Câu chuyện bán giày cỏ của học giả nổi tiếng Trang Chu không cánh mà bay xa, loan truyền đến nước Tống rồi đến tận các nước chư hầu khác.

Chẳng biết vị nào lắm điều lại đưa chuyện đến vua Tống. Vua Tống tuy tàn bạo nhưng lại là người hiểu được tầm quan trọng của kẻ sĩ đối với vận nước. Vì vậy, một hôm vua Tống sai người mang một xe lương thực, qua các chợ đến tận Mông Ấp hỏi thăm Trang Chu biểu lộ tấm lòng ưu ái đối với kẻ sĩ.

Trang Chu đang ăn cơm trưa, nghe có tiếng người ở bên ngoài ông bước ra nhìn. Người ở trong thôn ùa ra, trẻ già, trai gái vây quanh chiếc xe chở lương thực hoan hô ầm ĩ.

Dân làng rất phấn khởi tưởng rằng xe lương thực được nhà vua phái đến cứu tế. Trái lại vị sứ giả chỉ hỏi:

- Nhà tiên sinh Trang Chu ở đâu? Dân làng chỉ vào Trang Chu đang đứng ở cửa nói:

- Chính ông ta là Trang Chu đấy!

Sứ giả quay về phía Trang Chu chào nói:

- Vua nghe nói tiên sinh sống vất vả, đặc biệt sai chúng tôi mang đến cho tiên sinh một xe lương thực, rất mong tiên sinh vui lòng nhận cho.

Nghe vậy, dân làng bàn tán xôn xao. Có người ghen ghét, người thì thất vọng, người thì hâm mộ, có người không hiểu, có người lại hững hờ.

Ngược lại, Trang Chu trả lời:

- Tôi tuy nghèo túng, nhưng chỉ mong tìm được cái ăn chính từ sức lực của mình, không dám nhận lộc vua khi mình không có công cán gì.

Nói xong, ông quay lưng bước vào nhà.

Sứ giả ngơ ngác, từ trước đến nay chưa bao giờ gặp một người không biết điều như vậy, xe lương thực mang đến tận nhà cũng không cần. Sứ giả nói:

- Đúng là ngốc!

Rồi quay xe trở về kinh.

Nhan Ngọc đứng ở cửa nhìn theo xe, khi xe khuất khỏi cổng làng mới quay vào nhà.

Bà phàn nàn với Trang Chu:

- Bao nhiêu năm sống với ông, tôi chưa hề oán trách ông về sự nghèo túng, nhưng sự việc hôm nay tôi không sao hiểu nổi ông. Lương thực của vua Tống có nhiều không kể, họ lại mang đến tận cửa, vì sao ông lại từ chối không nhận?

Trang Chu cười nói:

- Đây là bà chưa hiểu. Vua Tống rất bạo ngược, lòng dạ như hổ lang, ông ta ban lương thực cho mình khác nào con cáo đến cổng lễ cho gà, không sao an tâm được. Nếu ta nhận lương thực tất ta phải bồi bút cho ông ta, phát cờ tung hô, thay ông ta tô hồng mọi sự ám muội. Làm như thế khác nào giúp Trụ làm điều ác.

Nghe xong bà cười nói:

- Đúng! Chúng ta đã quen với nghèo túng rồi, như ông nói: “Biết mình không làm gì được, khi mệnh trời đã định.”

Lận Thả đứng bên cạnh đắc ý gật gù:

- Sư mẫu cũng đã trở thành triết nhân rồi!

Nhan Ngọc cười nói:

- Chẳng phải là câu thầy trò suốt ngày tụng niệm đó sao, lâu rồi tôi cũng học lỏm được.

Nói xong bà quay sang bên giấy cỏ.

II

Một hôm, Trang Chu bán giày ở chợ trở về, nhìn thôn trang đầy xe ngựa đỗ, thoát trông như một bến xe.

Vừa vào nhà ông hỏi ngay Nhan Ngọc:

- Ngựa xe ở đâu mà nhiều thế?

Nhan Ngọc trả lời:

- Nghe trẻ con kháo: Tào Thương trở về.

Trang Chu gật đầu, như có điều suy nghĩ nói:

- Đúng như tôi nói: kẻ vô sỉ thì giàu, kẻ khéo miệng lưỡi thì làm nên.

Nhan Ngọc hỏi:

- Câu nói đó nghĩa là thế nào?

Trang Chu bèn đem chuyện học trò trong lớp học ở Mông San năm ấy kể cho Nhan Ngọc nghe.

Nghe xong, bà khẳng khái nói:

- Ối dà! Lẽ đời thật quá bất công.

Hôm sau Tào Thương chủ động đến gặp Trang Chu. Trang Chu không ưa Tào Thương vì hắn không thật thà, nhưng ông không còn bỗng bột sôi nổi như hồi còn trẻ, trải qua mấy chục năm mưa gió phôi pha, tính tình ông đã dịu bớt, ông vẫn nhiệt tình tiếp đãi hắn.

Tào Thương nói với Trang Chu mấy năm nay hắn hoạt động chính trị ở Thư Dương, Trang Chu cũng kể với Tào về sự từng trải của mình. Tào Thương hỏi Trang Chu:

- Ông nhìn thấy xe, ngựa đỗ ở trong thôn không?

Trang Chu trả lời:

- Có.

Tào Thương nói:

- Thật là điều hiếm thấy, chỉ trừ nhà vua ra, không ai có thể có một đội xe ngựa nhiều như vậy?

Trang Chu không nói gì chỉ cười.

Tào Thương tiếp:

- Tôi được một số xe như thế quả không dễ dàng gì! Năm đó vua Tống phái tôi sang thăm nước Tần, cũng chỉ cấp cho tôi mấy cỗ xe ngựa. Tôi phải lặn lội đường xa ngàn dặm sang Hàm Dương, thủ đô nước Tần. Lúc gặp vua Tần, nhờ ba tác lữ khôn khéo, vua Tần rất hài lòng. Ông coi tôi như thượng khách. Cùng ăn cùng ngủ, không rời nửa bước. Lúc tôi rời khỏi Tần, ông phá lệ cấp cho tôi hàng trăm cỗ ngựa xe.

Trang Chu vẫn không nói gì, chỉ mỉm cười. Quá cao hứng, Tào Thương không còn dè dặt nữa, thao thao bất tuyệt:

- Chuyện năm đó tôi đã nói với ông, muốn sống còn trong cái thế giới cá lớn nuốt cá bé này, tất nhiên phải chú ý đến lời ăn, tiếng nói, từng cử chỉ của mình. Đấy! Ông xem! Như ông bây giờ sống ở nơi hoang vu hẻo lánh này, hàng ngày đi bán một ít giấy ở chợ, mặt mày nhợt nhạt, cổ cứ dài ngoẵng, cuộc sống thật nhạt nhẽo, đơn điệu, đáng thương lắm lắm. Vâng, đúng! Ông có thể nói, tự ông biết đủ. Nhưng còn tôi, không thể biết đủ như thế được. Đúng, có thể đây là chỗ còn dở của tôi. Nhưng biết dùng ba tác lữ khôn khéo của mình trước đấy bệ trên để được hàng trăm xe ngựa, đó là chỗ sở trường của tôi.

Nói xong, không biết vô tình hay hữu ý hắt nhìn xuống đống giày cỏ ở dưới đất.

Trang Chu đã sắp sẵn trong bụng, một câu chuyện ngụ ngôn, nói với Tào Thương:

- Tôi nghe một câu chuyện của vị lương y từ nước Tần trở về kể; vua Tần bị một căn bệnh hiểm nghèo, toàn thân đầy mụn nhọt, lại còn bị cả bệnh trĩ nữa.

Tào Thương nghe xong, ngơ ngác tỏ ra không biết gì, nói:

- Lúc tôi gặp vua Tần, Người mặc hoàng bào, chẳng thấy mụn nhọt gì cả!

Hắn còn nghi hoặc. Trang Chu hỏi tiếp:

- Anh vừa nói cùng ăn cùng ngủ với vua Tần, sao lại không biết ông ta bị bệnh mụn nhọt và bệnh trĩ sao?

Tào Thương vốn là anh chàng khoác lác muốn khoa trương thanh thế, nghe Trang Chu hỏi dồn, hắn bèn nói:

- Đúng thế, bệnh mụn nhọt và bệnh trĩ tai hại lắm!

Chỉ e rằng hắn ta không hiểu chuyện riêng của vua Tần. Ông lại hỏi:

- Nghe nói vua Tần ra lệnh: Ai chữa sạch được mụn nhọt được một cỗ xe, ai không sợ bẩn thối lấy lưỡi liếm sạch máu mủ ở vết trĩ sẽ được năm cỗ xe, ai càng hạ mình thấp hèn để chữa bệnh cho vua

càng được nhiều cỗ xe hơn. Sự việc có đúng vậy không?

Tào Thương trả lời:

- Đúng thế! Chính mắt tôi nhìn thấy một số thầy thuốc đã dùng lưỡi để liếm vết trĩ cho vua Tần.

Trang Chu nói:

- Thế thì! Ông dùng lưỡi liếm bao nhiêu lần vết trĩ cho vua Tần mới được lắm cỗ xe đến thế chứ?

Tào Thương ấp úng không nói được lời nào. Trang Chu thoải mái cười hết cỡ, cười đến chảy nước mắt.

Tào Thương mặt tái xám, giận run cả tay.

Trang Chu cười xong, nói to:

- Ông đi nhanh cho, nếu không mùi xú uế ở mồm ông làm ô nhiễm cả bầu không khí nhà tôi!

Việc bán giày cỏ của nhà Trang Chu ngày càng phát đạt, không những chất lượng tốt mà giá cũng rẻ nên được dân ở Mông Ấp rất hoan nghênh. Có lúc vừa chở hàng đến, khách đã mua hết ngay, nên ông rất nhàn nhã, về nhà sớm.

Hôm ấy, sau khi bán hết giày, ông đang thu dọn, một bạn hàng đến nói:

- Từ nay về sau tôi mua bao cả gói số giày của ông.

Trang Chu hỏi lại:

- Thế nghĩa là thế nào?

Người bạn hàng trả lời:

- Chả giấu gì bác, hàng bác giá rẻ và đẹp, nếu được vận chuyển đến đây bán, thiên hạ rất thích nhất định sẽ kiếm được nhiều lãi.

- Tôi cũng chẳng mong kiếm được nhiều lãi, nếu bác sẵn sàng bao tiêu toàn bộ giày cỏ của gia đình chúng tôi, tôi sẽ đỡ tốn sức và thời gian đi bán lẻ.

Hai người giao hẹn với nhau, người bạn hàng này nhận mua toàn bộ giày cỏ của gia đình Trang Chu để bán lẻ. Trang Chu đưa chủ mua về nhà gặp Lận Thả và Nhan Ngọc trình bày lại mọi việc. Lận Thả và Nhan Ngọc rất phấn khởi, Trang Chu đã ngoài tuổi năm mươi, cứ thường xuyên ra chợ bán giày sợ rằng sức khoẻ không chịu nổi. Điều đó rất tốt, ông không phải chạy chợ hàng ngày nữa.

Từ đó Trang Chu nhàn rãi hơn, ông theo Lận Thả ra đồng chọn cỏ, thực ra là để thay đổi không khí vì Lận Thả không bao giờ để ông đụng đến những việc nặng nhọc. Có lúc ông ở nhà giúp vợ đập cỏ, cũng có lúc ông thử bện giày, giày ông bện ra to nhỏ cứ na ná nhau nên không vừa chân, vợ con đều trêu cười ông.

Lúc rồi việc, ông đi câu cá. Câu cá bây giờ khác trước nhiều, hồi chưa sản xuất buôn bán giày cỏ, cuộc sống rất căng thẳng.

Ngồi buông câu bên hồ, cây xanh nước biếc nhưng tâm tư còn để cả vào sinh kế. Câu không được cá, cả nhà ăn bằng gì. Nên dù ban mai trời trong mây đẹp, non xanh nước biếc, cảnh vật đa tình ông cũng chả có bụng dạ nào mà thưởng thức.

Bây giờ khăm khá rồi, từ ngày bán buôn giày cho chợ thôn Đào, Trang Chu không phải tất bật, lo lắng miếng cơm manh áo nữa, ông có thể tĩnh tâm ngồi buông câu bên đầm Mông, nhìn non nước xanh tươi, nghe gió núi rì rào, thiên nhiên như có cảm tình tưới tắm cho lòng người tưới mát.

Câu cá cũng như tĩnh tọa, gảy đàn, đọc sách đàm luận đã thành thói quen dưỡng sinh chủ yếu của ông, thậm chí có thể nói là quan trọng nhất. Tĩnh tọa làm cho các giác quan ta khép kín lại, điều khiển thân tâm đi vào cõi u tịch. Chơi đàn như được hoá thân vào cõi âm thanh huyền diệu của âm nhạc. Đọc sách có thể thực hiện chuyến thân du vào thiên cổ, tạm thời quên đi cõi thế phiền não. Đàm luận thông qua ngôn ngữ có thể tạo ra một thế giới tốt đẹp, đả kích hoặc trào lộng thói hư tật xấu ở đời.

Nhưng tất cả đều không lôi cuốn Trang Chu mê say bằng câu cá, bởi vì câu cá trong không gian

tĩnh lặng, tinh thần con người có thể đạt đến đỉnh cao cực điểm của tự do, vượt qua thời gian, vượt qua không gian, tiêu dao trong vũ trụ có thể ôm gọn hình ảnh và thanh âm của thiên nhiên hùng vĩ, trọn vẹn không hề bị cản trở. Bình sinh Trang Chu thích hai thứ: tinh thần tự do và phong cảnh thiên nhiên.

Câu cá ven hồ giúp ông làm một việc được cả đôi đường.

Gió mát nhẹ đưa, mặt hồ gợn sóng, chim bay trên không trung, cá lội dưới nước. Xa xa núi Mông San ngả bóng xuống mặt hồ, mây trắng tầng tầng không chìm đáy nước. Thông rêu vi vút chim hót véo von. Tất cả làm cho tâm thần con người trở nên khoáng đạt. Trang Chu đắm mình trong đó, cảm thấy hạnh phúc đời người không gì hơn thế.

Một hôm, Trang Chu nhận được bức thư của người bạn hàng thôn Đào gửi đến, trong thư viết gần đây vì quá bận, mong Trang Chu gửi giấy đến thôn Đào, phí tổn trên đường ông ta sẽ chi trả. Ông cười nói với Lận Thả và Nhan Ngọc:

- Người buôn bán bao giờ cũng tính toán chi li, phí tổn hay không, cần gì; ta muốn đi thăm thôn Đào một chuyến.

Ông thuê một chuyến xe bò, theo xe chở giày đến thôn Đào.

Ngày thứ ba, sau khi ông đi vắng, Lận Thả đang chọn cỏ ngoài đồng, Nhan Ngọc ngồi bện giày trong nhà. Đột nhiên, con từ ngoài hoảng hốt chạy vội vào thưa:

- Có hai người đến nhà ta, trông dáng như là các vị quan.

Nhan Ngọc rất bình tĩnh, từ khi về nhà Trang Chu đến giờ, bà đã gặp nhiều loại người đến đây lắm, người thì đến học đạo, người đến khoe tài, người thì đem gạo cho, hôm nay có người lại đến không biết để làm gì?

Nhan Ngọc còn chưa thu dọn xong công việc, hai người một gậy một bèo đã vào đến cửa:

- Xin hỏi, bà cho biết đây có phải nhà Trang Chu tiên sinh không?

- Vâng! Đúng đấy.

Nhan Ngọc vừa trả lời vừa bước ra cửa.

- Thưa bà, Trang Chu tiên sinh có nhà không?

- Dạ thưa, ông nhà tôi đi thôn Đào rồi.

- Thưa bà, thế bao giờ ông nhà về?

- Dạ thưa, ông nhà tôi đã ra khỏi nhà là không bao giờ dặn lại, cứ đi chơi thoả thích rồi quay về.

Hai vị quan nhìn nhau, còn lăm răm mấy câu nữa mà Nhan Ngọc nghe không hiểu, rồi họ cùng nói:

- Ông nhà đến nơi nào ở thôn Đào vậy bà?

- Tôi cũng không rõ nữa, chỉ biết là đến cửa hàng bán giày cỏ. Hai vị nhìn đồng cỏ ở sân, nhìn đồng giày cỏ ở trong nhà, họ lặng lẽ ra về.

- Hãy gượng đã!

Hai vị quan rất ngạc nhiên ngoái đầu lại, họ không ngờ nơi thôn dã thế này lại có người đàn bà chủ động tiếp chuyện họ lưu loát như vậy.

- Xin hỏi các vị đến gặp ông Trang Chu có việc gì?

- Xin thưa! Chúng tôi là quan đại phu nước Sở, vua Sở cử chúng tôi đến đây mời Trang Tiên sinh làm tể tướng nước Sở. - Ông béo nói

- Các ông chớ phí công đến thôn Đào tìm, ông Trang không đáp ứng yêu cầu của các ông đâu?

- Bà có thể làm chủ cả Trang Chu tiên sinh sao? Ông gầy hỏi.

- Hiếu chồng không ai bằng vợ. Tôi biết tính của ông nhà tôi.

Hai vị đại phu không tin Trang Chu lại cự tuyệt địa vị và sự đãi ngộ được tôn sùng như vậy, thêm vào đó vua Sở đã có lệnh nên họ hăm hở đến ngay thôn Đào.

Thôn Đào thật xứng danh là nơi đô thị lớn về thương nghiệp bậc nhất trong thiên hạ.

Vào năm đó, Phạm Lãi sau khi giúp Việt Vương Câu Tiễn diệt Ngô phục thù, ông hiểu rất rõ những diễn biến trong quan trường khá phức tạp, hoạ phúc liên nhau, bèn từ quan về ở ẩn. Ông lên phía bắc vào Tề rồi cuối cùng định cư ở thôn Đào. Ông đổi tên là Đào Chu Công, ông kinh doanh buôn bán ở đất này.

Thôn Đào trở thành đô thị lớn về thương nghiệp trong thiên hạ. Vị trí địa lý thôn Đào rất thuận lợi về đường thuỷ, phía bắc giáp sông Tế Thuỷ, phía đông bắc có con ngòi thông với sông Tứ Thuỷ. Đường thuỷ hoàn toàn thông suốt. Phía đông bắc thôn Đào là nước Vệ, thương nghiệp rất phát đạt, phía đông là nước Tề và nước Lỗ, phía tây là nước Ngụy và nước Hàn. Thương nhân phương nam của nước Sở coi thôn Đào là mục tiêu chủ yếu để vận chuyển hàng hoá buôn bán với phương bắc. Vì vậy thôn Đào là “trung tâm trong thiên hạ” để giao dịch hàng hoá.

Khi đã vào trong bức tường thành bao quanh thôn Đào, thấy đường phố cửa hiệu buôn bán chen chúc nhau. Các thương nhân ở đây dùng đủ loại tiếng địa phương để chào hàng, hàng hoá ở đây nhiều vô kể và đủ chủng loại. Khách hàng đi lại tấp nập chọn cho mình những hàng hoá cần thiết, kẻ bán người mua cò kè ngã giá với nhau.

Hai vị đại phu nước Sở tìm hỏi bao nhiêu cửa hàng bán giày cỏ ở đây vẫn chưa tìm được Trang Chu. Cuối cùng, khó khăn lắm họ mới tìm thấy một cửa hàng giày ở một nơi không lấy gì làm rộn rịp lắm, chủ cửa hàng này chính là bạn hàng mua buôn của Trang Chu. Nhưng chủ cửa hàng bảo với họ rằng Trang Chu nghe nói sông Bộc Thuỷ ở phía bắc thôn Đào, phong cảnh rất đẹp nên ông đến đây du ngoạn.

Hai vị đại phu thất vọng, rời ngay cửa hàng, rảo bước đi về sông Bộc Thuỷ. Lúc này thật là mò kim đáy biển, ai mà biết được Trang Chu đang du ngoạn ở nơi nào trên sông Bộc Thuỷ.

Hai vị đại phu nước Sở lặn lội suốt bốn năm ngày trời dọc theo hai bờ sông Bộc Thuỷ, cũng chẳng thấy Trang Chu đâu, người dân địa phương chẳng biết ông là ai, điều đó làm các vị khá sốt ruột. Nếu như không có lệnh của vua Sở phải đưa bằng được Trang Chu về, thì họ đã quy về Sở rồi.

Trưa hôm đó, hai vị đại phu đang than ngắn thở dài trên bờ sông, bỗng họ nhìn thấy một người đang ngồi tĩnh lặng câu cá ở bên bờ. Khúc eo của dòng sông, họ nghĩ đã gặp vận may. Người gầy tiến lên hỏi:

- Ông có biết Trang Chu tiên sinh không?
- Chính là bỉ nhân.

Trang Chu quay lại nhìn, đúng là hai đại phu ăn mặc y phục nước Sở.

- Ồi dào! Lội đến nát cả giày sắt vẫn không tìm ra chỗ, bỗng may gặp tiên sinh, quả không hoài công. Thật là kỳ ngộ, kỳ ngộ!

Hai vị đại phu mừng đến khua chân múa tay như nhảy múa.

- Quý ngài gặp tôi có việc gì đấy!

Trang Chu vừa câu cá vừa hỏi.

- Trang Chu tiên sinh! Chúng tôi vất vả lắm mới tìm thấy tiên sinh, từ Mông Ấp đến thôn Đào, từ thôn Đào lại bươn bả đến sông Bộc thủy, đúng là ăn gió nằm sương đi suốt mấy đêm liền, mong tiên sinh về kinh đô Sính mong rằng trước mặt vua Sở, tiên sinh cho vài lời tốt đẹp về chúng tôi. – Ông to béo nói tha thiết.

- Về kinh đô Sính làm gì?

Tuy Trang Chu cũng đoán được vài phần ý tứ câu nói của các vị quan đại phu nhưng ông cứ giả vờ như không biết hỏi.

Ông gầy đến bên cạnh Trang Chu, chậm rãi nói:

- Ồi chà! Chúng tôi quên nói với tiên sinh một tin trọng đại rất vui. Thưa tiên sinh, thời vận của tiên sinh đã đến, tiên sinh không phải vất vả phong trần, buôn bán giày vải ở đất Mông nữa, vua

Sở phải chúng tôi đến mời tiên sinh về làm tể tướng nước Sở.

- Trang Chu ta không muốn ra làm quan!

- Thưa tiên sinh! Câu đó nghĩa là thế nào? Hiện nay, trong thiên hạ các nước đang tranh hùng, mà những người có khả năng thống nhất thiên hạ, duy chỉ có Tần và Sở. Muôn dân trong thiên hạ mong muốn cục diện chiến tranh giữa các nước sớm chấm dứt. Học thuyết của tiên sinh, lấy chống chiến tranh làm cốt lõi. Lẽ nào tiên sinh lại buông trôi không quan tâm đến hàng vạn sinh linh phiêu bạt ly tán không nhà không cửa sao? Lẽ nào tiên sinh không nghĩ đến ý đồ lớn lao của mình, thực hiện nguyện vọng bao nhiêu năm tiên sinh ấp ủ trong lòng?

Vị đại phu gầy này hy vọng rằng phải dùng lý để giải bày, lấy tình để cảm kích Trang Chu, ông nhạy cảm hiểu rằng quyền hành lợi lộc không dễ làm động lòng Trang Chu tiên sinh. Không muốn để hai con quạ đen đáng ghét này làm phiền mình mãi, ông rần rỏi nói:

- Tôi chẳng có ý đồ nào to lớn phải thực hiện cả, lại càng không có khả năng cứu vớt muôn vạn sinh linh như các ngài nói, xin các ngài về cho.

Ông béo xiu người nhìn ông gầy, bao hy vọng đều tiêu tan, nhưng ông gầy vẫn kiên tâm, tiếp tục:

- Trang Chu tiên sinh, vua Sở biết thời trai trẻ tiên sinh đã ngao du khắp nước Sở, tiên sinh rất thích phong tục, tập quán, cảnh quan và tình cảm người dân nước Sở, vua Sở đã đọc một số truyện ngụ ngôn của tiên sinh hoàn toàn tâm đắc và khâm phục học thuyết, văn chương của tiên sinh, được tiên sinh nhận cho chức tể tướng, thật là không còn ai thích hợp hơn nữa.

Trang Chu nghe xong, cười thâm trong bụng! Ông vua Sở này cũng khá tốn công sức, chuẩn bị đầy đủ, mới cử người đến tìm ta. Nhưng Trang Chu này, thích cảnh quan, phong tục, tình người nước Sở, lại không thích cái chức tể tướng nước Sở, bởi ta nghe nói trên vũ đài chính trị kinh đô Sính nước Sở có một gian “Nguyên Tương” dùng để ca múa tế lễ. Ông vẫn giữ cần câu, không ngoái đầu lại nói:

- Ta nghe nói nước Sở có một con rùa thần, vua Sở giết rùa lấy mai để bói toán, mỗi lần bói toán để cho linh ứng, vua Sở lấy khăn vải gói xương rùa thần, đặt trong giỏ tre thật đẹp, dâng lên miếu đường để cúng lễ có không?

Hai vị đại phu cùng đồng thanh:

- Vâng! Có thể!

- Đối với con rùa thần này, chính nó thích chết để lấy xương lưu lại cho người đời, được coi như một báu vật; hay là thích sống, kéo cái đuôi trong bùn nước du ngoạn đó đây, tự do tự tại?

Ông béo vội tiếp lời Trang Tử:

- Đương nhiên là nó thích sống như vậy, kéo cái đuôi du ngoạn, tự do tự tại trong bùn nước.

- Sự việc đã như thế! Các ngài nhanh chóng quay về nước Sở đi! Trang Chu ta chỉ muốn làm con rùa đen sống trong bùn nước, vẫy đuôi làm trò thôi, không muốn vua Sở đem năm xương của ta dâng tế miếu đường. Các ngài về tâu lại với vua hãy bỏ ý đồ đó đi! Trang Chu này suốt đời không muốn ra làm quan, chỉ tiêu dao trong giang hồ cho thoả thích mà thôi.

Nói xong, ông nâng cần câu lên, một con cá to mắc vào lưỡi câu.

Hai vị đại phu nước Sở, mắt to mắt nhỏ nhìn nhau hoàn toàn thất vọng.



III

Trong những ngày này Huệ Thi rất bồn chồn không yên. Từ khi ông ra làm quan nước Ngụy, được sự tín nhiệm của Lương Huệ Vương, ông đảm nhiệm chức tể tướng, chính sách ngoại giao của nước Ngụy đều vạch ra theo tư tưởng của ông. Hơn hai mươi năm qua Ngụy vẫn theo phương châm đoàn kết Tề Sở, chống lại nước Tần hùng mạnh.

Nước Ngụy tuy về phía tây bị nước Tần hùng mạnh chiếm nhiều đất đai, nhưng biên phòng ở miền đông, miền nam ổn định.

Nay bỗng xuất hiện Trương Nghi, hoạt động ngoại giao của Trương Nghi nhằm phục vụ nước Tần, mưu đồ của Trương là dùng chính sách “hợp tung”, khiến các nước ở Sơn Đông xâu xé lẫn nhau, sau đó Tần nhân cơ hội họ yếu đi mà đánh phá, cuối cùng thống nhất thiên hạ. Sách lược của Trương Nghi rất sâu sắc được vua Tần tán thưởng, phái Trương với danh nghĩa đặc sứ chu du các nước; dùng mỗi bả hậu hĩ vừa dụ dỗ vừa uy hiếp, thi hành sách lược vừa mềm vừa cứng đối với các nước chư hầu, ra sức nhằm làm tan rã khối liên minh chống Tần của các nước Sơn Đông. Đầu tiên Trương Nghi nhằm vào nước Ngụy là trở ngại đầu tiên, cho Tần tiến từ tây sang đông.

Trương Nghi đến ngay nước Ngụy, trình bày với vua Ngụy chủ trương liên hợp ba nước; Tần, Ngụy và Hàn tấn công nước Tề và Sở. Lương Huệ Vương tuy bao năm vẫn tín nhiệm Huệ Thi, nay trước lời lẽ kích động của Trương khó lòng cự tuyệt, vì thế Lương Huệ Vương trưng cầu ý kiến quần thần.

Trương Nghi đã dùng vàng bạc châu báu mua chuộc tất cả các trọng thần thuộc hạ của Ngụy Vương, trừ Huệ Thi.

Nên lần bàn bạc đầu tiên ở triều đình Ngụy, trong văn võ bá quan chỉ có một mình Huệ Thi vẫn kiên trì chủ trương liên hợp Tề, Sở, còn tất cả đồng ý chủ kiến của Trương Nghi: Ngụy đồng minh với Tần.

Huệ Thi đau khổ, ăn không ngon ngủ không yên, nhìn thấy hơn hai mươi năm đầy chính tích của mình bỗng một ngày tan thành mây khói. Một hôm, Huệ Thi một mình trên đường vào cung, cố gắng nghĩ mọi cách lần cuối cùng thuyết phục Lương Huệ Vương. Qua bao nhiêu năm, Huệ Thi giúp vua lo toan việc triều chính, ông học được rất nhiều tri thức biện luận, ông cũng quen biết một số người chuyên nghề biện luận. Những người này có tài biến trắng thành đen nói không thành có, nào là “gà có ba chân” “trứng có lông” “vân vân và vân vân... Ông cho rằng những kẻ chuyên đưa ra những lời kỳ lạ, những luận thuyết quái đản là vô tích sự, chỉ có lý lẽ chân chính sát với thực tế mới có ý nghĩa. Bao nhiêu năm nghiền ngẫm tôi luyện, lại thêm tài ăn nói trời phú, Huệ Thi trở thành một nhà hùng biện vô địch trong thiên hạ, bao nhiêu vấn đề kì quái ông đều giải đáp rành mạch, những luận đề méo mó do những kẻ uốn lưỡi khéo léo ông đều có thể dẹp yên:

Giờ đây, phải thể hiện mình, một con người đầy bản lĩnh, thuyết phục Huệ Vương rời bỏ tà thuyết của Trương Nghi.

Huệ Vương đã âm mưu bí mật với Trương Nghi, vừa nghe Huệ Thi xin cầu kiến, ông đích thân ra tiếp, không đợi Huệ Thi mở miệng, ông nói trước:

- Tiên sinh! Tiên sinh chẳng cần phải nói thêm nữa, các quan văn võ trong triều đều đồng tình liên hiệp với Tần, tấn công Tề, Sở là có lợi, có thể thực hiện được, chẳng lẽ mọi người sai cả, chỉ mình tiên sinh đúng sao?

Vừa nghe xong Huệ Thi đã nảy ngay một kế:

- Thừa đại vương! Vấn đề chẳng đơn giản chút nào, hôm nay thần không nói về liên hiệp Tề, Sở, thần chỉ nói với bệ hạ về đạo lý mà đàn bà trẻ con ai cũng đều hiểu.

- Đạo lý gì vậy?

- Nếu đánh Tề Sở thực là điều lợi có thể giành được, cả triều văn võ ai cũng nói là điều lợi có thể giành được, hoá ra cả triều văn võ đều là bậc trí giả, lẽ nào bậc trí giả lại nhiều đến thế? Nếu nói đánh Tề, Sở thực là điều bất lợi, không thu được gì, cả triều văn võ đều nói là điều lợi có thể giành được, hoá ra cả triều văn võ đều là kẻ ngu hay sao? Lẽ nào kẻ ngu lại nhiều đến thế?

Huệ Thi nói tiếp:

- Phàm đã mưu bàn vạch sách lược, bao giờ cũng xuất phát từ ý tưởng chủ quan, tất nhiên phải có nghi vấn. Một nửa số người cho là đúng, một nửa số người cho là sai, đó mới là chuyện thường tình. Bây giờ cả triều văn võ đều đồng thanh một tiếng, như thế đại vương đã mất một nửa nhân tâm, bọn họ đều bị Trương Nghi mua chuộc. Bậc quân vương bị mất một nửa nhân tâm, thì ngày diệt vong khó tránh.

Ngụy Vương chưa trả lời, Trương Nghi từ sau bức bình phong đã ló ra nói:

- Huệ Thi! Nhà ngươi hãy thu lại lời bàn khôn khéo đi! Mưu lược chính xác bao giờ cũng được đại đa số tán thành, chỉ có riêng nhà ngươi mãi một giọng không đâu, và chỉ có mình nhà ngươi tin mình thôi. Ngụy Vương đã quyết định rồi, hạn cho ngươi trong ba ngày phải rời khỏi nước Ngụy.

Nói xong, khoé miệng hần mở một nụ cười đắc ý.

Huệ Thi nhìn Huệ Vương, Huệ Vương cúi đầu. Huệ Thi hoàn toàn thất vọng. Ông thu thập hành trang cùng mười mấy người giúp việc trung thành, buồn rầu rời khỏi Đại Lương mà nửa đời ông dồn tâm huyết vào.

Nhưng nguyện vọng làm chính trị với chủ trương không đánh nhau của Huệ Thi không hề

tiêu tan. Ông lại chọn nước Sở, muốn thực hiện lý tưởng của mình trên đất Sở. Đường xa lận lội, cuối cùng Huệ Thi cũng đến được nước Sở. Vua Sở rất hoan nghênh Huệ Thi, một nhà chính trị lừng lẫy tiếng tăm, có thể đảm nhiệm trọng trách lớn. Nhưng viên đại thần Phùng Hách nói với vua Sở:

- Trương Nghi là nhân vật quan trọng trong thiên hạ, ông ta đã đuổi Huệ Thi ra khỏi nước Ngụy, bệ hạ lại tiếp nhận, tất sẽ gây thù oán với Trương Nghi, khác nào gắp lửa bỏ vào tay mình.

- Theo ý nhà ngươi, nên như thế nào?

- Huệ Thi là người Tống, vua Tống muốn mời Huệ Thi về nước, nhưng ông ta hiềm vì nước Tống quá nhỏ bé, nay đến bước đường cùng, chỉ bằng đại vương gửi ông ta về Tống.

Nghe thế, vua Sở bèn nói với Huệ Thi:

- Ta muốn trọng dụng, nhưng lại e rằng mai một mất tài năng của tiên sinh, chỉ bằng tiên sinh quay về nước Tống, vua Tống luôn luôn ngưỡng mộ tiên sinh. Tình cảm đó mọi người đều biết.

Huệ Thi thật đáng thương, ông có khác gì quả bóng bị vua Sở đá về nước Tống. Trên đường về quê Tống, ông luôn luôn suy nghĩ: liệu Mông San còn như xưa không? Đàm Mông có yên bình không? Trang Chu có khoẻ không?

Vua Tống được vua Sở báo cho biết tin Huệ Thi sắp về lại Tống, vua Tống mừng lắm.

Từ khi đoạt vị đến nay ông luôn ôm ấp mộng tranh hùng với các nước chung quanh, nhưng tiếc thay thiếu kẻ sĩ tài trí giúp ông trừ mưu tính kế, vạch sách lược. Nước Tống quá nhỏ, bao nhiêu kẻ sĩ tài năng đều chạy sang Tần, Tề, Sở, Ngụy, Hàn, Triệu, không hết mình vì Tống.

Lúc này thật tốt, trời đã giúp ta, Trương Nghi đuổi Huệ Thi, vua Sở lại đưa Huệ Thi sang Tống. Có Huệ Thi tài trí hơn người, một tay hùng biện cự phách, nước Tống ta đầy triển vọng.

Vua Tống liền mở đại tiệc hoan nghênh Huệ Thi trở về, văn võ đại thần đều tham dự.

Tan tiệc, vua Tống giữ Huệ Thi ở lại, hỏi:

- Theo ý kiến tiên sinh, nên thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại như thế nào để trở thành kẻ kiêu hùng trong thiên hạ?

Huệ Thi nói:

- Đối nội nên thương dân, đối ngoại nên bãi binh.

Vua Tống hỏi:

- Xin tiên sinh nói rõ thêm.

Huệ Thi cho rằng vua Tống... thích thú chủ trương của mình, nên thao thao bất tuyệt nói:

- Dân là gốc của nước. Vua không được dân chúng ủng hộ, rất nguy hiểm, vua không quá tham lam, xa xỉ; phải đem đời sống khấm khá cho dân. Đối ngoại không nên phát động chiến tranh xâm lược, chỉ cần duy trì lực lượng quốc phòng của mình, ổn định đất nước là được.

Vua Tống vừa nghe, hoàn toàn thất vọng. Ông không ngờ một Huệ Thi tiếng tăm lừng lẫy gần xa như vậy, cuối cùng chỉ là một anh hùng vô tích sự. Ông những tưởng có thể dùng Huệ Thi phù tá để thực hiện bá nghiệp bằng mưu kế và võ lược, đằng này Huệ Thi nói toàn những lời vô dụng.

Lúc mới gặp Huệ Thi nhà vua đầy phấn khởi và cảm kích, nhưng do lần đầu cuộc chuyện trò không mặn mà, không ý hợp tâm đầu nên hình ảnh Huệ Thi nhanh chóng mờ nhạt trong tâm trí vua Tống. Tuy vua đối xử với Huệ Thi rất tốt nhưng không hỏi ông về quốc sách nữa.

Huệ Thi ở Thư Dương hơn một tháng, nhàn rỗi không có việc gì. Một hôm ông nói với vua cho ông về thăm quê. Vua Tống muốn tỏ rõ nhiệt tình của mình đối với Huệ Thi và cũng để cho thiên hạ biết nhà vua rất trọng vọng, quan tâm đến hiền sĩ, vua liền cấp cho Huệ Thi hai mươi cỗ xe, ngựa để ông về quê thăm người thân. Huệ Thi khăng khăng cự tuyệt, nhưng vua Tống cũng rất kiên quyết nên ông đành phải nhận.

Hôm ấy Trang Chu đang ngồi câu cá trên bờ đầm Mông Trạch nghe văng vẳng từ xa tiếng vó ngựa, tiếng bánh xe lăn lộc cộc, mỗi lúc một gần. Một lát sau, con ông chạy đến thở hổn hển nói:

- Lại có một vị quan to đến nhà ta, có rất nhiều ngựa, xe.

- Quan to nào đến? Đến để làm gì?

- Nghe nói là bạn cũ của bố.

- Bạn cũ?

Trang Chu không sao hiểu được điều kỳ diệu đó.

- Cha nhìn kia! Họ sắp đến rồi đấy! Người con chỉ vào đám người từ phía thôn tiến đến, giọng như giục giã để ông quay đầu nhìn lại.

Trang Chu nhìn theo, mười mấy vị quan viên ăn mặc quần áo gấm hoa đẹp đẽ đang tiến về phía ông, vị đi đầu trông vẻ mặt quen lắm.

- Trang huynh! Trông thật khoái chí nhỉ! Câu được nhiều cá lắm phải không?

Trang Chu nghe giọng nói mới nhận ra người đi đầu chính là Huệ Thi. Bạn cũ gặp lại, không nén được xúc động, Trang Chu buông rơi cần câu, chạy đến nắm chặt tay Huệ Thi, đưa mắt nhìn từ đầu đến cuối như thăm dò. Huệ Thi cũng chăm chú nhìn Trang Chu. Họ nhìn nhau không nói câu nào, như hàng thế kỷ mới gặp lại. Hàng trăm nghìn lời muốn nói nhưng chưa ai biết nên nói câu gì.

Đầu tiên Trang Chu nói:

- Tóc mai anh đã bạc rồi đấy!

Huệ Thi cười:

- Trán anh cũng thêm nhiều đường gợn sóng!

Trang Chu cười nói:

- Đúng thế! Chúng ta đều già cả rồi.

Ông quay lại nhìn đầm Mông, giọng cảm khái.

- Nhưng đầm Mông vẫn trẻ như xưa!

- Đúng thế!

Tình cảm sâu lắng như dồn hết vào mắt, Huệ Thi đắm nhìn đầm Mông, nơi ông thường đến chơi ở đây ngày xưa, miệng lẩm bẩm: “Núi sông không già, tuổi trẻ đã phai pha.”

- Về nhà đi, ở đây gió to quá.

- Không! Anh hãy để cho tôi ở đây đã! Tôi phải nhìn thật lâu cây cỏ, sóng nước, chim muông, Hơn hai mươi năm rồi chưa dịp nào nhìn lại, thực nhìn mà như mộng ảo.

Thời còn trẻ, hằng ngày thấy Trang Chu đến đầm Mông chơi, Huệ Thi không hiểu.

Bây giờ, trải qua hơn hai mươi năm mưa gió, đắng cay chua ngọt, Huệ Thi dần dần mới thấy lòng mình gắn bó với thiên nhiên. Nơi đây, từng ngọn cỏ, gốc cây quê nhà sao mà thân thuộc đến thế, ông đắm chìm sâu trong đó.

Ông như quên đi Trương Nghi, quên Huệ Vương, quên vua Sở, quên vua Tống, quên đi những thất vọng trên chính trường. Hình như nước đầm Mông Trạch trong thấy đáy, gội sạch buồn phiền tích tụ bao nhiêu năm trong lòng ông, như bàn tay dịu dàng của mẹ hiền lau khô dòng lệ trên má ông.

Ông ngơ ngác đứng trên bờ đầm quên cả Trang Chu, quên cả người theo giúp việc bên cạnh. Bỗng, Trang Chu nói:

- Huệ huynh! Quê xưa, người cũ về lại có cảm giác gì?

- Đẹp sao đầm nước quê ta!

Huệ Thi như vừa tỉnh lại sau cơn mê, nói với Trang Chu.

- Người công thành danh toại vẫn còn lưu luyến với mảnh đất nghèo hèn hẻo lánh này sao?

- Sao lại nói là công thành danh toại! Tôi giờ chỉ là hình ảnh của con chó nhà có tang mà thôi!

Tiếng Huệ Thi chìm trong nụ cười đau khổ.

- Nói thế nghĩa là thế nào?

Trang Chu hơi ngạc nhiên hỏi. Huệ Thi kể lại từ đầu cho Trang Chu: Huệ bị Trương Nghi dùng kế hiểm đuổi khỏi nước Ngụy, vua Sở đá Huệ như quả bóng sang nước Tống. Vua Tống lạnh nhạt ra sao. Cuối cùng vết đau ngấm làm giọng ông như tắc nghẽn lại.

Vừa nghe xong, nhìn dáng đau khổ của Huệ, ông đau xót cho người bạn cũ. Mặc dù ông đã sớm biết rất rõ cảnh chìm nổi trên quan trường. Huệ Thi bao nhiêu năm trong đời rất biết mình, hơn nữa học thuyết của ông lấy yêu dân làm trung tâm, khác hẳn bọn tham quan ô lại chỉ biết tìm vinh hoa phú quý cho riêng mình.

Nhưng Trang Chu cuối cùng vẫn là Trang Chu ông không những không chia sẻ vết thương lòng của Huệ Thi mà ngược lại còn cười ha ha nói:

- Sức chịu đựng của huynh quá kém, bậc thánh hiền từ ngàn xưa, ngày mất cả thiên hạ còn không coi là gì, huynh chỉ mới mất chức vị tể tướng nhỏ bé lại đau lòng đến thế kia ư?

- Nước Ngụy ấy chẳng đã cuốn hút hết nửa đời tâm huyết của tôi đó sao! – Huệ Thi khó lòng thoát ra khỏi ý nghĩ đó.

- Tâm huyết của huynh không nên cuốn hút vào đó! - Trang Chu tỉnh bơ nói.

Huệ Thi hơi hối hận, đáng lý ra ông không nên tỏ thái độ thất vọng trước Trang Chu. Ông biết Trang Chu là người rất biết vì người khác, trong mắt ông ta trời đất cũng nhỏ bé, địa vị quan chức cũng như cát bụi. Qua bao năm ông chỉ dồn nén buồn giận trong lòng không bao giờ bộc bạch, trừ khi đối với bạn bè rất tốt của mình ông mới nổi giận.

- Nhiều năm tôi đã nói, đầu năm nay tôi lại nhắc huynh, ngoài mái tóc pha sương ra, huynh chẳng được cái gì đâu.

Trang Chu tiếp tục cửa vào vết đau của Huệ Thi:

- Nhưng tôi cũng đã làm nhiều việc có ích cho dân nước Ngụy đấy chứ?

Ông lại phát huy chất hùng biện trời phú cho.

- Những việc làm tốt ấy của huynh so với những việc xấu mà vua cùng quan lại lớn nhỏ nước Ngụy làm chẳng khác gì hạt muối bỏ bể, - Trang Chu càng mạnh thêm.

- Tuy là hạt muối bỏ bể nhưng việc tốt vẫn là việc tốt chứ! - Huệ Thi tỏ ra không bằng lòng với cách nói của Trang Chu.

- Việc tốt mà huynh làm không giải quyết được tận gốc vấn đề, ngược lại có hại cho đạo lớn - Trang Chu không nhượng bộ.

- Huynh đừng nói quá đáng như thế! Sao lại có thể bảo là có hại cho đạo lớn?

Huệ Thi hơi giận, không bằng lòng hỏi lại. Trái lại Trang Chu rất nhã nhặn nói:

- Một ít việc tốt huynh làm cho dân chúng chẳng khác gì múc một gáo nước tưới cho đám cháy to, không những không dập tắt được ngọn lửa, mà còn làm cho ngọn lửa càng bùng lên to hơn.

- Xin huynh hãy nói rõ hơn.

- Kể sĩ trong thiên hạ đều giống huynh nên mới tin rằng sự hiện hữu của những vị quan thanh liêm, hiện hữu một nền chính trị sáng sủa trong xã hội. Vì thế họ đi giảng nhân nghĩa lễ nhạc, bác ái, kẻ hiền đáng kính mà quên rằng tuyệt đại đa số quan lại lòng tham không đáy, quên rằng tất cả các vị đế vương đều là những tên bạo chúa. Cứ như thế, thiên hạ rối bời không có ngày ngóc đầu lên được. Tranh luận suốt ngày đi nữa, không cùng đạo không giúp gì được cho nhau. Sự thực đã chứng minh rằng huynh không đấu thắng bọn họ được, huynh không thể không nhận lấy phần thua về mình – Trang Chu cười nói.

- Chỉ cần còn một chút hơi thở, tôi cũng phải đấu với bọn chúng đến cùng.

Huệ Thi nói rất hùng hồn như mình không phải là người chịu gièm pha, đến nỗi bị đuổi đi như đồ vong mạng. Một Huệ Thi mới vừa khóc mếu thiếu não kể với Trang Chu điều bất hạnh, không hiểu bây giờ đã chạy đi đâu rồi.

Trang Chu nhìn một Huệ Thi đang bị kích động, đang phấn khởi hết sức như thế, biết rằng Huệ Thi chưa tỉnh khỏi cơn mộng mị, vẫn còn đang theo đuổi ảo tưởng ấu trĩ, một con người bất hạnh bị đánh tới bời nhưng chưa nhận rõ sự thực, còn rất bảo thủ với lý tưởng của mình.

- Đáng buồn! Đáng buồn!

Trang Chu tự nói với lòng mình như thế. Nhưng điều khẩn cấp nhất trước mắt là làm thế nào để Huệ Thi không quá bi thương. Trang Chu rất hiểu Huệ Thi, ông biết sự việc rất khó thay đổi, một con người bảo thủ với lý tưởng đã khô cứng của mình, lại là người rất nặng tình cảm, khó thoát ra khỏi những bi phần trong lòng.

Vì thế Trang Chu nói với Huệ Thi:

- Về nhà ta bàn chuyện đi.

Nói xong ông thu dọn cần câu. Huệ Thi quay lại giúp Trang Chu, ông nhắc chậu đựng đầy cá của Trang Chu, thấy nặng quá ông gọi những người giúp việc đứng cạnh đến khiêng về.

Trang Chu bước đến ngăn họ lại, cười nói với Huệ Thi:

- Huệ huynh! Cá nhiều thế này, ăn không hết đâu!

Ông nhặt năm con cá thật to ném trên cỏ rồi bê cả chậu cá lẫn nước đổ xuống đầm. Mặt đầm nước bắn lên tung toé, sóng gợn lăn tăn, đàn cá lặn xuống đáy, biến mất.

Huệ Thi ngơ người ra nhìn Trang Chu.

- Thế... sao lại...

Trang Chu cười nói:

- Đủ ăn bữa tối nay là được rồi, hà tất phải giữ lại làm gì nhiều?

Huệ Thi thông minh hiểu ra, Trang Chu làm thế là có dụng ý, muốn khuyên nhủ đầu óc mình đây. Bạn cũ cuối cùng vẫn là bạn cũ. Tranh luận chẳng ai nhường ai, nhưng trong thâm tâm luôn suy nghĩ vì mình, tìm mọi cách để giảm nhẹ tâm tưởng nặng nề của mình, Huệ Thi xúc động nói:

- Trang huynh đã suy nghĩ quá nhiều rồi đó.

- Dùng lời không thuyết phục được huynh. Đành phải làm thế!

- Tôi thật hổ thẹn, như huynh đây ở nơi sơn dã hẻo lánh cùng khổ, còn dám bỏ đi bao nhiêu cá, tôi mang danh là khanh đại phu, không quên được công lao của mình những năm tháng qua. Thật hổ thẹn! Hổ thẹn! Nói xong, ông nhặt năm con cá bỏ vào chậu, bê lên cùng Trang Chu quay về.

Vừa đến cổng nhà Trang Chu, Huệ Thi đứng lại. Ông vừa mới vào nhà này, nhà Trang Chu chỉ có ba gian nhà tranh, cỏ gai và sợi cỏ bữa bãi khắp nơi, còn cả giày cỏ vừa bện xong, không thể nào chứa nổi đoàn người nhà của ông, những mười mấy người nhà, xe, ngựa.

Ông muốn chuyện trò với Trang Chu mấy hôm, vì thế không có cách nào khác phải cho người nhà rời đây ngay. Ông bảo bọn họ:

- Các chú về trước ở Thư Dương, độ sau mười hôm đến đây đón ta.

Bọn người nhà lập tức lên xe, ngựa quay về Thư Dương.

Vào đến nhà, Huệ Thi chỉ vào đồng giày cỏ nói:

- Đúng là buôn bán rồi!

Trang Chu đáp:

- Có thể mới bảo đảm được ấm no.

Huệ Thi trêu:

- Huynh quả là người tài tình thật. Năm nào còn bảo với tôi giới thiệu huynh đi làm viên lại trông nom vườn sơn nói là để kiếm kế sinh nhai, tôi cứ nghĩ huynh sẽ ra làm quan, đâu ngờ mấy năm huynh lại bỏ việc, làm nghề buôn bán giày cỏ. Hayt thật đấy! Biến hoá bất thường nhỉ!

Trang Chu vừa rửa cá vừa nói:

- Biến hóa giỏi đâu phải là việc xấu, tốt đấy chứ. Thuận theo thế, động theo thời mới là cái trí của bậc thánh nhân, Khổng Tử là người biến hoá như thần.

- Khổng Tử biến hoá như thế nào?

- Khổng Tử sống sáu mươi tuổi, từ khi ông có tri thức, năm nào tư tưởng cũng biến hoá. Đầu tiên ông nói phải, sau đó ông nói trái, đầu tiên ông nói trái, sau đó ông nói phải, đổ ai biết được tư tưởng ông là gì.

- Khổng Tử suy ngẫm tuyệt vời, bao giờ ông cũng dựa vào tình hình chính trị đương thời mà đề ra sách lược, phải chăng khác với biến hoá của huynh.

- Về cuối đời Khổng Tử không theo đuổi luận thuyết của mình nữa, sống theo tình cảm tự nhiên, hành động và suy nghĩ của ông lúc này không được ai ghi lại.

- Thế, huynh biết về điều đó như thế nào?

- Biết về những điều không biết.

Huệ Thi lắc đầu cười nói:

- Bao giờ huynh sửa được tật nói ngang của mình?

Hai người trò chuyện, cá đã nấu chín. Lận Thả chọn cỗ ngoài đồng vừa về. Trang Chu sau khi giới thiệu hai người với nhau, ông thích thú đùa:

- Lận Thả, người còn nợ của Huệ tướng gia đây năm mươi lạng bạc đấy!

Huệ Thi không hiểu hỏi:

- Thế nghĩa là thế nào?

Lận Thả cười thưa:

- Năm đó thấy tôi vào tướng phủ là do tôi đưa đến, được lĩnh của ngài năm mươi lạng bạc tiền thưởng.

Huệ Thi thích thú vỗ vào ngực nói:

- Có chuyện đó! Có chuyện đó! Cuộc gặp đầu tiên thật thú vị, ngờ đâu sau hơn mười năm, ba người chúng ta lại đoàn tụ trên mảnh đất này!

Hôm sau, Trang Chu đưa Huệ Thi đi thăm lại những nơi hồi niên thiếu họ dạo chơi với nhau, tình cảm họ càng sâu sắc. Huệ Thi rất xúc động, chí hướng một thời của họ thật cao xa, đến nay ở tuổi gần lục tuần vẫn chưa thực hiện được, cảm thấy thời gian sắp tàn, sự nghiệp chưa thành. Trang Chu, lại xúc động, trời đất vĩnh hằng, đời người có hạn, đã quá nửa đời người chưa làm được gì nên trò nên trồng.

Huệ Thi nghĩ biết bao giờ mới có thể về lại nước Ngụy, trống giong cờ mở thực hiện ý đồ lớn lao của mình. Trang Chu nghĩ làm thế nào để có thể quên ta, quên mọi vật, quên thị phi, vĩnh viễn cùng với tinh thần trời đất hoà làm một.

Trang Chu ra sức thuyết phục Huệ Thi hãy quên hết thị phi, xấu, tốt, rút lui khỏi chính trường về sống ở Mông Ấp, Huệ Thi thì cố giữ chính kiến của mình, còn sống ngày nào, năm nào phải làm việc tốt cho thiên hạ, vì thế họ luôn tranh luận với nhau. Huệ Thi nói:

- Trang huynh! Trước đây Trang huynh là người có thừa nhiệt tình, đã từng tranh cãi với bọn quan quân áp tải phạm nhân trên đường, bênh vực

họ, sao bây giờ huynh ngày càng trở thành người vô tình lạnh lùng như vậy?

- Đúng thế! Trải qua mấy mươi năm đời người dâu bể, con người nhiệt tình của tôi trước đây, bây giờ hoàn toàn đóng thành băng giá. Lạnh lùng nhìn đời, đứng dưng thế sự, đó là triết lý xử thế của tôi – Trang Chu trả lời.

- Lẽ nào làm người lại không có tình cảm? – Huệ Thi chất vấn.

- Đúng thế! Làm một chân nhân phải để tình cảm mai một đi.

- Không có tình cảm có thể gọi là người được chăng? Người khác động vật, thực vật là ở chỗ có tình cảm.

- Trời phú cho người tôi sinh mệnh và hình hài, làm sao lại không gọi là người được?

- Nhưng đã là người thì không thể không có tình cảm?

- Tình cảm của huynh nói không giống tình cảm của tôi nói. Tình cảm tôi nói là chỉ tình cảm thị, phi, tốt, xấu chứ quyết không phải là tình cảm tự nhiên trời cho con người để làm người. Do đó cái vô tình tôi nói chính là cái vô tình không nên vì được, mất họa, phúc, thị phi, tốt xấu để nội tâm giằng vò làm tổn hại sức khỏe mình; hoàn toàn nghe theo tự nhiên, mặc cho nó tự đến. Không cần

phải suy nghĩ dựa vào những vật từ bên ngoài ta, đến với ta để tăng thêm tuổi thọ cho mình.

- Không dùng những vật bên ngoài ta để tăng thêm cho mình, làm thế nào có thể giữ được sức khoẻ cho chính mình?

- Trời phú cho con người huynh sinh mệnh và hình hài, huynh cứ để mặc nó phát triển tự nhiên là được, không nên để tình cảm thị, phi, tốt, xấu làm hại nó. Như huynh bây giờ, đang đấu tranh với kẻ địch trên chính trường, đang tranh luận với những kẻ hùng biện trong thiên hạ, hao tổn tinh thần chẳng có ích gì cho sinh mệnh. Huynh xem, người huynh mới ngoài năm mươi, mái tóc đã điểm sương, mặt mày xám xịt. Trời phú cho huynh hình hài, huynh vì tranh luận giữ vững lý lẽ của mình, vì sách lược, hợp tung hay liên hoành mà làm tổn hại nó, liệu mình có xứng đáng với đạo trời không?

Huệ khi nghe xong, đến soi mình trên đầm nước trong, đúng tuổi tác không hợp với hình hài, trông như người đã ngoài sáu mươi.

Nhưng muốn đạt được cái vô tình, lẽ nào dừng đứng trước việc đời. Như thế sao được? Ông nói với Trang Chu:

- Tôi không xứng đáng với đạo trời, nhưng tôi xứng đáng với lương tâm tôi.

- Lương tâm chẳng là gì, một khi huynh không xứng đáng với sinh mệnh của mình, huynh

lãng phí sinh mệnh mình vào cái gọi là lương tâm, quả thật huynh chưa hiểu đạo lý.

Hai người, không ai thuyết phục được ai, đành tuyên bố tạm thời hưu chiến vậy.



IV

Cuộc hưu chiến chưa lâu, khói lửa lại nổi lên. Trong một ngày, hết cuộc chiến nhỏ lại tiếp cuộc chiến lớn. Tuy quan điểm hai người bất đồng nhưng đều lý giải chính xác được thực chất, tư tưởng của đối phương do đó cuộc tranh luận luôn luôn sôi nổi.

Hai người có lúc đàm đạo nhỏ to nhưng cũng có lúc tranh cãi quyết liệt. Đôi lần, Nhan Ngọc tưởng hai người cãi lộn, nhưng một lúc lại nghe tiếng cười khoái trá.

Một hôm, Trang Chu nói với Huệ Thi:

- Tôi kể cho huynh nghe câu chuyện. Một lần Ngô Vương đi thuyền ngược sông lên miền thượng, đến một ngọn núi, khỉ đàn hay tụ tập ở đấy. Đứng trên thuyền, Ngô Vương thấy bọn khỉ làm trò rất vui, liền dừng thuyền lên núi xem cho rõ. Đàn khỉ thấy có người đến, lũ lượt chạy trốn vào rừng. Duy chỉ có một con khỉ rất to gan, không những không

bỏ chạy mà còn leo trèo nhảy nhót chuyền từ cây này sang cây kia nhìn Ngô Vương tỏ ra mình rất lanh lợi và khéo léo.

Ngô Vương nhìn, lấy tên và giường cung, mặc dù tên bay vun vút liên tiếp nhưng con khỉ rất nhạy cảm, nhanh thoăn thoắt tránh được cả.

Ngô Vương bực mình lệnh cho đoàn tùy tùng bắn cùng một lúc hàng trăm mũi tên, con khỉ lanh lợi, khéo léo đáng thương đã chết trong đám tên loạn xạ đó.

Ngô Vương quay lại nói với bạn mình là Nhan Bất Nghi:

- Con khỉ này cây mình nhanh nhẹn khéo léo khoe tài mẫn tiệp, kiêu ngạo nhìn ta, do đó mà bỏ mạng, bạn cũng nên cẩn thận hơn, chớ tỏ ra thông minh trước mặt ta.

Nhan Bất Nghi tuy là bạn của Ngô Vương nhưng hoàn cảnh cũng tương tự như con khỉ ấy. Huynh là quan đại phu của nước Tống hoàn cảnh đâu có khác.

Nghe xong, Huệ Nhi nói:

- Tôi có một cây to, người ta thường gọi nó là cây xú, rễ của nó to dị thường không giống rễ một loài cây nào, cành nhỏ của nó uốn khúc chẳng ra hình thù gì, đứng cao bên cạnh đường, lũ thợ mộc qua lại, chẳng ai hề quan tâm để ý đến nó.

- Đúng! Chuyện anh kể cây vươn cao tận trời, rễ to ăn sâu khôn lường nhưng không có một chút giá trị thực dụng, quả thật to mà vô dụng. Người ta không tin vào những điều vô căn cứ.

Huệ huynh ạ! Huynh đúng là bạn tri âm của tôi! Cái mà tôi theo đuổi chính là điều vô dụng đó.

Huynh có cây to như vậy, đừng buồn vì nó vô dụng. Huynh hãy chuyển đi trồng ở một nơi đồng không hoang vắng, huynh tản bộ dưới bóng cây thoải mái, tha hồ ngủ ở dưới gốc cây, không sợ thợ rừng đến chặt, không sợ những con vật khác đến làm hại cây. Huynh mãi mãi được tự do dưới bóng cây râm mát. Không có cái gì là không dùng được. Đó không phải là việc xấu, mà là việc tốt đấy chứ!

Huệ Thi nghe xong nói:

- Tôi không cho vô dụng là việc tốt. Ngụy Vương có lần đưa cho tôi hạt bầu giống loại to quả, tôi đem trồng ở vườn, sau kết được một quả bầu to có dung lượng đến năm thạch, dùng vỏ quả bầu khô này đựng nước, đựng canh được, nhưng vỏ nó vừa giòn vừa mềm không thể nhấc lên, to như thế nên không có chỗ để, tôi thấy nó vô dụng đành đập vụn vứt đi.

Trang Chu cười nói:

- Tiên sinh đã sử dụng bản lĩnh lớn của mình quá thấp. Tôi xin kể cho tiên sinh nghe câu chuyện ngụ ngôn: “Có một người nước Tống rất giỏi về

1

nghe chế thuốc chữa vết nẻ như mu rùa ở tay rất công hiệu. Gia đình họ đời này qua đời khác, lập nghiệp nhờ chế vị thuốc này. Có vị khách nghe tin thuốc tốt đến ngay nước Tống tìm hỏi người bào chế:

- Tôi muốn mua phương thuốc bào chế của ông một trăm lạng vàng.

Người bào chế thuốc nghe thế rất phấn khởi, triệu tập gia tộc lại nói:

- Gia tộc ta đời đời lập nghiệp bằng nghề bào chế thuốc này nên dần dần tích lũy được một số vàng, nay ta truyền phương thuốc này cho người khác được một lúc hàng trăm lạng vàng, ý kiến tôi là nên bán, các vị xem có nên không?

Già trẻ nam nữ họ tộc đều đồng thanh:

- Đồng ý.

Vị khách mua được phương thuốc này đến nước Ngô du thuyết, gặp Ngô Vương. Mùa đông năm đó, đúng vào lúc xảy ra cuộc chiến tranh qui mô lớn giữa hai nước Ngô - Việt. Ngô Vương sợ nhất là binh lính bị bệnh nứt rẻ mu rùa ở tay do thời tiết quá rét buốt. Vị khách này đưa phương thuốc mình bào chế ra giới thiệu với Ngô Vương. Ngô Vương rất phấn khởi bèn cử ngay vị khách này làm tướng tham gia thủy chiến với người Việt. Kết quả, tay binh sĩ nước Việt vì khí hậu quá rét, bị nứt nẻ mu rùa, không cầm được giáo; còn binh sĩ

nước Ngô nhờ có thuốc, tay không hề bị nứt nẻ nên nước Ngô giành toàn thắng. Ngô Vương phong cho vị khách này tước hầu một vạn hộ. Cùng một phương thuốc người này nắm nó trong tay, đời đời chữa bệnh lập nghiệp; người khác khi có nó trong tay được làm tướng, được phong hầu vạn hộ. Cùng một đồ vật như nhau cách dùng khác nhau, hậu quả đạt được khác hẳn.

Huynh có quả bầu lớn những năm thạch, sao không làm thành một chiếc thuyền con bồng bênh trên sông nước, lại đi vứt bỏ nó, có phải đầu óc huynh vẫn chưa mở mang ra phải không?

Huynh nghe câu chuyện của tôi, có thể cho rằng khoáng đạt đấy mà không thực dụng, sao huynh không từ trong câu chuyện đó lĩnh hội một điều là tinh thần tự do tự tại để tiêu dao trong biển trời bao la của nhân thế?

Huệ Thi nói:

- Tôi thừa nhận với huynh, trong câu chuyện huynh kể đã hàm chứa tinh thần tiêu dao tự tại, nhưng tinh thần đó không thích hợp với bất cứ một xã hội nào, cũng không giải quyết được ám nọ cho bất cứ người nào. Tiên sinh tự thấy rất cao nhưng là điều quá cao người đời không hiểu thấu.

Trang Chu nói:

- Kẻ sĩ trong thiên hạ ngày nay sôi nổi vùi đầu vào tranh luận thị, phi, say sưa với trường lợi,

lộc, đánh mất tinh thần đúng đắn, người làm người. Con người nếu không có tinh thần tự do thì sống khác gì súc vật, có tự do tinh thần, cho dù nghèo khổ lo âu vẫn là người đúng nghĩa của nó.

Huệ Thi nói:

- Tóm lại, những điều huynh nói đều là vô dụng.

Trang Chu nói:

- Huệ huynh! Huynh quả đúng là đầu óc cây du! Vô dụng mới là cái gốc của hữu dụng. Huynh không biết sao?

- Xin hãy nói rõ hơn.

- Đất đai rộng lớn, không sao đo đếm được. Nhưng con người đứng lên đó, chỉ mong đặt được chân mà thôi. Nếu cứ đào mãi chung quanh người, đào cho đến dưới cửa tuyền, để cho con người đứng trên miếng đất dưới chân mình, liệu con người có còn hữu dụng không?

- Vô dụng

- Thế thì, vật vô dụng là cái gốc cho vật hữu dụng. Vật hữu dụng phải dựa vào vật vô dụng mới phát huy được tác dụng của nó. Cái đạo lý này chẳng đã rõ đó sao?

Huệ Thi như có điều suy nghĩ nói:

- Đúng! Huynh nói rất có lý. Nhưng tôi không đạt được cái vô dụng đó. Chúng ta hãy tìm cái chung gác lại cái riêng.

Lại một hôm, Huệ Phi nói với Trang Chu:

- Hồi tôi ở nước Ngụy, quen một số nhà hùng biện, bọn họ thảo luận những câu rất kỳ quái.

- Câu gì?

- Tôi kể cho huynh nghe mấy câu lý thú: trứng chim có lông và gà có ba chân; Sính đô có thể có thiên hạ; chó có thể là dê, bóng con chim bay không động đậy, cái roi ngựa dài một thước, mỗi ngày lấy đi một nửa, muôn đời không hết...

Trang Chu không kìm được vội cắt ngang:

- Những lời bàn quái gở ấy có nghĩa gì?

- Đương nhiên, một số lời bàn đó chỉ là nguy biện, không hề có chút ý nghĩa gì. Nhưng cũng có một số câu trong đó gợi mở cho ta những suy nghĩ sâu sắc. Điều thiếu sót là họ thường xa rời thực tế, dùng lối chơi chữ để bịp đời. Song cũng gợi cho tôi nghĩ ra mười câu lý thú. Xin huynh hãy lắng nghe:

Rất lớn, ngoài nó ra không có gì lớn hơn gọi là lớn nhất; rất nhỏ, dưới nó không có gì nhỏ hơn gọi là nhỏ nhất. Vật lớn nhất không có giới hạn, vật nhỏ nhất không tách ra được nữa.

Trang Chu gật đầu:

- Cũng có tí sâu sắc, nhưng huynh chưa nói đến từ rất lớn đến rất nhỏ và ngược lại từ rất nhỏ đến rất lớn, lớn nhỏ đều không có giới hạn. Còn câu thứ hai?

- Không dày nhưng không gom lại được, nó lớn đến ngàn dặm. Vật không có độ dày mỏng đến mức không đo được, nhưng nó lại rộng đến cả ngàn dặm.

- Câu thứ ba?

- Trời cùng đất thấp, núi cùng đầm bằng.

- Câu thứ tư?

- Mặt trời đứng ngọ thì chiếu nghiêng. Vật vừa sinh ra vừa chết đi.

Trang Chu không chờ đến câu thứ mười, hỏi luôn:

- Huệ huynh! Lẽ nào những câu huynh nói cũng na ná như họ nói sao?

Huệ Thi bực mình nói:

- Những điều tôi nói là những thu nhận được về quy luật biến hoá của vạn vật trong thiên nhiên qua thời gian dài quan sát, có chứng cứ thực tế khách quan, sao lại giống những lời màu mè khéo léo bịp người của họ được?

- Huynh hy vọng dựa vào trí tuệ mình để truy cứu vạn vật vô cùng trong thiên nhiên là không thể được. Huynh truy cứu nó mà không trở về với

nội tâm của mình chẳng khác gì huynh chạy đua với bóng của chính mình, suốt đời chẳng nên tích sự gì.

Trang Tử rất tiếc đầu óc thông minh tài trí của Huệ Thi, muốn khuyên bạn hãy rời bỏ cuộc tranh luận vô bổ về đạo lý này.

- Nhưng vận dụng những lời lẽ này có thể luận chứng cho học thuyết kiêm ái vạn vật của tôi, rất có ích trong cuộc luận chiến với Nho học, Mặc học, Dương học và Biện học với Công Tôn Long là đại biểu. Huệ Thi đắc ý nói.

Trang Tử hỏi:

- Cuộc luận chiến giữa các nhà (bách gia) các phái với nhau đều tự cho rằng đạt nhất về đạo trong thiên hạ, nhưng cuối cùng thì ai đạt?

- Đều đạt cả, ai cũng tự nhận rằng mình là đạt rất đạo trong thiên hạ. -- Huệ Thi trở hết tài biện luận của mình.

- Thế người bắn cung không có mục tiêu định trước, cứ bắn vào bất cứ đâu rồi bảo mình là tay thiện xạ, hoá ra người người trong thiên hạ đều tài như Hậu Nghệ cả, nghe có được không?

Thiên hạ tranh luận, không một ai thừa nhận chân lý cả, mọi người đều tự nhận mình là bậc thánh nhân như Nghiêu Thuấn được không?

- Được.

- Ngày nay, trong thiên hạ có bốn phái Nho học, Mặc học, Dương học, Biện học, nay thêm huynh nữa là năm phái. Vậy cuối cùng phái nào là chân lý?

- Tôi.

- Tôi xem huynh, giống Lỗ Cự nói khoác không hề ngượng!

- Lỗ Cự là ai vậy?

- Một hôm, đệ tử của Lỗ Cự nói với thầy:

- “Thưa thầy! Con đã học được đạo thuật của thầy rồi. Mùa đông con không dùng lửa có thể đun sôi một vạc nước, mùa hạ con có thể để vạc nước đông thành đá.

Lỗ Cự rất kiêu nói:

- Đó chỉ là dương khí tụ lại cùng dương khí, âm khí tụ lại cùng âm khí, quyết không phải cái ta bảo là đạo thuật. Đến đây! Xem đạo thuật của ta. Ông đem hai chiếc đàn sắt lên dây cùng một cỡ thanh âm, một đặt ở nhà lớn, một đặt ở phòng trong. Khi gõ vào đàn ở phòng trong, đàn ở ngoài nhà kêu theo; gõ vào âm cung của đàn này âm cung của đàn kia kêu; gõ vào âm đốc¹ của đàn này, âm đốc của đàn kia kêu.

¹ Cung và đốc là hai âm trong ngũ âm ngày xưa: cung thương đốc chủy vũ.

Đạo thuật của Lão Tử và đạo thuật của đệ tử có thật thế không, hay cũng đều là cái trò lừa người thôi chăng?

- Cuộc tranh luận sôi nổi giữa bốn phái Nho, Mặc, Dương, Biện với tôi, dù họ tốn công phí sức tìm những từ hoa mỹ, thậm chí từ vẻ mặt đến tiếng nói đều gay gắt để dọa nạt tôi cũng không thể chứng minh rằng học thuyết của tôi không đúng và cũng không có cách nào giải thích khác được.

Huệ Thi vẫn không tâm phục.

Trang Chu thấy Huệ Thi vẫn khẳng khẳng như thế. Ông nói:

- Có một người nước Tề đưa con mình sang nước Tống làm người gác cổng, thấy mọi người gác cổng ở đây đều không có chân, ông đã chặt chân con mình, nhưng ông lại dùng vải bao gói cẩn thận cái chuông ông mang theo bên mình chỉ sợ mất.

Lại một người khác mất con, chỉ biết lo tìm con ở trong nhà mình mà không nghĩ tới đi tìm ở bên ngoài.

Có người nước Sở đến ở nhờ nhà người khác nhưng luôn cãi lộn với người gác cổng nhà ấy, khi đi thuyền, nửa đêm vắng vẻ lại cãi vã quyết liệt với người lái đò. Tư tưởng của huynh bây giờ thật chẳng khác gì mấy anh chàng ngốc nghếch ấy, đánh mất vật quý nhất của mình, nhặt một vật

không có giá trị coi là chân lý; giới hạn trong tầm nhìn hạn hẹp tự cho là đạo của trời đất rộng đến vô cùng, như thế sao được?

Trang Chu và Huệ Thi, cứ như thế, hai người tranh cãi nhau đêm suốt sáng, thậm chí quên cả ăn. Thấm thoát mười ngày đã trôi qua, người nhà Huệ Thi đến đón ông về Thư Dương. Trang Chu, Huệ Thi đôi bạn hễ gặp nhau là tranh luận nhưng lại lưu luyến không nỡ rời nhau. Huệ Thi mời Trang Chu đến chơi Thư Dương, Trang Chu từ chối nên Huệ Thi nói lúc nào rồi việc sẽ đến thăm ông.

Huệ Thi về Thư Dương, chưa được bao lâu, tình hình chính trị nước Ngụy có thay đổi lớn do Lương Huệ Vương băng hà. Sau khi Huệ Thi bị đuổi khỏi nước Ngụy, Trương Nghi là người nắm quyền hành lớn, Ngụy trở thành nước phụ thuộc Tần, nhưng thái tử của Lương Huệ Vương không tán thành chính sách ngoại giao của Trương Nghi. Lương Huệ Vương băng hà, thái tử kế vị là Tương Vương muốn khôi phục lại mối quan hệ với các nước đông nam Tề, Sở. Trương Nghi thất thế ở Ngụy bị đuổi về Tần.

Linh cữu của Huệ Vương chưa mai táng, Tương Vương đã cử người đến Tống đón Huệ Thi. Vua Tống vốn không tán thành học thuyết và chính sách của Huệ Thi, nên hồ hởi nhận lời ngay, tiện thể để lấy lòng.

Huệ Thi nghe sứ giả Ngụy báo cáo tình hình đột biến mấy tháng gần đây ở Ngụy, phấn khởi không cầm được nước mắt, ông luôn tin chắc rằng lý tưởng của ông nhất định sẽ được thực hiện, nhưng không nghĩ lại được trở về Ngụy nhanh như thế.

Trước khi đi, ông bảo sứ giả nước Ngụy đợi ít ngày, vì ông phải đến chào từ biệt Trang Chu, đồng thời cũng nói với Trang, sự thực chính nghĩa bao giờ cũng thắng gian tà, không như Trang nói thiện ác, tốt, xấu không có ranh giới, không phân biệt được.

Lần này Huệ một mình một xe hành trang nhẹ nhàng thẳng đến Mông Ấp.

Trong lòng sáng khoái, mọi người trên đường như mỉm cười với ông, mỗi ngọn cỏ, mỗi cành cây, như sưởi ấm lòng ông.

Ông dừng xe trước cổng, rảo bước vội vào nhà, sôi nổi lạ thường:

- Trang huynh! Tôi lại đến đây!

Trang Chu đang giúp vợ đập sợi cỏ, thấy Huệ Thi phấn khởi như vậy, hỏi ngay:

- Có việc gì vui mà xúc động thế?

- Đương nhiên là việc vui, tôi sắp trở lại nước Ngụy đây!

Huệ Thi kể cho Trang Chu nghe tình hình chính trị biến đổi ở nước Ngụy trong mấy tháng gần đây, và Ngụy Tương Vương cử sứ giả đến đón ông trở lại nước Ngụy.

Trang Chu cười nhạt:

- Huệ huynh! Chuyến này đi Ngụy, e rằng lành ít dữ nhiều.

- Sao lại thế được?

- Huệ Vương năm đó đối xử với huynh rất hậu, cuối cùng vẫn ruồng bỏ huynh. Tương Vương cử người đến đón huynh vì trọng tiếng tăm của huynh, muốn lấy đó chiêu hồi nhân tâm trong thiên hạ. Học thuyết của huynh sẽ không có vị vua chúa nào thực sự mến chuộng.

- Tương Vương ưu ái tôi lắm! Nếu không, sao lại đuổi Trương Nghi đi.

Huệ Thi tự tin nói:

Trang Chu thấy trước mắt khó lòng thuyết phục được Huệ Thi, đành để ông đi vậy. Mỗi người có một niềm tin riêng, nhất là một con người như Huệ Thi, không đến Hoàng Hà chết không nhắm mắt được. Vì thế Trang Chu không tranh luận với Huệ Thi nữa. Đêm đó Huệ Thi ở lại cùng ngủ nhưng chẳng ai nói câu nào.

Sáng hôm sau Trang Chu nói:

- Lần trước hai chúng mình đều muốn đi chơi Hào Thuỷ nhưng chưa đi được. Lần này sắp chia tay chưa biết lúc nào mới gặp lại, hôm nay chúng ta đi Hào Thuỷ một chuyến, được không? Huệ Thi thực bụng, muốn nhanh chóng về nước Ngụy, đối với ông cơ hội này khác nào như máu về tim, nhưng Trang đã có lời ông không từ chối được, nên bằng lòng. Hôm ấy, một ngày tuyệt đẹp. Trời thu cao xanh vời vợi, không khí mát mẻ, ánh nắng mặt trời không nóng gắt như mùa hạ mà dịu dàng phớt trên da. Nắng chan hoà, từng cơn gió nhẹ vỗ về, lòng người thanh thản vô cùng... Hai người đi dạo ven bờ, tâm tình cởi mở.

Có lúc họ cởi giày thả chân khua⁵ khua trong dòng nước cạn, có lúc nằm dài trên thảm cỏ ven bờ, nhìn những đám mây lơ lửng trôi trên bầu trời, quên tất cả những gì tranh luận vừa qua.

Họ xuôi theo dòng sông, đi đến một khúc hẹp, lững thững bước lên cầu bắc ngang qua sông, nhìn dòng Hào Thuỷ nước chảy không ngừng.

Huệ Thi miệng lẩm nhẩm: “Khổng Tử đứng nhìn dòng sông nói: nước luôn chảy như thế này đây!”

- Đúng thế! Người ta sống trên đời giống như bọt nước li ti trên dòng sông, phút chốc mà thôi – Trang Chu cũng cảm xúc nói:

- Ước gì thời gian trôi ngược lại, tôi có thể làm thêm được nhiều việc, nghiên cứu thêm nhiều vấn đề.

Huệ Thi cảm thấy đời người quá ngắn ngủi.

- Thời gian như dòng nước, không chảy ngược lại được, đường mờ mịt biết quay về, ngoái đầu lại là bến bờ.

Bất ngờ, hai người lại tranh luận. Bỗng họ nghe tiếng cá quẫy, một con cá xuất hiện rồi trong nháy mắt, nó lặn xuống nước biết mất.

- Huynh xem, con cá tự do thoải mái biết bao, nó tung tăng ngao du trong nước nhất định nó vui sướng vô cùng. Hình như Trang Chu đã biến thành cá, không nén được tình cảm, ông đã thốt lên.

- Huynh không phải là cá, làm sao huynh biết được cá vui sướng hay không? Người là người, cá là cá, cá không thể cảm thấy vui sướng như người được.

- Huynh không phải là tôi, sao huynh có thể biết được tôi không biết cá vui sướng như thế nào.

Trang Chu cãi lại.

- Tôi không phải là huynh, đương nhiên không biết được tâm tư của huynh, nhưng huynh không phải là cá, huynh cũng không thể biết cá vui sướng được. Tôi không biết huynh, huynh không biết cá. Hai việc đó quá rõ còn gì? Huệ Thi đắc ý nói.

Trang Chu biết có tranh cãi với Huệ Thi cũng chẳng đem lại kết quả gì. Thái độ của hai người đối với giới tự nhiên hoàn toàn trái ngược nhau. Trang Chu đối với sự vật trong thiên nhiên bao giờ vật với ta cũng hoà làm một, ta với vật gắn bó với nhau, hình như ông hiểu được tính tình của hoa lá, chim muông côn trùng, tôm cá. Còn Huệ Thi đối với sự vật trong thiên nhiên phải thông qua quan sát, nghiên cứu, chú ý đến sự giống nhau, khác nhau nhiều hay ít giữa các sự vật, không hề lưu tâm đến những mừng giận, buồn, vui của chúng.

Vì thế nói với Huệ Thi về niềm vui của cá khác nào nói với trâu là tiếng đàn hay. Trang Chu không muốn tranh luận nữa, liền nói loanh quanh:

- Chúng ta lại trở về nơi bắt đầu. Huynh hỏi tôi làm sao biết cá vui, chúng tôi huynh đã hiểu tôi biết cá vui nên mới hỏi câu ấy. Bây giờ tôi nói với huynh tôi biết dòng sông Hào Thuỷ đấy!

Huệ Thi không hỏi nữa vì biết Trang Chu hơi bực mình, mỗi khi Trang giở kiểu nói loanh quanh ra như vậy là dấu hiệu muốn kết thúc cuộc tranh cãi.

Hai người ra khỏi cầu đi tản bộ.

Nhìn trời sắp tối, Trang Chu hứng chí muốn cùng bạn nán lại bên bờ sông xem mặt trời lặn, Huệ Thi đang sốt ruột, sớm mai phải đến Thư Dương nên giục Trang Chu quay về.

Sáng hôm sau, tiễn Huệ Thi xong, Trang Chu suy nghĩ miên man. Người như Huệ Thi, luôn say sưa với chính trị, muốn dốc lòng cứu đời, đâu biết rằng bản thân đã lãng phí cả cuộc đời của chính mình. Nói chuyện đạo lý nhân sinh với Huệ làm sao Huệ có thể thông được và cho rằng những lời ta nói đều vô dụng.

So với Huệ Thi, ông đã may mắn hơn, chọn cho mình những thú vui, đọc sách, chơi đàn, câu cá, lúc rỗi cùng bạn tri kỷ tán gẫu, thật sung sướng biết dường nào. Tuy chưa dư dật, nhưng với nghề bện giày cỏ cũng đủ duy trì cuộc sống hiện tại, chỉ cần tinh thần được tự do thoải mái, thông dong suốt đời, thế cũng đủ.

Nói về Huệ Thi sau khi về Ngụy, được Ngụy Tương Vương phong làm tướng. Cuộc sống được đãi ngộ như xưa, xe ngựa bổng lộc đầy đủ, nhưng Tương Vương ít hỏi ông về quốc sự. Ngụy Tương Vương trẻ trung, khí thế bừng bừng muốn cùng các chư hầu trong thiên hạ tranh giành Trung nguyên. Học thuyết của Huệ Thi yêu dân, bãi binh rõ ràng không được chuộng. Việc này như chậu nước lạnh giội vào bầu nhiệt huyết sôi sục trong lòng Huệ Thi.

Quá nhàn rồi, Huệ Thi suốt ngày cùng những nhà hùng biện hâm mộ tiếng tăm mình đến cùng ông tranh luận mọi chuyện trên đời để xua tan phiền muộn.

CHƯƠNG VII

Soạn bảy thiên sách

Những năm cuối đời

I

Gần đây Trang Chu ngày càng cảm thấy cần phải viết một thứ gì. Một mặt do nài nỉ của hai học trò, thầy đã hơn sáu mươi tuổi, tốt nhất là viết một ít, kéo sau khi thầy trăm tuổi, trò không có sách để học. Mặt khác, sách lưu truyền trong thiên hạ quá nhiều, đa phần những sách đó không thể tìm tận gốc tinh thần của cuộc sống, hoặc chuyên nói về nhân nghĩa lễ nhạc, hoặc sách lược tung hoành (hai cách giải quyết mâu thuẫn xã hội), hoặc tranh cãi về giữ gìn tiết tháo khác nhau, đưa người đọc sách trong thiên hạ vào con đường rối ren.

Trang Chu không nhận dạy học trò, không đi chu du các nước tuyên truyền tư tưởng của mình như Khổng, Mặc. Tuy những lời trong ngụ ngôn ông kể, Lận Thả rải rác ghi chép, từ lâu đã truyền khắp trong thiên hạ, nhưng mọi người vẫn không hiểu được toàn bộ thực chất tư tưởng của ông có khi còn hiểu lầm. Là một kẻ sĩ, điều duy nhất có ít nhiều cống hiến cho nhân loại, là đem nhận thức

và cách lý giải cuộc sống của mình viết ra cho mọi người cùng rõ.

Vô tích sự nhất là anh học trò, chán chường nghèo khổ mài bút mực! Trên chính trường không có tự do, không thể thực hiện nguyện vọng của mình, chỉ còn cách lưu về nơi chữ nghĩa. Trang Chu ta tiếng là bất tài vô dụng nhưng nổi tiếng trong thiên hạ, nhưng đâu là suy nghĩ ban đầu của ta. Vô tài, vô dụng chẳng qua chỉ là tránh né bọn cầm quyền tàn bạo vô tình, không muốn cùng bọn chúng chung dòng nươc bần. Thậm chí một số người đem tư tưởng của ta đánh lộn với chữ nghĩa “Duy ngã” của Dương Chu “Nhỏ một cái lông, có lợi cho thiên hạ, không làm” thực đáng buồn!

Trang Chu ta có tài! Trang Chu ta ắt có dùng! Ta muốn dùng bút của ta viết nên cuộc sống chân thực, vạch ra con đường đúng đắn cho loài người, biểu đạt nơi quy tụ đúng đắn của vũ trụ. Ta muốn những ai suốt ngày chìm đắm trong những sự việc vụn vặt quên mất đạo trời, lại được thấy ánh sáng. Ta đem vầng dương đến, khiến các người qua đêm dài từ từ bừng tỉnh mở mắt nhìn một thế giới khác rực rỡ nắng xuân.

Lận Thả và Tô Ngọc biết Trang Chu đồng ý viết sách, đều rất hào hứng. Tô Ngọc nói:

- Về sau người trong thiên hạ đọc sách, chẳng những có Khổng Tử nói rằng. Mặc Tử nói rằng; mà còn có Trang Tử nói rằng...

- Chẳng có gì là Trang Tử nói rằng – Trang Chu cắt đứt lời Tô ngọc – Ta không muốn cái kiểu ngồi đạo mạo, vênh mặt dạy đời.

- Thế... Tô Ngọc có vẻ hăng.

- Người tin học thuyết của ta như thế nào?

- Tin ở truyện ngụ ngôn của thầy.

- Ta viết sách cũng bằng hình thức ngụ ngôn.

Tô Ngọc vỗ tay vào ngực, như vỡ lẽ ra:

- Đúng! Ngụ ngôn của thầy rất hay, rung động lòng người. Nếu tác phẩm của thầy cũng dùng hình thức ngụ ngôn, nhất định có rất nhiều người đọc.

Lận Thả đứng bên hỏi:

- Hình thức dùng truyện ngụ ngôn hay thì có hay, cuối cùng có xếp vào đại nhã đường (nơi giảng dạy những kinh điển) không?

- Đại nhã đường nào? Ta không nghĩ tác phẩm của ta khiến mọi người tôn thờ như kinh điển, chỉ cần qua ngụ ngôn đem đến cho con người một chút tinh thần ung dung nhàn hạ là được rồi. Vậy nên, tác phẩm của ta cũng là lời của chi ngôn.

- Thế nào là chi ngôn? - Hai học trò đồng thanh hỏi.

- Chi là đồ đựng rượu. Rượu, ai cũng muốn uống, uống thấy ngon, hơn nữa qua men rượu có được một cảm giác quên mình quên vật, quên phải quên trái. Tác phẩm của ta giống như một chén rượu nồng ngon. Trong đó người không tìm đâu ra phải trái, tìm đâu ra thiện ác. Đọc nó, người sẽ từ từ say, người sẽ thấy tất cả xa rời người, thậm chí vị ngon của rượu cũng xa rời người, tinh thần người sẽ ngao du ngoài cõi lục hợp.

- Như thế, còn đạo? – Lận Thả vẫn quan tâm đến đạo, vì theo anh, mục đích viết sách trước tiên nhằm truyền đạo.

- Đạo nằm trong tác phẩm. Lận Thả, người nghĩ xem, đạo ta nói là thứ gì? Chẳng phải là thứ gặp vật thì hoá, là thứ tự do tinh thần quên phải quên trái đó sao? Nói để mọi người biết thế nào là đạo, chỉ bằng để mọi người dạo chơi trong đạo. Lão Tử nói: “Đạo có thể nói được, không phải là đạo”, ta lại nói: “đạo có thể nói được, đúng là đạo.”

Mấy hôm sau, Lận Thả mua một tấm lụa từ Mông Ấp về, Trang Chu bắt đầu biết sách.

Trang Chu hớp một ngụm rượu, hai mắt đắm đắm nhìn hồ nước trong xanh, in bóng bầu trời bên ngoài cửa sổ. Trong lòng ông nổi lên hai hình tượng: con cá tự do bơi trong nước, con chim vỗ cánh bay trên không. Biển rộng tha hồ cá nhảy, trời cao mặc sức chim bay. Cá, chim, các người là

thần tượng trong ta! Ông ngoáy bút viết trên đầu đề là thiên thứ nhất:

Tiêu dao du

Lận Thả đứng bên trông thấy, nói:

- Thưa thầy, đầu đề của thầy sao lạ thế?

Trang Chu không trả lời, viết:

“Nơi biển Bắc có con cá tên là côn, nó lớn không biết mấy nghìn dặm. Nó hoá thành chim, tên là bằng, lưng của nó cũng chẳng biết mấy nghìn dặm. Khi vỗ cánh bay lên, sải cánh vương ra che kín một vùng mây trời. Con chim này vì biển động bay sang biển Nam. Biển Nam là ao trời.”

Lận Thả đọc xong, cảm thấy... những điều Trang Chu viết ra như vàng trắng sáng, ẩn sau đám mây mù, hỏi:

- Thưa thầy, những ngụ ngôn thầy kể trước đây, trò cũng có thể hiểu được đại khái. Thiên ngụ ngôn này, trò thấy khó hiểu quá. Trước tiên, con cá lớn như thế, vì sao lại đặt cho nó tên là côn, tên một giống cá nhỏ mọi người hay gọi?

- Lận Thả ơi! Vật trên thế gian, vốn không chia ra lớn nhỏ. Người đời không biết; các nước tranh hùng, cũng không bằng sừng con ốc sên; bé như hạt bụi, lại có thể chứa cả nước bốn biển. To

và nhỏ chỉ là tương đối. Từ góc độ đạo mà nói: rất to tức là rất nhỏ, rất nhỏ tức là rất to. Biết con cá lớn tên là côn, khắc biết lẽ của lớn nhỏ.

- Thế vì sao cá lại phải hoá thành chim?

- Chân nhân đắc đạo, tùy vật mà hoá: trong nước là cá, trên trời là chim. Dựa vào nước nương vào gió, cùng ung dung dạo chơi. Nếu giữ một mực, sẽ va chạm với mọi vật, sinh mệnh còn không giữ được, nói chi đến ung dung dạo chơi.

- Vì sao chim côn bằng phải từ biển Bắc bay về biển Nam?

- Ta đã từng viết: “Biển Nam là ao trời”. Biển Nam tượng trưng cho miền Sở Việt, nơi sinh sống của dân Man. Nơi đó đúng là biển lớn không hề nhiễm bẩn của tự nhiên! Họ không biết lẽ nghĩa, không biết vua; mặt trời mọc thì làm, mặt trời lặn thì nghỉ; tự nhiên và yên ả, tự nhiên mà hoạt động. Hồi trai trẻ, ta đã qua, nơi đó là một miền đất Thánh. Cho nên ta để cho côn bằng của ta từ biển Bắc bay về biển Nam.

Lận Thả nghe Trang Chu giảng giải xong, mới hiểu được ý nghĩa sâu sắc vô cùng của thiên ngụ ngôn. Anh vô cùng khâm phục nói:

- Thưa thầy, thiên ngụ ngôn này đúng là chứa đựng tất cả những gì mà cả đời thầy đã suy nghĩ và tìm kiếm.

Sau đó, ông sợ người đời không tin vào hình thức không hợp tình hợp lý của câu chuyện ngụ ngôn ông kể, nên ông dựa vào những câu chuyện có ghi trong cuốn “Tề Hài”, trong đó con ve và con chim cừu nhỏ, với sức yếu đuối nhỏ bé của mình lại cười cợt côn bằng sải cánh bay cao.

Ông suy nghĩ, người đời thường tin vào các bậc thánh nhân trong lịch sử; ông lại mượn chuyện Thương Thang hỏi đại thần Cắc về những chuyện ông này đã nghe, và đã tin là thật.

Nhưng chỉ dựa vào ngụ ngôn, hẳn không dễ dàng gì nêu lên được ý nghĩa tinh túy của “Tiêu dao du”. Nên ông lại viết:

“Nếu thuận theo bản tính của muôn vật trong trời đất, nương theo sự thay đổi của lục khí âm dương mà rong chơi trong cõi vô cùng, thì còn gì để trông đợi nữa đây? Cho nên nói: bậc chí nhân quên chính mình, bậc thần nhân quên công trạng lợi lộc, bậc thánh nhân quên tiếng tăm của mình.”

Nhưng muốn cho người trong thiên hạ đang ngập trong vòng lợi lộc; mà quên mình, quên công, quên danh, thực là khó khăn! Người ta thường nói: từ xa nghìn dặm đến làm quan, chỉ vì cơm ăn áo mặc; lại còn: người chết vì tiền tài, chim chết vì mồi, sao mà ngu xuẩn! Thế là ông viết câu chuyện “Vua Nghiêu nhường thiên hạ cho Hứa Do”:

“Nghieu làm thiên tử, ông nhận thấy Hứa Do có tư cách làm thiên tử hơn mình, liền muốn nhường ngôi cho Hứa Do. Hứa Do nói:

- Con chuột đồng ra sông uống nước, đầy bụng thì thôi; chim tiêu liêu ở trong rừng sâu, cũng chỉ choán hết một cành. Ông hãy về mau đi! Ta không biết làm thiên tử. Người đầu bếp dù không làm tròn việc bếp núc, người chủ tế cũng không vượt phận mà làm thay!

Viết đến đây, ông ngừng lại về bên bờ sông Bộc, tay cầm cần câu, không quay lại, cự tuyệt lời mời của vua Sở.

Ông định kết thúc thiên thứ nhất ở đây. Nhưng sang hôm sau, đọc lại những gì đã viết hôm trước, ông nhận thấy văn của mình đúng có phần khiến người đọc phải sợ. Các nho sĩ đã đọc quen: “Tử viết, thi vân” (Khổng Tử nói rằng, Kinh Thi nói rằng), đọc kiểu văn như thế này, nhất định họ cho là nói những chuyện không đâu. Bởi vậy ông viết thêm một chuyện ngụ ngôn, nhắc nhở các nho sĩ; muốn thưởng thức văn chương ông, chỉ dựa vào tai mắt không, chưa đủ.

“Kiên Ngô một hôm hỏi Liên Thúc rằng:

- Tôi có nghe Tiếp Dư nói loáng thoáng, thấy lớn lao quá không hợp thực thế, vượt khỏi cõi đời, tôi giật mình và rất sợ hãi, lời nói ông ta mênh mông bát ngát như dải ngân hà, quá xa với cuộc

sống đời thường của chúng ta, có thể nói rất xa vời đối với con người.

- Ông ấy nói những gì? – Liên Thúc hỏi.

- Ông ấy bảo - Kiên Ngô nói - Trên núi Cô Tạ xa xăm, có một vị thần nhân ở, da thịt như băng tuyết, dáng bộ mảnh mai như cô gái chưa chồng ở chốn phòng khuê. Vị đó không ăn ngũ cốc, chỉ hợp gió uổng sương, nương vào hơi mây, cười rỗng ngao du nơi bốn biển. Thần khí ngưng lại, khiến cho muôn vật thoát dịch bệnh. Khiến mùa màng tốt tươi. Tôi cho là xằng không có người kiểu như thế, Tiếp Dư nói bậy, khiến không thể tin được.

- Đúng! Liên Thúc nói - Người hản là không tin. Không thể cho người mù nhận biết được hoa văn trên hàng dệt, không thể khiến người điếc nghe âm thanh từ chuông trống phát ra. Chẳng những hình hài con người có đui điếc, mà trí tuệ con người cũng có đui điếc. Nói như thế, để chỉ kiểu người như người đó! Kiểu người mà Tiếp Dư nói, đức có thể trải chung muôn vật, người ấy muốn đem lại hạnh phúc cho nhân loại, không khi nào nhận lấy thiên hạ ngày nay làm công việc. Người ấy, ngoại vật không thể làm hại, nước lụt ngút trời cũng không thể chết đuối, nắng hạn chảy vàng đá, thiêu trụi núi non, người ấy cũng không cảm thấy nóng. Chút bụi bặm căn bã của người ấy, cũng đủ

tạo nên Nghiêu Thuấn, đâu lại chịu lấy sự vật cụ thể làm công việc.

Viết đến đây, Trang Chu lại nghĩ đến khi Huệ Thi đến thăm, hai người tranh luận, Huệ Thi bảo ngụ ngôn của Trang Chu là vô dụng, còn ví như cây xú (loại cây to, gỗ không dùng được), và quả bầu to. Trang Chu lại bảo cái mà ông tìm kiếm chính là vô dụng. Ông đem hai đoạn đối thoại chép vào đàn gảy sau thiên “Tiêu dao du” để mọi người biết; muốn đọc trước tác của ông, không nên nghĩ là, tìm trong đó ra cách giúp đời, mà chỉ cần về tinh thần có được một chút thoải mái không gò bó là được.

“Tiêu dao du” viết xong được một tháng, ông lại nghĩ tiếp đầu đề cho thiên thứ hai: “Tề vật luận”

Lận Thả xem xong, hỏi:

- Thưa thầy, “Tề vật luận” ý nghĩa như thế nào?

- Kể sĩ trong thiên hạ ngày nay - Trang Chu trả lời - Sôi nổi nêu lên ý kiến, ai cũng cho lời nói của mình chí tình chí lý. Nhưng từ góc độ đạo mà nói, những ý kiến đó đều phiến diện, toàn những tranh cãi phải trái để tỏ sự yêu ghét. Nếu không bác bỏ những lời lẽ làm rối loạn tâm trí con người đó, học thuyết của ta làm thế nào để loài người tiếp thụ được?

- Nhưng, thầy đã viết bài tham gia trong cuộc biện luận này, làm thế nào để tỏ rõ lời lẽ của mình là không phiến diện?

- Lời lẽ của người đời; đều xuất phát từ lợi, hại riêng của mình. Còn lời lẽ của ta xuất phát từ góc độ đạo của tự nhiên. Cho nên lời lẽ của người đời có chia ra phải trái yêu ghét, còn lời lẽ của ta giống như một bản nhạc hay.

Tuy nói như thế, ba chữ “Tề vật luận” cách đây hơn hai mươi năm đã viết xong, còn chính văn chưa viết ra một chữ. “Tề vật luận” so với “Tiêu dao du” còn khó viết hơn. Vì muốn bác đổ lời nói của bách gia ắt phải biện luận; mà biện luận lại không phải cách viết sách mà Trang Chu ưa thích. Ông luôn luôn muốn cho độc giả nhận thức được triết lý sâu xa trong sự nhẹ nhàng thoải mái. Mấy ngày gần đây, ông cố gắng tìm một ngụ ngôn cho thích hợp, để làm phần mở đầu cho “Tề vật luận”.

Hôm đó, ông đang ngồi tựa vào ghế, nhắm mắt dưỡng thần, tâm thần bay bổng. Không hay không biết ngựa mặt lên trời hà hơi, miệng ông phát thứ âm thanh lạ lẫm như hát cũng không phải, như ngâm cũng không, vừa như chim kêu, vừa như gió thổi. Ông gật gù đắc ý, tự có niềm vui, không để ý đến người bên cạnh, ông như chìm vào cõi say sưa.

Lận Thả đứng bên nghe, cảm thấy tiếng Trang Chu phát ra theo một dạng nhất định, nhưng lại rất dễ nghe. Lúc như gió thu dồn lá rụng, lúc như mưa xuân gieo nhẹ trên lá ngô đồng, lúc như sấm ran trên trời, lúc du dương như tiếng đàn cầm đàn sắt.

Bỗng ông ngậm miệng lại, đầu cúi, tựa như ngủ. Lận Thả hỏi:

- Trước nay thầy ngồi tựa vào ghế, đều trầm ngâm, tĩnh lặng, hôm nay lại phát ra tiếng lạ lùng như thế?

Trang Chu ngẩng đầu, thông thả đáp:

- Lận Thả, người hỏi đúng lắm. Đời ta, có lẽ quá nửa ở rừng núi. Ta thuộc hết các loại âm thanh, của giới tự nhiên, chúng thường vang vọng bên tai ta, dần dần chúng biến thành thứ âm nhạc không tiếng ở trong đầu óc ta. Thứ âm nhạc không tiếng đó chỉ có ta, mình ta nghe được, nó rất đặc biệt, rất hay, không thể mô tả bằng lời được. Nó chợt đến, chợt đi, khiến cho con người không thể nắm bắt, mà chỉ thấy lòng thanh thản. Nó là hoá thân của đạo, là thăng hoa của sinh mệnh. Ban này, trong khi ta tĩnh tọa, lại cảm nhận được nó. Người nghe rồi đó, có lẽ là ta dùng miệng để bắt chước nó chăng?

Bỗng Trang Chu thấy đã có phần mở đầu cho “Tề vật luận”

“Nam Quách Tử Kỳ ngồi tựa vào ghế, ngửa mặt hà hơi lên trời, trong miệng phát ra các loại âm thanh, tựa như quên cả tồn tại của chính mình. Nhan Thành Tử Du đứng hầu trước mặt, hỏi:

- Có việc gì mà người dờ dẫm ra như cành cây khô, lòng tĩnh lặng như tro lạnh? Hôm nay thần thái người ngồi tựa vào bàn, khác hẳn với thần thái mọi lần vậy?

- Yển - Tử Kỳ đáp - Người hỏi đúng lắm! Hôm nay ta quên mất chính mình, người có biết chăng? Người nghe tiếng sáo của người nhưng không nghe được tiếng sáo của đất; người chỉ nghe được tiếng sáo của đất mà không nghe tiếng sáo của trời.

- Thế nào là tiếng sáo của đất và của trời? - Tử Du hỏi.

- Mặt đất thở hơi - Tử Kỳ đáp - gọi là gió. Gió không nổi lên thì thôi, hễ nổi lên thì muôn lỗ hổng gào thét. Người không từng nghe tiếng gió rít sao? Những chỗ cao thấp hoắm sâu của rừng núi, những hốc cây to trăm vòng; có cái giống mũi, giống mồm, giống tai; có cái giống lỗ vuông, trên xà, có lỗ giống vành chén, giống cối xay, giống ao sâu, giống vũng cạn. Các lỗ hổng với hình dạng khác nhau đó, tiếng phát ra không giống nhau: có âm thanh như tiếng dòng nước xối, có tiếng vút lên như tiếng mũi tên lao, có tiếng như tiếng quất tháo, có tiếng như

hơi thở, có tiếng như la hét, có tiếng như khóc than, có tiếng như phát ra từ hang sâu, có tiếng như nỉ non. Tiếng trước xướng lên, tiếng sau hoạ lại, hài hoà nghe hay như một khúc nhạc. Gió thổi nhẹ, hoà âm khẽ rung; gió thổi gấp, hoà âm vút cao. Gió dừng, không gian trở lại yên tĩnh. Nhưng người vẫn còn trông thấy cây cỏ, lắt lay, nghe dư âm, còn vang vọng, vì vút không thôi.

- Tiếng sáo đất là âm thanh của gió thổi vào các lỗ phát ra; tiếng sáo người là do người thổi vào ống trúc mà phát ra âm thanh. Còn sáo trời là thế nào? - Tức là thứ âm thanh ban nãy ta hà hơi phát ra. Hà hơi phát ra các loại âm thanh tuy không giống nhau; nhưng chúng đều tự sinh ra và tự mất đi, qua lại không dấu vết, tự ta không sao không chế được chúng, cho nên gọi là sáo trời.”

Sau khi đọc xong, Lận Thả nói:

- Thưa thầy, đoạn văn này người viết thật tuyệt vời; nhất là chỗ miêu tả gió to, thật kỳ diệu. Nhưng ba loại tiếng sáo có quan hệ gì đến “Tề vật luận”?

Trang Chu ngược nhìn bầu trời xanh lam, bên tai như còn vọng tiếng tiêu réo rắt của tự nhiên, mạch suy nghĩ của ông đang vi vu cùng gió ngoài bốn biển. Nghe tiếng Lận Thả, ông bừng tỉnh, trả lời:

- Tiếng tiêu người thổi phát ra nghe đã hay rồi, các âm thanh của tự nhiên lại càng khiến ta mê hồn. Nhưng, cái làm cho ta thoả mái nhất vẫn là không tiếng, thứ âm nhạc réo rắt như suối chảy trong đầu óc. Lão Tử nói: “âm hay nhất không tiếng” là thế đó.

Ta mong sao người trong thiên hạ bỏ được cách đối xử giữa người và vật, bỏ đeo đẳng lợi danh, bỏ tranh cãi đầy ắp những phải trái yêu ghét, để cùng cảm nhận được thứ âm nhạc không tiếng của tinh thần quên chính mình – Sáo trời. Trong âm nhạc không tiếng đó, người có thể nắm đúng cốt lõi của sinh mệnh, nắm được đại toàn của trời đất, tinh thần người cũng giống như con rồng bay không gì không đặng, ngao du trong khoảng mệnh mông hư vô của vũ trụ.

Vì sao đã có tranh cãi đúng sai, lại không nắm được sáo trời?

- Hỏi hay lắm! Lận Thả, trong thời kỳ hồng hoang mông muội cổ đại, đạo trời và ngôn luận hợp với nhau làm một. Đạo chưa hề có khu vực, lời nói chưa hề phải theo thói thường. Lúc đó, con người mở miệng là đạo, không có chi để tranh cãi đúng sai yêu ghét. Lĩnh vực đạo là một thứ đại toàn, là một thứ mịt mùng; từ khi có phân biệt phải trái yêu ghét, đạo bị tổn hại, bị huỷ diệt, bởi

chúng phải trái yêu ghét là mặt đối lập của đại toàn và mịt mù.

- Nhưng người ta ai cũng cho những lời bàn cãi của mình là đúng, không hề có chút yêu ghét, thiên kiến, thế thì làm thế nào?

- Lại đây, ta giảng cho người nghe cái lẽ của “Biện vô thắng” (không thể thắng bằng tranh cãi). Thực ra, bất cứ lời nói của ai đều có mặt đúng, đồng thời cũng có mặt sai. Được là được, không được là không được. Vật, có chỗ là phải; vật, có chỗ là được. Không vật nào là không phải, không vật nào là không được. Nhưng nói một cách khác, không có lời lẽ nào hoàn toàn chính xác. Cho nên, từ trong các lời lẽ tìm lấy một khái niệm hoàn toàn chính xác là không có. Biện pháp duy nhất là hoà hợp với thiên nghệ, nhân đó từ từ mở rộng, cho đến cuối đời.

- Thế nào là hoà hợp với thiên nghệ?

- Thiên nghệ tức là đạo trời. Là đúng mà cũng không đúng, nên mà cũng không nên, cái đúng nếu quả thực là đúng, thì cái đúng đó khác với cái không đúng, cũng không phân biệt được. Cái nên nếu quả thực là nên, thì cái nên đó khác với cái không nên cũng không phân biệt được. Quên ngày quên tháng đạo đức luân thường, dạo chơi trong cõi vô cùng.

Nói xong, Trang Chu đem đoạn nói chuyện này viết vào thiên văn chương.

Trang Chu nghĩ đến hồi còn trẻ bên đầm Mông Trạch, ông đã mơ thấy mình biến thành bướm vui thú, bay trên không trung. Phần cuối của tề vật luận, nên có thể đạt đến mức ta và vật hoà vào nhau để cùng quên, giữa ta và vật không còn ranh giới, nên phần kết của thiên, ông dùng cách thể hiện chính mình, chứng tỏ cho mọi người thấy cảnh vui thú khi mọi vật đều ngang nhau (tề vật)

“Trước đây, Trang Chu có một giấc mơ, trong mơ ông hoá thành bướm. Ông biết mình là một con bướm, tự do ung dung bay đi bay lại, tâm trí rất vui vẻ, hoàn toàn không biết mình là Trang Chu. Sau khi tỉnh, mới thấy mình đúng là Trang Chu. Giấc mơ vừa rồi, Trang Chu trong mơ hoá thành bướm, hay là bướm trong mơ hoá thành Trang Chu. Trang Chu và bướm, vốn khác nhau; nhưng trong mơ lại hoá thành một. Đó gọi là cõi vật hoá.”

Trang Chu mơ bướm ban ngày!

Con người nếu có thể một lúc nào đó quên chính mình, đạt đến mức hoà vào làm một với muôn vật, muôn vật sẽ tự nhiên bằng nhau. Người đời ơi, cõi vạn vật ngang nhau, thực ra không xa xăm, chỉ cần khi nhìn vào muôn vật quên giới hạn giữa vật và ta, quên ham thích của riêng mình, là

có thể hoà cùng vũ trụ đất trời. Các người sẽ có được vẻ đẹp lớn lao, các người sẽ có được niềm vui lớn lao, niềm vui đó không thể thể hiện được bằng lời văn tự; nó chỉ có thể lắng lại nơi lòng những ai hiểu về đạo.



II

Sau khi hoàn thành hai thiên “Tiêu dao du” và “Tề vật luận”, Trang Chu quyết định tạm thời ngừng viết sách, đến thăm Tử Khánh. Ông muốn hỏi ý kiến Tử Khánh. Tử Khánh tuy chỉ là người thợ mộc, trình độ văn hoá không cao, nhưng kỹ thuật điêu khắc của ông lại chứa đựng triết lý sâu sắc, là một đồng đạo tài hoa.

Tử Khánh đã về nghỉ tại nhà, có con trai thay thế công việc. Ông tuy hơn Trang Chu hơn chục tuổi, nhưng trông ông chỉ như người ngoài sáu mươi, tinh thần vẫn quắc thước. Ông rót hai chén rượu vui đón ông bạn già đến thăm.

Trang Chu hớp rượu nói.

- Rượu ngon! Rượu ngon! Giống như sách của tôi!

- Sách của ông! Tử Khánh vẻ lạ lùng hỏi.

- Đúng, gần đây tôi viết hai thiên văn chương, đang định nghe ý kiến ông - Nói xong, ông lấy ra hai thiên “Tiêu dao du” và “Tề vật luận” đưa cho Tử Khánh.

Tử Khánh đọc một hơi xong, vỗ bàn kêu lên:

- Sách hay! Sách hay! Giống như rượu của tôi!

- Tôi thấy ý vẫn còn, định viết tiếp.

- Nên! Tôi tuy là người thô lỗ; nhưng cảm thấy những điều ông viết, so với lời lẽ của Khổng, Mặc, chẳng những ý tứ sâu xa, mà văn phong lại bay bổng, đúng là có hạng trong thiên hạ.

- Quá khen. Nhưng trước mắt vẫn gay về hướng mới.

- Theo ý kiến tôi, nên viết một thiên từ góc độ dưỡng sinh.

- Cao kiến! Cao kiến! Ông đúng là thầy của tôi.

Hôm sau, Trang Chu trên đường về, trong đầu lúc nào cũng hiện lên mấy danh từ “Dưỡng sinh - kỹ thuật - đạo”. Trong kỹ thuật mộc, chứa đựng phong phú lẽ dưỡng sinh, Tử Khánh nói đúng: “lấy trời hợp với trời”. Lấy trời trong ta hợp với trời của vật, là có thể bơi lội tự do ung dung trong biển lớn đời người.

Vừa vào đến nhà, Trang Chu cũng chẳng để ý đến tiếng gọi của Nhan Ngọc, người quay vào bàn

viết nhanh, chỉ sợ câu chuyện ngụ ngôn trong bụng chạy mất:

“Bào Đình mổ bò cho Văn Huệ Quân, động tác tay đẩy, vai đưa, chân đạp, gối tỳ; tiếng da xương lìa nhau; tiếng dao cạo, cắt đều nhịp nhàng, động tác phối hợp thành thạo uyển chuyển như điệu múa “Tang Lâm”; khi cắt thịt, phát ra âm thanh giàu tiết tấu nghe như điệu nhạc “Kinh Thư”.

Văn Huệ Quân xem, như ngây ra, khen:

- Hay thật! Kỹ thuật giết bò đến thế là cùng!

Bào Đình buông dao, thưa rằng:

- Chỗ thần ưa thích, là dao; điều đó còn cần thiết hơn kỹ thuật của bản thân. Khi thần mới vào học nghề mổ bò, nhìn con bò, là một con bò nguyên vẹn. Ba năm sau, thoát nhìn một cái, từng khớp xương thớ thịt của nó đã ở trong lòng, không xem nó là một con bò nguyên vẹn nữa. Hiện nay, thần chỉ dùng ý niệm để nhận biết, mà không dùng mắt nữa, giác quan đã dừng lại, còn tinh thần vận động tự nhiên. Thuận theo các thớ tự nhiên trên mình con bò, luồn dao vào kẽ của gân, bấp mà cắt, theo đó mà đến chỗ hở của khớp xương. Đưa dao thuận theo cấu tạo vốn có của bò, dù cho những chỗ kinh lạc giao nhau cũng không chạm đến dao, hướng chỉ xương đầu lại to! Người đầu bếp giỏi một năm thay dao một lần, vì bọn họ dùng dao cắt thịt; người đầu bếp thường một tháng thay dao một lần, vì họ

dùng dao chặt xương. Con dao của thần hiện dùng đến nay đã qua mười chín năm rồi, số bò đã mổ đến hơn một nghìn con, mà mũi dao vẫn như mới mài trên đá vậy. Giữa xương có khoảng trống, mũi dao thì mỏng, dùng mũi dao mỏng lóc vào khoảng không của khớp xương, rõ ràng là thênh thang, tha hồ đưa mũi dao nên dao của thần dùng đã lâu, vẫn cứ như mới mài. Tuy vậy, mỗi khi gặp phải chỗ gân xương bó chắc, thần lại phải cẩn thận, mắt nhìn chăm chú, tay chân nhẹ nhàng. Sau đó, mũi dao trong tay lách nhẹ, con bò roạt roạt mổ xong, rời ra như đất, còn con bò thì chưa biết là nó đã chết. Lúc đó, thần cầm dao đứng lên, nhìn ra xung quanh, cảm thấy niềm vui tự do, vừa lòng, thoải mái, lâng lâng trong người. Thần lau sạch dao, cất đi, rời xa chỗ thịt bò.

- Hay quá! Ta nghe người nói, hiểu được cái lẽ của đạo dưỡng sinh."

Viết và viết, cây bút trong tay, Trang Chu, hầu biến thành dao trong tay Bào Đình, trên ba thước lụa thả lòng vung vẩy. Ông buông bút đứng lên, nhìn ra bốn phía, tần ngần như cảm thấy vừa lòng. Đúng, người đời đều xem thường những người thợ, cho họ là tầng lớp cuối cùng của xã hội; nhưng sức lao động của họ đã đem lại nhiều thứ đẹp đẽ, qua các loại kỹ thuật họ đã đạt đến mức, tâm và bàn tay hoà vào làm một, đạt đến độ ta và vật đều

quên. So với những ai suốt ngày bàn về đạo dưỡng sinh, lại không hiểu một tí gì; những người thợ, chính họ có đầy đủ tư cách là người gánh vác đạo.

Ông hớp một hớp rượu, đọc lại thiên ngụ ngôn từ đầu đến cuối, ngẩng đầu nhìn con rồng bay của Tử Khánh tặng, một thoáng lâng lâng.

Các triết gia từ xưa đến nay, tầm mắt đều nhằm vào sự đổi thay của triều đại, đất nước hưng hay suy, bọn họ đâu biết, chân lý thực ra quá đơn giản, nó nằm trong từng cử động của mọi người trong sinh hoạt hằng ngày. Chỉ cần vứt bỏ mọi thứ bên ngoài cuộc sống, thực thà làm những việc mình cần làm, một lòng một dạ, thân dần vào trong, không chia ta vật, vật ta hoà làm một, thì ai cũng đạt được lẽ của đạo dưỡng sinh, như Tử Khánh, tuổi ngoài bảy mươi, tóc hạc mặt trẻ con, không có vẻ già yếu. Kiến thức con người có nhiều, ham muốn càng nhiều, thất vọng càng nhiều, đó là kẻ địch lớn của dưỡng sinh! Không biết, không ham muốn, thanh tĩnh điềm đạm, cuộc sống sẽ nhẹ nhõm ung dung. “Cuộc sống của ta có hạn, mà sự hiểu biết là vô cùng, đem cái có hạn để đeo đuổi cái vô cùng, nguy hiểm thay!”

Sau đó, Trang Chu mới đặt đầu đề cho thiên đó: “Dưỡng sinh chủ”. Căn bản của dưỡng sinh phải ở chỗ yên tĩnh về tinh thần, chẳng phải ở chỗ cao quý của địa vị. Làm vua một nước như Văn Huệ

Vương, cũng còn muốn học ở Bào Đình lễ của đạo dưỡng sinh. Người đời ơi! Hãy xem người nông dân nơi thôn dã, thợ thuyền nơi thành phố, họ không đọc nhiều sách, một số người không biết chữ, nhưng cuộc sống của họ nhẹ nhàng thoải mái, không buồn lo.

Hãy bỏ việc đeo đuổi danh lợi và hiểu biết, hãy gìn giữ lấy tính đời cân bằng và yên tĩnh, giữ lấy, nguyên khí tự nhiên của mỗi người. Sinh mệnh quý lắm, cuộc sống chỉ có một lần. Nhận biết được một khắc giữ gìn một khắc, hưởng thụ một khắc!

Trang Chu đang sửa thêm, nhuận sắc thiên “Dưỡng sinh chủ”, một người nước Ngụy sang làm ăn đưa đến một phong thư của Huệ Thi. Ông giở ra đọc, trong thư viết:

“Từ ngày đệ trở về nước Ngụy đến nay, chưa thấy Tương Vương trọng dụng. Nhớ lại lần đi chơi bên bờ ngòi Lương, cảm nghĩ không biết nên về đâu! Nhưng chí mạnh chưa được đền đáp, cuộc sống người dân lầm than, không nỡ buông trôi ở đây.

Nhận được thư, xin đừng lo âu huynh nên rõ cho”

Ôi! Ta từ lâu đã biết có ngày hôm nay, không nghe lời ta, tự chuốc nỗi khổ!

Ông đứng lên, đi đi lại lại trong nhà. Ông phàn nàn cho dững khí của Huệ Thi, đồng thời vì

thân tình với Huệ Thi mà lo lắng; nhưng ông càng tiếc cho tính cố chấp của Huệ Thi.

Vua các nước ngày nay; vô tình, tàn bạo như hùm beo; kẻ sĩ trong thiên hạ, nhao nhao ra giúp Trụ làm điều ác, để cầu lợi danh. Còn người thẳng thắn lương thiện như Huệ Thi đều bị ghẻ lạnh, gạt bỏ.

Người mang nguyện vọng cải lương xã hội; chủ động ra làm quan như Huệ Thi tin là không ít. Muốn thuyết phục lớp người đó lui về ẩn chốn giang hồ, cũng không thể được. Vì họ có một niềm tin vững chắc, có nghị lực hơn người; chưa đến phút cuối cùng của cuộc đời, nhất định không chịu buông cái mà họ đeo đuổi.

Không thể để những người lương thiện đó chết uổng! Một người từ lâu chán ghét quan lại, chán ghét làm quan như Trang Chu, tự nhiên lại nảy sinh đồng tình sâu sắc với họ. Ta cần vì lớp người này viết một thiên văn chương, để họ tuy thân ở chốn quan lại, có thể giữ được mệnh sống. Nghĩ vậy, ông viết đầu đề cho thiên thứ tư: “Nhân gian thế”

Lận Thả đứng xem nói:

- Thưa thầy, “Nhân gian thế” là viết về cách ứng xử ở đời phải không ạ?

- Đúng, mà lại không đúng – Trang Chu chăm chú vào bức thư của Huệ Thi nói.

- Nói như thế là thế nào?

Cách xử thế của “Nhân gian thế” là viết cho những người đang làm quan.

- Thế, thầy lại định ra làm quan sao?

- Đây không phải vấn đề ta định hay không định. Ta viết sách để chỉ cho người trong thiên hạ một con đường sáng. Trên đời vẫn có một lớp người như thế, họ vì hạnh phúc của trăm họ nên mới ra làm quan. Muốn thuyết phục họ lánh đời, không thể được. Cho nên ta muốn gõ một hồi chuông cảnh tỉnh đối với những người này, khiến họ cũng phải học một ít cách xử thế, để tránh đánh mất cả sinh mệnh của chính mình.

- Thưa thầy, thầy đúng là bậc đại từ đại bi.

- Mong sao người đời sau, đều có thể hiểu được nỗi khổ tâm của ta!

Trang Chu ngược nhìn bầu trời xanh; như nói cho mình nghe, như khẩn với trời.

Lần đầu tiên Trang Chu viết ngụ ngôn về du thuyết. Vì muốn thi hành nhân, trước tiên cần phải du thuyết, du thuyết không cẩn thận sẽ mất mạng.

“Sau mấy năm Nhan Hồi theo học với Khổng Tử, định đến du thuyết nước Vệ. Một hôm, ông đến chào Khổng Tử để đi.

- Người đến nước Vệ định làm gì? Khổng Tử hỏi.

- Trò nghe nói vua nước Vệ, - Nhan Hôi thừa đương độ tuổi trẻ, làm việc gì cũng độc đoán, tàn bạo không chừng, xua dân trong nước đi đánh nhau với nước khác, ngoài đồng người chết gối lên nhau, trăm họ không cách gì chịu nổi. Thầy thường dạy chúng trò “Nước loạn thì đến, nước trị thì không”, trò định đến thuyết vua Vệ, ngăn chặn những việc làm tàn bạo của ông ta.

Nguy hiểm lắm - Khổng Tử nói - Người đi như thế chỉ có thể thành con ma dưới lưỡi dao. Người đã chuẩn bị kỹ suy nghĩ gì chưa?

- Trò đã tính toán trong thẳng ngoài cong.

- Nghĩa là thế nào?

- Trong thẳng là giữ nguyên ý định vốn có. Thiên Tử là con trời, ta cũng là con trời, hoàn toàn bình đẳng, ta việc gì phải thấp lời nén thở đến xin người? Ngoài cong là tạm thời uốn mình, giữ lễ bề tôi, lựa ý mà đưa đón, được họ tin dùng.

- Không được đâu! Nhan Hôi. Người làm như thế, kể cả giữ an toàn cho mình cũng khó, còn nói chi đến cảm hoá vua Vệ?

- Như thế thì phải làm thế nào?

- Ta dạy người phép tâm trai (giữ lòng chay tịnh). Chỉ để ý đến tâm của người, không dùng đến

giác quan tai mắt, cũng không dùng đến lo lắng bằng trí não, để cho lòng người chỉ còn lại khí hư tĩnh, ắt tìm được ánh sáng của đạo.

- Sau khi thực hành tâm trai, trò sẽ quên luôn cả mình.

- Hay! Đúng không hổ là học trò giỏi của ta. Giữ lấy khí hư tĩnh đó, thần linh sẽ bảo hộ người, có thể nói hãy nói, không thể nói thì lui. Khiến lòng đạt đạo của một (hoà hợp âm dương là một), bất đặc dĩ mọi hành động, sẽ ít sai vậy."

Sau đó, Trang Chu lại viết truyện ngụ ngôn đi sứ. Hiện nay các nước trọng thiên hạ tranh hùng, người làm bề tôi, việc chủ yếu là đi sứ nước ngoài, hoàn thành sứ mệnh ngoại giao, nếu không cẩn thận, sẽ thân sa vào lưới.

Diệp Công Tử Cao vâng mệnh vua Sở, sắp sang sứ nước Tề. Trước lúc đi, nói với Khổng Tử: vua Sở cử tôi đi, gửi gắm vào tôi rất nhiều trông chờ, gây một sức ép rất lớn. Còn người nước Tề đối xử với tôi, khẳng định rất lễ độ, nhưng chân chừ chẳng giải quyết một vấn đề nào cả. Biết yêu cầu của vua Sở rất cao, nên tôi rất sợ, chưa đi đã phát bệnh nội nhiệt, mỗi ngày ăn hết mấy tảng nước đá, tâm thần vẫn không yên. Tôi biết làm thế nào?

- Đã biết sự tình chắc chắn không thành, bình tĩnh đối với nó như đối với mệnh trời, đó là đức tính cao quý nhất. Ông cũng không nên lo lắng

quá, mặc cho sự việc phát triển tự nhiên, làm người bề tôi, việc không làm được rất nhiều. Gửi gắm nơi ngoại vật, khiến tinh thần của mình đạt được tự do thoải mái, còn những việc không thể làm được như gió thoảng qua tai, giữ gìn thiên tính của mình là được rồi.

Tiếp theo Trang Chu kể truyện ngụ ngôn thứ ba. Chuyện làm thái phó cho thái tử.

Nhan Hạp sắp nhận làm thái phó cho thái tử của Vệ Linh Công, đến xin ý kiến của Cừ Bá Ngọc.

- Thái tử là người đức độ sa sút, tính thích giết người. Nếu tôi bỏ mặc, thì cả dân lẫn nước đều nguy hiểm; nếu tôi dùng phép tắc để ngăn ngừa, sẽ hại đến thân mình. Tôi nên làm thế nào?

Cừ Bá Ngọc trả lời:

- Ông hỏi thật là hay! Cảnh giác thôi! Cẩn thận thôi! Trước hết phải giữ cho khỏi hại đến thân mình. Bề ngoài cần phải tỏ ra thân cận với hần, nhưng trong lòng cần giữ một khoảng cách. Thân cận không thể cùng dòng chung bản, giữ khoảng cách không thể tự theo ý mình. Cùng dòng chung bản sẽ cùng bị diệt vong, tự theo ý mình chuốc lấy tai hoạ.

Gần vua như gần hổ! Dễ thường ông chưa trông thấy người nuôi hổ sao? Không ai dám đem động vật còn sống cho nó ăn, sợ kích thích sát khí

của nó; không ai dám đem động vật còn nguyên vẹn cho nó ăn, sợ kích thích tính hung dữ của nó.

Ông toan dùng lời nói và việc làm của mình để can ngăn thái tử, sẽ giống như con bộ ngựa dùng cánh tay của nó để ngăn bánh xe, tuyệt đối không thể được.

Vừa lúc Tô Ngọc đứng bên cạnh, sau khi xem hết ba câu truyện ngụ ngôn, nói với Trang Chu:

- Thưa thầy, thầy mô tả vua chúa rất sâu sắc. Ví như vua Tống lật lọng không thường, mừng vui không chừng, ông ta còn tàn bạo hơn cả hổ!

- Đúng, đáng tiếc cho nhiều kẻ sĩ chạy vạy tứ tung, không nhận ra điều đó, bọn họ đều bị cái vỏ bên ngoài yêu kẻ sĩ của vua chúa làm cho mê hoặc. Yêu kẻ sĩ, là giết kẻ sĩ!

Qua phần này, Trang Chu lại nghĩ đến mấy năm về trước ở bãi gỗ gặp những cây bất tài. Những bề tôi trong thiên hạ, nếu biết xem làm quan chỉ là một thứ gởi gắm, một biện pháp để bảo vệ mình, thì đâu đến nỗi mất mạng. Nghĩ đến đây, một thiên ngụ ngôn đã hình thành.

Có một người thợ mộc tên là Tượng Thạch, muốn đến nước Tề, khi đi qua vùng có tên là Khúc Hiên, trông thấy cây gỗ đồng, mọc ở giữa làng được dân coi như cây của xã. Cây cao lớn không gì so sánh được. Bóng mát của nó có thể che cho mấy nghìn con bò. Thân cây to đến trăm gang tay, cao

đến hơn mười nhận ¹ chia ra nhiều cành. Thân cây này nếu đem làm thuyền. Có thể đủ vật liệu làm hơn mười cái. Người xúm lại xem cây đông như chợ.

Tượng Thạch liếc qua một lượt, tiếp tục đi. Còn anh phó nhỏ cứ mãi mê ngắm nghía cái cây cao to, chân không rời, miệng tấm tắc khen. Sau khi xem chán, chạy đuổi kịp Tượng Thạch, hỏi:

- Thưa thầy, từ ngày em cầm rìu búa theo thầy đến nay, chưa khi nào trông thấy cây đẹp như vậy, thầy chỉ liếc qua không xem cẩn thận, vì sao?

- Đừng nhắc đến cây đó nữa – Tượng Thạch đáp – Chẳng qua là loại gỗ vân thớ lung tung, thứ cây vô dụng; loại đó đóng thuyền chỉ có đắm, đem làm quan tài chẳng mấy mà mục, không dùng vào việc gì được nên mới cao lớn như thế, chẳng ai thèm chạm rìu búa vào.

Tối hôm đó, Tượng Thạch nằm mơ. Mơ thấy cây đồng xã nói với ông:

- Tượng Thạch ơi, người chỉ biết ta vô dụng, nhưng chính vì vô dụng là nguyên nhân khiến ta

¹ Gang tay ước lượng: 0,20m; 100 gang x 0,2m = 20m, ước lượng đường kính 7m. Nhận: đơn vị đo khoảng 7 thước (0,4m) cây xã cao khoảng 30 đến 40m. Đường kính 7 m. Tỷ lệ này có lẽ cây hơi thấp. (Chưa kể phần của tán cây)

được sống lâu. Người hãy xem tất cả những cây gỗ dùng được có cây chưa kịp lớn đã bị người ta chặt rồi, chỉ vì nó có ích nên bị đời lợi dụng; được dùng sẽ là kết thúc sinh mệnh của nó. Nếu ta cũng có ích, thì sớm đã mất mạng, còn sống làm sao nổi?

Sau khi Tượng Thạch tỉnh, ngẫm thấy những lời nghe trong giấc mơ rất có lý, kể lại cho phó nhỏ nghe. Phó nhỏ hỏi lại:

- Hấn đã muốn trở nên vô dụng, vì sao còn làm cây của xã?

- Đó chính là chỗ cao thượng sáng suốt của hấn, hấn chẳng qua gửi thân vào cây của xã, để tránh được những ai không hiểu hấn, chặt hấn. Nếu không phải là cây của xã, sợ rằng sớm đã bị đám người không hiểu biết dẫn mất rồi.

Cũng có thể, người sau khi xem những truyện này sẽ nói: cuối cùng Trang Chu cũng khó thoát lòng trần! Cho nên mới dạy mọi người làm quan nên như thế nào. Nhưng nỗi khổ tâm của ta, mấy ai đã hiểu! Sống trong thế giới này, trước tiên cần phải đối diện với hiện thực trước mắt. Cứ một mực cổ động mọi người rời bỏ con đường làm quan là không thể được, chỉ cần những ai đang trong trường quan lại có thể giữ được tấm thân máu thịt của mình Trang Chu ta dù có chịu oan uổng cũng cam lòng.

Ở phần kết của thiên này, Trang Chu vẫn không ngại phiến cảnh tỉnh người đời:

“Cây tự chuốc lấy tàn hại, dầu nhựa chịu cháy. Vỏ quế có thể ăn, cho nên bị dẫn chặt; cây sơn có ích, nên bị mổ cắt. Người đời chỉ biết dùng chỗ có ích, nhưng không biết dùng chỗ vô dụng”



III

Thời gian Trang Chu bán giấy cỏ ở chợ Mông Ấp, ông thường trông thấy người cụt chân. Ông không sao quên được ánh mắt tự ty, xấu hổ của người đó; còn có ánh mắt hiếu kỳ, giấu cợt, đặc ý của những người lạnh lặn khi nhìn họ. Dĩ nhiên ông cũng không quên ánh mắt của Tào Thương khi trợn nhìn mình với vẻ khinh rẻ.

Hình dáng bên ngoài với tinh thần bên trong của con người ắt có quan hệ hay sao? Người tàn tật hoặc mặt mũi xấu xí nhất định không bằng người lạnh lặn hoặc mặt mũi xinh đẹp hay sao?

- Ôi! - Trang Chu bỗng thở dài - buồn cho người đời chỉ chú trọng hình thức bên ngoài mà bỏ mất nội tâm bên trong của con người. Khổng Tử cũng đã từng nói: “Ta chưa thấy người nào ham đạo đức hơn ham sắc đẹp vậy”. Thiên hạ ngày nay,

từ trên là quân vương, dưới là trăm họ đều xem thường những người mặt mũi xấu xí. Nhưng bọn họ không biết; bên trong vẻ xấu xí, tàn tật của những người đó chứa đựng nội tâm lớn lao.

Vậy nên ông quyết định viết thiên “Đức sung phù”, để nói với đời, nội dung của con người là trên biết, còn hình thức bên ngoài là thứ yếu. Ông mượn lời Khổng Tử để nói!

“Nước Lỗ có người cụt chân, tên là Vương Đãi. Những người đến chơi, những người đến theo học từ ngoài xa nghìn dặm rất đông. Số môn sinh so với môn sinh của Khổng Tử chẳng kém là bao.

Thường Quý lấy làm lạ, một người cụt chân lấy đâu ra sức hút lớn lao như thế? Ông đến hỏi Khổng Tử:

- Vương Đãi chẳng qua là một người cụt chân, mà cũng chia hai học trò nước Lỗ với thầy. Ông ta không dạy gì cho học trò, cũng không phát biểu nghị luận, thế mà học trò đều cảm như có thu nhận. Dễ thường đúng có cách dạy không dùng lời? Dễ thường đúng có người hình thức thì xấu xí nội tâm lại phong phú hay sao? Người đó là người như thế nào vậy?

- Vương Đãi – Khổng Tử trả lời – đúng là thánh nhân. Khổng Khâu ta không bằng! Ta còn muốn tôn ông ấy làm thầy, huống chi bọn người còn không bằng ta?

- Người cụt chân Vương Đãi – Quý Thường lại hỏi – Đã hơn thầy; nhất định ông ta phải có phẩm chất đặc biệt, phẩm chất đó là gì?

- Bất kể sự vật gì – Khổng Tử trả lời – Từ cách nhìn khác nhau, giữa gan và mật cũng xa như Sở Việt, từ cách nhìn giống nhau, thì muôn vật đều bằng nhau. Vương Đãi nhận thức được điều đó, nên ông ta xem việc mất chân của mình, cũng giống như mất một vốc đất, ông ta giữ gìn được mãi mãi cân bằng tinh thần, không có mừng giận buồn vui.

- Vương Đãi giữ được cõi lòng như thế cũng được, vì sao mọi người cứ phải đến học ông ta?

Khổng Tử nói:

- Người ta không ai đến bên dòng nước chảy để soi mình, mà đến soi nơi nước lặng, chỉ có tĩnh lặng không động mới nắm được muôn vật. Vương Đãi chẳng qua về mặt tinh thần đã điều khiển được muôn vật trong trời đất, ung dung thoải mái, chứ đâu phải chú ý thu hút mọi người.”

Viết đến đây, Trang Chu lại nghĩ ra một câu chuyện ngụ ngôn khác. Trong câu chuyện này, Lão Tử so với Khổng Tử còn cao hơn một bậc.

“Nước Lỗ có một người cụt chân, tên là Thúc Sơn Vô Chỉ. Ông đi bằng gót chân đến gặp Khổng Tử. Khổng Tử trông hình dạng ông liền nói:

- Người không cẩn thận, đã bị mất cả bàn chân, mới đến chỗ ta học đạo, quá muộn rồi!

- Tôi trước đây đúng là không giữ gìn tốt thân thể của mình, - Thúc Sơn Vô Chỉ nói - nhưng hôm nay tôi đến, vì học tập còn quan trọng hơn cả bàn chân. Trời đất vô tư, ơn đức lớn lao. Tôi nghe nói ơn đức của ông cao rộng như trời đất, đâu nghĩ ông cũng lệch lạc hẹp hòi như thế!

Khổng Tử nghe xong, hổ thẹn, nói:

- Tôi thực vụng về hiểu biết ít, lòng đạo chưa sâu. Xin mời tiên sinh vào, Khổng Khâu xin giữ lễ của bậc học trò.

Thúc Sơn Vô Chỉ cũng không khách sáo, nói cho Khổng Tử nghe đạo lý của cuộc sống trong trời đất, Khổng Khâu vô cùng khâm phục.

Thúc Sơn Vô Chỉ đi rồi, Khổng Tử nói với các học trò:

- Các trò cần cố gắng! Thúc Sơn Vô Chỉ chẳng qua chỉ là một người tàn tật, còn có thể đạt được đạo, huống chi các người đều là những người lành lặn?

Sau khi gặp Khổng Tử, Thúc Sơn Vô Chỉ lại đến gặp Lão Đàm, nói với Lão Đàm:

- Khổng Khâu chưa có thể gọi là thánh nhân được, ông ta còn giữ thiên kiến của thói đời, xem thường người tàn tật, ông ta suốt ngày chỉ nghĩ ra

những chuyện kỳ dị, đạo đức vờ, hòng cầu danh lợi. Ông ta đâu biết, những thứ đó đối với thánh nhân chỉ tổ trói buộc.

- Sao ông không nói cho ông ta hay, - Lão Đàm đáp – sống chết chỉ là một lẽ, phải và trái không có gì khác nhau, để cởi bỏ những thứ trói buộc, cho ông ta?

- Người như Khổng Khâu – Thúc Sơn Vô Chỉ nói – bản tính cố chấp, hơn nữa nhiễm đạo sâu, không dễ dàng gì!”

Trang Chu lại nghĩ đến những người có bộ mặt kỳ lạ, xấu xí. Ông cũng là người có bộ mặt không đẹp, từng chịu nhiều ánh mắt lạnh nhạt! Ở trường học, trong nhà trọ, ngoài chợ, ông thường nhận được những ánh mắt khinh bỉ của bọn người ngu xuẩn. Tào Thương thậm chí không muốn cùng ông ra khỏi cửa. Trước con mắt người đời, người có bộ mặt xấu xí là yêu quái.

Ông phát ra lời than này, không chỉ vì chính ông bị người khác xem thường; trong mấy chục năm nay, ông đi qua bao nhiêu miền đất, tiếp xúc với rất nhiều người. Phàm những ai sinh ra có bộ mặt đẹp dễ, đều được mọi người tôn trọng, mặc dù trong bụng chúng rỗng không. Còn những ai sinh ra có bộ mặt xấu xí, việc gì cũng nhận được sự lạnh nhạt, mặc dù họ có phẩm chất rất cao. Điều đó đã

thành nếp phổ biến trong xã hội. Đáng buồn! Đáng buồn!

Ông lại ngoáy bút viết:

“Lỗ Ai Công lấy làm lạ nói với Khổng Tử:

Nước Vệ có một người mặt mũi rất xấu, tên là Ai Đãi Đà. Đàn ông ở với hắn, nhớ không thể rời, em gái trông thấy hắn từ xa, đã đem lòng yêu hắn, có nhiều cô về nhà nói với cha mẹ: “Thà làm vợ bé cho hắn, chứ không làm vợ cả cho người khác!” Đúng là chẳng còn cần gì đến lễ nghĩa liêm sỉ! Sức hút của hắn thực lớn lao.

Trước nay chưa từng nghe hắn phát biểu, chẳng có địa vị gì đặc biệt, trí tuệ cũng bình thường; huống chi, bộ mặt xấu xí của hắn thiên hạ đều biết; sao mà con trai, con gái thấy đều thích hắn như thế, hắn đúng là một người lạ lùng!

Sau khi quả nhân nghe có người như thế, liền cho đòi hắn vào cung, để làm bạn với hắn. Vừa trông thấy hắn, đúng là xấu nhất trong thiên hạ; nhưng quả nhân ở gần hắn chưa đầy một tháng, liền cảm thấy hắn là một người không tầm thường, hắn có một sức hút lạ lùng, một sức hút không thể nào chống nổi, không nói ra được.

Chưa đến một năm, quả nhân nảy ra một suy nghĩ: đem ngôi vua nhường cho hắn. Vì ngày càng cảm thấy, ở trước mặt hắn, quả nhân như một đĩa đèn nhỏ trước vầng dương.

Ai Đãi Đà mới nghe thấy quả nhân đem ngôi vua nhường cho hấn, mặt mày không vui. Trước nay quả nhân chưa trông thấy hấn buồn như thế bao giờ; nhưng sau nửa ngày, hấn cũng nhận lời.

Hòn đá đè trong lòng quả nhân coi như rơi xuống đất. Nhưng chỉ mấy hôm sau. Ai Đãi Đà mất tâm. Hấn cũng không từ biệt quả nhân, một mình rời khỏi cung đình, đi đâu không biết nữa.

Quả nhân suốt ngày thần tứ không yên, như có mất mát, viên đá rơi xuống đất lại đeo vào. Có dễ dàng gì đâu gặp được một người đức tính cao thượng, rồi lại bỏ quả nhân mà đi. Hấn hình như đối với quả nhân, với nước Lỗ, không có chút gì hứng thú. Người như thế thuộc dạng người nào?

Khổng Tử nghe xong, nói:

- Khâu có một lần đến nước Sở, thấy một đàn lợn con ở bên đường, xúm vào bụng lợn mẹ tranh nhau bú. Lợn mẹ đã chết, nhưng đàn lợn con không biết. Qua một lúc, một con lợn con thấy mất mẹ nó không cử động, liền kêu “éc! éc” chạy đi. Các con khác thấy vậy, biết là mẹ nó đã chết, liền chạy tứ tán, rời xa mẹ nó, như cây đổ khi chạy hết.

Vì sao lại như thế? Vì lợn con yêu mẹ nó, không phải yêu thể xác, mà là yêu tinh thần, chủ của thể xác. Mẹ nó chết, tinh thần không còn, cho dù thể xác vẫn nguyên, đàn lợn con cũng bỏ chạy.

Lợn con còn như thế, lẽ nào người lại không rõ điều đó? Tinh thần cao hơn thể xác. Người có thể làm rung động lòng người khác, không phải do bộ mặt, mà là vì tinh thần người đó.

Con người Ai Đãi Đà, tuy bộ mặt xấu xí, nhưng tinh thần hấn dồi dào, phẩm chất cao thượng. Cho nên, hấn không nói, người khác cũng tin hấn, không có công lao, người khác cũng thân cận hấn, thậm chí cả nhà vua cũng bằng lòng nhường ngôi vua cho hấn.

Điều đó nói rõ, một người chỉ cần tinh thần cao thượng; một người tốt không phụ thuộc ở hình dáng bên ngoài”.

Sức tưởng tượng của Trang Chu càng bay càng xa, ông như bay lượn trong cõi hư vô, phát hiện ra hai con người.

“Một người hai chân co quắp, dúm đó tàn tật, không có môi, mọi người nhìn vào cho là yêu quái. Hấn đến du thuyết Vệ Linh Công. Vệ Linh Công rất thích hấn. Lâu dần, Vệ Linh Công nhìn hấn quen đi; khi nhìn người bình thường, hai vai mang một cái đầu, rất khó coi.

Lại một người nữa, mắc bệnh bấu cổ, cổ to như cái vò đựng nước, mọi người nhìn cho là yêu quái. Hấn đến du thuyết Tề Hoàn Công. Tề Hoàn Công rất thích hấn. Lâu dần, Tề Hoàn Công nhìn

hắn quen đi, khi nhìn người bình thường, hai ví mang một cái đầu, rất khó coi”.

Dĩ nhiên đó chỉ là chuyện trong mơ. Trang Chu biết rất rõ, vua chúa không khi nào thích dạng người như thế. Nhưng, hiện thực đã không đẹp dễ, cuộc sống đã không vừa lòng như thế, sao lại không dùng những lời nói viễn vông, những câu chuyện bịa, hư cấu thành cội lý tưởng?

Những lý tưởng như thế, sẽ không thể trở thành hiện thực, mãi mãi chỉ là một ảo tưởng. Nhưng, ảo tưởng đẹp dễ như thế ắt đem lại cho ông một niềm vui bé nhỏ. Những người có bộ mặt xấu xí, có hình thể tàn tật trong thiên hạ, sau khi đọc ngụ ngôn này, từ nơi sâu kín trong lòng có thể nảy sinh mối đồng tình, có thể tìm được một niềm, thông cảm, có thể đem lại cho họ ít nhiều tự tin, thế là đủ.

Lận Thả đem năm thiên văn chương đóng lại cẩn thận, để Trang Chu xem, xem xong, ông nói:

- Lận Thả, thiên thứ sáu này, ngươi đoán xem ta định viết gì?

- Trò bất tài, khó mà đoán được.

- Chương thứ sáu, ta định viết “Đại tông sư”

- Đại tông sư? Là bậc thầy lớn nhất người đời nên học tập sao?

- Đúng.

- Những nhân vật trong mấy thiên trước, chẳng phải đại tông sư hay sao?

- Mấy nhân vật xuất hiện ở mấy thiên trước, tuy có một số hiểu đạo, nhưng vẫn không phải là tông sư với ý nghĩa nghiêm túc của loài người.

- Tông sư của loài người là người như thế nào?

- Chân nhân.

- Thế nào là chân nhân?

- Nói đến chân nhân, khó mà nói hết, lại không có gì để nói. Chân nhân, là một người chân chính, khác với người giả, người không phải người.

Chân nhân, trước kẻ yếu nhỏ không nạt nộ, không cho là oai trước thành công, làm hỏng việc không hối tiếc, làm việc tốt không tự đắc, nên người đó lên cao không sợ, vào nước không chìm, vào lửa không nóng. Người đó có đạo, nên là chân nhân.

Chân nhân, khi ngủ không mơ màng, khi thức không lo lắng. Ăn không cần ngon; thở, sâu rồi lại sâu. Mọi người thở đến cổ họng, người đó thở thấm đến gót chân. Vì người đó hư tĩnh thu vào trong, dẫn khí qua mạch nên thở rất sâu.

Chân nhân không thích sống, cũng không sợ chết. Lặng lẽ đến cõi đời, lặng lẽ xa cõi đời. Người đó không quên nơi khởi đầu của sinh mệnh, nhưng cũng không tìm tòi nơi cuối cùng của sinh mệnh.

Chân nhân, nội tâm luôn luôn là một, cử chỉ điềm đạm, gương mặt bình thản. Người ấy nổi giận, như mưa gió mùa thu, người ấy vui vẻ, như tia nắng mùa xuân. Vui giận của người ấy thời tiết bốn mùa thay đổi, tự nhiên mà nên.

Lận Thả nghe xong, khen ngợi:

- Thưa thầy, thầy nói ra đã là văn chương, thầy dùng lời mô tả nội tâm và phong cách chân nhân cứ như thơ, nghe đã thấy hay, lại có thể khơi dậy trong tâm hồn mọi người. Có phải thầy cũng dùng ngụ ngôn để miêu tả cuộc sống của chân nhân.

- Đúng, Lận Thả người đúng không hổ là học trò của ta. Đúng! Ta lại viết một câu chuyện ngụ ngôn.

Lận Thả đứng bên xem, thấy Trang Chu viết:

“Tử Tự. Tử Dư, Tử Lê Tử Lai, bốn người nói với nhau:

- Ai có thể lấy hư vô làm đầu mình, lấy sinh mệnh làm cột sống của mình, lấy cái chết làm móng đất của mình, ai biết được sống chết còn mất chỉ là cái lẽ của nhất thể, ta sẽ kết bạn với người đó.

Cả bốn người nhìn nhau cười, không có gì trái với lòng mình, nên kết với nhau làm bạn.

Sau một thời gian, Tử Dư ốm. Tử Tự nghe tin đến thăm. Tử Tự vừa vào đến cửa, thấy Tử Dư ốm rất nặng, thân thể dúm lại. Tử Tự thấy vậy, không những không kinh sợ, mà còn khen:

- Lớn lao thay! Tạo vật đã làm bác nên thế này! Lưng thì gù, giơ cả xương sống, ngũ tạng lại ở trên, đầu óc thì ở chỗ rốn, vai cao hơn đầu, núm tóc thì dựng ngược.

Tử Dư cũng biết, sự thay đổi của hình dáng là do khí âm khí dương không điều hoà; cho nên ông thản thoi như không có chuyện gì. Nghe Tử Tự nói, ông lom khom ra soi mình xuống giếng ở ngoài sân, cảm động nói:

- Than ôi! Tạo hoá làm cho tôi nên hình dạng như thế này!

Tử Tự nghe vậy, hỏi:

- Bác thấy ghét sao? Bác thấy sợ sao?

- Không! Làm gì tôi phải ghét? Làm gì tôi phải sợ? Giả như tạo vật hoá cánh tay trái tôi thành gà, thì tôi có thể khiến nó gáy sáng; nếu hoá cánh tay phải tôi thành hòn đạn, thì tôi sẽ dùng nó kiếm chim nướng ăn; nếu hoá móng vuốt của tôi thành bánh xe, tôi sẽ dùng tinh thần làm ngựa, điều khiển nó, dong chơi ngoài cõi lục hợp, đỡ cho tôi phải ngồi xe. Cái được, chỉ là ngẫu nhiên của thời cơ; cái mất cũng là tất nhiên của xu thế, yên tâm về được mất của thời cơ và xu thế,

buồn vui sẽ không nhen ở trong lòng. Tôi có gì mà buồn! Tôi có gì mà sợ!

Lại qua một thời gian, Tử Lai bị ốm nặng, thở hổn hển, gần chết. Vợ con ông vây ở bên, khóc lóc rất thương tâm.

Tử Lê đến thăm Tử Lai, vừa lúc người nhà đang khóc lóc. Ông đứng ở cửa quát:

- Đừng khóc! Xa ra! Các người không nên sợ sự biến hóa của tự nhiên, đó là việc thường tình, người ta ai mà không chết?

Sau đó, ông cũng không vào an ủi Tử Lai, chỉ đứng ở bậc cửa, nói với Tử Lai:

- Lớn lao thay, lần này không biết tạo hoá lại hoá bác thành vật gì đây? Dem bác chuyển đi sống ở nơi nào? Dem bác hoá thành gan chuột ư? Hay hoá thành cái chân của con sâu nhỏ?

Tử Lai gượng ngồi dậy, hơi thở nặng nề nói:

- Con cái đối với cha mẹ, bảo sang đông không thể sang tây, bảo sang nam không thể sang bắc, bảo sao nghe vậy. Con người đối với âm dương, lại càng không thể trái lại được. Âm dương khiến ta chết, nếu ta không nghe, sẽ là chống lại quy luật của âm dương.

Đạo lớn (tự nhiên) cho ta hình hài, cho ta sinh mệnh, cho ta lớn lên, lại khiến ta chết. Ai cho ta sinh mệnh, người ấy thu về sinh mệnh của ta.

Thợ sắt đúc sắt, cục sắt nhảy lên nói:

“Ta muốn thành thanh kiếm Mạc Da!” – Người thợ sắt cho đó là một khối sắt quái gở; ta hôm nay chợt có được hình người, lại cả ngày nói:

“Ta là người đây! Ta là người đây!” – Tạo hoá nhất định lại cho ta là một người quái đản!

Ta hôm nay lấy trời đất làm lò lớn, lấy tạo hoá làm thợ sắt, tùy theo cái đã đúc nên, nên thứ gì mà chẳng như nhau?

Nói xong, liền hệt như người ngủ, hai mắt nhắm lại nhẹ nhàng.”

Lận Thả đứng bên xem, văn Trang Chu không thêm một dấu chấm, viết liền một mạch. Trang Chu buông bút, cười nói:

- Chân nhân như thế nào?

- Chân nhân như thế này, đúng là quá giỏi – Lận Thả nói – Đọc vào khiến con người thoát được trần tục, cơ trời tự rõ, vật và ta đều quên lẫn nhau, thân và tâm đều được nhẹ nhõm.

Trang Chu hớp một hớp rượu, ông cảm thấy vị men như ngấm vào khắp cơ thể. Người ông lâng lâng, không gì ràng buộc. Suy nghĩ của ông nhập với men rượu, bay bổng:

“Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phán, Tử Cầm Trương, ba người định kết bạn. Cả ba cùng có một câu nói:

“Ai có thể làm bạn với nhau ở chỗ không làm bạn với nhau, giúp nhau ở chỗ không giúp nhau? Ai có thể lên trời, dạo chơi trong mây mù, giơ tay sờ vào cỏi vô cực? Quên sống chết; không biết từ đâu đến, và cũng chẳng biết về đâu”.

Ba người cùng nhìn hiểu nhau, trong lòng không có gì thấy trái, trở thành bạn tốt.

Qua một thời gian Tử Tang Hộ chết, chưa đến ngày chôn cất; Khổng Tử sai Tử Cống đến viếng.

Tử Cống đến nhà Tử Tang Hộ, vừa đến cửa thấy Tử Cầm Trương đang lựa cây đàn, Mạnh Tử Phán đang viết ca khúc. Bọn họ cũng không để ý gì đến Tử Cống; bên thi thể của Tử Tang Hộ, một người đàn, một người hát; hát rằng:

Hát cho Tang Hộ nghe!

Hát cho Tang Hộ nghe!

Bác đã về nơi đó,

Còn ta vẫn làm người a.....!

Tử Cống nghe, cho là quá càn rỡ, vội bước vào trong nhà, nói:

- Hát bên xác chết, thế là hợp với lễ chăng?

Hai người nhìn nhau, nói với Tử Cống:

- Ông làm sao biết được ý nghĩa chân thực của lễ!

Tử Cống ra về, đem những điều mắt thấy tai nghe nói với Khổng Tử, và hỏi:

- Hành vi không sửa sang, thả mình ngoài thân xác, hát bên xác chết, sắc mặt không thay đổi, đó là kiểu người gì vậy?

- Những người đó là người côi ngoài – Khổng Tử đáp – Còn ta và người là người ở côi trong, trong ngoài khác xa nhau, đạo khác nhau, nên không thể hiểu nhau, người đến viếng, là sai lầm của ta vậy!

Những người đó là bạn của tạo hoá, tinh thần rong chơi trong trời đất. Họ xem sự sống như trên mình mang cái bấu, chết tức là đã mất đi cái bấu. Họ quên hết cả gan mật, quên tai mắt, không biết đâu là manh mối, ung dung ngoài lục hợp, bọn họ làm sao có thể giữ thứ lễ của côi đời tục được?

- Như thế thầy bằng lòng làm người của côi ngoài, hay làm người của côi trong?

- Ta tuy kém cỏi, nhưng cũng bằng lòng cùng với các người học người ở côi ngoài.

- Học như thế nào?

- Con cá chỉ ở trong nước, mới có thể nhận biết niềm vui; người cũng chỉ ở trong đạo mới có thể nhận biết niềm vui. Cá có nước được nuôi nấng, người có đạo thì lòng tĩnh lặng. Bởi vậy nên nói: cá dần quên sông hồ, người dần quên đạo thuật.

- Những người lạ lùng đó, thật là khó hiểu.

- Người lạ lòng đó, đối với một số người mà nói thật là lạ lắm, nhưng lại hợp với thiên tính của tự nhiên, bởi vậy nên thành chân nhân. Cho nên có thể nói: đối với tính trời mà nói là kẻ tiểu nhân, đối với mọi người mà nói lại nó là bậc quân tử, đối với tính trời mà nói là bậc quân tử, đối với mọi người nói lại là kẻ tiểu nhân.”

Bụp! Bụp!

Nhan Ngọc đang đập cỏ ở bên.

Trang Chu buông cây viết trong tay đến bên vợ, định đỡ lấy cái chày ở trong tay bà.

- Bà đi nghỉ một lát đi, để tôi đập cho.

- Ông còn phải viết sách; trông ông, mấy tháng nay ôm lấy bàn không đứng lên, đã gây đi bao nhiêu – Nhan Ngọc không buông tay.

- Tôi gây đi sao?

- Không tin ông hỏi Lận Thả. Nhà mình ít có thịt ăn, ngày nào cũng đạm bạc, ông viết sách lại mệt óc, sao lại không gây được?

- Có tiền không mua được lão già gây này đâu?

- Thế mà cứ kiểu này không đầy một năm có lẽ rồi ông xuống đất.

- Xuống đất thì xuống đất, chân nhân chẳng đã quên sống quên chết rồi sao?

- Cái gì là quên sống, quên chết, đừng có nói chuyện mơ giữa ban ngày. Nói đúng ra, ông cũng cần thanh thoi một tí, làm mệt quá, không hại đến dưỡng sinh hay sao?

- Ô! Bà lại lấy gậy ông đập lưng ông! Chẳng quá, những khi hứng đến, đặt bút không thể ngừng lại!

Ông cầm bàn tay thô tháp của người bạn đời già, áy náy nói:

- Nhan Ngọc, suốt đời bà sống với tôi, chịu quá nhiều khổ!

- Khổ thì cùng khổ cả, có đủ cơm ăn là được rồi, so với trước chẳng đã hơn nhiều hay sao? Ông còn nhớ cái hôm trời mưa to, con đói không ngồi dậy được, ông đi vay gạo không?

- Nhớ chứ, làm sao mà quên được?

Thế là Trang Chu lại nghĩ ra một chuyện ngụ ngôn, trong đó một nửa chính ông trải qua, một nửa hư cấu:

“Tư Dư và Tử Tang là đôi bạn thân. Trời liên tục mưa hơn mười hôm, nước ngập cả đường cái, cuốn trôi cả hoa mầu.

Tử Dư nghĩ bụng: “Sợ... Tử Tang đã hết cái ăn!” liền đem chỗ gạo còn vừa một bữa nấu lên. Dùng lá sen bọc lại, cho vào trong bọc, đội mưa đến thăm Tử Tang.

Ông đến cửa nhà Tử Tang, vắng vắng nghe có tiếng người hát ở trong nhà.

Ông đẩy cửa nhìn vào, Tử Tang đối diện nổi da mặt xám ngoét, kiệt hơi sức. Nhưng trong lòng ông vẫn thanh thoi vững vàng, ung dung, như thường, ngồi bên bàn vừa đàn, vừa hát, hát rằng:

Lẽ nào là cha?

Lẽ nào là mẹ?

Lẽ nào là trời?

Lẽ nào là người?

Ông hát dường không ra tiếng, lời hát như nghẹn lại khi nhanh khi chậm. Tiếng hát như từ đất vọng lên, như nhỏ nhẹ mỏng manh, như tấm thân gầy yếu của ông cũng không mang nổi thứ âm thanh nhỏ nhẹ đó.

Tử Dư bước vào, lấy cơm từ trong bọc ra, đặt lên bàn, Tử Tang không nói một lời cảm tạ, liền ăn ngấu ăn nghiền.

Đợi Tử Tang ăn xong, Tử Dư hỏi:

- Bác làm sao mà hát như thế? Ý là thế nào?

- Mấy hôm nay mưa to gió lớn, tôi đối diện nổi đầu vầng mắt hoa. Tôi nghĩ ai làm cho tôi đến nông nổi này? Tôi nghĩ mấy hôm cũng không ra. Cha mẹ há lại muốn cho tôi nghèo khổ như thế này ư? Đức của trời đất, cao cả vô tư, nên trời đất cũng không để cho tôi khổ.

Cuối cùng, tôi chẳng còn cách nào, chỉ còn quy vào mệnh. Mệnh, tất cả đều do mệnh!

Nói xong, lại gảy đàn và hát:

Lẽ nào là cha?

Lẽ nào là mẹ?

Tử Du cũng vỗ tay hoà theo nhịp.

Lẽ nào là trời?

Lẽ nào là người?

Mưa vẫn tầm tã. Hai vị chân nhân ở trong ngôi nhà lá, hát đi hát lại một ca khúc giản đơn. Trong lòng họ, tinh thần sôi động, đem lại sức mạnh vô cùng.”



IV

“Tiêu dao du” “Tề vật luận” “Dưỡng sinh chủ” “Nhân gian thế” Đức sung phù” “Đại tông sư” sáu thiên văn chương, sau khi đã viết xong, Trang Chu thở một hơi dài, bụng nghĩ: nhiệm vụ viết sách đã hoàn thành.

Vào một bữa cơm tối, Trang Chu và Lận Thả uống rượu nói chuyện văn chương, vô cùng hào hứng, họ uống đã nhiều mà không hề biết.

- Người đời nếu đọc sáu thiên văn chương của ta, hiểu được nội dung, hẩn thân sẽ dạo chơi ngoài cõi lục hợp – Trang Chu đắc ý nói.

- Đúng! Thưa thầy, sáu thiên văn chương này, đọc riêng ra lấp lánh như hạt minh châu toả sáng, đọc gộp lại như sông lớn chảy xuôi ào ạt. Đúng là một kỳ văn trong thiên hạ.

- Ta Trang Chu sống trên đời này, bất tài vô dụng, chỉ có sáu thiên văn chương này để lại cho đời, cũng không uổng một đời người...

Câu nói đang giữa chừng, ông đã ngáy khò khò ngủ ngay.

Trong mơ màng, ông đến cung đình vua nước Ngụy. Ngụy Vương ngồi ngay ngắn trước bàn, hình như không trông thấy Trang Chu. Ông ta, tay cầm một thanh bảo kiếm, đang ra lệnh cho bề tôi đứng châu hai bên:

- Tập trung hết tất cả quân đội trong nước, đánh sang hai nước Tề Sở! Tiếng ông ta vang lên trên sân rộng.

Một lát sau, trên mảnh đất trung nguyên rộng lớn máu chảy thành sông, xác chết ngập đồng.

Trang Chu lấy cuốn sách ở trong bọc ra, nói với Ngụy Vương.

- Xin đại vương hãy đọc!

Ngụy Vương quay lại nói:

- Trong này không viết làm vua như thế nào!

Bỗng một làn gió nhẹ thổi đến, lại đưa Trang Chu đến công quán ở Khúc Phụ thủ đô nước Lỗ.

Lỗ Hâu nhìn Trang Chu vẻ khinh rẻ nói:

- Thưa ngài, những kẻ sĩ ở nước Lỗ lại mặc quần áo nhà nho, quả nhân vẫn dùng nhân nghĩa lễ trí để làm phương pháp trị an lâu dài!

Thế là trăm họ nước Lỗ, mặt ngày thộn ra, chấp tay hành lễ, dọc bờ sông Chu tiếng đọc ngữ Kinh vang không ngớt.

Trang Chu lại lấy cuốn sách từ trong bọc ra, nói với Lỗ Hâu:

- Xin đại vương đọc-xem.

Lỗ Hâu quay lại, nói:

- Trong này không viết làm vua như thế nào!

- Đế vương! Đế vương! Vì sao đều muốn làm đế vương? Trang Chu bực bội quát lớn.

- Chúng ta cần làm đế vương!

- Đế vương!

- Đế vương!

Vua chúa lớn nhỏ đều gào lên với Trang Chu.

- Đế vương cái gì? Các ngươi đều là đồ khốn! - Trang Chu cũng tỏ ra không kém.

- Giết hấn đi! Giết hấn đi!

- Đốt sách hấn đi! Đốt sách hấn đi!

Một bầy dao búa đầu trâu mặt ngựa đẩy Trang Chu đến bên một đỉnh cao dưới là vực thẳm, miệng quát tháo dữ tợn. Con dao vung lên chém xuống đầu Trang Chu, ông kêu lên một tiếng thảm thiết:

- Ối!

- Ông tỉnh lại đi! Ông làm sao! – Nhan Ngọc túm lấy tay Trang Chu, miện gọi tên:

- Trang Chu! Đây là nhà mình!

- Ta vừa qua một cơn ác mộng – Nỗi sợ của Trang Chu chưa hết, ông đưa tay gạt những giọt mồ hôi còn đọng dưới má.

- Từ lâu rồi ông không nằm mơ, hôm nay sao lại?

- Sách của ta chưa thể kết thúc, ta còn phải viết một thiên nữa – Nói xong ông khoác áo bước xuống giường, đốt đèn, trải lụa, đắm mình vào suy nghĩ.

Nhan Ngọc thấy ông vội vàng như thế, cũng đành tùy chồng.

Đúng, trong sách của ta không viết làm vua như thế nào. Trên từ vương hầu các nước lớn, dưới đến các đại phu các nước nhỏ, có ai là không mơ tưởng mình sẽ làm vua? Còn Trang Chu lại phạm một sai lầm lớn, lại quên mất thuật làm đế vương.

Cái đó cũng không trách được, vì từ trước đến nay ta không thừa nhận đế vương là hợp với đạo trời.

Nhưng người trong thiên hạ, nhất là vương hầu các nước, ý thức đế vương là vô cùng đậm. Bọn họ cứ tưởng cũng như Thượng Đế; xem đất đai, của cải, nhân dân trong thiên hạ như là vật sở hữu, nắm trong tay mình.

Không đúng hay sao, bọn họ chưa thống nhất được thiên hạ, đã đua nhau tự phong là “Vương”; hơn nữa nước Tần và nước Tề, còn xưng là “Tây Đế” và “Đông Đế”. Lại còn một số mưu sĩ khua môi múa mép, suốt ngày đem “tung thì vua Tần, hoành thì vua Sở” treo ở đầu lưỡi.

Đế vương, đế vương, đế vương đúng là bậc cứu đời chăng? Người có tài năng như thế nào thì làm nổi đế vương? Loại đế vương như thế nào mới đúng là đế vương chân chính?

Đế vương chẳng phải là bậc cứu đời, người định làm đế vương làm không nổi đế vương, không có đế vương mới có đế vương chân chính.

Trong lòng Trang Chu tự hỏi tự đáp.

Nhưng trên thực tế, vận mệnh người trong thiên hạ lại nằm trong tay những ông vua chư hầu suốt ngày mơ tưởng làm đế vương. Các vị đó có thể gây chiến tranh, khiến thân xác của trăm họ chết thê thảm dưới làn đao kiếm; bọn họ có thể rêu rao

nhân nghĩa, khiến cho kẻ sĩ hao mòn sinh mệnh trong mấy bộ kinh sách.

Cần phải viết một thiên văn chương có liên quan đến đế vương. Bụng nghĩ vậy, Trang Chu đặt đầu đề cho thiên thứ bảy: “Ứng đế vương”

Đàng đông hừng sáng. Qua một đêm, ông chìm trong suy nghĩ. Khi mặt trời nhô lên, ông ngồi tựa vào bàn, gục xuống ngủ.

Hàng ngày Lận Thả vẫn dậy sớm, anh muốn nhân lúc trời còn mát, ra ngoài cắt cỏ cát.

Khi anh đi qua cửa sổ phòng Trang Chu, thấy Trang Chu gục xuống bàn ngủ. Anh thấy lạ, vào phòng xem, tấm lụa trải trên mặt bàn có đề ba chữ: “Ứng đế vương”

Nhan Ngọc cũng đã dậy, bà nói với Lận Thả:

- Thầy anh, đúng là người lạ lòng số một trong thiên hạ, tỉnh mơ trong lúc nửa đêm, ra viết, chỉ viết được có ba chữ, rồi gục xuống bàn ngủ.

Tiếng nói của Nhan Ngọc làm cho Trang Chu tỉnh ngủ. Ông ngẩng đầu lên chỉ vào ba chữ “Ứng đế vương” nói với Lận Thả:

- Đây là đầu đề của thiên thứ bảy.

- Chẳng đã kết thúc rồi sao? Sao lại còn thêm thiên “Ứng đế vương” – Lận Thả như có ý không thích.

Trang Chu đem giấc mơ đêm trước, căn kê kể lại cho Lận Thả nghe, xong ông nói:

- Thối không tan mây đen, sẽ không thấy ánh sáng mặt trời đẹp, không đào hết đá, đường đi không được bằng phẳng. Đế vương là mây đen, đế vương là đá chắn đường. Chúng ta tuy căm giận chúng, nhưng chúng lại là kẻ địch lớn trong đạo thuật.

- Nhưng mà thầy chỉ viết “Ứng đế vương” đâu phải là “Diệt đế vương”.

- Đó chính là phần cao sâu trong văn chương của ta. Cái ta bảo là đáng làm đế vương, lại không có đế vương.

Lận Thả nghe xong ra ngoài đi làm Trang Chu cầm bút viết:

“Nghiết Khuyết hỏi Vương Nghê và thuật đế vương, bốn lần hỏi, cả bốn lần đều không biết. Nghiết Khuyết cao hứng nhảy lên, chạy đến nói với Bồ Y Tử.

- Nay anh mới biết tính nết của Vương Nghê hay sao? Bồ Y Tử nói - Ta sẽ nói anh hay về thuật đế vương:

Kiểu đế vương như họ Hữu Ngu, không bằng kiểu đế vương của họ Thái. Họ Hữu Ngu tuy không gây chiến tranh, thiên hạ sống yên ổn, nhưng còn đem nhân nghĩa lễ trí để dạy mọi người, nhìn bên

ngoài là để cho mọi người sống theo cách của con người trên thực tế, nhân nghĩa lễ trí trói buộc thiên tính con người, cho nên người thời bấy giờ đều không phải là người.

Họ Thái, trong giấc ngủ không mơ màng, khi tỉnh giấc không cần biết gì, không ham muốn gì.

Trăm họ gọi là con trâu, họ Thái cũng gặt đầu, trăm họ gọi là con ngựa, họ Thái gặt đầu trả lời. Họ Thái sống theo tự nhiên, phẩm chất đạo đức cao thượng. Người thời bấy giờ, tuy không có những giáo điều lễ nghĩa liêm sỉ, nhưng họ sống cuộc sống đúng là của người.

Câu chuyện này, viết ra nhằm phản đối những “Đế vương” muốn dùng nhân nghĩa lễ trí để điều hành thiên hạ. Trạng Chu lại nghĩ đến những “Đế vương” chuyên quyền độc đoán. Ông lại viết câu chuyện:

Hôm đó, Kiên Ngô gặp Cuồng Tiếp Dư. Cuồng Tiếp Dư nghe nói Kiên Ngô ngày trước học thuật đế vương với Trọng Thủy, liền hỏi:

- Ngày trước Trọng Thủy nói cho ông nghe những gì?

- Trọng Thủy nói cho tôi nghe, - Kiên Ngô nói
- người cai quản trăm họ chỉ cần lấy sự yêu ghét của mình mà đặt ra khuôn phép, trăm họ ai dám không nghe?

- Đó là thứ đối trá. - Cuồng Tiếp Dư nói - Dùng phương pháp đó để điều hành thiên hạ, cũng giống như đào một con sông giữa biển khơi, muốn cho con muỗi vác quả núi lớn.

Đúng với phép thánh trị, là sửa ngay tâm tính của trăm họ chứ không phải hạn chế hành động của họ. Để cho họ hành động dựa theo thiên tính của mình, để cho họ làm cái việc mà họ có thể làm và muốn làm.

Con chim thấy cái hại của cung tên, phải vút lên cao để tránh; con chuột thấy cái hại của hun, đào; ắt phải tránh vào dưới gò thờ thần. Trăm họ thấy hình pháp chặt chẽ tàn khốc, ắt phải tránh vào rừng sâu. Thứ đạo lý mà loài chim, chuột cũng biết, dễ thường ông không biết hay sao?

Viết đến đây, dưới ngòi bút của Trang Chu lại tuôn ra câu chuyện khác:

Có một người tên là Thiên Căn đang đi du ngoạn ở đất Ân Dương, đến bên sông Liễu Thủy gặp một người tên là Vô Danh.

Thiên Căn hỏi Vô Danh về thuật điều hành thiên hạ.

Vô Danh vừa nghe, không nể nang nói:

- Đi ngay, ngươi là kẻ tiểu nhân hèn hạ, sao lại đem vấn đề không đâu ra mà hỏi, cũng không biết là làm phiền người khác sao?

Ta gần làm bạn cùng tạo hoá, cưỡi chim thanh hư, bay xa ngoài cõi lục hợp, đến chơi ở làng Vô Hữu (không đâu có), ở giữa cánh đồng mênh mông. Người lại đem cái trò điều hành thiên hạ rác rưởi đó ra quấy rầy ta. Đúng làm phiền người khác.

Thiên Căn không những không đi, mà còn hỏi một lần nữa.

- Người hãy giữ tâm cho điềm đạm, hợp với cõi hư tĩnh, để muôn vật và muôn dân sống và làm theo tự nhiên, không cần dùng ý riêng của mình để hạn chế chúng, thiên hạ tự nhiên là đại tri”.

Như thế, cuối cùng dạng người thế nào mới đáng làm đế vương? Trang Chu bỗng nhớ đến Hồn Độn, vị thần trong truyền thuyết.

Hồn Độn không có mắt, không có tai, không có mũi, không có mồm.

Ông không nhìn thấy không nghe thấy, không ngửi thấy bất cứ một thứ gì, kể cả nói cũng không biết. Sự vật bên ngoài không có gì hấp dẫn ông. Nội tâm của ông cũng không có gì ham muốn nào để chi phối ngoại vật.

Ông là thế giới, thế giới là ông. Ông là chính thể, là vĩnh hằng.

Nhưng ma quỷ phá hoại chính thể đó, phá hoại vĩnh hằng đó. Ông nhìn thấy thế giới, lại mất đi chính mình. Thế giới có ông, lại mất đi sự cân

bằng từ đó về sau, trên thế giới có tri thức, có phải trái, có không bình đẳng có buồn vui và đau khổ.

Về đây thôi, Hồn Độn!

Nghĩ đến đây, Trang Chu mang trong lòng niềm tiếc nuối, viết thiên truyện ngụ ngôn cuối cùng:

“Vua biển Nam là Thúc, vua biển Bắc là Hốt, vua trung ương là Hồn Độn. Có một hôm Thúc và Hốt cùng đến địa bàn của Hồn Độn chơi. Hồn Độn tiếp đãi rất nhiệt tình. Thúc và Hốt nghĩ báo đáp ơn của Hồn Độn đối với họ, cùng bàn với nhau nói:

- Người ta ai cũng có bảy lỗ, dùng để nhìn, nghe, ăn và thở, riêng Hồn Độn lại không có. Chúng ta cần phải giúp, đục cho ông ấy bảy lỗ.

Thúc, Hốt mỗi ngày đục một lỗ, đủ bảy lỗ, Hồn Độn đã chết.”

Đây chẳng những là một niềm tiếc nuối, mà còn là một nỗi trông chờ.

Ông hy vọng kiểu đế vương như Hồn Độn tái sinh, và cũng mong sao kiểu đế vương như Thúc, Hốt chết hết.

Bảy lỗ thông thì Hồn Độn chết.

Bảy lỗ liền thì Hồn Độn sống.

Ngụ ngôn Hồn Độn, trở thành một tuyệt bút của Trang Chu. Hồn Độn không những tượng trưng cho lý tưởng của đế vương, cũng tượng trưng cho lý

tưởng của cuộc sống, lý tưởng của nhân loại, lý tưởng của vũ trụ.

Đâu là cội của cuộc sống chân chính? Hồn Độn!

Đâu là đường ra chân chính của nhân loại? Hồn Độn!

Đâu là nơi nghỉ chân chính của vũ trụ? Hồn Độn!

Về đây thôi, Hồn Độn!”

Sau khi viết xong bảy chương, hai bên tóc mai của Trang Chu thêm nhiều sợi bạc, ông tự trào nói với Lận Thả:

- Người rất hiểu lẽ dưỡng sinh, lại rất vụng dưỡng sinh.

Lao tâm khổ tứ, viết ra bảy thiên này, người có thể hiểu được giá trị thực đó, phóng được mấy ai?

- Thưa thầy, bảy thiên sách này, là một tác phẩm lớn nhất từ khi có văn tự đến nay, nó sẽ bất hủ, nó sẽ truyền mãi mãi cho đời sau.

- Hiểu ta và trách ta, chỉ có bảy thiên này mà thôi!

CHƯƠNG VIII

*Tỉnh giấc mộng lớn*¹

Coi chết như về

I

Bảy thiên văn chương dần dần được lan truyền khắp các nước, các nhân sĩ chuyển nhau đọc, có người cho đây là những lời bàn không căn cứ, người cho là những truyền thuyết dị đoan, người cho là chuyện thần tiên, có người cho là những thiên văn chương hiếm thấy trên đời.

Hậu duệ vương thất nước Ngụy, công tử Ngụy Mậu của nước Trung Sơn đọc xong bảy chương vỗ bàn kêu lên:

- Tuyệt diệu! Tuyệt diệu! Thiên hạ kỳ văn! Ngòi bút Trang Tử phóng khoáng ngang tàng, phong thái thanh thoát, kỳ thú xuất thần, những bài ngụ ngôn ông kể ý tứ sâu xa, bay bổng và

¹ Xuất phát từ chữ: “Thế cục nhược đại mộng” có nghĩa là: mọi vật lộn, tranh giành của đời người chỉ như một giấc mơ lớn.

khoáng đạt hoàn toàn chinh phục Ngụy Mâu, một con người mọi thứ đều cho là dưới tầm mắt.

Ngụy Mâu không chỉ là một vị quý công tử bốc rời, tiêu vàng như đất mà còn là một học giả cởi mở tận tình. Từ lâu ông đã nghe ở nước Tống có một học giả Trang Chu an bản lạc đạo, ngạo mạn coi thường vương hầu. Ngụy Mâu cũng đọc qua một số chuyện ngụ ngôn của Trang được sao chép lan truyền, nhưng chưa thực sự hấp dẫn ông, bởi vì không ít ẩn sĩ trong thiên hạ, đang tôn thờ học thuyết Lão Đam sống trong rừng núi, xa cách với thế giới bên ngoài. Trong con mắt ông, Trang Chu cũng chỉ là một ẩn sĩ. Hôm nay tình cờ bạn ông đưa đến bảy thiên văn chương của Trang Chu viết, ông say sưa đọc như chưa được đọc bao giờ, đến nỗi thị vệ mang cơm đến ông không ăn, cung nữ đến múa ông cũng giận dữ đuổi đi, các quan đại thần và những kẻ quyền quý đến cầu kiến ông cũng cáo bệnh không tiếp.

Suốt ngày đêm ông như bị đắm chìm trong thế giới kỳ diệu ấy. Đây không phải là một quyển sách bình thường. Sách không giảng đạo lý, không có câu chữ hoa lệ mà văn chương lưu loát như nước chảy mây trôi, hàm súc có sức cuốn hút không cưỡng lại được.

Hình như chỉ có sách, người ta quên hết phiền muộn, sầu não, mừng vui, trong cõi trần tục, thả

tâm hồn mình vào trong cõi vô cùng. Nó đẹp như thơ phú, sâu xa như triết học, nồng ấm ngát hương như nắng xuân, êm mát trong lành như gió thu nhẹ nhẹ.

Công tử Mâu ngược lên nhìn, những tia nắng ban mai qua cửa sổ, lòng tràn đầy xúc động. Ông đi đi lại lại trong phòng, hình ảnh con chim đại bàng xoè cánh bay cao luôn lớn vờn trong đầu óc, bỗng nhiên ông muốn cưỡi ngựa ngao du vùng ngoại ô.

Công tử một mình phi ngựa hướng thẳng phía mặt trời đang lên.

- Sống trên đời này được đọc tác phẩm kỳ văn như vậy, quả sống không uổng.

Ông lim dim mắt, mặc cho con tuấn mã phi nước đại về phía cánh đồng mênh mông, miệng luôn lẩm bẩm:

“Trang Tử ơi, Trang Tử, người là một bậc thánh kỳ tài, nói lên được những điều ta nghĩ mà không nói được trọn lời. Ta cho rằng con người không nên sống gò bó, phải tự do tự tại hoàn toàn vứt bỏ cái khuôn phép vừa rộng tuếch vừa giả dối: nhân, nghĩa, lễ, trí.”

Văn Vương và các đại thần bên cạnh ông, còn có những học giả, đều bảo chủ trương của ta là hành động cầm thú, hành động không phải của con người, chỉ có Trang Tử nói đó là hành động của con người chân chính. Những lời nói của ông sao mà

khiến tin phục say đắm lòng người như vậy. “lộc cộc” tiếng vó ngựa vang dồn, cây cối núi đồi dần dần lùi về phía sau, mặt trời mỗi lúc một gần.

Ông cứ thế phi nước đại, mãi đến mười hai giờ trưa mới quay về cung. Bọn thị vệ nóng lòng sốt ruột như kiến bò trên chảo rang, cho rằng công tử đi lạc, vừa thấy ngựa quay về, mọi người mới thở phào nhẹ nhõm.

Công tử Mâu ăn xong cơm trưa ông lại giở sách Trang Tử thưởng thức bảy thiên kỳ văn, người nhà vào thông báo:

- Môn khách của Bình Nguyên Quân nước Triệu là Công Tôn Long xin cầu kiến:

- Công Tôn Long? Có phải Công Tôn Long, người nói “ngựa trắng không phải là ngựa không?”

- Chính ông ta.

- Mời ông ta vào.

Công Tôn Long khoảng hơn hai mươi tuổi đã nổi tiếng khắp làng học tròng thiên hạ nhờ vào tài nghị biện của mình, với luận chứng “ngựa trắng không phải là ngựa”. Sau khi hai người chào hỏi xong, Công Tôn Long nhìn thấy quyển sách lựa đẹp của Công tử Mâu để mở trên bàn. Ông bảo:

- Công tử đang đọc sách gì đấy?

- Sách Trang Tử.

Công Tôn Long nói:

- Ô! Vừa may tôi cũng đang đọc và nghiên cứu bảy thiên văn chương của Trang Tử. Nhưng, nói thực tôi đọc không hiểu được. Công Tôn Long tôi từ trước đến giờ chưa từng thấy văn chương gì mà đọc chẳng hiểu như thế! Toàn chuyện đúng nói thành sai, tốt nói thành xấu, trắng thành đen, không thành có.

Tôi tiếp xúc nhiều học giả, không ai có thể thuyết phục tôi được. Tôi cho rằng tôi là học giả vĩ đại nhất trong thiên hạ, nhưng trước mặt công tử xin không dám...

Còn văn chương của Trang Tử, tôi không nói được câu nào. Không biết có phải vì trí tuệ mình còn thấp quá chẳng hay tài biện luận còn quá hạn hẹp? Công tử đã đọc văn chương của Trang Tử xin cho vài lời, tại sao vậy?

Công tử Mâu ngồi trước bàn, ngẩng mặt lên trời, cười to nói:

- Công tiên sinh có lẽ chưa nhìn thấy con ếch ở giếng nhỉ? “Một hôm ếch nói với con ba ba không lồ ở biển Đông:

“Ta thật sung sướng, ra ngoài có thể dạo chơi nhảy múa nơi lan can thành giếng, lúc về nghỉ ngơi ở khe đá trong giếng, thích chí thì nhảy xuống nước, nước như phủ lên người, nước nâng bổng ta lên. Ta nhảy xuống bùn, bùn cũng chỉ ngập đến bẹn, đến lưng, ngoái đầu nhìn lại con cua, con

nòng nọc, đều không sung sướng như ta. Mình ta, chiếm giếng này, xưng vương, xưng bá. Thật sướng nhất trong thiên hạ chỉ mình ta. Tiên sinh! Vì sao không đến du ngoạn giếng ta.”

Ba ba biển Đông nghe xong, cũng muốn thử đi một lần nhưng khi chân trái của nó chưa thò vào giếng, chân phải đã bị vướng lại rồi nó đành lủi lại nói với ếch:

- Anh ếch này! Tôi phải nói với anh về biển cả. Biển•mênh mông hàng vạn dặm xa, nhìn trời cao vút, nhìn biển xanh thăm thẳm không sao hình dung nổi. Đời vua Vũ mười năm đã chín năm hồng thủy mà biển chẳng thấy nhăm nhè gì. Đời vua Thang tám năm thì bảy năm đã hạn hán, biển cũng chẳng cạn khô. Biển không vì thời gian, ngắn dài, trời mưa nắng mà thay đổi. Đấy chính là niềm vui của biển bao la.

Nghe xong, ếch ta tiu nghỉu, không nói được câu nào”

Bất ngờ, Công Tôn Long thấy Công tử Mâu nắm rất chắc bản lĩnh của Trang Tử viết ngụ ngôn. Công nói:

- Nhưng tôi không phải là ếch nằm đáy giếng và văn chương của Trang Tử cũng chẳng phải là biển cả mênh mông.

Công tử Mâu tiếp tục:

- Trí tuệ của tiên sinh chỉ bó hẹp trong chỗ tranh luận, phải trái mà không hiểu, phải trái cũng có điểm tận cùng của nó, nên không thể đọc hiểu được văn chương của Trang Chu? Điều đó cũng giống như con muỗi định cõng quả núi cao, con kiến muốn bơi qua dòng sông rộng, không thể được!

Văn chương của Trang Tử huyền diệu đến vô cùng, như biển cả mênh mông không dò được, còn trí tuệ của tiên sinh với tài biện luận uốn cong ngòi bút, chỉ thấy tiếng tăm và lợi ích trước mắt, nếu không giống ếch nằm đáy giếng thì giống cái gì?

Tinh thần của Trang Tử sâu tận hoàng tuyền, cao vút trời xanh, chẳng biết đông tây, không luận nam bắc, bốn mặt thông suốt không hề vướng víu, không gò không bó, xuống sâu lòng đất khôn dò, rá ngoài cõi huyền thăm thẳm, tiêu dao vô vi.

Tiên sinh dùng mắt trần đọc, dùng biện luận phân tích sách Trang Tử khác nào nhòm qua ống tre, ống trúc để thám hiểm trời xanh vô cùng vô tận; qua thước con cầm tay để đo đất bao la không cùng, được sao?

Hãy về đi! Công Tôn Long tiên sinh!

Lẽ nào tiên sinh lại chưa nghe câu chuyện của gã thiếu niên Thọ Lăng đến Hàm Đan học cách đi đường, không những không học được dáng đi của

người Hàm Đan; mà còn quên cả dáng đi của mình trước đây, đành phải bò về nhà sao?

Nếu tiên sinh cứ thảo luận với tôi mãi về văn chương của Trang Tử e rằng không hiểu được lẽ huyền diệu sâu xa của sách mà còn quên đi cái nghiệp biện luận tiên sinh đã học được, đánh mất cả tài năng của mình.

Công Tôn Long nghe xong vừa kinh ngạc vừa sợ hãi, một con người luôn luôn tự xưng đệ nhất hùng biện trong thiên hạ, đành há hốc mồm cứng lưỡi, nước da xám xịt như thây ma chết treo, chuồn thẳng.

Từ đó, Công Tôn Long không dám nhắc đến Trang Tử và văn chương của ông với ai nữa. Mấy tháng gần đây, hằng ngày ngủ dậy, việc đầu tiên Ngụy Mâu đọc lại một đoạn trong sách Trang Tử. Một hôm, trời còn rất sớm, vừa choàng dậy, ông cầm ngay quyển “Tề vật luận” ở đầu giường đọc luôn một mạch:

“Những người con gái đẹp như Mao Tường, Lệ Cơ, người đời nhìn thấy nói họ đẹp thật, ai cũng muốn thân gần họ. Nhưng cá nhìn họ thì lặn xuống đáy sâu, chim nhìn họ bay lên trời cao, hươu nhìn thấy họ chạy vào rừng sâu. Người, cá, chim hươu, bốn thứ ấy, cuối cùng ai có thể hiểu được chân tình của chúng trong thiên hạ. Không ai hiểu được! Theo tôi người đời chú trọng phân biệt thiện

và ác thị và phi, một khối hỗn loạn, không phân biệt được tí gì”

- Nói thật tuyệt!

Công tử Mâu không kìm được lòng mình khen.

Ông lại tiếp tục đọc:

“Những lời tôi nói đây đối với những người thông thường là những lời nói quả lạ lắm.

Một vạn năm sau sẽ gặp một vị đại thánh, vị ấy có thể lý giải những lời quá lạ lắm của tôi. Tôi không sốt ruột đâu. Một vạn năm xa vời đấy nhưng cũng gần như một sớm một chiều.”

“Một vạn năm, lâu quá! Tôi đã là một bậc đại thánh, tôi là bạn tri âm của tiên sinh!”

Ngụy Mâu suy nghĩ đặt quyển sách lựa xuống, lẩm nhẩm:

- Ta phải đến nước Tống, đi thăm bậc kỳ tài này mới được.

Không kịp chào tạm biệt phụ vương, Ngụy Mâu cùng hai môn khách khởi hành, qua hơn hai tháng họ mới đến được Mông Ấp nước Tống.

Họ đến cổng nhà Trang Chu, chỉ thấy một cụ già tóc bạc phơ, râu dài phơ phất ngồi tề chỉnh dưới gốc cây trước cửa nhà, mắt lim dim đang dưỡng thần.

Trên cây ve sấu đang cao giọng, một khúc ca thanh thoát vui tươi, chim chóc ở vòm cây chung

quanh ríu ra ríu rít, gõ nhịp hoà tấu. Từng làn gió hiu hiu thổi đến làm xao động chòm râu của cụ, như những cành liễu mềm mại rủ buông.

Trước mặt cụ bày một cái bàn, trên bàn đặt một chiếc đàn năm dây, một nậm rượu, một chén con.

Vẻ mặt cụ hiền từ, ẩn dật, nhàn tĩnh, siêu thoát. Vô số nếp nhăn trên mặt nói lên đời cụ lắm long đong vất vả nên không dễ gì tìm thấy ở cụ một nụ cười rõ nét, về nội tâm không thể nhầm được, đây là một cụ già biết đủ và thanh thoi.

Cụ ngồi trang nghiêm bất động như một pho tượng gỗ, hình như đang ngủ; xa xa là một thế giới âm thanh: ra rả tiếng ve, ríu rít tiếng chim, rì rào tiếng gió đang chìm dần vào cõi hỗn mang không tiếng không hình.

Công tử Mâu đứng cạnh rất lâu, lặng nhìn ông cụ, không cần phải hỏi ông khẳng định ngay đây là Trang Chu. Hơi thở lan toả ra từ người ông cụ đã mách bảo công tử điều đó.

Hơi thở quen thuộc, công tử đã cảm nhận được từ trang sách của tiên sinh, của cá côn, chim bằng khổng lồ, của bướm, của sơn hào hải vị nơi cung cấm, tất cả như hoà quyện vào nhau.

- “Đạo hiển hiện trước mắt mình”

Công tử Mâu tự nhủ với lòng mình.

Công tử ngồi cách Trang Chu mấy trượng, nhận chiếc đàn năm dây từ tay môn khách vừa gảy vừa hạ thấp giọng ngâm:

Phượng ơi! Phượng ơi!

Đức sao mà mỏng

Đời sau không thể đợi

Đời trước không thể theo

Tiếng đàn du dương, thanh thoát bay bổng, tiếng hát trong sáng rõ ràng. Tiếng đàn, tiếng hát như dòng suối trong chảy vào lòng Trang Chu. Ông dần dần mở mắt nhìn chàng trai tuấn tú, thản nhiên đang ngồi trước mặt mình gảy đàn và hát.

Đã có lần Trang Chu hát bài hát này bên bờ đầm Mông Trạch, quen bác thuyền chài rồi hai người kết bạn vong niên. Để tưởng nhớ bác thuyền chài, để hoài niệm một thời niên thiếu của mình, ông đưa nội dung bài ca này vào trong trang văn của mình” “Nhân gian thế”

Hôm nay Trang Chu đã đến tuổi bác thuyền chài xưa, lại gặp một chàng thanh niên chưa hề quen biết hát bài ca ấy.

Trang Chu nghe, cảm xúc dâng tràn, ông không kìm được nữa, đôi tay vỗ vào đàn cũng hát theo chàng thanh niên:

Thiên hạ có đạo

Thánh nhân giúp thành

*Thiên hạ không đạo
Thánh nhân sống yên
Thời buổi bây giờ
Cần tránh hình phạt
Phúc nhẹ như lông
Chẳng mang được gì
Đất sao lắm họa
Biết tránh vào đâu*

Khúc hát hết, tiếng đàn dừng. Hai người, một già một trẻ như chìm đắm trong thế giới âm thanh, hai tâm hồn giao hoà trong tĩnh lặng.

Rất lâu, công tử Mâu rời khỏi chiếc đàn vái tạ:

- Vãn bối công tử Ngụy Mâu nước Trung Sơn xin đến bái kiến tiên sinh.

- Ta và công tử đã thần giao trong lời ca tiếng đàn, hà tất phải hành lễ theo thông lệ. Công tử tên gì từ đâu đến không quan trọng, quan trọng là ta và công tử đã trở thành đôi bạn thắm thiết nghĩa tình.

Hai người nhìn nhau cùng cười, giống như những chân nhân trong thiên “Đại Tông Sư”, tất cả trong im lặng, Trang Chu khoác tay Ngụy Mâu, đồng thời vẫy gọi hai môn khách của Ngụy cùng vào nhà, Lận Thả cũng được gặp mọi người.

Sau khi khách chủ cùng yên vị, Ngụy Mâu nói trước:

- Thừa tiên sinh, đọc văn chương của tiên sinh con người như quên cỗi tục, quên lợi, quên danh như được thần du vào cõi hư vô, nếu đem so với văn chương của Khổng, của Mặc, văn của tiên sinh như từ trời cao rơi xuống, làm thế nào mà tiên sinh viết được như thế?

Trang Chu mỉm cười:

- Văn chương của tôi không phải được viết ra.

- Không phải được viết ra? Công tử Mâu ngạc nhiên hỏi.

- Đúng thế! Văn chương của tôi là máu từ trong tim chảy ra chứ không phải mực chảy ra từ đầu ngọn bút. Khí thiêng của trời đất như luôn quần quanh trong lòng tôi, dần dần hiện ra như tranh vẽ, rồi biến thành chuyện, nó như một dòng chảy không ngăn lại được, như âm thanh tự nhiên phát ra từ sao trời. Đó gọi là “quá dày tát tràn”

- À!

Công tử Mâu như hiểu ra, gật đầu, thế mới lý giải được, vì sao văn chương của Trang Tử như tự nhiên trời đất mà thành, thông suốt trên dưới. Công Tử hỏi:

- Thừa tiên sinh, thế giới mà tiên sinh ca ngợi, làm đắm say lòng người không sao cưỡng lại được. Nhưng trong thực tế cuộc sống làm được những điều như tiên sinh nói đâu phải dễ dàng.

Sau khi đọc văn của tiên sinh, tôi thật sự muốn rời xa cung đình ẩn dật nơi giang hồ, nhưng thật khó dứt bỏ được!

Bây giờ tôi tuy thân ở nơi sơn dã của nước Tống nhưng lòng không sao quên được cung điện nguy nga đồ sộ. Vì sao vậy?

Trang Chu nói:

- Tốt lắm! Anh bạn trẻ ạ! Bạn đã không hề giấu giếm, dám bộc bạch lòng mình nói lên bạn là con người rất thành thực, chỉ có con người thành thực mới giác ngộ được Đạo. Tôi khinh nhất là bọn miệng nói nhân nghĩa đạo đức, nhưng bụng lại là trai trộm cướp, gái dĩ thoã.

Lại đây, ta bảo anh. Anh phải trọng sinh mệnh mình, coi sinh mệnh là trên tất cả, như thế anh sẽ xem rất nhẹ phú quý danh lợi

Công tử Mâu nói:

- Cái đạo lý ấy tôi rất hiểu nhưng tôi hoàn toàn không khống chế được bản thân.

Trang Chu nói:

- Không nên khống chế bản thân, không nên cưỡng ép mình. Khống chế bản thân, cưỡng ép mình, không những không thể quên đi phú quý, mà ngược lại làm cho tinh thần và thể xác mình bị dồn nén mãnh liệt, thế là trọng thương, người trọng thương không thể sống lâu được.

- Thế thì, tôi nên làm gì?

- Không nên vội, hãy từ từ, chỉ cần có cái tâm đến với đạo, tinh thần cầu tiến không ích kỷ, sẽ có ngày nước vào thì vương đầy.

Sau đó hai người còn trao đổi với nhau những điều tai nghe mắt thấy. Trang Chu kể cho Ngụy Mâu những từng trải của mình trong chuyến đi nam du Sở, Việt. Ngụy Mâu cũng kể cho ông cuộc đối thoại của mình với Công Tôn Long về văn chương của tiên sinh. Nghe xong Trang Chu nói:

- Công Tôn Long, con người này tôi đã nghe qua. Ngụy biện của hắn hoàn toàn đi vào ngõ cụt chẳng có ý nghĩa gì. Văn chương của tôi, con người như hắn không tài nào xem hiểu được.

Công tử Mâu còn ở lại nhà Trang Chu một số ngày, lòng đầy sáng khoái, ban ngày cùng Trang đến bờ đầm buông câu hoặc ở nhà xem mẹ con Nhan Ngọc bện giày cỏ, ban đêm cùng ông trò chuyện thâu đêm.

Một hôm công tử Mâu nói với Trang Chu:

- Thưa tiên sinh, văn chương của tiên sinh được lưu truyền trong thiên hạ quá ít, rất nhiều người còn chưa biết. Tôi phải về Trung Sơn, tổ chức nhân tài vật lực, sao chép hàng loạt, tuyên truyền đến các nước.

Trang Chu vuốt vuốt chòm râu lắc đầu nói:

- Hà tất phải làm như thế.

- Không được, sách thiên hạ đọc phần lớn là sách Khổng, Mặc. Họ truyền cho nhau đời này sang đời khác, thầy giảng trò học, còn tiên sinh không tập trung học trò để dạy do đó nhiều người không biết, tôi xin tình nguyện dốc lòng truyền bá trước tác của tiên sinh.

Lận Thả ngồi bên cạnh nói:

- Công tử, ý của công tử rất hợp với ý tôi, chỉ tiếc là tôi không có khả năng. Ở đây tôi đã ghi chép lại những truyện ngụ ngôn hằng ngày tiên sinh đã kể cho nghe, những truyện ngắn tiên sinh viết và những sự tích của chính bản thân tiên sinh, tập hợp cùng bảy thiên văn chương công tử đã đọc, phát hành tất cả được không?

- Tốt quá, cho tôi xem nào!

Lận Thả đưa cả một chồng lụa dây cho công tử.

- Đây, xin mời công tử xem qua.

Công Tử Mâu vừa lật giở xem qua, ngạc nhiên và vui mừng nói:

- Trong này nhiều chuyện sâu sắc lắm!

Thấy công tử Mâu và Lận Thả nhiệt tình như vậy Trang Chu cũng xúc động. Sách hay chẳng phải để thiên hạ đọc sao? Sách không ai đọc hoá ra đồng lụa bỏ đi.

Trang Chu rời khỏi bàn vào nhà trong rút trong ngăn kéo ra tập ông đã viết từ những năm rất lâu: “Đạo Chích bài xích Khổng Khâu” đưa cho công tử Mâu:

- Đây là tập tôi viết lúc thiếu thời, nay tôi vẫn thích. Công Tử cầm để cùng phát hành.

Ngụy Mâu rất cảm kích nói:

- Xin đa tạ tiên sinh.

- Tôi không cảm ơn anh thì thôi. Đằng này anh lại cảm ơn tôi sao!

Nghe xong, mọi người cùng cười.

Sáng hôm sau Ngụy Mâu mang số sách Trang giao cho lên đường về nước Trung Sơn.

Chẳng bao lâu, nhân sĩ các nước chư hầu đều có trong tay tập Trang Tử. Sách của Trang Chu được lưu truyền khắp hang cùng ngõ hẻm trong thiên hạ.



II

Hôm qua Huệ Thi tiếp một nhà hùng biện. Nhà hùng biện khẳng khẳng nói rằng: trong trứng gà có lông, còn Huệ Thi kiên trì rằng: trong trứng gà không có lông.

- Trong trứng gà không có lông, thế làm sao gà con nở ra từ trứng lại có lông được?

- Ông có thấy được lông ở trong trứng gà không? Trong trứng gà rõ ràng chỉ có lòng trắng và lòng đỏ.

- Gà con mở ra từ trứng đã có lông, chả phải là lông ở trong trứng gà là gì?

- Đấy là lông ở trên mình con gà con không phải là lông ở trong trứng gà.

- Đấy là lông ở trong trứng gà!

- Đấy là lông ở trên mình con gà con!

- Lông ở trong trứng gà!

- Lông ở trên mình gà con!

- Trứng gà!

- Gà con!

.....

.....

Hai người tranh cãi đến đỏ mặt tía tai, thậm chí nổi cáu lên nhưng không ai phục ai, không ai thuyết được ai.

Hôm nay Huệ Thi rồi việc, ông đang chỉnh lý lại cuộc tranh luận do môn khách của ông ghi lại, hồi tưởng lại cuộc tranh luận hôm qua, ông thấy cũng có ý nghĩa đấy. Tương Vương đã đặt ta vào vị trí nhân tản, ta lấy tranh luận làm thú tiêu khiển,

không hưởng cũng không được, lòng đầy sầu muộn, không nơi bộc bạch.

Kỳ thực, tranh luận chẳng phải để được thua mà chủ yếu giải sầu làm vui. Lúc tranh luận giữa hai bên cũng chẳng khác chi một cuộc chọi gà, qua một hồi cân nhắc suy ngẫm, tranh luận, khung cảnh đầy kích thích, thật thú vị.

Vài ngày không có người đến tranh luận sôi nổi, gay gắt, ông cảm thấy ngứa ngáy khó chịu.

Ôn cũ biết mới, chả phải vui lắm sao? Xem lại cuộc tranh luận ghi hôm qua, ông nghĩ nếu người ta trở lại một lần nữa, nhất định ông sẽ thuyết phục được.

Huệ Thi tự mình đắc ý lắm, bỗng môn khách của ông vội vội vàng vàng xông vào, trong tay cầm tập sách, thái độ bức dọc nói:

- Tiên sinh, có người công kích tiên sinh trong sách.

- Công kích ta? Sách gì?

Huệ Thi ngạc nhiên hỏi.

- Tập sách tên là “Trang Tử”

- Trang Tử?

Huệ Thi hơi nghi ngờ:

- Đưa đây ta xem.

- Chúng ta chuẩn bị đuổi mấy người bày bán sách này đi! Môn khách phần nộ nói.

- Sách này là của Trang Chu viết, bạn tốt của ta, các chú không phải kinh ngạc lo ngại.

- Nhưng...

- Những điều viết trong sách là sự thực, ta với Trang Chu là bạn thân tình mấy chục năm nay. Chú ra đi, ta sẽ xem cẩn thận.

Cái anh chàng này, lại viết cuộc tranh luận giữa hai chúng ta, thế nào là hữu dụng và vô dụng, hữu tình và vô tình, những cuộc đi chơi trên sông Hào, văn chương trôi chảy, chỉ tiếc quá mơ hồ khó hiểu, mấy người hiểu được ý thật của nó?

Ông đọc cẩn thận một lần “Trang Tử, nảy ra nhiều gợi ý. Về chính trị, công danh không thể quá vội, càng quá vội càng thất vọng nhiều, thất vọng nhiều làm tổn hại đến sức khỏe. Đây là những gì ông dần dần tổng kết được qua mấy chục năm chìm nổi trong chính trường, những gì ông nói thật là chân lý, chẳng qua Huệ Thi tôi không sao làm được.

Trang Chu đã qua trang viết của mình phản đối tôi và các nhà hùng biện lấy tranh luận làm vui, đó là điều chưa đúng của ông. Con người cũng nên linh hoạt, khi sống quá nhàn rồi, lòng đâm ra hoang mang, thì những cuộc tranh luận được suy ngẫm, phân tích kỹ càng, trao đi đổi lại cũng có

thể đem lại cho ta niềm vui lớn, mặc dù những sự việc đưa ra không có giá trị thực dụng gì, âu cũng là cách tạm thời quên đi sầu muộn.

Thời gian trôi, ngày mỗi ngày qua đi, tóc trên đầu Huệ Thi bạc trắng, đã năm năm rồi, ông không gặp Tương Vương. Tương Vương hầu như quên hẳn vị nguyên lão mình mời về.

Ông đã nhiều lần dâng sớ trình tấu, nghị bàn chính sự, trình bày chủ trương yêu nước bãi binh, tất cả đều như hạt cát ném xuống biển, không có hồi âm.

Một hôm, ông đang đi tản bộ một mình trên quảng trường trước mặt vương cung, nơi mảnh đất ông rất quen thuộc, nơi đã bao lần ông ra vào vương cung cùng Huệ Vương mưu việc quốc gia đại sự, bàn luận thế cục trong thiên hạ, lúc bấy giờ lòng ông tràn ngập niềm vui như ngọn gió xuân phơi phới.

Còn bây giờ cảnh còn đây, người đã mất, nước chảy hoa trôi, anh hùng lỡ bước, chỉ còn buồn thương man mác!

Ông nhìn cổng hoàng cung với bao hoài niệm sâu sắc, chuyện cũ quay về trong ký ức, sóng lòng chìm nổi, nước mắt đầm đìa.

Bỗng hai hàng vệ binh, trong tay giáo dài, tề chỉnh xuất hiện từ cổng vương cung, theo sau là

một chiếc xe tứ mã chậm trở rông phượng tiến dần về phía ông.

Huệ Thi vội vàng lau nước mắt, nhìn chăm chú, không nén được niềm vui cuồng nhiệt; đúng rồi, đây là xe của Ngụy Vương!

Nhìn thấy xe, bầu nhiệt huyết trong ông như dâng trào. “Xe của người”, chiếc xe ông đã từng theo sau nó hơn hai mươi năm.

Bây giờ, ông chỉ có thể đứng từ xa nhìn chiếc xe ấy.

Không! Ta phải gặp Tương Vương. Ta tuy già, nhưng đầu óc vẫn còn minh mẫn lắm. Ta cần phải trình bày với người về giải pháp của ta. Thật là cơ hội tốt trời cho!

Bất chấp tất cả, ông xông thẳng đến quỳ trước xe Tương Vương, người lính điều khiển xe sợ hãi vội thít chặt dây cương, hai con ngựa đi trước khựng lại, tiếng va “loảng xoảng” kéo dài.

“Họ ọ...!” Vó ngựa chồm lên phía trước hai bước, va vào đầu Huệ Thi đánh “cộp”.

Người lính đi trước vội vàng quay đầu lại, mười mấy tay giáo xông lên áp sát Huệ Thi.

Ngụy Tương vương thò đầu ra khỏi màn cửa xe quát:

- Tên dân hỗn xược kia ở đâu, dám to gan như thế!

- Thần chính là tể tướng Huệ Thi.

- Huệ Thi?

Tương Vương rất ngạc nhiên, ông già Huệ Thi này ngăn cản ngự giá, có việc gì đây? Ông vẫy tay, lính thu giáo về.

- Có gì đứng dậy nói đi!

Huệ Thi đứng dậy, tiếng đến gần cửa xe nói với Ngụy Tương Vương:

- Đại vương, đại vương quên thần rồi sao?

Tương Vương mỉm cười:

- Huệ công, làm sao ta có thể quên tiên sinh được, tiên sinh là ân nhân cứu mệnh của nước Ngụy.

- Thế, thần đã trình lên đại vương một số số tấu, đại vương đã xem chưa?

- Ta xem rồi, Huệ công! Học thuyết của Huệ công ở thời điểm mười năm về trước rất đặc dụng, nhưng ngày nay là thời đại vũ lực và quyền mưu, học thuyết của Huệ công đã lỗi thời rồi.

- Lỗi thời rồi sao? Chân lý bao giờ cũng vẫn là chân lý chứ!

- Huệ công, ta khuyên tiên sinh hãy nghỉ ngơi bồi dưỡng sức khỏe! Quốc gia đại sự, Huệ Công đã già rồi cũng không nên bận tâm nữa!

Nói xong, ông ra hiệu cho lính khởi giá.

- Hượm đã!

Không biết sức mạnh từ đâu khiến Huệ Thi dám liều mạng giữ xe giá lại.

- Đại Vương! Đại Vương chỉ cần cho thần ba năm thần sẽ làm cho Ngụy thay đổi hẳn.

- Bá thág cũng không được! Huệ công nên về nhà nghỉ thôi!

Tương Vương vẫy tay, người lính giơ roi quất “vun vút” vào không trung, bốn ngựa phi nước đại, xe chạy như bay, xuyết nữa Huệ Thi ngã xoài xuống đất.

Bỗng nhiên ông cảm thấy đôi chân mềm nhũn khuỵu xuống, mắt tối sầm, không biết gì nữa.

Ông già gác cổng vương cung rất kính trọng và ngưỡng mộ Huệ Thi. Nhìn xa giá, binh lính đã đi xa, ông công Huệ Thi đã bị hôn mê ngã trên đất về ngôi nhà nhỏ của mình, bón cho ông một ít nước.

Rất lâu, Huệ Thi mở mắt, cảm kích nắm chặt tay ông lão:

- Đa tạ lão trượng đã cứu mạng.

- Tướng gia! Người nói thế để làm gì!

- Đừng gọi tôi là tướng gia. - Huệ Thi vẻ sầu não nói.

- Trẻ già bách tính Đại Lương này mãi mãi gọi người là tướng gia!

- Đấy là trước kia, còn bây giờ tôi không bằng con chó.

Ông già gác cổng nhìn Huệ Thi, rơi nước mắt:

- Tướng gia! Hãy vui lên! Tất cả đều là do số mệnh mà!

- Đúng thế! Tất cả đều là số mệnh!

Huệ Thi lê bước chân nặng nề rời khỏi cổng vương cung, chậm chạp trở về nhà.

Sách của Trang Chu vẫn để mở trên bàn, ông tiện tay lật xem. Dòng chữ trên sách:

“Suốt đời lao động vất vả nhưng chẳng thành công sống khốn khổ mệt mỏi, lúc già về hưu không chốn nghỉ ngơi. Như thế, thật chẳng đáng buồn sao! Đời người như thế, tuy không chết nhưng liệu sống còn ý nghĩa gì? Thân thể ngày một già yếu khô kiệt, tinh thần ngày một tiêu hao, tàn tạ, há chẳng phải là nỗi bi ai khủng khiếp sao?”

Từng câu từng lời như từng mũi kim đâm nhói vào trái tim Huệ Thi. Đúng thế, ta suốt mấy mươi năm lao tâm khổ tứ trên đất Ngụy, liệu đã có thành công gì? Ta dốc hết tâm huyết, cuối cùng được gì? Được một mái đầu bạc! Một khuôn mặt đầy nếp nhăn! Một trái tim rỉ máu!

“Sao bằng về đi!”

Đối với nước Ngụy, Huệ Thi hoàn toàn tuyệt vọng. Ngụy Vương đã đối xử với ta như thế, ta chân chừ ở lại đây có ý nghĩa gì? Hãy về Mông Ấp quê nhà, nơi ấy ta có ông bạn già Trang Chu, có sông, có núi ta quen thuộc. Gió thu rì rào thổi, lá thu trải thảm trên đường phố Đại Lương, phong cảnh một màu thê lương.

Đoàn xe của Huệ Thi, tất cả có bảy chiếc, một xe chở hành lý và đồ dùng trong gia đình, một xe chở Huệ Thi và gia đình, còn lại năm xe toàn sách, gọi là “Huệ Thi đa phương, kỳ thư ngũ xa” (Huệ Thi nhiều sách lược, sách chở năm xe)

Mấy môn khách thân tín của ông ngồi trên xe chở sách làm luôn người điều khiển.

Huệ Thi ngoái ra ngoài xe lưu luyến nhìn khách đi đường và nhà cửa trên phố xá lòng không khỏi bùi ngùi.

Lần đầu rời Đại Lương không thê thảm như lần này, vì bấy giờ có Trương Nghi ở giữa chợ gậy bánh xe. Đối với Ngụy Vương, Huệ Thi còn tia hy vọng, ông tin tưởng sẽ thực hiện được lý tưởng.

Lần này rời Đại Lương là một cuộc chia tay sinh ly tử biệt. Ngụy Tương Vương hát rằng ông khỏi chính trường như hát bỏ một con chó già. Đến nước khác cờ giông trống mở lại càng không thể được.

Thật như một giấc mộng. Sự nghiệp hai mươi năm trong chốc lát đã tan thành mây khói.

Năm ấy một mình ông phiêu bạt sang nước Ngụy, như vừa xảy ra hôm qua.

Bảy chiếc xe, người ngựa lạng lẽ rời khỏi cửa phía đông Đại Lương không người đưa tiễn, chỉ có mấy con quạ trên tường thành kêu “quạ quạ”, khiến lòng Huệ Thi đã lạnh lẽo càng thêm lạnh lẽo.

Trời nhá nhem tối, Trang Chu trò chuyện với Lận Thả, đứa con đang bện giày cỏ ở ngoài sân gọi to:

- Ở bên ngoài, mấy chiếc xe đang đến!

Trang Chu và Lận Thả ra cổng nhìn, đúng là Huệ Thi. Mấy năm không gặp, trông người ông đã già nhiều, lưng hơi gù, ánh mắt mệt mỏi.

- Tiên sinh là...

Trang Chu nhìn Huệ Thi và người nhà theo sau, ngập ngừng như không hiểu nổi:

- Từ quan về ở ẩn, đi theo Trang huynh đây!

Giọng Huệ Thi nói ào ào.

- Thế thì tốt quá! Vào đây đi!

Nghe có tiếng người bên ngoài, Nhan Ngọc chạy ra thấy quang cảnh như vậy, liền kéo tay vợ con Huệ Thi vào trong nhà, các môn khách giở đồ dùng tạm thời xếp tất cả vào trong hiên.

- Tôi dự định làm mấy gian nhà tranh ở gần đây để sống lay lắt qua ngày vào cuối đời.

- Huệ huynh! Tôi chờ đợi huynh mãi đấy!

Huynh còn mơ hồ không quay về, e rằng không kịp nữa! Thôi, trước tiên hãy ở đây chặt chội với tôi mấy ngày đi!

Ban đêm, hai người bạn già cùng uống rượu, tán gẫu nhớ lại mấy mươi năm gặp ghềnh gian khổ, mưa mưa gió gió trong cuộc đời đầy khảng khái huynh đệ.

Hôm sau Trang Chu và Huệ Thi qui hoạch một chỗ ở mới cho Huệ Thi trên một khoảnh đất bằng phẳng cách nhà Trang Chu độ một tầm tên. Do còn mấy môn khách của Huệ Thi nên nhà mới của Huệ phải làm thêm mấy gian nữa. Bàn bạc xong họ thuê người khởi công.

Sau một tháng, ngôi nhà mới đã hoàn thành, cả nhà Huệ Thi dọn đến ở. Rút cuộc, mấy mươi năm làm tể tướng, có một ít tích lũy, nên cuộc sống không đến nỗi nào.

Hai người bạn già chuyện trò với nhau không bao giờ hết. Huệ Thi trong lòng lúc nào cũng như chứa đầy ảm ức, Trang Chu bao giờ cũng tìm hết lời, hết cách để khuyên giải cốt làm cho bạn mình hiểu được mệnh trời.

Một hôm Trang Chu đến nhà Huệ Thi, vừa vào cửa, Huệ Thi nói:

- Trang huynh! Tối qua tôi nằm mộng

- Mộng thấy gì?

- Tôi nằm mộng thấy Ngụy Tương Vương lại cử người đến mời tôi trở lại Đại Lương.

- Có mà nằm mơ giữa ban ngày.

- Biết thế! Tôi biết là không thể có chuyện đó. Nhưng tôi không giống con người chân thật của anh, tôi không thể để lòng mình nguội lạnh như đồng tro tàn.

- Huệ huynh nên tỉnh lại cơn mộng thương dân bãi binh. Sự từng trải của cả một đời người huynh còn không sáng tỏ được vấn đề sao?

- Bản thân tôi thật hết phép. Hễ giở sách của huynh ra là tôi quên hết cả, nhưng mỗi khi nhắm mắt lại: Đại Lương, tướng phủ, Ngụy Vương như quỷ thần chui vào đầu óc tôi. Có lẽ đời này e rằng chẳng cứu được tôi.

Nói xong Huệ Thi đau khổ nhắm đôi mắt.

Trang Chu lấy làm tiếc lắc đầu:

- Chỉ lấy giấc mơ đẹp làm tỉnh. Cứ ngỡ tha hương là cố hương, cứ giữ sai lầm mà không tỉnh ngộ.

- Sau mơ, tỉnh vẫn là mơ, về lại cố hương mà không có tình quê hương. Ai mà mê? Ai là tỉnh?

- Vạn sự trong đời người đều là mộng. Cố hương ở ngay trên luống đất màu vàng. Sinh là mê, tử là tỉnh.

Huệ Thi dần dần mở mắt:

- Nói như thế, người sống là không tỉnh sao? Người tỉnh là người đã chết sao?

- Không phải! Chết sống là lẽ thường tình, cũng như ngày đêm thay nhau, xuân thu qua đi rồi xuân thu lại đến. Sao huynh không hiểu chân lý đó để biết được người thế nào là mê, người thế nào là tỉnh.

Ngày đêm thay nhau mãi mãi. Xuân thu qua đi rồi lại lại mãi mãi, nhưng người sinh ra chỉ có một lần mà thôi.

Mặt trời mỗi ngày là mới, gió xuân mỗi lần khác nhau. Trong ngọn sóng cả giữa biển trời, đâu là buồn, đâu là vui!



III

Nghề bện giày cỏ, buôn bán của gia đình Trang Chu ngày một khá, cảnh nhà dần dần thay đổi, con trai đã trưởng thành, tự mình có thể kinh doanh được. Đáng ra hai vợ chồng già Trang Chu và Nhan Ngọc có thể an vui tĩnh dưỡng tuổi già

mới phải nhưng Nhan Ngọc tay đau cứng đờ không duỗi ra được, vợ chồng vẫn sống kham khổ, lúc nào cũng muốn dành dụm ít nhiều vốn liếng cho con thành gia thất, lập nghiệp. Con trai đã lớn tuổi vẫn chưa lập gia đình.

Nhan Ngọc làm lụng suốt ngày đêm, sức khoẻ ngày một yếu. Trang Chu luôn khuyên vợ đừng làm lụng quá vất vả, nhưng Nhan Ngọc lúc nào cũng nói với chồng:

- Nhàn rồi không làm lụng, sốt ruột lắm!

Một hôm, Trang Chu đến nhà Huệ Thi đang trò chuyện, bỗng Lận Thả đến báo:

- Thưa thầy! Sư mẫu ốm rồi!

Nghe xong, Trang Chu không nói lời nào, vội vã chạy về nhà. Huệ Thi liền theo sau.

Trang Chu đến bên giường, cầm tay vợ giọng trầm thiết nói:

- Tôi đã bảo bà luôn rồi, phải nghỉ ngơi!

- Chẳng sao đâu! Thiếp chỉ nằm mấy hôm là khỏi ngay thôi mà!

- Đại tẩu! Đại tẩu lúc nào cũng dính với cái tiểu gia đình này; khác nào đệ lúc nào cũng dính với cái đại gia đình trong thiên hạ không buông ra được. Đại tẩu đã sống với Trang huynh tôi cả một đời mà sao chưa học được phong thái tiêu dao nhỉ? Huệ Thi ở bên cạnh nói.

- Hừm! Tôi mà học phong thái tiêu dao của nhà tôi, thì có mà chết đói sớm.

Nhan Ngọc đưa mắt nhìn Trang Chu không có ý gì trách móc mà biểu lộ lòng yêu thương vô hạn.

- Đúng thế! Trong cõi đời này, nếu ta không có được người vợ hiền cũng chung thuyền vượt qua sóng gió chắc không sống đến hôm nay - Trang Chu tinh thông dưỡng sinh, biết ít nhiều về thuốc, biết bệnh của vợ, ông đã kê đơn cho con đi lấy thuốc, tự tay sắc thuốc bưng đến tận giường cho vợ uống.

Trong những ngày này, ông không ra khỏi nhà, suốt ngày quanh quẩn bên Nhan Ngọc, kể cho bà nghe những câu chuyện vui, gảy đàn cố làm cho bà vui và chóng bình phục.

Một hôm, Trang Chu gảy xong một khúc nhạc, ông rời khỏi bàn, đến bên cạnh giường kể cho Nhan Ngọc nghe:

- Kỳ thực, bệnh tật và tâm tình của một người có quan hệ rất khăng khít với nhau chứ không phải chỉ có sức khoẻ đơn thuần.

- Mình lại nói dối rồi.

- Thật đấy, không tin, tôi kể cho mình nghe câu chuyện của Tề Hoàn Công. Lúc bấy giờ Tề Hoàn Công chưa xưng bá. Một lần, Tề Hoàn Công cùng Quản Trọng lên xe vào trong đầm đi săn.

Bổng Tề Hoàn Công nhìn thấy một vật kỳ quái từ dưới nước nhoi lên, trong nháy mắt biến mất vào trong nước. Tề Hoàn Công cho rằng gặp quỷ, hoảng sợ quá ông nắm chặt tay Quản Trọng hỏi:

- Trọng phụ, vừa rồi ông có thấy gì không?

Quản Trọng trả lời:

- Tôi chẳng thấy gì cả.

Hoàn Công càng sợ hãi hơn cho rằng đấy là triệu chứng quỷ không có hình dạng chỉ có riêng ông thấy quỷ hiển hiện thôi.

Về đến cung, Hoàn Công ốm, nhiều ngày không thượng triều được. Mọi người dân nước Tề đều biết Tề Hoàn Công gặp quỷ mà ngã bệnh. Nước Tề có một kẻ sĩ tên là Hoàng Tử Cáo Ngao, không tin rằng có quỷ hại người được, ông ta vào cung tự xưng là mình có thể điều trị cho Hoàn Công khỏi bệnh. Thị vệ đưa ông đến bên giường Hoàn Công. Hoàn Công hỏi:

- Trên đời này, có quỷ không?

- Có

- Hình thù của quỷ thế nào?

- Hình thù của quỷ mỗi nơi một khác. Ở dưới nước nó hình như tấm lưới, ở trên gò nó như cái nón úp, ở trong núi nó như con vượn cổ đại, ở cánh đồng nó như con trăn, ở đầm nó như con rắn ngoằn.

- Hình con rắn ngoằn ra sao?

- Con rắn ngoằn, nó to như cái bánh xe, nó dài như càn xe, mình mặc áo màu tím, đầu đội mũ nam ngọc; nó là con quỷ phú quý. Nó không thích nghe tiếng sấm và tiếng xe chạy, hễ nghe thấy là nó bưng tai đứng dậy, ai trông thấy quỷ rắn ngoằn người ấy có thể xưng bá trong chư hầu.

Hoàn Công nghe xong, bỗng nhiên cười nói:

- Đúng, quả nhân thấy chính con vật ấy. Hoàn Công mặc xong quần áo rời khỏi giường bệnh tình không biết biến đâu mất.

Nghe xong Nhan Ngọc nói:

- Thiếp chưa gặp quỷ bao giờ.

- Nhưng trong lòng bà có quỷ đấy.

- Quỷ gì?

- Đấy là bà chưa nhìn thấy nàng dâu

... Trang Chu nói đúng vào vết đau sâu kín trong lòng, Nhan Ngọc không nói nữa.

- Minh ạ! Minh phải nghĩ rộng ra. Xe đến núi tất có đường, việc gì đến sẽ đến! Minh nghĩ xem! Lúc đầu, tôi còn đáng thương hơn con mình bây giờ nhiều, rồi tôi cũng lấy được mình, người vợ hiền, nàng dâu hiếu thảo, của quý của dòng họ, đúng không?

Ông trêu Nhan Ngọc phải bật cười.

Trang Chu tận tình chăm sóc vợ, Nhan Ngọc ngày một khoẻ ra, có lúc ông dìu Nhan Ngọc ra khỏi cửa, đi bách bộ trong sân. Cả nhà đều vui vẻ.

Một hôm, thời tiết xấu, trời u uất. Ăn cơm trưa xong, Nhan Ngọc nói cảm thấy mắt hoa, đầu choáng váng, Trang Chu dìu bà vào giường, một lát sau bà ngủ say.

Đến bữa cơm tối bà vẫn chưa tỉnh, Trang Chu đến vỗ nhẹ nhẹ vào tay bà không thấy động tĩnh.

Ông lay lay đầu, gọi to:

- Minh ơi! Dậy ăn cơm!

Không thấy động tĩnh gì.

Ông vội vàng đưa tai áp sát vào mũi bà, bà đã tắt thở.

Nét mặt của bà vẫn như ngày thường đang ngủ say, không hề thay đổi.

Trang Chu không tin rằng bà đã ra đi, mặc dù đã chết thật rồi.

Bà ra đi không hề để lại lời di chúc nào. Bà không tin rằng mình có thể chết sớm thế. Chuyện xưa, một chuỗi dài hình ảnh lần lượt hiện lên trong đầu óc Trang Chu: Chính bà đang hôn mê bất tỉnh nằm trên đường, chính bà, đôi bàn tay dịu dàng nồng ấm ấy đã nhẹ nhàng đặt lên trái tim đơn côi, âm thầm của Trang Chu, chính bà giúp Trang Chu vượt qua từng cửa ải gian truân.

Bà là một nửa của Trang Chu, là trụ cột tinh thần của Trang Chu.

Nay bà ra đi, ra đi vội vàng, ra đi đột ngột. Nỗi đau này là một hiện thực, Trang Chu không sao chịu đựng nổi. Ông gào khóc thảm thiết như một đứa trẻ con.

Tiếng khóc của Trang Chu đã làm kinh động cả con và Lận Thả. Họ lại gần ông và hiểu ngay sự tình, quỳ xuống sau Trang Chu khóc nức nở.

Ngày sắp đưa bà ra đồng, Huệ Thi đến viếng, từ xa ông nghe tiếng người đang hát, trong lòng lấy làm khó chịu, người nhà ai mà quá vô tình đến thế, nhà lân cận có người chết mà vẫn hát với xướng.

Đến cổng nhà Trang Chu, ông mới vỡ lẽ tiếng hát khi nãy là từ nhà Trang Chu vẳng lại, lòng càng thêm nghi hoặc.

Vào nhà, chính Trang Chu đang hát, ông không quỳ, ngồi dưới đất hai chân duỗi thẳng rất thoải mái, trước mặt ông hình như không phải là linh cữu của vợ mà là của một người bạn già rất đối quen thuộc.

Giữa hai chân ông là cái chậu sành, mỗi tay ông cầm một thanh gỗ nhỏ là phách, gõ vào chậu sành theo nhịp, đôi mắt nhắm nghiền miệng hát ca khúc:

*Than ôi vợ tôi
Đã về cõi thật
Than ôi Trang Chu
Vẫn còn làm người*

Tiếng hát như gió bắc mùa đông vù vù thổi qua cành cây khô, thông thả chậm rãi từ từ rơi rơi.

Huệ Thi quỳ trước linh cữu thấp hương vái lạy, sau đó ông đến bên cạnh Trang Chu. Ông cắt đứt tiếng hát của Trang Chu:

- Trang Chu! Huynh thật quá đáng, huynh sống với tẩu cả một đời người, con đã trưởng thành, nay tẩu lâm bệnh ra đi, huynh không hề khóc thê thi thôi, lại còn gõ chầu hát ca, thật là quá đáng, con cái sẽ nghĩ gì? Hàng xóm sẽ nghĩ gì?

Trang Chu từ từ mở mắt nhìn linh cữu vợ trước mặt đáp:

- Huệ huynh! Tôi không phải con người bạc tình bạc nghĩa thế đâu! Trong lúc nhà tôi vừa mất, tôi vô cùng đau khổ, cùng nhau chung sống mấy chục năm trời, bỗng trong một chốc làm sao tôi có thể quên được nhà tôi? Trong những ngày này, tôi nghĩ miên man. Con người vốn không có sinh mệnh, trước khi con người đến trong thế giới này, hình hài như thế nào, ai đâu biết được. Con người từ lúc ban sơ nhất, quả thật không có sinh mệnh mà cũng không có hình hài, đã không có hình hài

lại không có thần khí. Trong không gian mơ mơ màng màng đó sinh ra khí hỗn độn, khí vận hành ngưng tụ thành hình người, hình hài dưới sự tác động của khí, sản sinh ra sinh mệnh.

Lão Tử viết: “Vạn vật vân vân, tất cả sẽ trở về gốc của nó” Cái gốc này chính là cái khí hỗn độn đó. Sinh mệnh và hình hài của con người đến từ cái khí hỗn độn đó, một thời gian nhất định sẽ trở về lại trong cái khí hỗn độn đó.

- Bây giờ Nhan Ngọc ra đi chính là nàng đang trở về trong cái khí hỗn độn đó. Nàng như con dê non trên đường mờ mịt tìm về cố hương. Nàng đang ngủ say giữa trời đất yên bình, không ưu sầu, không phiền muộn, không lao lung vất vả, tôi nên chúc mừng nàng. Do đó, khi nàng vừa mất, tôi như những người chồng bình thường khác khóc vợ. Nhưng bây giờ tôi thông suốt rồi, tôi hiểu vì sao người Sở Việt, có tục lệ ca múa làm tang lễ.

- Đối với cái chết của người thân, cùng chén rượu đưa tang khiến người sống nhỏ lệ thương thân, chỉ bằng hát khúc ca vui đưa vong linh người chết về nguồn cội.

Huệ Thi nghe xong, lắc đầu không nói câu gì.

Sau khi mai táng người bạn đời xong, Trang Chu càng ngày càng trở nên ít lời. Ông ở mãi trong nhà ít ra ngoài, suốt ngày ngồi trước bàn

nhắm mắt dưỡng thần, chỉ khi nào Huệ Thi đến thăm, Lận Thả và con mới nghe ông nói vài câu.

Sau một năm, Huệ Thi cũng chết.

Lúc môn khách của Huệ Thi đến báo tin này, ông chỉ nói một câu:

- Thế là huynh đã đi trước ta rồi.

Cái chết của Nhan Ngọc, Trang Chu phải trải qua một quá trình, từ nỗi đau xé lòng xé ruột đi dần dần đến nội tâm ổn định, còn cái chết của Huệ Thi ông hoàn toàn bình tĩnh, với tấm lòng ái mộ thiên nhiên để ứng xử trước cái chết của bạn.

Vũ trụ là vô cùng, sinh mệnh con người là hữu hạn, đem cái sinh mệnh hữu hạn đặt vào giữa trời đất vô cùng chẳng khác gì bóng câu qua cửa sổ, chỉ trong nháy mắt là biến mất.

Con người đối với nhân sinh mất đi trong nháy mắt, không nên tiếc nuối, phải thuận theo sự biến đổi của thiên nhiên. Người cũng giống như những sinh vật khác trong giới tự nhiên theo lẽ tự nhiên hoặc đột nhiên hừng khởi sinh ra; rồi cũng theo lẽ tự nhiên hoặc đột nhiên chết trở về cõi hư. Sống hoá thành chết, chết hoá thành sống đều là quá trình tự nhiên, chúng ta không nên vì thế mà buồn.

Không chỉ như thế, chúng ta còn coi chết như là nơi trở về chân chính của con người. Người đến

từ cỗi hư vô tất phải trở về cỗi hư vô, mà chết là hình thức cao nhất, triệt để nhất của đạo trở về hư vô.

Hồi tưởng lại năm đó, đầu lâu nước Sở tự nói với mình trong mộng, Trang Chu không kìm được cười ngặt nghẽo mất cả tiếng... Đúng thế! Chết chóc không đáng để bi ai, cũng không đáng để sợ hãi. Và đối với Trang Chu bây giờ, chết chóc cũng không đáng để mừng vui.

Bởi vì, cuối cùng sinh mệnh vẫn là cái đáng quý. Quên chết chóc, vượt qua chết chóc còn chính là đem lại nhiều niềm vui và sự dồi dào cho cái sinh mệnh hữu hạn. Lấy sinh tử làm điều kiện, con người chân chính vượt qua sinh tử, không sợ hãi chết chóc cũng không vui mừng với chết chóc, không khư khư giữ lấy sinh mệnh, cũng không ghét bỏ sinh mệnh.

Quên sinh mệnh mới có thể nắm chắc sinh mệnh một cách đúng đắn, quên chết chóc mới có thể đối xử với chết chóc một cách đúng đắn.

Con người về cuối đời, điều đau buồn nhất là người thân và bạn bè lần lượt ra đi, chỉ còn lại ngôi nhà lẻ loi và con người đơn cô, ngồi trong cô liêu vô vị khi chiều tà buông xuống. Nhan Ngọc ra đi, Huệ Thi ra đi, trái tim cô đơn của Trang Chu ngày thêm cô đơn.

Trên đời, những người bạn thân nhất của ông chỉ còn lại có Tử Khánh. Ông đứng trước bức tượng điêu khắc “Rồng bay”, tác phẩm của Tử Khánh để trên bàn, như đứng trước người bạn già của mình – Tử Khánh đậm bạc, thanh tịnh có bàn tay tài hoa như thần. Mấy năm rồi không gặp nhau, không biết người bạn già Tử Khánh sáng tác bao nhiêu tác phẩm nghệ thuật thần kỳ, nay còn làm việc nữa không. Ông muốn đi thăm người bạn già duy nhất còn lại của mình, nhưng Lận Thả và con ông ngăn lại, dù thế nào đi nữa cũng không muốn ông đi xa, nên ông đành ở nhà.

Hình như có điều thần bí. Một hôm, Trang Chu đang đứng trước bàn, bê bức tượng rồng bay của Tử Khánh tặng mình, ngắm nhìn rất lâu, bỗng có cảm giác như con rồng đang bay lên không trung hoá thành đám khói xanh từ cửa sổ bay đi. Trang Chu vội vàng rời khỏi bàn đuổi theo ra ngoài cửa sổ, nhìn khoảng không vạn dặm xa, trời quang không một gợn mây.

Trang Chu đang nghi ngại trong lòng, muốn vào phòng xem lại cẩn thận, thấy một người lạ, mặc tang phục đến trước mặt mình.

Sau khi chào xong, người ấy hỏi:

- Ngài có phải là Trang Chu tiên sinh không?
- Chính tôi.

- Tiên sinh Tử Khánh đã lên cõi tiên cách đây mấy ngày, định ngày mai sẽ cử hành tang lễ. Trước khi lâm chung; ông dặn đi dặn lại, phải mời Trang Chu tiên sinh đến dự tang lễ của ta.

- Vâng, biết rồi, mời ngài vào xơi nước!

- Không cần đâu, tôi còn phải đi thông báo cho bạn bè thân thiết khác của tiên sinh.

- Thế thì, không dám giữ ngài.

Tiến khách xong, Trang Chu vội vàng quay vào phòng nhìn thấy bức tượng rồng bay vẫn đặt nguyên trên bàn, ông an tâm.

Tử Khánh có lẽ không phải là con người tầm thường, ông có thể qua người báo tang, báo với Trang Chu rằng: trong giờ phút này, ông đang thoát khỏi hình hài để trở về với khí hỗn độn trong trời đất.

Tử Khánh nhất định rồi sẽ chết, vấn đề là ở chỗ chết sớm hay chết muộn, nhưng những tác phẩm mỹ thuật tuyệt vời ông điêu khắc sẽ mãi mãi không chết, linh hồn ông luôn hiển hiện trong đó. Nhìn bức tượng rồng bay vẫn nguyên vẹn không hoá thành đám khói xanh, Trang Chu lẩm bẩm:

- Tử Khánh không chết.

Ngày đưa Tử Khánh ra đồng, Trang Chu được Lận Thả đưa đến viếng tang tại nhà. Trên đường đi, từ xa Trang Chu đã nghe tiếng khóc than chen

lẫn tiếng kèn xô-na theo gió truyền đến, Trang Chu mặt mày nhăn nhó nói với Lận Thả:

- Cậu nghe xem, trong tiếng khóc không hề có chút tình cảm vui vui tí nào, làm người ta hơi rờn rợn, ảo não.

- Tiên sinh, hát để đưa tang, người người đều thế cả, làm sao có thể gây cười vui được.

- Cậu cứ nghe đi, tiếng khóc chỉ có gào thành tiếng, không có nước mắt, tiếng khóc chỉ mang hình thức hoá, dung tục hoá, lễ nghĩa hoá mà thôi, trong đấy chẳng có tí bi ai nào. Ta vốn không tán thành khóc để đưa tang, càng không thích cái kiểu gào khan như vậy.

Hai người mãi nói chuyện, đến cổng nhà Tử Khánh lúc nào không biết. Con cháu đều mặc tang phục màu trắng, quỳ trước cổng cúi đầu đón khách. Vừa thấy Trang Chu đến, nhà nho chủ trì tang lễ cúi xuống hỏi một đứa cháu, người vừa đến là ai, ông liền thông báo vào trong nhà giọng oang oang.

- Học giả Trang Chu đến!

Lập tức, tiếng kèn xô-na vừa nghỉ chưa lâu, lại tấu lên bản nhạc vừa trang nghiêm vừa buồn thảm, xúc động lòng người, nhà nho đưa Trang Chu và Lận Thả đi qua sân đến trước linh đường.

Theo thủ tục tang lễ lúc bấy giờ, mỗi khi có người đến viếng, đội nhạc phải cử một khúc nhạc

buồn, sau khi người đến viếng thắp hương lễ bái xong, những phụ nữ thân thích của người chết quì hai bên linh cữu phải khóc to theo cho đến khi có người đến viếng khuyên nên rời linh cữu vào phòng trong nghỉ, mới được ngừng khóc.

Trang Chu ở độ tuổi bảy mươi xưa nay hiếm, có thể tùy ý nghỉ ngơi, lúc nào thuận lợi thì vào viếng nhưng lòng hăng say hiếu động như thời niên thiếu không bỏ được, ông quyết định phải sửa đổi tục lệ cũ để thiên hạ mở rộng tầm nhìn.

Lận Thả đứng túc trực một bên, ông đến trước linh cữu thắp hương, vái lạy. Tất cả đều theo đúng thủ tục. Lễ xong, ông cất tiếng khóc to:

- Ôi! Bạn già Tử Khánh của tôi ơi!

Ôi! Bạn già Tử Khánh của tôi ơi!

Ôi! Bạn già Tử Khánh của tôi ơi!

Nghe Trang Chu khóc, những phụ nữ quỳ ở hai bên linh cữu lấy khăn trùm đầu che mặt, cúi đầu cùng khóc to lên. Nhưng Trang Chu chỉ khóc ba câu thế thôi, rồi chủ động dừng ngay. Ông không đợi người bên cạnh đến đỡ và dìu dậy, tự mình đứng phắt lên, rời linh cữu đi vào phòng trong.

Mọi người vây quanh xem, lòng đầy hiếu kỳ và hay bàn tán, lần này chính họ tận mắt nhìn thấy cảnh náo nhiệt bất ngờ như vậy. Mỗi người

một tâm trạng, lòng hiếu kỳ của họ được thảo mãn đến cực điểm.

- Như thế là kiểu hành lễ gì?

- Như thế là không cung kính đối với người đã khuất rồi...

“.....”

Mọi người nghiêng đầu ghé tai, bàn tán sôi nổi. Những phụ nữ đang gào khóc ấy rất đổi ngạc nhiên đều hất khăn che mặt ra, chớp đôi mắt ráo hoảnh, tròn xoe tỏ ra không sao hiểu trước cảnh tượng ấy. Vừa may, có một khách mới đến viếng, kèn sô-na lại nổi lên inh ỏi, các phụ nữ lại che mặt, lại kéo căng cổ họng chuẩn bị một đợt khóc mới.

Trang Chu và Lận Thả vào phòng khác, tìm chỗ trống ngồi yên vị, lập tức mọi người lại đến vây quanh.

- Trang Chu tiên sinh, nghe nói ngài là bạn thân nhất của Tử Khánh tiên sinh, vì sao lại chỉ khóc vồn vện ba câu rồi thôi. - Có người hỏi.

- Khóc vốn là một phương thức biểu đạt tình cảm đau buồn. Nhưng nay mọi người coi khóc như là một thứ lễ nghi, không hề có chút tình cảm gì. Khóc như thế là khóc vờ, tôi cảm thấy quá ư vô nghĩa.

Các vị xem, những người đến phúng viếng, họ khóc bề ngoài, trông đau thương lắm, khóc như mất cha, mất mẹ, mất con, nhưng họ đâu có thật lòng!

- Thế, ngài là bạn chân tình thăm thiết của Tử Khánh tiên sinh, làm như vậy há chân tình sao? Có người hỏi vặn lại.

- Tử Khánh tiên sinh đến với thế giới này là theo lẽ tự nhiên, “thuận theo thời thế”, tiên sinh rời khỏi thế giới này cũng theo lẽ tự nhiên “thuận theo thời thế”. Đời người như một giấc mộng, không đáng để lưu luyến mãi mà quên về. Chết chính như qua một giấc mộng dài vừa tỉnh lại, như được về cố hương. Do đó, người bạn thân thiết của tôi mất đi, tôi không hề cảm thấy đau buồn.

Dự lễ mai táng Tử Khánh xong, trên đường về hai thầy trò nhân tiện ghé lại thăm phần mộ Huệ Thi. Cỏ trên mộ đã xanh um cao hàng tấc, nhẹ nhàng lay động trước từng cơn gió thoảng. Phải chăng là hình hài Huệ Thi biến hoá, không thể, vì sao Trang Chu nhìn thấy cỏ như hiển hiện trước mắt mình một Huệ Thi cười nói phong độ, miệng thao thao như nước chảy.

Trang Chu trầm mặc trước mộ phần, hồi tưởng những năm tháng cùng sống bên nhau.

- Thưa thầy! Từ khi Huệ tiên sinh về Cõi Tiên, không thấy thầy hay nói chuyện nữa, vì sao? Lận Thả hỏi.

- Lận Thả, ta kể cho con nghe một chuyện: “Có một người Sính Đô nước Sở làm nghề đào đất đầu sinh sống. Một lần anh ta làm văng vết bùn dính lên chóp mũi thành vệt mỏng như cánh con nhặng, nhưng không sao tẩy xóa được vì thế đành nhờ người bạn tốt của mình, anh thợ đá dùng rìu, chặt hết bùn đi. Anh thợ đá vung lưỡi rìu “vù” một tiếng chặt phăng hết bùn, quả là tài múa rìu của anh nhẹ như gió. Vết bùn trên chóp mũi người Sính Đô từ khi được chặt mất biến mà chóp mũi không bị thương tật gì. Điều kỳ diệu thay kể từ đó người Sính Đô không còn tật mất nháy lia lịa nữa.

Về sau Tống Nguyên Quân nghe được câu chuyện này, ông triệu người thợ đá tài ba ấy vào cung để chặt vết bùn, không biết gì duyên cớ gì quệt vào chóp mũi ông, không xóa được.

Nghe xong, người thợ đá cười ha ha:

- Thưa Đại vương, tôi tuy kỹ thuật cao cường như vậy nhưng phải có đối tượng phù hợp, tôi mới thực hiện được. Người bạn Sính Đô của tôi mất rồi, tôi cũng không còn phép biểu diễn ngón nghề cao cường đó nữa.”

- Huệ công mất, đối tượng nói chuyện của ta cũng không còn, ta hà tất phải mở miệng làm gì. Tri âm đã mất, tiếng đàn đâu còn ai nghe!

Có lẽ vì cảm lạnh hoặc do nguyên nhân nào khác, từ khi Trang Chu đi viếng Tử Khánh, trên đường về ghé thăm mộ phần Huệ công, về đến nhà ông lâm bệnh không dậy được.

Bệnh mỗi ngày một nặng, đến nước trà cũng không uống được, suốt ngày ông hôn mê bất tỉnh. Lận Thả và con ông lặng lẽ lo hậu sự cho ông.

“Bình bình, bình bình”

Ngoài sân có tiếng động làm thức tỉnh Trang Chu, ông loay hoay mãi mới lần bò đến bên cửa sổ, nhìn thấy thợ mộc đang đóng quan tài.

Lận Thả vừa vào, thấy ông đã tỉnh, cao hứng nói:

- Thưa thầy, cuối cùng rồi thầy cũng mở được mắt ra rồi!

- Trong sân là...

- Thưa thầy, lần này thầy ốm nặng quá không có cách nào khác, chúng con phải lo chuẩn bị, nhờ thầy có mệnh hệ nào...

- Lận Thả, sau khi ta chết, không cử hành bất cứ hình thức tang lễ nào, cũng chẳng cần quan tài. Mọi người chỉ cần khiêng ta đến một nơi hoang vu vắng bóng người trong núi, tùy tiện vứt đi là được.

- Như thế sao được! Chúng con không nghèo đến mức như vậy. Cho dù không tiền thì vay mượn, chúng con phải cử hành long trọng tang lễ của tiên sinh. Tiên sinh đã kham khổ cả một đời người, phải để tiên sinh hưởng thụ một lần cuối.

- Lận Thả, như thế là sai rồi. Con không phải là đồ đệ tốt của ta rồi, hoàn toàn không hiểu được tâm tư của ta. Ta không đơn thuần chỉ nghĩ đến tiết kiệm mà chính là để hình hài ta sớm hoà tan trong thiên nhiên. Ta lấy trời đất làm quan tài há chẳng phải là cái quan tài lớn nhất trong thiên hạ? Ta lấy mặt trời, mặt trăng làm vòng ngọc bích chôn ta, ngày và đêm bầu bạn cùng ta há chẳng là vòng ngọc bích mai táng vĩnh hằng nhất trong thiên hạ sao? Ta lấy sao trời làm châu báu, chẳng phải là châu báu đẹp nhất trong thiên hạ sao? Ta lấy vạn vật trong trời đất làm lễ vật cúng tế há chẳng phải là lễ vật nhiều nhất trong thiên hạ sao? Thiên nhiên đã cho ta quá nhiều những thứ để mai táng rồi, chẳng cần các con phải lo lắng.

- Thưa thầy, đem thầy đặt vào trong núi chim muông sẽ ăn thịt người mất thôi!

Nói xong, Lận Thả không cầm được nước mắt.

- Kia, cứ như là trẻ con ấy! Sợ ném ta lên núi chim muông sẽ ăn thịt ta. Thế chôn ta dưới đất không sợ giun dế ăn thịt ta sao?

- Này...

- Này... thế rõ ràng con không muốn cho chim muông ăn thịt ta mà muốn dành cho giun dế. Lẽ nào con dành ưu ái lệch về giun dế?

Lận Thả không biết nói gì hơn.

Đêm hôm ấy, Trang Chu nằm mộng.

Ông thấy mình biến thành một chàng niên thiếu; không phải dạo chơi trên bờ đầm Mông Trạch mà ở tận trên đất Nguyên Tương bên nước Sở, cùng lũ ve ca hát nhẩy múa. Nhan Ngọc, Huệ Thi, Tử Khánh đều ở đó cả. Kỳ lạ thật! Bác thuyền chài và cả mẹ nữa cũng đều ở đó.

Trên cánh đồng bao la, cỏ xanh mượt mà như nhung thảm, mặt trời chiếu sáng rực rỡ, người người nắm tay nhau, mặt mày ai nấy đều vui tươi tràn đầy hạnh phúc.

Ông thấy mình biến thành cá, thoải thơi bơi lội trong nước, ông lại thấy mình biến thành chim tung hoành bay lượn trên bầu trời cao xanh lồng gió.

Tỉnh dậy, trước mắt ông chỉ là màn đêm u tối. Ông dò dẫm đứng dậy, mặc xong quần áo, chân tay nhẹ nhàng tránh làm kinh động Lận Thả và con ở bên cạnh. Ông cố tránh tang lễ tất yếu phải thế, nếu ông mất ở nhà. Đi tìm những gì ông thấy trong mộng; quyết tâm ra đi không lời từ biệt như thời còn trai trẻ nam du đến Sở Việt.

Ông đi về phương nam theo hướng mặt trời vận hàn, h ông phải giống con cá côn, con chim bằng, tiêu dao một chuyến đến Nam quốc tìm ao trời thiên nhiên.

Hôm sau, Lận Thả và con mới phát hiện Trang Chu đã đi khỏi nhà. Họ chia nhau đi tìm khắp nơi.

Mười ngày qua đi, biệt tăm.

Một tháng qua đi, một năm qua đi vẫn biệt tăm.

Trang Chu một đời học giả, giống như thầy ông, Lão Đam đi về phía tây vào sa mạc mênh mông, không biết đâu là nơi dừng lại cuối cùng, vĩnh viễn người đời không biết ông hạ lạc.

Vì thế không ai biết ông mất lúc nào và mất ở đâu.

Điều đó đối với lớp học giả muôn đời sau vẫn còn mơ hồ, nhưng đối với Trang Chu là một sự thực hiển nhiên. Bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu, cái chết của ông như chính trước tác của mình, sừng sững một vũ trụ cuối cùng đem lại cho hậu thế một kho trí tuệ, một nguồn cảm hứng vô cùng tận.

PHỤ LỤC 1

NGUYỄN VĂN NỘI THIÊN “TRANG TỬ”

Lời tác giả: (Vương Tân Dân).

“Độc giả ngày nay muốn nắm được tư tưởng của Trang Chu, hiểu được con người ông, đường ngắn nhất là qua cuốn “Trang Tử”. Từ đời Tống đến nay, việc viết ra quyển “Trang Tử” đã trở thành một vấn đề gây nhiều bàn cãi của giới học thuật. Cuốn “Trang Tử” vốn chia ra làm ba phần, nội thiên và tạp thiên.

Nội thiên gồm có bảy thiên

Ngoại thiên gồm có mười lăm thiên

Tạp thiên gồm mười một thiên

Phần lớn các học giả đều cho là chỉ có bảy thiên nội thiên là do chính Trang Chu viết ra, còn ngoại thiên và tạp thiên phần lớn do người đời sau viết. Giới học thuật ngày nay, ngoài nhóm Nhiệm Kế Dũ một ít học giả ra, tuyệt đại đa số đều cho là bảy thiên nội thiên là của chính Trang Chu viết, tôi cũng đồng ý với cách nhìn nhận này, văn của

bảy thiên nội thiên, có thể xem là tinh hoa của tư tưởng Trang Chu.

Văn chương bảy thiên nội thiên của “Trang Tử”, chia ra mà đọc, từng thiên đều có đầu đuôi hoàn chỉnh, kết cấu văn chương chặt chẽ; nếu đọc từ đầu đến cuối, lại thành một thể thống nhất, bổ sung cho nhau, liên hệ với nhau thành một hệ thống chặt chẽ. Trước kia, các sáng tác học thuật, hoặc dùng những bài ngắn, hoặc ghi chép theo dạng ngữ lục; nhưng đây là lần đầu tiên trong lịch sử sáng tác của Trung Quốc, chủ yếu viết bằng hình thức ngụ ngôn, với tư duy chặt chẽ, lý lẽ trong sáng rõ ràng. Tác giả là người giỏi kể chuyện, khéo đem vấn đề trừu tượng nhập vào hoàn cảnh cụ thể; qua hình tượng câu chuyện đầy chất thơ đưa người đọc lĩnh hội thế giới “đạo”. Cho nên, bảy thiên văn chương này, có thể gọi là tác phẩm tinh túy của nền triết học, và cũng có thể gọi là tác phẩm hay của nền văn học cổ đại Trung Quốc. Nơi đây, ý thơ và triết lý đạt đến vẻ đẹp hài hoà.

Toàn văn thiên “Tiêu dao du”, chủ yếu nêu rõ đỉnh cao của cuộc sống là tự do tinh thần tuyệt đối, mà không phải là hưởng thụ vật chất và danh dự hão huyền. Đồng thời nhắc nhở người đời thứ tự do tinh thần, trước ngôn luận sáng tác thể hiện tự do tinh thần đó, có đặc trưng khiến lòng người

choáng ngợp vì lớn lao mà vô dụng, không phải để cho những ai đắm chìm trong hưởng thụ vật chất có thể lĩnh hội. Nên thiên này còn có tác dụng là “Lời tựa” cho cuốn sách.

Thiên “Tề vật luận” là phương pháp luận của toàn cuốn sách. Muốn đạt được tự do tinh thần ở “Tiêu dao du” đã nêu, ắt phải quên sự khác biệt giữa vật và ta (tề vật), quên sự khác biệt giữa phải và trái; (bàn về tề vật). thiên này xem nặng về san bằng phải trái; vì trong thời kỳ chiến quốc, các nhà các phái đua tiếng, với cách nhìn của Trang Chu chẳng qua là những “lời nhỏ nhặt” xuất phát từ lợi hại hạn hẹp, còn sinh hoạt tinh thần chân chính của loài người lại bị bỏ quên. Chỉ có vứt bỏ tất cả những lời bàn cãi về phải trái mà hoà vào một thể thống nhất với tự nhiên, con người mới có được tự do sinh mệnh. Cách nhìn của Trang Chu, với ngôn ngữ học, triết học, thơ, mỹ học hiện đại đều có những chỗ gần nhau.

“Dưỡng sinh chủ” là môn học dưỡng sinh của Trang Chu chủ yếu nêu lên là sinh mệnh hữu hạn là quý nhất, chỉ có thuận theo sự thay đổi lớn lao của tự nhiên, giữ được tinh thần thoải mái, mới là gốc của dưỡng sinh.

Thiên “Nhân gian thế” chuyên bàn về phép xử thế, nhất là cách xử thế của những người đang làm quan. Chỉ có quên ta quên vật, không công không

đanh, mới có thể sống vui vẻ trong cõi đời, tránh được mất mạng.

“Đức sung phù” bàn về hình thể và tinh thần có quan hệ ra sao. Những người có hình thể tàn tật, xấu xí, tinh thần lại cao thượng đầy đủ, để thấy tinh thần trọng hơn hình thể.

“Đại tông sư”. Qua thái độ và lối sống, ông mô tả cho người đời một mẫu mực sống, bậc thầy là những “chân nhân” đặc đạo. Trước con mắt thế tục, là dạng người “khác đời”.

“Ứng đế vương” nhằm phủ định “thuật đế vương” của tất cả đế vương thế tục, đế vương chân chính là “Hỗn độn” không nhìn không nghe, không ăn không thở. Thiên này nêu lên lý tưởng chính trị của Trang Tử - Dùng vô vi mà điều hành.”

I. TIÊU DAO DU

Ở biển Bắc, có con cá là Côn, to không biết mấy nghìn dặm. Nó hoá thành chim, tên là Bằng, lưng của Bằng cũng to không biết mấy nghìn dặm; khi bay, sải cánh xòe ra che cả một khoảng mây trời. Vì biển Bắc động, Bằng bay vào biển Nam; biển Nam là ao trời.

Sách Tề Hải chép các việc quái dị, có ghi: chim Bằng lúc bay sang biển Nam, cánh đập làm cho sóng biển nổi lên dài liền ba nghìn dặm, nương theo gió xoáy vượt lên chín vạn dặm cao, sáu tháng mới tới được ao trời.

Dã mã (ngựa trên cánh đồng) ¹ mà ta trông thấy kia hay là đám bụi li ti ² Hay là hơi thở động dậy của sinh vật trong trời đất? Màu xanh của trời kia, có đúng như vậy không? Hay là màu của xa thăm thẳm? Từ nơi cao vời vợi, chim Bằng nhìn xuống dưới này, cũng là thế mà thôi.

¹ Dã mã, theo họ Tư Mã: xuân nguyệt trạch trung du khí dã, mùa xuân hơi nước lớn vờn trên đám

² Do chữ trần ai: đất bốc lên gọi là trần, phần nhỏ li ti của trần gọi là ai.

Nước không sâu, không sâu không chở được thuyền lớn, đổ một chén nước vào một hũ nhỏ trên nền nhà, thả cọng cỏ nhỏ vào đó làm thuyền, thuyền nổi. Đặt cái chén vào, chén sẽ chạm đất, vì thuyền lớn mà nước nông. Nếu không có lớp gió dày, sao chở nổi cánh chim lớn. Cho nên khi chim Bằng bay lên chín vạn dặm cao là nương vào gió ở dưới cánh, lưng mang trời xanh mà không bị nghẽn vướng, nó bay vào biển Nam.

Con ve và con chim cưu thấy vậy cười nói: “Ta vụt bay lên cây phượng cây du; nhỡ không tới nơi, chỉ rơi xuống đất mà thôi, việc gì mà phải bay chín vạn dặm vào mãi biển Nam? Ta thích đến cánh đồng xanh gần đây, ăn ba miếng rồi về. Nếu ta bay xa trăm dặm, sẽ có đủ lương ăn cho một ngày; bay xa nghìn dặm có đủ lương ăn trong ba tháng.

Hai con vật ấy còn biết gì nữa?

Kẻ tiểu trí sao bằng bậc đại trí; kẻ tuổi nhỏ sao bằng bậc tuổi cao.

Sao lại biết được thế? Nụ nắm ban mai sao biết được cả ngày, con ve sao biết được mùa xuân mùa thu. Đó đều là hạng tuổi nhỏ cả. Miền nam nước Sở có cây minh linh, có mùa xuân năm trăm năm, có mùa thu năm trăm năm. Thời thượng cổ có cây đại xuân, có mùa xuân tám nghìn năm, có mùa thu tám nghìn năm. Lâu nay thường nghe nói

ông Bành Tổ, ai cũng cho là người sống lâu, như thế phỏng không buồn sao?

Cũng như lời vua Thang hỏi ông Cức: ở miền cực Bắc có biển Minh Hải, tức là ao trời; có con cá lớn tới mấy nghìn dặm, chưa ai biết nó dài tới bao nhiêu tên là Côn. Có con chim tên là Bằng, lưng rộng như núi Thái San, cánh nó vươn ra như vầng mây che kín một góc trời, nó nương gió xoáy vút lên, chín vạn dặm, hút tận mây mù, đội trời xanh, sau đó bay vào Nam. Con chim sẻ cười nói: đàn ông ấy cần gì phải bay như vậy? Tôi bay tung lên, chẳng qua vài nhận lại xuống, bay lượn trong đám cỏ bông cỏ hao, bay thế cũng được lắm rồi. Còn đàn ông ấy cần gì phải bay xa như vậy?

Đó là chỗ khác nhau giữa lớn nhỏ vậy!

Cho nên bậc tài trí làm tốt công việc của một vị quan, đem lại hạnh phúc cho một làng, cũng như đức sáng của một vị vua có được lòng tin của cả nước, nhìn vào phỏng có khác gì nhau. (trên nói chim sẻ, dưới mới nói đến người, ám chỉ những người như Huệ Thi). Còn Vinh Tử nước Tống lại cười cho. Dù người đời có khen cũng không vì thế mà hồ hởi, có chê cũng không vì thế mà bực dọc; vì đã định phân được cái phận giữa trong và ngoài, phân biệt được giữa nhục và vinh. Những người như thế vẫn thường thấy có, tuy vậy, đức vẫn chưa vững.

Liệt Tử cười gió mà đi, lặng lẽ mà đi, sau mười lăm hôm lại trở lại. Người như thế, sống dồi dào hạnh phúc, nhưng vẫn thường thấy có. Tuy không phải đi, nhưng còn có chỗ phải đợi chờ.

Nhưng nếu biết thuận theo lẽ đúng đắn của trời đất, nắm được biến đổi của lục khí mà dong chơi ở cõi vô cùng, người như thế đâu còn phải chờ đợi gì nữa! Vậy nên mới nói: người rất người không có mình, người thần không có công; bậc thánh không tiếng tăm.

Vua Nghiêu nhường thiên hạ cho Hứa Do, nói: mặt trời mặt trăng đã mọc, mà không tắt lửa đuốc, muốn toả ánh sáng, chẳng là khó hay sao? Đã có mưa mùa, mà còn tưới tắm, chẳng là tốn công hay sao? Phu tử có mặt mà thiên hạ yên vui; tôi cứ bán lấy ngôi vị, tự thấy là mình không phải, vậy nên xin nhường thiên hạ cho người.

Hứa Do nói: ngài trị vì, thiên hạ đã được yên vui; lẽ nào tôi lại hám danh mà thay ngài? Danh là khách của thực, lẽ nào tôi lại làm khách? Chim tiêu liêu làm tổ trong rừng, chẳng qua chỉ một cành; chuột đồng uống nước sông, đầy bụng thì thôi. Xin trả lại cho ngài, tôi có dùng chỉ đến thiên hạ! Đầu bếp tuy vụng về, chủ tế cũng không vượt phận mà làm thay được.

Kiên Ngô hỏi Liên Thúc: tôi nghe Tiếp Dư nói, lớn lao mà không xác đáng, đi mà không có lối

về. Tôi sợ những lời nói đó, điệu vợ tận nẻo ngàn hà, không sát với nhân tình.

Liên Thúc hỏi: ông ấy nói những gì?

Ông ấy nói: trên núi Cô Tạ có người thần ở, da thịt như băng tuyết, dáng điệu như người con gái chưa chồng. Không ăn ngũ cốc, chỉ hớp gió uống sương, nương mây cưỡi rồng, bay ngao du nơi bốn biển. Khi ngưng thần, khiến vật không bị dịch bệnh, mùa màng tốt tươi. Tôi cho những lời nói đó là xằng bậy, nên không tin.

Liên Thúc nói: phải. Người mù không thể xem được cái đẹp của hoa văn, người điếc không thể nghe được tiếng chuông trống. Riêng đâu hình hài mới mù điếc, mà trí não cũng mù điếc! Những lời đó là để cho người vậy! Bậc người ấy đức ấy thấm được vào muôn vật, làm cho đời được thịnh trị, không khi vào chịu vất vả về việc của thiên hạ. Bậc người đó không vật nào hại đặng. Nước lụt ngút trời cũng không làm người đó chết chìm, trời hạn chảy vàng đá, cháy núi non người đó cũng không nóng. Phần căn bã thôi, cũng có thể tạo nên người như Nghiêu Thuấn vậy! Ai mà lại đi làm những việc của ngoại vật.

Người Tống buôn mủ sang nước Việt. Người nước Việt cắt tóc ngắn, xăm mình không dùng mủ làm gì. Nghiêu điều khiển dân trong thiên hạ, trong bốn bể bình an, đến núi Cô Tạ gặp bốn vị

(Vương Nghê, Xỉ Khuyết, Bì Y, Hứa Do) ở phía đông sông Phần Thuỷ (thủ đô của vua Nghiêu) về sâu xa của họ ra sao mà khiến Nghiêu quên thiên hạ của mình.

Huệ Tử nói với Trang Tử: Ngụy Vương cho tôi hạt giống bầu to. Tôi trồng, nó ra quả nặng đến năm thạch. Đem đựng nước, nặng quá không thể tự nâng lên được. Bỏ ra làm cái gáo, nó lại trảng quá, không đựng được nước; đâu phải không to lớn, nhưng vì vô dụng, nên tôi đập bỏ đi.

Trang Tử nói: Thế là phu tử vụng về việc dùng vật lớn rồi. Nước Tống có người khéo chế môn thuốc chữa bệnh nứt da tay, đời đời chuyên làm nghề ươm tơ. Có người nghe biết, xin mua phương thuốc đó với giá trăm lạng vàng. Người đó hợp họ Bàn: nhà ta đời đời làm nghề ươm tơ, chẳng qua chỉ mấy lạng vàng, nay chốc một có trăm lạng vàng, xin được bán cho họ. Khách được phương thuốc, về nói với vua Ngô. Nước Việt có nạn, vua Ngô cử anh làm tướng. Mùa đông, thuỷ chiến với người Việt, người Việt thua lớn, vua Ngô cắt đất phong thưởng cho anh ta, cũng thì một phương thuốc trị bệnh nứt da tay; một được phong hầu, một không ra khỏi nghề ươm tơ, chỉ khác nhau ở chỗ dùng nhà thôi. Nay ông có quả bầu nặng năm thạch, sao không dùng nó làm phao mà qua sông qua hồ, mà lại lo nó rộng không dùng được vào

việc gì? Là do lòng ông còn hẹp hòi chưa thông đó thôi.

Huệ Tử nói: Tôi có cây to, mọi người gọi nó là cây vu, gốc nó lồi lõm không đúng với giây mực, cành cong queo không theo một kích cỡ nào. Nó đứng ở bên đường, người thợ đi qua không thèm nhìn. Nay lời nói của ông, lớn lao mà vô dụng, nên không ai nghe.

Trang Tử nói: ông không thấy con mèo rừng sao? Co phục rất thấp, chờ mỗi đi qua, nhảy tây, nhảy đông, chẳng hiềm cao thấp, vướng vào cạm bẫy, chết nơi lưới rập. Đến như con thai ngư, lớn như vàng mây che một phương trời, kể ra cũng là to, nhưng cũng không bắt được chuột. Nay ông có cây lớn, lại nó không dùng được, không trồng nó vào nơi vắng vẻ, trên cánh đồng bao la, không có gì ở bên nó, để cho khách tiêu dao nằm nghỉ dưới bóng mát của nó? Nó không chết vì búa rìu, cũng không có vật nào làm hại nó. Không dùng vào việc gì đáng thì khốn khổ làm sao được?

II TÊ VẬT LUẬN.

Nam Quách Tử Kỳ ngồi tựa ghế, ngựa mặt thở, bư phờ như người mất hồn.

Nhan Thành Tử Du đứng hầu ở trước mặt hỏi: Thầy sao vậy? Mà khiến hình hài như cây khô, còn lòng như tro lạnh, thầy tựa vào ghế hôm nay, khác với ngồi tựa ghế như mọi ngày.

Tử Kỳ nói: Yển, câu hỏi của người hay lắm! Vì nay ta đã quên ta, người có biết không? Người chỉ mới được nghe sáo người, mà chưa được nghe sáo đất, người được nghe sáo đất mà chưa được nghe sáo trời!

Tử Du nói: dám hỏi, làm cách nào để hiểu được?

Tử Kỳ nói: một khối lớn hơi thở, gọi là gió. Nó không nổi lên thì thôi, đã nổi lên muôn lỗ hổng đều gào thét; người chẳng nghe tiếng ào ào đó sao? những hổng sâu của rừng núi, những bọng của cây to hàng trăm gang tay, giống như mũi, miệng, tai; như xà, cối, vành; như ao sâu, như vùng cạn...; khi réo lên như tiếng nước đổ, khi nhẹ như tiếng tên bay, thét ra thanh thô, hít vào tiếng nhẹ, vút lên thành thanh nổi, hạ xuống thành âm trầm, tiếng thì lắng đọng, tiếng thì trong trẻo. Các tiếng đó từ các lỗ phát ra. Tiếng trước xướng, tiếng sau hoạ. Khi gió lặng, mọi lỗ đều im; người không thấy sao, cành lá còn lắt lay?

Tử Du hỏi: tiếng sáo đất là tiếng hoà âm của muôn lỗ, tiếng sáo người từ ống trúc phát ra. Xin hỏi thế nào là tiếng sáo trời?

Tử Kỳ nói: Kia như gió thổi vào lỗ, cất lên muôn tiếng không giống nhau, nhưng lại khiến nó tự ngưng lại, hoặc tự vang lên là gì đấy? Nhìn sự việc toàn diện là bậc đại trí, nhìn sự việc phiến diện hẹp hòi là bậc tiểu trí. Lời nói lớn lao mang nội dung bao quát, lời nói hẹp hòi vụn vặt chỉ phí lời (khác nhau về nghị luận) Khi ngủ tỉnh thần là một, khi thức nhìn nhận lại khác nhau (Khác nhau giữa thức và ngủ), hai phần kết hợp, hằng ngày trong lòng phát sinh mâu thuẫn (mèo mực giăng co ở trong lòng) khoan thai, sâu sắc, dè dặt. Nỗi lo nhỏ trong lòng canh cánh, nỗi lo lớn gây cho lòng hoang mang như lấy nổ, như cánh tên phát ra thành lời nói phải, trái, vinh, nhục; giữ không nói ra như một lời thề khấn nhằm phần thắng về mình, hàng ngày tiêu hao như thu đông tàn các loài cây cỏ. Họ đắm đuối trong những việc làm đó không khi vào biết quay lại; điều chán ngán đó được gói kín, ngày càng sâu, khi trái tim gần ngừng đập, làm sao cho ấm lại được.

Nhưng mà mừng giận, buồn vui, phản phúc, kinh sợ, phù phiếm, phóng túng, tình dục mở rộng... đều như tiếng nhạc, do chỗ “hư” mà phát ra (từ chỗ không tiếng mà có tiếng), như nấm trong nơi ẩm ướt mà sinh ra (từ chỗ không hình mà có hình). Ngày và đêm tiếp nối, lại không biết ở đâu mà ra (tự giác ngộ ra chân lý, gốc của sự sống)

Không có đó, cũng không có đây; (nhưng nếu) không có đây, biết lấy đâu làm chỗ dựa? (nếu không có tự nhiên, ai có thể sinh ra ta? Nếu không có ta, lấy ai mà nhận sự sinh sôi đó của tự nhiên?) Lẽ đó có xa xôi gì đâu? Nhưng không rõ ai đặt bày ra như thế. Ất phải có đấng chủ trương, nhưng không hề nhận được dấu vết. Có thể hình dung để tin, nhưng không thấy hình thật. Đấng ấy có tình mà không có hình. Trăm xương (trăm mẫu xương) chín lỗ (kể cả hai lỗ thải), lục tạng¹ hiệp lại mới thành hình hài, ta sao có thể nặng bên nọ mà nhẹ bên kia? Người nên thân tất cả, hay có tây vị một chỗ nào? Tách riêng biệt ra, không đủ để trị lẫn nhau nên không thể thành một bộ phận; vua tôi riêng biệt ra không thể thành một quốc gia, cho nên mới có đấng chủ trương. Đấng đó, cầu được cũng không thêm gì, không được cũng không bớt gì. Người ta từ khi nhận hình hài, giữ gìn đến lúc cuối cùng, luôn luôn va chạm với ngoại vật, nhìn năm tháng hết dần như chạy, tuy vậy cũng không biết dừng lại, chẳng đáng buồn sao? Suốt đời lặn dạn mà không thấy thành công, mệt mỏi mà chẳng biết về đâu, chẳng đáng thương sao! Người như thế

¹ Nạn kinh: 39 nạn: ngũ tạng, tâm can tỳ phế thận. Cũng có lục tạng vì thận có hai tạng. Tả thận, hữu mệnh môn, mệnh môn khí thông với thận, cho nên có 6 tạng

mà không chết, phỏng có ích gì?. Hình hoá, tâm cùng một thể, chẳng là xót xa lắm sao? Cuộc sống con người, vốn là mờ mịt, há riêng ta mờ mịt, còn người khác lại không sao? Nếu biết lấy cái tâm đã thành của mình làm thầy, thì ai chẳng có thầy? Còn cần gì nữa để thay thế, khi tâm mình đã sẵn có? Kẻ ngu cũng có nó. Tâm chưa thành mà lòng đã chứa phải trái, thì có khác nào hôm nay đến nước Việt, mà lòng đã đến từ hôm trước! Như vậy là lấy cái không làm cái có. Đã lấy không làm có, tuy có sáng suốt như vua Vũ (Vũ trị thủy) cũng không biết được, riêng ta có làm thế nào được!

Lời nói, không như gió thổi, phải mang một thứ gì; nếu lời nói đó chưa xác định gì, có đúng là nói không? Hay là chưa nói? Để lời nói đó khác với tiếng chim non, có khác không? Hay là không khác? Đạo có che đậy gì đâu mà có thật giả? Lời nói có che đậy gì đâu mà có đúng sai? Đạo tồn tại ở mọi nơi, lời nói có mà không nên nói. Khi đạo chứa trong tiểu thành (nghĩa là: ai cũng lấy lẽ của riêng mình làm đạo, nên không biết đạo lớn lao ngàn nào) ¹ Lời nói nấp trong hoa mỹ (lời nói khéo

¹ Dẫn lời Lão Tử: “Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa” Đạo lớn bỏ nên mới có nhân nghĩa ra đời.

léo)², cho nên mới có phải, trái của Nho, Mặc (Khổng Tử và Mặc Tử). Nho, Mặc lấy phải làm trái, lấy trái làm phải. Nếu muốn thấy được phải trong trái, trái trong phải, thì không gì bằng dùng đến ánh sáng (của đạo). Vật, không vật nào là không phải đó, không vật nào là không phải đây. Lấy chỗ nhận thấy của người mà thấy, thì không thấy, lấy chỗ tự biết mình mà biết, thì mới biết (nhìn người khác không rõ, nhìn lại mình tức rõ). Nên mới nói rằng đó do đây mà có, đây nhân đó mà có. Đó và đây là thuyết “phương sinh” (đó mất đi đây sinh ra và trái lại). Tuy nhiên, thuyết phương sinh phương tử, phương tử phương sinh (nói lên sự biến hoá của tử sinh, sinh tử, sai đúng). Vừa được, vừa không được; vừa không được, vừa được (nói được, tức là có cái không được; nói không được, tức là có cái được; tức là phải trái vậy!) Nhân đúng nhân sai, nhân sai nhân đúng (có nhân mà phải, tức có nhân mà sai; có nhân mà sai, tức có nhân mà phải. Đã có đó, đây; ắt sinh ra phải trái không cùng)

Cho nên thánh nhân căn cứ vào phải, trái; mà dùng khiếu hiểu biết tự nhiên của mình nhìn sự vật. Và cũng do đây, đây cũng là đó; mà đó cũng là

² Cũng lời Lão Tử! “Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín” nghĩa là: lời tin được thì không khéo léo, lời khéo léo không có niềm tin.

đây. Đó cũng gồm một lẽ phải trái của đó ¹; đây cũng gồm một lẽ phải trái của đây. Đúng là có đó đây chẳng? Đúng là không có đó đây chẳng? Đó và đây nếu không gặp chỗ so sánh của nó, thì gọi là “cốt” đạo. Cốt ấy khởi đầu nơi trung tâm của cái vòng tròn (hoàn trung), trên cơ sở đó để ứng phó đến vô cùng (với thị phi). Phải, cũng là vô cùng, trái cũng là vô cùng. Bởi vậy mới nói: không đâu bằng dùng ánh sáng đạo. ¹

Lấy ngón tay mà thí dụ rằng ngón tay không phải là ngón tay, sao bằng lấy cái không phải là ngón tay để thí dụ ngón tay không phải là ngón tay.

Lấy con ngựa mà thí dụ rằng con ngựa không phải là con ngựa, sao bằng lấy cái không phải là con ngựa để thí dụ con ngựa không phải là con ngựa. Trời đất khác nào một ngón tay; muôn vật khác nào con ngựa vậy.

Được là được. Không được là không được. Con đường có đi mới thành đường đi, vật có gọi được tên mới thành vật. Sao là phải vậy? Phải vậy là vì phải vậy. Sao là không phải vậy? Không phải vậy

¹ Tức là thuyết “huyền đồng vật ngã” của Lão Tử.

¹ Đó là phép: “Dĩ bất biến ứng vạn biến” Phải, trái nối đuôi nhau mà sinh ra, không biết là đầu mối, như trên cái vòng tròn. Bởi thị mà sinh ra phi, bởi phi mà sinh ra thị, liên miên không ngắt.

là vì không phải vậy. Vật, có chỗ là. Vật, có chỗ là được vậy, phải vậy. Không vật nào là không phải vậy; không vật nào là không được vậy. Cho nên mới có so sánh cọng cỏ với cột trụ, một người đàn bà xấu xí với Tây Thi; rộng rãi, mảnh lới, quý quý, quái dị, thấy đều là một.

Vật có chia ra mới thành. Đã thành là huỷ vậy. (ở đây là thành, ở đó là huỷ, như làm tôi lông ra để dệt thành nỉ, dẫn gỗ làm nhà...) Vật, không kể gì thành huỷ, đều trở về một. Chỉ có bậc đạt đạo mới hiểu được lẽ của “một” mà thôi! Vì không dùng cái mình thấy để gửi vào đó những kiến giải tầm thường. Vô dụng là có dùng, dùng được ấy là thông, thông ấy là “được”. Hiểu được “được” ấy là gần với đạo. Nhân tới đó mà thôi đi; thôi đi, cũng không cần biết vì sao mà phải vậy, đó là đạo. (nghĩa là không cân bằng thị phi không đến được đạo) Một nhọc thần trí vì chấp nhất (trong một cái phải hay trái nào) mà không biết là thấy đều đồng nhau, nên mới gọi “sớm ba”.

Vì sao gọi là “sớm ba”? Có người nuôi khỉ, phát khoai cho chúng, nói: “Sớm ba mà chiều bốn”! khỉ đều giận. Người ấy lại nói: “Sớm bốn chiều ba” khỉ đều mừng. Số khoai không thay đổi, danh và thực không thiếu, mà lại có mừng có giận. Bởi vậy bậc thánh nhân, vì sự hoà mà phải nói đến phải hay trái, rồi đứng yên ở bánh xe trời (thiên quân),

cho nên được cả hai bên (vật và ta đều có cái mình được).

Hiếu biết của người xưa sao mà cùng cực. Sao là cùng cực? Có kẻ cho rằng thuở ban đầu chưa hề có vật gì cả, đó là một chủ trương cực đoan, không thể còn nói thêm được gì nữa. Có kẻ thì cho rằng đã có vật rồi, nhưng vật ấy chưa từng chia phân. Lại cũng có kẻ cho rằng đã có vật rồi, nhưng vật ấy đã có chia phân, nhưng vẫn chưa chia phải trái. Phải trái mà đã bị chia phân rõ rệt ra rồi, cho nên đạo mới có chỗ khuyết. Đạo mà có chỗ khuyết, mới tạo thành chữ “Ái”. Đúng là có khuyết có ái chăng? Đúng là không có khuyết không có ái chăng? Có thành và khuyết nên họ Chiêu mới gảy đàn; không có thành và khuyết nên họ Chiêu không gảy đàn. Chiêu Văn gảy đàn, Sư Khoáng cầm phách và không gõ (trụ kỳ sách nhi bất kích), Huệ Tử dựa vào ghế ngô đồng. Hiếu biết của ba người này có là bao, đều do khéo léo cả, cho nên ghi lại vào sách mãi cho đến nay. Chỗ ưa thích của họ đâu có giống chỗ ưa thích của mọi người. Muốn đem chỗ không sáng của mình mà soi sáng kẻ khác không phải cải mọi người ắt biết, mà ép để cùng biết; cũng như biện thuyết về “Kiên thạch” “Bạch mã”¹; muốn cho mọi người biết, cuối cùng không biết. Họ thử đem

¹ Thuyết “Kiên thạch” “Bạch mã” là của Công Tôn Long người đồng thời với Trang Tử.

ngón đàn hay của họ mà truyền dạy cho con họ, trọn đời biết có truyền dạy được không! Nếu họ truyền dạy được, thì ta đây cũng truyền dạy được. Bằng họ truyền dạy không được thì ta đây cũng truyền dạy không được. Cho nên chỗ mà bậc thánh nhân mong mỏi là được ở trong ánh sáng mập mờ (của cái nhìn tổng quát hỗn hợp) không dùng phép tắc của ai cả, chỉ dùng cái lý thông thường để xử sự với đời. Đó gọi là mượn lấy ánh sáng của người vậy.

Ví như nay có người hỏi rằng: Không rõ lời, của đó có giống với lời của đây chăng; hay không giống với lời của đây chăng? Giống và không giống, hay là giống nhau, thì bên này không có gì khác với bên kia nữa. Tuy vậy, xin thử nói: “Hữu thủy Hữu vị thủy hữu thủy” (còn chưa bắt đầu, đầu mỗi sự việc chưa lộ ra) “Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy” (không có đầu mỗi của sự việc, có bắt đầu của không có đầu mỗi của sự việc): “Hữu hữu” (có có) “Hữu vô” (có không) “Hữu vị thủy hữu vô” (lời nói chưa từng nói ra) “Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô” (kể cả nghĩ đến nói ra cũng chưa có) Bỗng có có lời nói, có không lời nói, bởi chưng có đó mà tình đã cạn, không đó mà tình chưa hết; cho nên có là không, không là có. Cho nên mới nói: chưa biết có đúng không giữa có và không, đâu là có đâu là không. Nay ta cũng đã nói rồi, nhưng

biết có đúng là những lời ta đã có nói ra, hay là không nói ra?

Dưới trời không gì lớn hơn mảy lông mùa thu, mà không có gì nhỏ như núi Thái San; không có ai thọ bằng đứa chết yếu, mà không có ai yếu bằng ông Bành Tổ. Trời đất cùng sống với ta, mà vạn vật với ta là một. Đã là một rồi thì nói ra có được? Đã là một rồi, thì không nói ra có được không? Một và lời là hai. Hai với một là ba; từ ba trở lại, dù có người khéo tính lịch cũng không ghi được số của nó, huống chi là kẻ tầm thường. Cho nên từ chỗ không mà ra chỗ có cho đến số ba, huống chi từ chỗ có đến chỗ có? Không phải đến đâu cả, chỉ nên theo chỗ có đây là đủ.

Vả đạo chưa hề có khu vực, lời nói chưa hề có định trước, vì có “phải” nên mới có khu vực. Vậy xin nói về khu vực ấy: có trái có phải, có luận có nghị, có phân có biện, có cạnh có tranh. Đó gọi là bát đức. Phần ngoài cõi lục hợp, thánh nhân để yên mà không luận đến; phần trong cõi lục hợp, thánh nhân luận đến mà không bàn, Việc của các tiên vương qua đời Xuân thu, thánh nhân bàn đến mà không khen chê biện luận. Cho nên tuy có phân chia mà không phân chia, có biện biệt mà không biện biệt. Sao lại như vậy? Là vì thánh nhân giữ ở trong lòng, còn chúng nhân biện biệt, để khoe khoang. Cho nên mới có câu: hay biện

biệt, thì có chỗ không thấy rõ được; đạo lớn không thể gọi thành tên, người giỏi biện luận không nói, đại nhân thì không thương ai, đại liêm thì không nhúng nhường, đại dũng thì không làm hại ai. Đạo mà sáng rõ không thật đạo. Lời mà rõ ràng thì không tới chốn, nhân nhỏ nhặt thì không được việc, thanh liêm quá không thể tin, dũng mà hại người thì không nên việc. Năm điều ấy tuy tròn trịa, mà chỉ dừng ở hình thức gần tới hình vuông, không thể làm vậy được. Cho nên, biết dừng ở chỗ mình không thể biết, là đến chốn rồi vậy. Có ai biết được cách biện biệt mà không dùng đến lời, nói mà không cần nói ra lời, ai mà biết được, người đó là “Thiên phủ” (kho trời). Đổ vào mãi mà không đầy, rót ra mãi mà không cạn, nhưng không biết do đâu mà đến. Nên mới nói là che ánh sáng mà vẫn sáng (bảo quang).

Cho nên ngày xưa Nghiêu hỏi Thuấn:

- Ta muốn đánh Tòng, Khoái, Tư Ngao; ngoảnh mặt về hướng Nam và không thấy lòng khoan khoái, như thế là cứ làm sao?

Thuấn nói:

- Như ba người ấy (vua ba nước) khác nào sống ở giữa cỏ bồng cỏ ngải. Xưa kia, mười mặt trời cùng mọc, muôn vật đều được soi sáng; hướng chỉ đức của người còn sáng hơn mặt trời!

Khiết Khuyết hỏi Vương Nghiê:

- Ông có biết chỗ cùng phải (giống nhau) của vạn vật không?

- Ta biết đâu việc đó

- Ông biết chỗ mà ông không biết không?

- Ta biết đâu việc đó.

- Vậy thì, mọi vật cũng không biết gì cả hay sao?

- Ta biết đâu việc đó. Tuy vậy, ta thử nói xem sao. Biết đâu cái mà ta gọi là biết, lại chẳng phải là cái mà ta không biết; Cái mà ta gọi là không biết, lại chẳng phải là cái mà ta biết. Vả lại, ta đã từng thử hỏi người: người nằm chỗ ẩm thấp thì sinh ra đau lưng và tê liệt một bên mình; còn con cá chạch thì có sao đâu? Người ở trên cây run rẩy sợ hãi; còn loài khỉ vượn thì có sao đâu? Ba loài ấy, ai biết chỗ nào là chỗ ở chính? Con người ưa ăn rau, thịt; hươu nai thích ăn cỏ non; rết thích ăn rắn con; cú, quạ thích ăn chuột. Bốn loài đó, ai biết đâu là thức ăn chính? Vượn và khỉ theo với nhau; Mao Tường, Lê Cơ, người trông thấy thì cho là đẹp, mà cá trông thấy lại lặn sâu, chim trông thấy lại bay cao, hươu nai trông thấy thì chạy dài. Bốn loài đó, ai biết được vẻ nào là đẹp trong thiên hạ? Tự ta mà xem, đầu mối của nhân nghĩa, đường nẻo của phải trái rối loạn lung tung, ta làm sao biết mà phân biện!

Khiết Khuyết nói: ông không biết lợi hại, còn bậc người rất người cũng không biết lợi hại nữa hay sao?

Vương Nghê nói: bậc người rất người là thần, đầm lớn cháy, cũng không làm cho người đó nóng; sông Hà sông Hán đóng băng, không làm cho người đó lạnh; sét đánh vỡ núi, bão cồn biển cả, cũng không làm cho người đó sợ. Người như thế, nường theo mây, cưỡi mặt trời, mặt trăng mà rong chơi nơi bốn biển; chết sống cũng không làm cho người đó thay đổi, huống chi là mối lợi hại?

Cù Thước Tử hỏi Trường Ngô Tử:

Tôi nghe Phu tử¹ nói thánh nhân không bận đến việc đời, không tìm lợi, không lánh hại, không thích được, cũng không quẩn quýt với đạo, không nói mà như có nói, có nói mà như không nói; thoát ra ngoài vòng bụi bặm. Thầy tôi cho đó là lời nói viển vông, còn tôi, lại cho đó là việc làm của bậc đạt đạo vậy. Ý ông như thế nào?

Trường Ngô Tử nói:

- Đó là điều mà Hoàng Đế nghe còn nghi ngờ vậy, ông Khâu làm gì đủ để mà hiểu được. Vả người cũng muốn biết hơi sớm; vừa thấy trứng gà đã mong được nghe tiếng gà gáy, vừa thấy viên đạn đã mong

¹ Chữ Phu tử ở đây chỉ Khổng Tử, hợp trên dưới với chữ Khâu (tên Khổng Tử) ở dưới.

được ăn chim nướng. Nay ta thử vì người, nói bậy mà nghe, còn người cũng nghe bậy mà chơi. Làm thế nào để dựa kê nhật nguyệt, nhập cùng vũ trụ, xáo trộn cả phải, trái, sang hèn? Chúng nhân thì bon chen, thánh nhân thì ngu tối, vượt muôn tuổi mà ôm giữ cái chỗ thuần nhất bất biến.

Muôn vật đều như thế cả, đều chứa đựng một lẽ như nhau. Ta sao biết ham sống chẳng phải là lầm? Ta sao biết sợ chết lại chẳng là mê, mà không biết cho đó là con đường về?

Lê Cơ, con của một vị được phong ở đất Ngải, gả cho vua Tấn; Khi mới về nhà chồng, nước mắt thấm vạt áo. Khi về đến cung, cùng vua chung chạ; ăn vị ngon; sau lại hối vì những giọt lệ đã rơi. Ta biết đâu kẻ chết lại không hối hận vì mình đã mong được sống thêm?

Có kẻ chiêm bao cười giữa tiệc, tỉnh giấc khóc trong lòng; hoặc chiêm bao buồn khóc, khi tỉnh giấc lại vui trong cuộc đi săn. Lúc chiêm bao không biết chiêm bao; lại mơ trong giấc mơ nữa, khi tỉnh giấc mới hay là mộng cả. Chỉ có bậc đại giác mới biết cuộc đại mộng đó thôi. Nhưng kẻ ngu lại cho mình là tỉnh, tự cho mình là biết. Ai đúng là bậc quân thượng quyền quý, ai đúng là kẻ chần dốt thấp hèn, cố chấp và thô lậu sao! Ông Khâu, cùng người đều là mộng cả. Ta bảo người đang mơ thì ta lại cũng đang mơ! Những lời nói đó gọi là điều quý

(quái gở) Sau muôn đời, may mà gặp được đại thánh, biết giải cái nghĩa nó ra, cũng coi như gặp trong một sớm một chiều vậy. (hữu hạn so với vô cùng).

Nếu ta với người cùng tranh biện; người thắng được ta, ta không thắng được người. Vậy người hẵn đã là phải, mà ta hẵn đã là trái chưa? Nếu ta thắng được người, người không thắng được ta. Vậy ta hẵn đã là phải, mà người hẵn đã là trái chưa? Hay là khi thì phải, khi thì trái hay sao? Hoặc là cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc cùng trái cả hay sao? Hoặc là cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc cùng trái cả hay sao? Ta và người không thể biết được nhau, thì người người đều phải chịu tối tăm rồi! Ta phải nhờ ai đính chính lại việc ấy? Nhờ người giống người để đính chính lại việc đó ư? Người mà giống người làm sao đính chính lại được việc đó! Nhờ người giống ta để đính chính lại việc đó ư? Người mà giống ta làm sao đính chính lại việc đó! Vậy thì ta với người, cùng với người đó đều không thể biết nhau được, sao còn phải nhờ người đó làm gì? Chờ vào sự thay đổi của muôn vật, cũng như là không chờ. Chỉ còn chờ vào sự phân giải của tự nhiên, nhân đó mà thay đổi, cho đến ngày cuối của cuộc sống.

Sao gọi là hoà hợp với thiên nghe? Rằng: là phải mà cũng là chẳng phải, nên mà cũng chẳng phải nên. Cái phải của người, nếu đúng là phải, thì

cái phải đó có khác gì cái không phải, cho nên cũng không biện biệt được. Cái nên của người, nếu đúng là nên, thì cái nên đó có khác nào cái không nên vậy, thành ra cũng không biện biệt được. Quên sống, chết; quên phải, trái; là thông suốt lẽ vô cùng, cho nên gửi mình vào cõi vô cùng.

Bóng mờ hỏi bóng tỏ: nầy anh đi, giờ anh đứng; nầy anh ngồi, giờ anh dậy. Sao anh không có nét riêng?

Bóng tỏ nói: ta có phải nương nhờ mà như thế chẳng? Hay là chỗ ta nương nhờ lại còn phải nương nhờ nơi chỗ khác mà như thế chẳng? Ta phải nương nhờ như vậy rần cánh ve chẳng? Sao biết sở dĩ nó là thế? Sao biết sở dĩ nó không phải là thế?

Xưa Trang Chu mơ thấy mình là bướm, vui phận làm bướm, tự thấy thích chí, không còn biết có Chu nữa. Chợt tỉnh giấc, thì lại thấy mình là Chu. không biết Chu mơ là bướm, hay bướm mơ là Chu? Chu và bướm ắt phải có phận khác nhau. Đó gọi là vật hoá.

III. DƯỠNG SINH CHỦ

Cuộc sống là có hạn, mà sự hiểu biết lại không có bờ bến. Đem cái có hạn mà chạy theo cái không bờ bến là nguy vậy.

Đã biết thế, lại không dừng, càng nguy hơn nữa. Làm việc thiện mà không bị danh ràng buộc; làm việc ác (nhưng thứ như thanh sắc, không thể gọi là thiện, tức là ác) mà không bị hình phạt. Thuận theo con đường giữa mà đi, thì có thể giữ được thân mình, có thể toàn được sinh mạng, có thể nuôi dưỡng được mẹ cha và có thể hưởng được hết tuổi trời.

Bào Đình mổ bò cho Văn Huệ Quân.

Lúc ra thịt, điệu bộ của tay động, vai đưa, chân đạp, gối chạm, tiếng da xương lìa nhau, tiếng dao cạo cắt đều trụng cung bậc, hợp với điệu múa Trang Lâm, với bài nhạc Kinh Thư.

Văn Huệ Quân nói: hay thật, nghệ thuật đến thế là cùng!

Bào Đình buông dao, thưa rằng: cái chỗ ưa thích của thần là đao. Buổi đầu, lúc ra thịt một con bò, chỗ mà thần thấy mà thôi, là con bò. Sau ba năm, thần không thấy cả con bò nữa. Bây giờ, thần không dùng mắt để nhìn, mà dùng cái thân để xem, ngũ quan dừng lại, mà thần thì muốn đi, dựa vào cấu tạo của bò (tự nhiên). Tách các gân lớn, lùa các khớp lớn, nhằm nơi rỗng sẵn của nó mà cắt. Bắp thịt còn không sát quá, hướng chỉ là khớp xương to. Người đầu bếp thường mỗi tháng thay dao một lần, vì họ chặt. Nay con dao của thần đã dùng mười chín năm, số bò đã mổ có trên nghìn

con, vậy mà dao như mới mài xong. Các khớp xương kia có kẽ hở, mà dao thì mỏng. Lấy cái mỏng của dao mà đưa vào chỗ kẽ, thì rộng có thừa. Vì vậy, lưỡi dao đã dùng mười chín năm vẫn còn sắc như mới mài. Tuy vậy, mỗi khi gặp những chỗ gân xương sát nhau quá cảm thấy khó làm, thì thân phải nhìn kỹ; hành động chậm lại, con dao cử động một cách nhẹ nhàng, thế mà thịt lại đứt và rơi xuống như bùn rơi xuống đất. Bấy giờ thân cầm dao đứng yên, ngoảnh nhìn bốn phía, đặc ý vì có con dao tốt, rồi đem cất nó đi...

Văn Huệ Quân nói: hay biết chừng nào! Ta nghe lời nói của Bào Đình mà hiểu được đạo dưỡng sinh.

Công Văn Hiến thấy vị quan hữu sư mà kinh ngạc!

- Ấy là ai đó vậy? Tại sao mà lại chỉ còn có một chân? Trời làm ra thế chẳng? Hay người làm ra thế chẳng?

Hữu Sư đáp:

- Do trời đấy, không phải do người đâu. Trời sinh ra bắt phải một chân. Hình dung của con người thì phải có hai chân cùng đi mới được. Vì vậy, mới biết rằng, đó là do trời, chứ không phải do người làm ra.

Con trỉ ở trong đầm, mười bước đi một lần mổ, trăm bước đi một lần uống, nhưng nào có mong

được nuôi dưỡng ở trong lòng. Thần thái tuy khoẻ, nhưng chẳng ai ưa việc ấy!

Lão Đam chết, Tần Thất đến viếng, khóc gào ba tiếng rồi bước ra.

Học trò hỏi: không phải bạn của thầy sao?

- Phải.

- Vậy thì, viếng như thế coi được không?

- Được chứ! Trước kia ta ngỡ ông ấy là chân nhân (chân nhân không chết); nay thì không phải như thế nữa. Lúc nãy ta vào viếng, thấy người già khóc như khóc con, có người trẻ khóc như khóc mẹ. Cái chỗ tụ lại đó (cái xác), có cầu ai nói đến mà nói, có cầu ai khóc mà khóc. Thế là trốn trời, thêm tình, quên chỗ mình lãnh nhận. Người xưa gọi đó là hình phạt của sự trốn trời. Vui mà đến, là phu tử an thời; vui mà đi, là phu tử xử thuận. An thời xử thuận, thì buồn vui không sao xâm nhập cõi lòng. Người xưa cho rằng đó là tháo mở sợi dây mà tạo hoá đã cột ta vào cõi sống. Cũng như việc lửa và củi, lửa truyền mãi không biết đến đâu là cùng (cuối cùng của dưỡng sinh, củi đến cùng, lửa vô tận).

IV. NHÂN GIAN THẾ

Nhan Hôi gặp Trọng Ni xin đi.

◦ Trọng Ni hỏi: đi đâu?

- Thưa thầy, sang nước Vệ.

- Làm gì?

- Hồi nghe vua nước Vệ, tuổi còn trẻ, việc làm độc đoán, dùng quá sức dân không kể thời hạn, mà không thấy mình sai. Hơi tí dùng đến binh, người chết nhiều, người dân như sống trong lửa bỏng, không biết là về đâu. Hồi nghe phu tử nói: nước yên thì đi, nước loạn thì đến, làm thầy thuốc hãy đến nơi có nhiều bệnh tật, xin được nghe phép tắc để biết đường suy nghĩ, may chăng dân nước đó đỡ khổ.

Trọng Ni nói:

- Ôi! Người đi khó mà giữ được mạng sống! Đã là đạo, không được va chạm nhiều, nhiều ắt sinh ra rối ren, rối ren sinh ra lo lắng, lo lắng quá không cứu được. Bậc người rất người ngày xưa, trước tiên là gây dựng cho mình trước, sau đó mới gây dựng cho mọi người. Việc mình gây dựng cho mình chưa yên ổn, còn lấy gì mà đếm xỉa đến việc làm của người tàn bạo (chỉ vua Vệ). Vả cũng nên biết, khi đức trải rộng ra, mà không biết dùng vào mục đích gì? Sẽ là đức trải ra vì danh, trí mở ra vì tranh. Danh đầu mối của kèn cựa, trí xảo là công cụ của tranh giành. Hai thứ hung khí đó, không thể lúc nào cũng đem dùng ở đời được. Khi đức và bộ mặt chân thật chưa đủ vừa ý mọi người, tiếng tốt không tranh giành chưa đủ vừa lòng mọi người, mà cứ

gượng đem mực thước nhân nghĩa nói trước mặt kẻ tàn bạo, khiến cho người ta thêm ghét cái vẻ đẹp ấy. Như thế gọi là làm hại người. Kẻ làm hại người, ắt bị người làm hại, nếu cứ muốn làm hại người. Vả nếu vua Vệ cũng trọng bậc hiền tài mà ghét kẻ xằng bậy, thì cần gì người làm cho ông ta khác đi? Nếu không đúng như thế (như vừa nói) vua Vệ sẽ nhanh chóng nhằm vào chỗ sơ hở của người, ắt mắt sẽ long lên, vẻ mặt cũng theo đó mà bùng lên, lời nói to kèm với suy nghĩ trong lòng. Thế là dùng lửa cứu lửa, dùng nước cứu nước. Người đã không làm khác đi được, mà lại càng làm xấu thêm, rồi sẽ thuận theo mãi, ắt chết bởi tay kẻ tàn bạo. Ngày trước Kiệt giết Quan Long Phùng, Trụ giết Vương Tử Ty Can; đều là những người tu thân biết thương yêu dân của vua, cho nên ông vua mới vì tu thân của họ mà giết đi. Những người đó đều là hiếu danh vậy. Ngày xưa vua Nghiêu đánh Tung Chi, Tư Ngao; vua Vũ đánh Hữu Hộ. Vua ba nước đó dùng việc binh không ngớt, đến nỗi đất nước trở thành gò đồng, người dân bị chém giết, trông như quỷ ác, vì cầu thực (lợi) không ngừng. Vậy nên Nghiêu, Vũ mới đánh, cũng là cầu danh và thực vậy. Người còn không từng nghe hay sao? Những vị quân chủ nắm danh, thực kiểu đó, dù bề tôi có là thánh nhân cũng không làm sao được, huống là người ư? Tuy nhiên, nếu đã định sẵn vậy, thì hãy thử xem!

Nhan Hồi thư:

- Trò sẽ giữ vế đoan túc mà khiêm hư, cố gắng một lần xem sao.

- Ô, không được; những người hừng hực, lộ ra bên ngoài, sắc thái thay đổi không thường, mọi người không dám trái ý, lại định kìm nén lòng ham muốn, để làm dịu lòng dạ ấy, cái đó có khác chi gây những việc tốt nhỏ nhặt hàng ngày không thành, còn nói đến chí đức cả. Người đó sẽ cố chấp mà không thay đổi. Lẽ nào hùa theo mà cùng tâm thường!

- Thế thì trò sẽ trong thẳng ngoài cong, người xưa cũng làm như vậy. Trong thẳng là, cùng một đạo lý với tự nhiên. Người mà đã sống cùng một đạo lý với tự nhiên, họ biết rằng họ và thiên tử đều là con của trời, cho nên thiện hay không thiện, đều mặc cho lẽ chung, một tí gì cũng không cầu xin ở người khác. Cho nên người ta mới bảo trẻ con, là nói tính khí sống theo tự nhiên. Còn ngoài cong, là sống theo người khác, phải khúm núm, uốn gối, cong lưng, đó là lẽ của bề tôi, ai cũng làm thế, trò dám đâu không theo. Làm những việc người xưa đã làm (can ngăn), con người mình cũng không thấy gì là sai trái, đó là làm theo người khác. Nếu so với người xưa, là học theo cổ nhân vậy.

- Nói như thế, tuy là lời dạy của người xưa, nhưng thực ra là trách móc.

- Việc này từ xưa đã có, không phải nay trò mới có. Nếu vậy thì, tuy thẳng thắn mà không hại đến mình, đó là học theo người xưa. Thế, có thể được không?

Trọng Ni nói:

- Ô, được sao được? Cứng nhắc quá, bất chước nhưng không được hẹp hòi, tuy chẳng được là bao, cũng không có tội. Tuy nhiên, dừng lại mà đúng, làm sao mà cảm hoá nổi, vì cố chấp mà thôi.

Nhan Hôi nói:

- Hôi không tiến được nữa rồi, xin hỏi có cách nào?

Trọng Ni nói:

- Chay tịnh, ta sẽ nói với người điều ấy! Có lòng làm cũng không dễ gì? Dễ, nhưng vì lòng cố chấp, trái với lẽ tự nhiên.

Nhan Hôi nói:

- Nhà Hôi nghèo, không uống rượu, không ăn thịt có hằng mấy tháng rồi. Như thế có thể là chay tịnh chưa?

- Đó là chay tịnh về việc cúng tế, không phải chay tịnh trong lòng.

- Hôi xin hỏi về chay tịnh trong lòng.

- Không được suy nghĩ vẩn vơ, không nghe bằng tai, mà nghe bằng lòng, không nghe bằng lòng mà nghe bằng khí. Những điều nghe được

dừng ở tai, lòng nhận biết dừng ở chỗ phù hợp với vật (tín hiệu). Còn khí, “hư” (trống trải) chờ vật. Chỉ có đạo mới giữ được hư. Hư đó, là chay tịnh trong lòng vậy.

Nhan Hôi nói:

- Hôi chưa được dạy về điều này nên vẫn còn có Hôi. Nếu được dạy, không có Hôi nữa (ta, vật cùng quên). Như thế có phải là “hư” không.

Trọng Ni nói

- Hết rồi đó! (đạt đến cao độ của tâm chay tịnh) Ta nói như thế! Nếu có thể vào đất đó (đất Vê) mà không bị thôi thúc vì danh, nếu nhập được lời ta hãy nói, nếu không thì hãy dừng lại. Không cửa, không độc (không cửa, để cho vật tự nó; không độc, để cho thiên hạ tự yên). Làm mất dấu vết dễ (không đi), đi mà không có dấu vết khó. Đối xử với người, nông cạn mà dễ lừa dối; đối xử với trời, khó mà dối trá. Chỉ biết vật có cánh bay được, chưa biết vật không cánh bay được; chỉ biết người có trí tuệ thì thấu hiểu mọi việc, chưa biết người không có trí tuệ cũng thấu hiểu mọi việc (vận động bằng thần trí, lấy hư tĩnh để soi rọi) Nhìn đó trống không, nhà trống sinh trắng (“đó” là tiền cảnh, quan sát được khắp nơi, thấy đều trống vắng, cho nên cõi lòng mới trống trải, nên soi rọi đến chân nguyên). Điềm lành ngưng lại. Nếu không ngưng, đó là toạ trì (hình thể ngồi còn lòng thì rong ruổi.

Tai mắt ở ngoài lại điều khiển ở trong; tâm trí ở trong lại gạt ra ngoài, đó là hoá của muôn vật; Vũ, Thuấn bị níu khéo, Phục Hi, Kỷ Cừ¹ làm việc nhàn nhã cho đến ngày cuối, hướng chỉ những người dân nhàn tản!

Diệp công tử Cao sắp sang sứ nước Tề đến hỏi Trọng Ni rằng: Người nước Tề đối với sứ giả rất kính trọng, nhưng chần chừ chẳng giải quyết một vấn đề gì cả. Một người dân thường của nước Tề tôi cũng không thể làm họ khó chịu, hướng chỉ đây là một chư hầu, vậy nên tôi rất sợ.

Khổng Tử đang nói với mấy người nước Lương, trả lời:

- Phàm việc dù to dù nhỏ, không do đạo mà nên thì ít lắm; việc không thành sẽ có người khép tội, việc thành lại có cái lo về sức khỏe, vì tổn hại đến hai khí âm dương. Chỉ có xem thành như không thành thì mới hết lo lắng, duy người có đức mới như thế được.

- Nay tôi ăn đồ thô, không cầu tinh, ở không ấm lắm, thế mà buổi sáng tôi nhận mệnh vua, tối phải ăn uống nước đá, có lẽ tôi bị bệnh nội nhiệt. Tôi chưa thực vào việc, mà đã có lo về âm dương không cân bằng rồi; nếu việc không thành, ắt nhà

¹ Kỷ Cừ chỉ những ông vua từ Tam Hoàng trở lên, không biết chữ, vẫn có thể làm vua, làm chủ thế gian.

vua sẽ bắt tội. Cả hai điều đó, bốn phận làm bề tôi thực là không tròn, phu tử có cách gì nói giúp để tôi rõ.

Trọng Ni nói:

- Trong cuộc sống có hai điều phải giữ gìn: mệnh và nghĩa. Con cái yêu cha mẹ, đó là mệnh, không lúc nào không đau đáu trong lòng. Bề tôi thờ vua, đó là nghĩa, không ở đâu mà không nghĩ đến vua. Trong khoảng trời đất này, không tránh né vào đâu được, nên bảo đó là sự giữ gìn lớn. Cho nên đã là thờ cha mẹ, bất luận là ở nơi nào, đều cầu cho cha mẹ được yên, đó là chí hiếu vậy; đã là thờ vua, bất kể nhận việc gì, cứ yên tâm làm đi, tin ở mệnh, đó là rất trung; còn tự xử với lòng mình, vui buồn không dễ gì làm cho thay đổi, biết không thể làm thế nào được thì yên cùng mệnh, đó là đức cao vậy. Làm bề tôi người khác, có nhiều bất đắc dĩ, làm việc quên thân mình, còn đâu mà nghĩ đến thích sống mà ghét chết! Ông có thể đi sứ được rồi đấy! Khâu xin đem cái mình biết để nói. Phàm trong quan hệ hàng xóm láng giềng, gần thì ở với nhau có chữ tín, xa thì nói với nhau những lời ngay thẳng, lời nói đó có thể nhờ người khác chuyển. Khi truyền lại những lời vui mừng, hay bực bội giữa hai ông vua, đó là việc khó trong thiên hạ. Nếu vui mừng thì tràn đầy lời tốt đẹp, nếu bực bội thì tràn đầy những lời nói khó nghe. Khi đã tràn

đây khiến người nghe nghĩ sai lệch, dẫn đến về nghi ngờ, nghi ngờ thì người nói lại lại sẽ nguy. Cho nên xưa có câu “Truyền những gì bình thường mà thực, những lời quá không truyền lại, như thế có thể toàn vẹn”. Vả người giỏi đấu sức, ban đầu mạnh về dương, sau sẽ chết vì âm. Muốn thắng đến cùng, ắt phải dùng mảnh lối. Dùng lễ để uống rượu, đầu tiên tưởng nghiêm túc, cuối ắt lung tung, quá mức vui sẽ hoá rồ. Sự việc cũng thế, mới đầu tin, cuối cùng thì dối trá, mới đầu giản đơn, khi gần xong ắt sinh nhiều chuyện. Lời nói, như gió dậy sóng. Việc làm, là được mất; gió dễ dậy sóng, được mất dễ nguy. Cho nên bức tức ở đâu mà sinh ra, lời nói khéo quá sự thực. Con thi chết không chọn tiếng; bức tức, gay gắt phát ra từ lòng. Cái gì cũng muốn được quá trọn vẹn, thì người khác dùng tấm lòng xấu để đáp lại, chẳng biết sao mà nên như vậy, ai mà biết được kết cục. Cho nên mới có câu: “Mệnh vua thực truyền, không được thay đổi, không nên mệt mỏi vì khuyên khen.” Để cho quá sức mình, bởi vì có quá nhiều lời. Đổi mệnh lệnh vua, khuyến khích việc đã thành là nguy; có việc tốt lành đã lâu, khi nảy ra việc xấu không kịp sửa, lẽ nào không biết mà cẩn thận sao? Chi bằng theo vật mà gửi lòng mình, trả lời khi nào không thể được, không gây, gì thêm, để nuôi lòng mình được yên tĩnh, hà tất phải báo thay cho Tề, chỉ đem đến

cái mệnh của vua, còn mình thì không dự, làm như thế khó vậy!

Nhan Hạp sắp nhận làm thái phó cho thái tử của Vệ Linh Công, đến hỏi Cừ Bá Ngọc:

- Con người thái tử như thế, tính thích giết người, nếu tôi bỏ mặc, thì cả dân lẫn nước đều nguy hiểm; nếu dùng phép tắc để ngăn ngừa, sẽ hại đến thân mình. Hiểu biết của người đó đủ để biết lỗi của người khác, mà không biết lỗi của mình. Nếu vậy, tôi nên làm thế nào?

Cừ Bá Ngọc trả lời:

- Ông hỏi thật là hay. Cảnh giác thôi. Cẩn thận thôi! Ông hãy giữ mình cho ngay thẳng, bên ngoài tỏ ra thân cận, bên trong tỏ ý thuận theo; tuy vậy, hai thứ đó cũng chưa ổn, thân nhưng không được sâu, thuận nhưng không được quá; sâu quá sẽ bị diệt vong, thuận quá mang lấy tiếng xấu xa. Hấn là trẻ con, thì cũng làm trẻ con (không hiểu biết) hấn hơi quá chớn thì cũng quá chớn theo, hấn không đứng ở mồm núi, ông cũng không đứng ở mồm núi. Làm được như thế, sẽ không có mắc mớ gì. Ông không biết con bộ ngựa sao? Tức giận giơ chân ngáng bánh xe, có biết đâu làm thế là không được, đừng cậy có tài. Cảnh giác thôi, cẩn thận thôi, ông đừng cậy mình hay mà phạm vào thái tử, thì được. Ông không biết người nuôi hổ sao? Không ai dám đem động vật còn sống cho nó

ăn, sợ kích thích sát khí của nó. Không ai dám đem động vật còn nguyên vẹn cho nó ăn, sợ kích thích tính hung dữ của nó. Cho nó ăn đúng giờ đúng giấc, để đói, nó sẽ giận dữ. Hổ và người tuy là khác loài, nhưng nuôi nấng đều phải chiều thuận theo tính, để nó chống lại nó sẽ giết. Người yêu ngựa, dùng sọt đựng phân, dùng vỏ con sò con trai đựng nước tiểu; có con ruồi trâu nào bám vào mà lúc nào cũng vỗ, ngựa sẽ lắc đầu, rung hàm thiếc, co bụng; ý thì rất tốt, yêu quá lại thành xấu, cho nên phải cẩn thận.

Thạch Tượng sang nước Tề, qua Khúc Viên, thấy cây đồng xã, bóng mát có thể che mấy nghìn con bò, chu vi hàng trăm gang tay, cao bằng núi bắt đầu chia nhánh, nếu đem đóng thuyền có thể được hơn mười cái. Người đến xem đông như chợ, thợ cả không nhìn, vẫn đi tiếp, phó nhỏ đứng xem, chạy theo kịp Tượng Thạch hỏi:

- Con từ khi cầm rìu búa theo thầy, chưa từng thấy cây nào đẹp như cây này. Thầy không nhìn mà đi, là vì sao?

- Thôi, đừng nói nữa! Cây vô dụng, đóng thuyền thì chìm, làm áo quan thì chóng mục, làm đồ dùng thì chóng hỏng, làm nhà thì chảy nhựa, làm cột thì bị mọt. Một thứ gỗ không dùng được; không được việc gì nên mới sống lâu như thế!

Đêm hôm đó, Tượng Thạch mơ thấy cây đồng xã nói rằng:

- Người so với ta làm sao được? Nếu đem so ta với những cây dùng được như: thả, lê, quất, dữu, quả, loã, quả chín bị hái, bị hái thì nhục, cành lớn thì gãy, cành nhỏ bị vin kéo; như thế có phải là khổ cho đời của chúng không? Cho nên sống không hết tuổi trời, giữa đường chết non, đó là tự chúng gây nên ở cõi đời, vật không giống nào là không thế. Vả ta đã cần được vô dụng lâu rồi, gần chết, mới được như nay, để cho ta đại dụng. Nếu để cho ta có dùng, sao lại được to như thế này? Hơn nữa, nếu để ta như các vật khác (có dùng), còn đâu mà trông thấy hình dáng nữa? Rồi những người vô dụng gần chết, làm sao mà biết được cây vô dụng?

Tượng Thạch tỉnh kể lại giấc mơ.

Phó nhỏ nói:

- Đã cần trở nên vô dụng để toàn thân, còn làm cây xã làm gì?

- Im!

- Nếu không nói, hấn cũng cho là không hiểu hấn mà nguyên rửa cho.

- Nếu không làm cây xã, có lẽ bị chặt làm củi lâu rồi. Vả lại, cây đó giữ mình, khác với cây khác, chỉ xưng cái tên bình thường là cây xã, chẳng là sâu xa sao?

Nam Bá Tử Kỳ đến chơi ở Thư Dương, thấy cây lớn cho là lạ, cây có thể che cho hàng nghìn cỗ xe ngựa. Tử Kỳ nói: cây này là cây gì? Ất có dùng được vào việc đặc biệt! Ngửa mặt nhìn cành nhỏ, thấy cong queo không thể dùng vào việc rường cột; nhìn vào gốc, thấy ụ mắt không thể dùng vào việc quan quách. Nhấm vào lá, miệng loét bị thương; ngửi, người như say rượu ba ngày chưa khỏi. Tử Kỳ nói: đây đúng là cây vô dụng, cho nên mới lớn như thế này. Than ôi! Cho nên thần nhân cũng vô dụng!

Đất Tống có đất Kinh Thị, có ba loại gỗ: thu, bá, dâu; cứ bằng người ôm trở lên đã bị người bầy khỉ dẫn, bằng ba, bốn ôm bị những người dùng làm cột dẫn; loại bảy, tám ôm bị những nhà quyền quý, hoặc buôn giàu có dẫn làm áo quan, bị chết khi chưa tròn tuổi trời, đó là cái hại của có dùng. Cho nên mới biết, trâu bạc trán, lợn mũi cao, người có bệnh trĩ, không được đến bên sông dự lễ tế thần. Điều đó các người đồng cốt biết cả, vì cho đó là các hạng bất tường. Vậy cho nên người thần cho là đại tường (vì thần nhân cũng vô dụng, ghi ở trên)

Chi Ly Sơ, cầm ở ngang rốn, hai vai cao hơn đầu, tóc dựng đứng, ngũ tạng ở trên, hai vế làm sườn, làm nghề may vá giặt giũ cũng đủ ăn, xay xát gạo cũng đủ cho mười người ăn. Vua lấy võ sĩ, Chi Ly xăm xấn đi ở giữa. Vua có công việc lớn, Chi Ly vì có tật nên không dự. Vua cho người bệnh

tật thốc, Chi Ly nhận ba chung và mười bó củi. Kể hình dáng Chi Ly như thế, còn có thể làm đủ nuôi thân, sống trọn tuổi trời, huống chi còn đạo đức của Chi Lý nữa!

Khổng Tử đến nước Sở, Cuồng Tiệp Dư đến chơi, nói ở cửa:

<i>Phượng ơi, phượng ơi</i>	<i>Đức sao mà mỏng</i>
<i>Đời sau không thể đợi</i>	<i>Đời trước không thể theo</i>
<i>Thiên hạ có đạo</i>	<i>Thánh nhân giúp vào</i>
<i>Thiên hạ không đạo</i>	<i>Thánh nhân sống yên</i>
<i>Thời buổi bây giờ</i>	<i>Cần tránh hình phạt</i>
<i>Lòng sao phúc nhẹ</i>	<i>Chẳng biết mang gì</i>
<i>Đất sao lắm họa</i>	<i>Biết tránh vào đâu</i>
<i>Thôi rồi, thôi rồi</i>	<i>Phải dừng ngay lại</i>
<i>Nguy rồi, nguy rồi</i>	<i>Vạch đất mà đi</i>
<i>Mặt trời mờ mờ</i>	<i>Đừng cản ta đi</i>
<i>Đường ta khúc khuỷu</i>	<i>Không hại chân ta.</i>

Cây rừng tự chặt, nhựa tự chảy. Quế có thể ăn, nên bị chặt. Sơn có thể dùng, nên bị cắt. Người đều biết dùng cái hữu dụng, mà không biết dùng cái vô dụng.

V. ĐỨC SUNG PHÙ

Nước Lỗ, có người cụt chân tên là Vương Đài. Số người theo học ngạn với Trọng Ni.

Thường Quý hỏi Trọng Ni:

- Vương Đài là kẻ cụt chân, lại cùng thầy chia đôi học trò nước Lỗ. Người ấy, đứng thì không dạy điều gì, ngồi cũng không nghị luận. Thế mà, người học khi đến thì không có điều gì cả, mà khi ra về thấy mình đầy đủ. Vậy là, có cách dạy mà không cần đến lời, mặc nhiên mà cảm hoá được lòng người hay sao? Người ấy là người gì vậy?

Trọng Ni đáp:

- Phu tử là bậc thánh nhân đấy, Khâu này còn muốn tôn làm thầy nhưng chưa kịp đến. Khâu này còn muốn tôn làm thầy, hướng chỉ những kẻ không bằng Khâu. Nói chi một nước Lỗ, Khâu này còn muốn dẫn cả thiên hạ cùng theo đó.

Thường Quý nói:

- Đó là một kẻ cụt chân, mà phu tử gọi là thầy họ Vương, người ấy ắt phải có cái gì khác xa với kẻ tầm thường. Như vậy thì, riêng ông ta đã sử dụng cái tâm như thế nào?

Trọng Ni đáp:

- Sống chết là việc lớn, còn không làm cho người đó thay đổi. Trời đất dù sụp đổ cũng không làm cho người đó xao động. Xét thấy mình không có tí vết, không theo vật mà đổi rời. Làm chủ vật hoá sinh, mà nắm lấy phần then chốt.

- Như thế nghĩa là gì? - Thường Quý hỏi.

Trọng Ni đáp:

- Nếu đứng ở chỗ khác biệt nhau mà nhìn nhận, sẽ thấy gan và mật xa nhau như Sở Việt. Nếu đứng ở chỗ giống nhau mà nhìn nhận, muôn vật đều là một vậy. Nếu như vậy, thì còn cần gì đến sự nhận thức của tai mắt nữa, mà để cho lòng mình rong chơi nơi hoà của đức. Vì nhìn vật là một, nên không thấy đâu là được mất; xem việc mình mất một chân, như đánh rơi một hòn đất vậy.

Thường Quý nói:

- Ông ấy tu kỷ, lấy cái biết của mình mà xét cái tâm của mình, lấy cái tâm của mình mà xét được cái tâm thường (hiểu được tâm lý từ xưa đến nay) của mình. Nhưng tại sao mọi người lại tụ về nơi ông ấy?

Trọng Ni nói:

- Người ta không ai lại soi mình ở làn nước chảy, mà lại soi mình ở làn nước lặng. Chỉ có cái lặng đứng mới dừng lại được cái lòng mong lặng đứng của mọi người. Cùng nhận mệnh nơi đất, mà riêng chỉ có cây tùng cây bách là luôn luôn tồn tại; đông hay hạ vẫn xanh tươi. Cùng nhận mệnh nơi trời, mà riêng chỉ có ông Thuấn là giữ được cái chính của mình. Cầm đầu thiên hạ mà chính được cái tính của mình, thì chính được mọi người. Hạng người mà giữ được bản tính, thì bên ngoài rất điềm

tĩnh, chẳng biết sợ gì cả, như người dũng sĩ, một người xông vào chín vòng quân. Vì hiếu danh mà họ còn dám làm việc ấy, huống chi hạng người chủ được trời đất, chứa được vạn vật, thì đối với cái thân này chẳng qua là gửi vào sáu hài (đầu mình và tứ chi), nương vào hai mắt, còn sự hiểu biết của người đó thì bao la, mà cái tâm của người đó chưa từng có chết. Con người đó chỉ còn có chọn ngày để đi xa mà thôi. Người ta tự chạy theo, người đó đâu có chịu đem thân mình để bị ràng buộc vào công việc?

Thân Đồ Gia là người cụt chân, cùng với Trịnh Tử Sản theo học Bá Hôn Vô Nhân. Tử Sản bảo với Thân Đồ Gia:

- Ta ra trước thì người ở lại, người ra trước thì ta ở lại.

Hôm sau lại cùng ngồi một chiếu học, Tử Sản bảo Thân Đồ Gia:

- Ta ra trước thì người ở lại, người ra trước thì ta ở lại. Nay ta sắp đi ra, vậy người có thể ở lại chẳng? Hay là chưa thể được? Vả người thấy người cầm chính quyền sao không biết tránh? Người ngang hàng với người cầm quyền ư?

Thân Đồ Gia nói:

- Ở cửa nhà thầy đây, kẻ cầm chính quyền nhiều như vậy sao? Người nên thích thú với việc

cầm chính quyền mà lại phải ở sau mọi người. Ta từng nghe: gương sáng bụi bám không bám, bụi bám bám gương không sáng. Ở lâu với người hiền đức, ắt không có lỗi. Nay người ở lâu trong cửa thầy để cầu điều đức lớn, mà còn nói năng như thế, há chẳng lầm lỗi hay sao?

Tử Sản nói:

- Người đã là người như thế (tàn tật) lại còn muốn tranh hay dở với Nghiêu hay sao? Kể về đức của người, còn không đủ để xét lại mình ư?

Thân Đồ Gia nói:

- Tự nêu lỗi của mình, cho là không đáng chặt chân thì nhiều; còn không nêu lỗi của mình, mà cho là đáng chặt chân thì ít. Biết là không thể nào làm khác được mà yên phận theo mệnh, thì chỉ người có đức mới làm được. Ở giữa tầm nhắm bắn của Hậu Nghệ mà không bị trúng tên, đó là mệnh vậy. Người lành lặn đôi chân cười ta cụt chân, nhiều. Ta cũng méch lòng mà giận, nhưng khi đến học với thầy, dẹp đi mà giữ vẻ thường, chẳng hay thầy đã đem cái hay gì mà gột rửa được lòng ta? Ta đã học thầy mười chín năm, chưa hề biết ta là người cụt chân! Nay người chơi với ta nơi bên trong hình hài (nội tâm), mà lại còn hạch sách ta nơi bên ngoài hình hài, chẳng cũng là sai hay sao?

Tử Sản ỉu xiu, thay đổi nét mặt nói:

- Thôi, đừng nói đến chuyện ấy nữa.

Nước Lỗ có người cụt chân, tên là Thúc Sơn Vô Chỉ, khắp khênh đến gặp Trọng Ni. Trọng Ni nói:

- Người trước đây không cẩn thận bên bị tai họa như thế, nay dù có đến đây, cũng không sao kịp nữa!

Vô Chỉ nói:

- Tôi vì không biết nên đã dùng hoài phí tất thân này nên mất đi ngón một bàn chân. Nay còn lại một bàn chân quý này, tôi đến đây để mong giữ cho nó được vẹn toàn. Trời không che riêng gì, đất không trở riêng gì, tôi cứ ngỡ đức của Phu tử như trời đất, nào ngờ Phu tử lại xử với tôi như thế!

Khổng Tử nói:

- Khâu này đúng là hẹp hòi, sao ông không vào đi, tôi xin nói để ông nghe, những gì tôi đã biết!

Vô Chỉ ra đi, Khổng Tử nói:

- Các đệ tử hãy cố gắng lên. Vô Chỉ đã là người cụt chân mà còn mong học để bù đắp cho việc sai lầm trước đây, huống chi người mà đức (kể cả thân thể) vẫn vẹn toàn!

Vô Chỉ nói với Lão Đan:

- Khổng Khâu chưa phải là bậc người rất người (chí nhân). Ông ta cần phải học ông nhiều lắm, ông ta lại còn mong được nổi tiếng về những cái học khôի hài huyền hoặc; vậy ông ta không

biết, đối với bậc người rất người, những thứ đó toàn trở thành gông cùm của mình sao?

Lão Đam nói:

- Sao ông không bảo thẳng cho ông ta biết; sống và chết đều là cùng một lẽ, nên và chẳng nên đều cùng là một việc, để mở gông cùm cho ông ta có được không?

- Trời đã hành ông ta, gỡ ra sao được? Vô Chi nói.

Lỗ Ai Công hỏi Trọng Ni:

- Nước Vệ có một người xấu xí, tên là Ai Đài Đà. Đàn ông ở với nó, nhớ không thể bỏ dặng. Đàn bà thấy nó, về xin với cha mẹ: “Thà làm vợ bé cho nó, còn hơn làm vợ cả cho người khác. Người như thế đến hơn mười người mà vẫn chưa hết. Chưa nghe nó nói lên điều gì, mà chỉ theo ý người khác thôi. Không có địa vị quyền thế gì để cứu người khỏi chết; không có tiền bạc của cải gì để nuôi ai no bụng, lại còn hình hài xấu xí dễ làm thiên hạ phải sợ. Chỉ có hoà theo mà không có nêu, người biết tên hẵn không ngoài bốn bìa làng; thế mà nữ, nam xúm xít trước mặt. Người như thế, ắt phải có cái gì hơn người. Quả nhân vờ nó đến xem, đúng là xấu kinh người. Ở với quả nhân không đầy một tháng, quả nhân đã để ý đến cách ăn ở của nó. Không đầy một năm, quả nhân tin nó. Nước không

có người làm chủ, quả nhân giao việc nước cho nó, vẻ không vui, sau nó mới trả lời; vẻ hững hờ như không màng tới, chỉ còn thiếu là từ chối, khiến quả nhân phát ngượng, cuối cùng hẳn cũng nhận việc nước. Chốc một, nó bỏ trốn mất. Quả nhân lo âu, như có mất mát, như không còn có người để chia sẻ niềm vui trong nước nữa! Vậy nó là người thế nào?

Trọng Ni nói:

- Khâu này, từng sang sứ bên nước Sở. Thấy đàn lợn con đang bú mẹ, khi mẹ chúng đã chết rồi. Một lát sau, chúng ngơ ngác chạy tứ tán cả, vì chúng thấy mẹ chúng không nhìn đến chúng nữa, đã khác với chúng rồi. Chúng yêu mẹ, không phải vì cái hình thể kia, mà yêu cái sai khiến hình thể kia của mẹ chúng. Ra trận mà chết, khi chôn cất đầu cần phải đồ quân dụng (không có thân thì hình không thể yêu được). Cho kẻ cụt chân dép giấy, họ đâu có ưa thích, họ đều không có gốc (võ là gốc của đồ quân dụng, chân là gốc của giày dép). Cung nữ của nhà vua, không trang sức (để giữ chất nguyên như vậy). Lấy vợ chỉ chuộng ở bề ngoài, san không thay đổi được. Hình thể toàn vẹn cũng là đủ, hướng chi lại là người toàn đức. Nay Ái Đài Đà chưa nói gì mà người lại tin; không công gì mà người lại thân, khiến người muốn trao cho việc nước, mà lại còn sợ không chịu nhận, như vậy ắt

phải là kẻ toàn được cái tài, và không để lộ ra cái đức.

Ai Công hỏi:

- Sao gọi là toàn được cái tài?

Trọng Ni trả lời:

- Sống, chết, còn, mất, khốn cùng, thành đạt, giàu nghèo, hiền tài và hư hỏng, khen chê, nóng lạnh... là sự thay đổi của sự vật, sự lưu hành của mệnh. Ngày đêm thay nhau tiếp nối trước mặt ta, mà trí thông minh của con người cũng không sao nhận biết được sự khởi đầu. Như vậy có đáng gì mà làm rối sự hoà hợp với tự nhiên, đáng gì để cho nó lọt vào linh phủ (lĩnh vực tinh thần). Ngay cả sự hân hoan vui mừng cũng đừng để cho lòng mình dấy động. Đối với tất cả mọi việc, hoà nhã vui tươi như tiếp đón bốn mùa. Đó gọi là toàn được cái tài.

- Thế nào là đức không lộ ra?

- Là bình lặng như mặt nước đứng im, có thể lấy đó mà bắt chước; bên trong giữ được thật trong sáng, mà bên ngoài không xao động, không bị lôi cuốn theo ngoại vật. Người gọi là có đức, là người giữ nên được đạo thái hoà. Đức không lộ ra nên mọi vật không rời bỏ được mình.

Ngày khác, Ai Công nói chuyện với Mẫn Tử:

Trước kia, quả nhân cho việc ngoảnh mặt về phương nam làm vua thiên hạ, giữ giường mối cho

dân, lo cho sự chết chóc của trăm họ; quả nhân cho như thế là đầy đủ lắm rồi. Từ khi nghe bậc chí nhân (người rất người) nó, quả nhân sợ mình không có thực tài, dùng hoài phí thân mình, gây nên mất nước. Quả nhân với Khổng Khâu sẽ không phải là đạo của vua tôi nữa, mà là bạn đạo đức của nhau vậy.

Nhân Kỳ Chi Ly Vô Thần vào thuyết Vệ Linh Công, Linh Công ưa thích đến nỗi nhìn lại những ai thân hình toàn vẹn đều có cái cổ bé nhỏ khẳng khiu!

Ứng Ánh Đại Anh vào thuyết Tề Hoàn Công. Hoàn Công ưa thích đến nỗi nhìn lại những ai thân hình toàn vẹn đều có cái cổ bé nhỏ khẳng khiu! (Trên đây đem người có hình thể xấu xí, vì có tài đức nên được ưa chuộng, nêu lên nội dung mới là phần quyết định, cho một con người)

Cho nên đức mà hơn người có thể làm cho quên hẳn được hình hài. Người ta không biết quên cái nên quên (hình hài), mà lại hay quên cái không nên quên (đức), đó mới là thật quên. Cho nên bậc thánh nhân mới có chỗ để mà thả lòng rong chơi nơi cõi hư vô, cho trí là mầm của tội ác, thề ước là keo sơn, đức là tiếp nối. Công là buôn bán (kỹ thuật sinh ra hàng hoá), hàng hoá gây nên buôn

bán). Thánh nhân không mưu tính, dùng gì đến trí? Không đẽo gọt, dùng gì đến keo sơn? Không mất thiên tính, dùng gì đến đức? Không bán chác, dùng gì đến buôn. Bốn thứ đó là trời nuôi. Trời nuôi là trời cho hấp thụ (món mà trời cho ăn) Đã được trời nuôi, cần gì đến người dính vào nữa! Thánh nhân có cái hình của người, mà không có cái tình của người, có cái hình của người nên mới hoà lẫn với người. Không có tình của người, nên thị phi mới không động được lòng. Cùng hoà lẫn với người là việc nhỏ, mà để cho tình hợp với trời (tự nhiên) là việc lớn vậy!

Huệ Tử hỏi Trang Tử:

- Người ta không có tình hay sao?

Trang Tử đáp:

- Đúng vậy!

Huệ Tử nói:

- Người mà không có tình, thì sao gọi là người được?

Trang Tử nói:

- Đạo ban cho dung mạo, trời ban cho hình hài, sao không gọi là người được?

Huệ Tử hỏi:

- Đã gọi là người, mà không có tình, được không?

Trang Tử nói:

- Thứ đó không phải là thứ tình mà tôi nói đâu! Thứ mà tôi nói không tình, chính là chỗ mà tôi muốn nói: bên trong con người ta, đừng để thứ yêu ghét làm hại đến thân, mà thường theo tự nhiên, đừng thêm gì cho thiên tính.

Huệ Tử nói:

- Nếu không thêm gì cho thiên tính, sao có được thân?

Trang Tử nói:

- Đạo cho dung mạo, trời cho hình hài, không để cho sự yêu ghét làm hại thân (có thân là như thế). Nay ông gắng gỏi thần thái, hao tổn tinh lực của mình. Khi đi thì dựa vào cây mà ngâm vang, ngồi thì tựa vào ghế (khao ngô) để nói năng, hình mệt lòng mỏi, nhắm mắt làm thính. Trời đã chọn cho ông hình hài này, mang chi thuyết “kiên bạch” mà nhọc thân.

VI. ĐẠI TÔNG SƯ

Biết được chỗ làm của trời, biết được chỗ làm của người, đó là rất biết vậy. Biết được chỗ làm của trời, là biết thuận theo tự nhiên mà sống. Việc làm của bậc hiểu biết là biết lấy cái mình biết, để nuôi cái mà mình không biết, hầu hưởng trọn tuổi trời giữa đường không bị chết yểu, đó là sự biết đến

đầy đủ vậy. Tuy nhiên cũng có điều lo, sự hiểu biết cần phải có căn cứ, sau đó mới có thể thích đáng được. Nếu chỗ căn cứ ấy mà chưa định, thì lấy đâu phân biệt trời và người? Chẳng lẽ cái mà ta gọi là trời lại chẳng phải là người, và cái mà ta gọi là người lại chẳng phải là trời. Vả chỉ có bậc chân nhân mới có sự hiểu biết đúng (chân trí).

Thế nào là bậc chân nhân?

Bậc chân nhân ngày xưa không trái lại bất cứ thứ gì, dù là ít ỏi; không cầu công, không cầu danh. Người như vậy, mất không tiếc được không mừng; lên cao không biết sợ, xuống nước không bị ướt, vào lửa không bị cháy. Là vì sự biết của họ đã đạt đạo rồi.

Bậc chân nhân ngày xưa, ngủ không mộng mị thức chẳng lo âu, ăn không cầu ngon, thở hít thì sâu. Hơi thở của chân nhân thấm đến gót chân, người thường chỉ dừng nơi cổ họng; kẻ muốn khuất phục người (bằng biện luận), thì lời ghen nơi hầu. Lòng ham dục càng sâu, thì máy trời nơi ta càng nông.

Bậc chân nhân ngày xưa không ưa sống, không ghét chết, lúc ra không hăm hở, lúc vào không do dự; thản nhiên mà đến thản nhiên mà đi; không quên lúc bắt đầu, không cầu lúc sau chót. Nhận sinh ra mà không vui mừng, quên chết mà trở về với trời. Đó gọi là không lấy tình người mà

làm tổn hại đến đạo, không đem người mà thêm thất vào việc trời. Đó gọi là chân nhân. Vậy nên, trong lòng quên, vẻ mặt hững hờ chất phác, lạnh lùng như mùa thu, âm ảm như mùa xuân (giết vật không cho là oai, sinh vật không cho là nhân) mừng vui qua đi như bốn mùa, hoà cùng vật, nhưng không cần biết cặn kẽ. Cho nên thánh nhân dùng binh, công phá nước địch mà không mất lòng người, làm lợi cho muôn người mà không vì yêu người, nếu nhằm nhằm muốn cho mọi người biết, không phải là thánh nhân. Có tình thân riêng, không phải người có lòng nhân; còn chọn thời mới làm, không phải là bậc hiền triết; không thấu tỏ lợi hại không phải là bậc quân tử; làm cầu danh mà đánh mất chính mình không phải là kẻ sĩ; làm mất mệnh sống của mình vào chỗ không đúng, bị đời sai khiến, không phải là kẻ sai khiến người vậy. Như Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ Tử, Tư Dư, Kỷ Tha, Thân Đồ Địch, đều chỉ là hạng làm cái việc của người khác, theo người khác, mà không biết tự theo chính mình.

Bậc chân nhân ngày xưa, vẻ lớn lao không gì làm cho sụp đổ, khiêm nhường mà không ở dưới người, làm theo mình mà không cố chấp, trải lòng thanh hư mà không phù phiếm, hờn hỷ như có niềm vui; không dùng được, nên trả lời như bất đắc dĩ, gây được lòng cảm mến với vẻ hiền hoà; đức độ khoan hoà, khiến ta dừng đặng; rộng rãi cởi mở,

vút lên cao xa vượt ra ngoài thói đời. Người đó luôn luôn không muốn nghe không muốn thấy, vô tâm đến nỗi quên cả lời nói của mình. Hình phạt là một phương tiện cai trị, không phải là ta nghĩ ra; lẽ, do cuộc sống tự đặt ra, không phải ta chế định ra, theo thời mà động, không phải ta nêu; có đức, tự nó theo, không phải ta làm ra. Dùng hình pháp để cho hình pháp tự điều khiển, dù có giết cũng nói rộng. Lẽ, do tự cuộc sống đặt ra, cho nên trải khắp thế gian. Lấy biết mà theo thời, bất đắc dĩ mới can dự đến sự việc. Lấy đức làm đích để noi, tức là nói: có chân ắt đi lên gò được vậy; nhìn qua, cho là bậc chân nhân chăm chỉ đi tới vậy (thực ra không dự vào một lý). Cho nên thích cũng là một, không thích cũng là một. Một cũng là một, không phải một cũng là một (Một, thánh trí vậy; không phải là một, phạm tình vậy. Đã là thánh, không có hai, nên không là một điều là một.) Là một, cùng với trời; không là một, cùng với người. Trời và người hài hoà, vậy nên gọi là chân nhân.

Chết sống có mệnh, cũng như lẽ thường, có ngày và đêm, đều bởi trời! Người không được dự vào, đều là tình của vật (không đáng gì để nuôi tiếc). Đã xem trời làm cha, mà còn yêu cái thân (nhỏ bé), hướng chi những thứ còn cao quý hơn (đều do trời sinh ra) Người ta đều cho vua hơn mình, đem thân chết vì vua, hướng chi những thứ còn cần thiết hơn vua! Suối cạn, cá cùng nằm trơ

trên đất, lấy ướm mà đắp cho nhau, lấy nước dãi mà thấm cho nhau; nếu không, hãy quên nhau ở sông hồ! Khen Nghiêu, chê Kiệt; chỉ bằng theo đạo mà quên cả hai người.

Kìa đại khối (tự nhiên) dùng hình mà chở ta, đem sự sống khiến ta vất vả, cho ta nhàn hạ tuổi già, cho ta nghỉ ngơi bằng cái chết. Cho nên khéo nuôi cái sống của ta, là khéo lo liệu cho cái chết của ta.

Kìa như giấu thuyền vào trong khe, giấu trái núi vào đầm sâu (đảo), cho thế là vững chắc rồi ư? Nhưng nửa đêm có kẻ sức lực vác nó mà chạy, kẻ ngu muội khôn hay biết thế (vận động lạng lẽ của toạ hoá) Bất luận cất giấu những vật nhỏ lớn gì, đều có thể biến mất được. Nếu đem thiên hạ mà giấu vào trong thiên hạ thì không có cách gì làm cho nó biến mất được. Đó là cái tình lớn của vật không thay đổi. Lần này tôi được đúc thành hình người, là việc đáng mừng rồi! Nếu có được hình người, rồi lại hoá ra muôn cách khác, chưa biết đâu là cùng, thì điều vui vẻ không biết đâu là tận! Cho nên thánh nhân rong chơi ở chỗ mà mọi vật không trốn tránh được, mà thấy đều được trường tồn (đạo). Họ vui trong cái chết, vui trong cái già, vui trong khởi đầu, vui trong chấm dứt, và muốn cho mọi người cùng vui như họ đối với mọi biến cố trên

đời, huống chi họ còn đợi gì trong khi vạn vật nhất tề biến hoá.

Đạo, có tình có tín hiệu, vô vi vô hình; có truyền mà không thể nhận; có thể hiểu được mà không thể thấy được. Đạo thì tự bản tự căn, chưa có trời đất đạo đã có rồi. Đạo sinh ra quỷ, sinh ra đế; sinh ra trời sinh ra đất. Ở trước thái cực mà chẳng gọi là cao, ở dưới lục cực mà không gọi là sâu; sinh ra trước trời đất, mà chẳng gọi là lâu; dài hơn thượng cổ, mà chẳng gọi là già.

Hi Vi được nó mà nắm được yếu chỉ của trời đất. Phục Hi được nó mà đoạt được cái nguồn gốc của nguyên khí. Bắc Đẩu được nó mà chiếm được địa vị không thay đổi của mình. Mặt trời mặt trăng được nó mà vận chuyển không ngừng. Kham Phi được nó mà làm thần núi Côn Lôn. Phùng Di được nó mà rong chơi ở các sông to. Kiên Ngô được nó mà ở Thái Sơn. Hoàng Đế được nó mà lên đến chốn trời mây (đắc đạo mà lên trời). Chuyên Húc được nó mà ngự đến cung huyền. Ngung Cường được nó mà đứng ngay Bắc Cực. Tây Vương Mẫu được nó mà ngồi ở ngôi đền Thiếu Quảng. Không ai biết sinh nó từ bao giờ, không ai biết bao giờ nó mới chết. Bành Tổ được nó mà sống từ đời Hữu Ngu đến đời Ngũ Bá. Phó Duyệt được nó mà giúp Vũ Đinh gồm thiên hạ, lên tận cõi đông, cười sao cơ, sao vĩ mà sánh vai với các vì tinh tú.

Nam Bá Tư Quỳ hỏi Nhữ Vũ:

- Tuổi ông đã cao rồi, mà sắc diện như đứa trẻ thơ, sao vậy?

- Ta đã nghe được đạo.

Nam Bá Tử Quỳ hỏi:

- Đạo có thể học được không?

- Ô! Sao được! Người đâu phải hạng người ấy! Kia như Bốc Lương Y, có cái tài của thánh nhân, mà không có cái đạo của thánh nhân. Ta, có cái đạo của thánh nhân mà không có cái tài của thánh nhân. Ta muốn đem cái đạo ấy mà dạy hấn, may ra hấn có thể trở thành thánh nhân chăng? Nếu không được như thế, thì đem cái đạo của thánh nhân mà bảo cho kẻ có tài thánh nhân cũng là dễ rồi. Vậy mà ta còn phải giữ hấn lại; rồi mới dạy bảo. Ba ngày, hấn mới bỏ được thiên hạ ra ngoài! Đã bỏ thiên hạ ra ngoài, vậy ta còn phải giữ hấn lại nữa. Bảy ngày, hấn mới biết bỏ vật ra ngoài. Đã bỏ vật ra ngoài, vậy mà còn phải giữ hấn lại nữa. Chín ngày, hấn mới bỏ được cái sống ra ngoài. Bỏ được cái sống ra ngoài thì mới có thể “triêu triệt” (một sớm mà thấu lẽ) có “triêu triệt” mới có thể “kiến độc” (thấy được cái một, tức là đạo). Có kiến độc mới không còn thấy có xưa có nay nữa, không còn thấy có xưa có nay nữa mới đi vào cõi không sống không chết. Giết được cái lòng ham

sống cho mình thì sẽ không chết. Sống cái sống cho mình thì không sống.

Đã là vật, không lúc nào là không có đũa, không lúc nào là không có đũa, không lúc nào là không huỷ, không lúc nào là không thành. Nó gọi là “Oanh ninh”. Oanh ninh có nghĩa là kích thích, rồi sau mới có thành.

Nam Bá Tử Quỳnh hỏi:

- Riêng ông đã nghe được cái đạo ấy nơi đâu?

Rằng:

- Nghe nó ở con ông Phó Mặc. Con ông Phó Mặc nghe ở cháu ông Lạc Tụng. Cháu ông Lạc Tụng nghe ở ông Chiêm Minh. Chiêm Minh nghe ở ông Nhiếp Hứa. Nhiếp Hứa nghe ở ông Nhu Dịch. Nhu Dịch nghe ở ông Âu. Ông Âu nghe ở ông Huyền Minh. Ông Huyền Minh nghe ở ông Tham Liêu. Tham Liêu nghe ở ông Nghi Thuỷ¹

Tử Tự, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai; bốn người nói với nhau: - Ai có thể lấy cái không làm đầu, lấy cái

¹ Trên đây tuy là tên người, là những danh từ trừu tượng, tiêu biểu cho bước đường nhập đạo:

Phó Mặc: sách vở văn tự, Lạc Tụng: học hành, Chiêm Minh: xem xét, Nhiếp Hứa: suy ngẫm, Nhu Dịch: chăm chỉ, Âu (âu ca): ca ngợi, Huyền Minh: hư vô mà không hư vô, Tham Liêu: bao la, man mác, Nghi Thuỷ: ngờ vực không có đầu mối.

sống làm xương sống, lấy cái chết làm xương cụt!
Ai biết: chết, sống, còn, mất là một - thì ta sẽ cùng họ kết bạn.

Bốn người nhìn nhau mà cười, không ai thấy không hợp với lòng mình, nên cùng làm bạn với nhau:

Chẳng bao lâu Tử Dư lâm bệnh (Tử Dư gù, dị tướng) Tử Tự qua thăm, Tử Dư nói:

- Lớn lao thay! Tạo vật bắt tôi như thế này, lưng thì gù, năm tạng lại ở trên; mồn mép thì sát rốn. Vai cao hơn đỉnh đầu, núm tóc thì dựng lên! Khí âm dương chùng như sai đảo, nhưng lòng này thanh thản vô tư, lom khom ra bờ giếng mà soi mình. Than ôi! Tạo vật lại muốn bắt ta làm hạng người gù như thế nay nữa ư?

Tử Tự hỏi:

- Bác ghét cái đó sao?

Tử Dư nói:

- Không, tôi sao lại ghét? Giá như hoá cánh tay trái tôi thành con gà, thì tôi nhân đó mà gáy canh; giá như hoá cánh tay phải tôi thành hòn đạn, thì tôi nhân đó mà kiếm chim quay. Giá như hoá xương sống của tôi thành bánh xe; hoá cái thân tôi thành con ngựa, thì tôi nhân đó mà cưỡi, há còn đợi xe ngựa nào nữa. Vả lại, được là thời, mất là thuận. An thời xử thuận, thì buồn vui làm

sao vào được cõ lòng. Đó là chỗ mà người xưa gọi là “huyền giải” (đóng mở). Đóng mà không tự mở ra được là vì vật có chỗ trói buộc của nó. Vậy mà từ lâu, vật vẫn không thể thắng nổi trời. Tôi sao lại ghét mà làm chi?

Chẳng bao lâu, Tử Lai cũng lâm bệnh nặng, hỗn hển gần chết, vợ con đứng bao quanh mà khóc. Tử Lê đến thăm, thấy vậy, nói:

- Tránh ra xa, đừng làm rộn người sắp hoá. Ông tựa cửa nói với Tử Lai:

- Lớn lao thay, tạo hoá lại sắp làm gì bác đây? Lại sắp đem bác đi đâu? Lại sắp biến bác thành gan chuột, hay hoá bác thành cánh côn trùng.

Tử Lai nói:

- Con đối với cha mẹ, thì sai bảo đi đâu cũng phải nghe theo; dù là đông tây nam bắc. Âm dương, cũng như cha mẹ, bày ta chết, ta không theo là ngỗ nghịch, âm dương có tội gì đâu! Kìa như đại khối (tự nhiên) dùng hình mà chở ta, dùng cái sống làm ta vất vả, cho ta thư nhàn về tuổi già, cho ta nghỉ ngơi bằng cái chết. Bởi vậy, khéo nuôi cái sống của ta, là khéo lo liệu cho cái chết của ta. Nay có người thợ đúc kim khí, kim khí lại nhảy ngược lên mà nói:

- Ta muốn là thanh gươm “mạc da” – Ất người thợ đúc đó cho đó là thứ kim khí chẳng lành! Nay

lại có kẻ sắp được đem đúc ra hình người, lại cũng đòi: - Người mà thôi! Người mà thôi! - Ất tạo hoá cũng cho người đó là người chẳng lành. Nay đất trời là cái lò lớn, tạo hoá là người thợ đúc, đúc nên cái gì mà chẳng được? Yên lặng để mà ngủ, bất chợt để mà thức!

Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phản, Tử Cầm Trương, ba người làm bạn với nhau, nói:

- Ai có thể làm bạn với nhau ở chỗ không làm bạn với nhau, giúp nhau ở chỗ không giúp nhau? Ai có thể lên trời dạo chơi trong mây mù, giơ tay sờ vào cỏi vô cực? Quên sống chết; không biết từ đâu đến, và cũng chẳng biết về đâu (lúc cuối cùng). Ba người cùng nhìn hiểu nhau, trong lòng không thấy gì trái, trở thành bạn tốt.

Qua một thời gian, Tử Tang Hộ chết, chưa đến ngày chôn cất, Khổng Tử sai Tử Cống đến viếng.

Tử Cống đến nhà Tử Tang Hộ; vừa đến cửa, thấy Tử Cầm Trương đang lựa dây đàn, Mạnh Tử Phản đang viết ca khúc. Bọn họ cũng không để ý gì đến Tử Cống; bên thi thể của Tử Tang Hộ, một người đàn một người hát, hát rằng:

Hát cho Tử Tang Hộ nghe!

Hát cho Tử Tang Hộ nghe!

Bác đã về nơi đó,

Còn ta vẫn làm người a.....!

Tử Cống nghe cho là quá càn rỡ, vội bước vào trong nhà, nói:

- Hát bên xác chết, thế là hợp với lễ chăng?

Hai người nhìn nhau, nói với Tử Cống:

- Ông làm sao biết được ý nghĩa chân thực của lễ!

Tử Cống ra về, đem những điều mắt thấy tai nghe nói lại với Khổng Tử, và hỏi:

- Hàng vi không sửa sang, thả mình ngoài thân xác, hát bên xác chết, sắc mặt không thay đổi, đó là kiểu người gì vậy?

- Những người đó là những người ở cõi ngoài - Khổng Tử đáp - Còn ta với người là người ở cõi trong, trong ngoài khác xa nhau, nên không thể hiểu nhau; người đến viếng, là sai lầm của ta vậy!

Những người đó là của tạo hoá, tinh thần rong chơi trong trời đất. Họ xem sự sống như trên mình mang cái bấu, chết tức là mang cái bấu. Người như vậy, đâu cần biết sống chết trước sau, sinh ra chẳng qua là ngẫu nhiên. Họ quên hết đâu là gan ruột, tai mắt; chẳng biết đâu là đầu mối của qua lại, trước sau. Ung dung ngoài cõi bụi bặm, bọn họ làm sao có thể giữ thứ lễ của cõi đời tục được?

- Như thế thầy bằng lòng làm người của cõi ngoài hay làm người của cõi trong?

- Ta tuy kém cỏi, nhưng cũng bằng lòng cùng với các người học người ở cõi ngoài.

- Học như thế nào?

- Con cá chỉ ở trong nước, mới có thể nhận biết niềm vui; người cũng chỉ ở trong đạo thuật, mới có thể nhận biết niềm vui. Cá có nước được nuôi nấng, người có đạo thì lòng tĩnh lặng. Bởi vậy nên nói: cá dần quên sông hồ, người dần quên đạo thuật.

- Những người lạ lòng đó, thật là khó hiểu.

- Người lạ lòng đó, đối với một số người mà nói thật là lạ lẫm, nhưng lại hợp với thiên tính của tự nhiên, bởi vậy nên thành chân nhân. Cho nên có thể nói: đối với tính trời mà nói là kẻ tiểu nhân, đối với tính người mà nói lại là bậc quân tử.

Nhan Hồi hỏi Trọng Ni:

- Mẹ chết, Mạnh Tôn Tài kêu khóc mà không có nước mắt, trong lòng không xót xa; để tang mà không tỏ ra bi thảm. Không có ba điều ấy, vậy mà được tiếng là người khéo để tang nhất ở nước Lỗ. Anh ta vốn chẳng có cái thực bên trong mà sao lại được danh như thế? Hồi cho là lạ.

Trọng Ni nói:

- Ông Mạnh Tôn đã hiểu đến chỗ tận cùng rồi, đã tiến đến bậc trí rồi! Ông không bỏ cái mà người đời không bỏ được, nhưng ông đã bỏ được

những tình cảm bên trong của đời. Đối với ông, sống chết là một, ông cũng không phân biệt giữa hai trạng thái ấy, cái nào là trước cái nào là sau. Nếu hoá làm vật khác, là để đợi lần hoá sắp đến cho mình mà mình không biết. Đương sắp sẽ hoá, biết đâu rồi lại không hoá! Đương sẽ không hoá, biết đâu mình đã hoá rồi. Riêng ta và người là những người trong mộng mà chưa tỉnh đó chăng? Vả sống chết, với ông Mạnh Tôn chỉ là một cuộc thay hình đổi tướng, có gì mà phải bận lòng; cũng chẳng khác gì cái cảnh đổi nhà (cái nhà trọ mà mình chỉ ở có một ngày). Ông Mạnh Tôn chỉ biết rằng người khóc thì mình cũng khóc, nhưng trong lòng thì không khóc. Vả lại, ai cũng tưởng cái hình thức này là của ta, đâu biết rằng cái mà mình cho là của ta, quả thật có là của ta chăng? Hay không phải là của ta? Cũng như người mơ thấy mình là chim mà bay lên trời, rồi lại thấy mình là cá mà lặn xuống vực sâu. Chẳng rõ lời nói của ta nói hôm nay là nói trong khi thức hay là lời nói trong giấc mơ. Thích chí mà không kịp cười, cười mà không kịp sắp đặt. Sắp đặt sẵn sàng rồi nên quên mất sự sinh hoá, để vào được cõi một cửa trời vắng lặng.

Ý Nhi Tử ra mắt Hứa Do. Hứa Do hỏi:

- Nghiêu đã giúp anh được việc gì?

Ý Nhi Tử nói:

- Ông Nghiêu bảo tôi trau dồi nhân nghĩa, biện biệt thị phi.

Hứa Do nói:

- Vậy thì anh còn đến đây làm gì nữa? Nghiêu đã đem nhân nghĩa mà xăm vào mặt anh, đem phải trái mà cắt mũi anh rồi, anh còn làm sao vào được cũi tiêu dao, không ràng buộc để biến hoá vô cùng.

- Nhưng mà tôi muốn vào chốn đó!

Hứa Do nói:

- Không thể được! Người mù không sao có thể dự biết được cái đẹp của mây, mắt, mặt mũi; người loài không làm sao có thể dự biết được cái màu của xiêm y, bào mãng xanh vàng.

Ý Nhi Tử nói:

- Kìa như Vô Trang đã làm hỏng sắc đẹp của mình; Cự Lương đã làm mất sức mạnh của mình; Hoàng Đế đã làm mất trí tuệ của mình, đều là do rèn luyện mà ra. Biết đâu tạo hoá, rồi chẳng xoá lốt xăm mặt của tôi, vá lại chỗ mũi tôi bị cắt, để tôi có lại có thể lại theo thầy!

Hứa Do nói:

- Ôi! Cũng chưa biết được! Nay ta cũng thử vì anh mà nói đại lược thôi. Thầy ta ấy à! Thầy ta ấy à! Sắp đặt cho vạn vật, mà đâu phải là vì nghĩa! Ôn huệ trải khắp muôn đời, mà đâu phải là vì

nhân! Lâu dài đến tận thượng cổ mà chẳng phải là già! Che chở đất trời, chạm trở các hình hài, mà không gọi là khéo. Đó là điều ta học ở thầy vậy.

Nhan Hồi nói:

- Hồi được thêm.

Trọng Ni nói:

- Là nghĩa gì?

- Hồi quên nhân nghĩa – Nhan Hồi nói.

- Được, nhưng mà chưa trọn. – Trọng Ni nói.

Một hôm khác, lại ra mắt và nói:

- Hồi được thêm.

- Là nghĩa gì thế?

- Hồi quên lễ nhạc

- Được nhưng chưa trọn.

Một hôm khác nữa, lại ra mắt mà rằng:

- Hồi được thêm.

- Là nghĩa gì thế?

- Hồi “ngồi mà quên” rồi.

Trọng Ni ngạc nhiên hỏi:

- Ngồi mà quên, thế là thế nào?

Nhan Hồi nói:

- Quên tứ chi, bỏ thông minh, lìa hình, bỏ trí, đồng với đạo lớn. Đó gọi là “Ngồi mà quên” vậy!

Trọng Ni nói:

- Đồng “với đạo lớn” thì không còn ham muốn gì nữa. Đúng Hồi là người hiểu. Khâu này nguyện theo sau đó.

Tử Dư và Tử Tang là bạn với nhau.

Có lần mưa dầm suốt cả mười ngày.

Tử Dư nói: Tử Tang có lẽ ốm, bèn gói cơm sang cho bạn. Khi đến cửa nhà Tử Tang, thì lại nghe như vừa ca vừa khóc, tay gẩy đàn rằng:

Lẽ nào là cha?

Lẽ nào là mẹ?

Lẽ nào là trời?

Lẽ nào là người?

Dường như nói không ra tiếng, lời như nghẹn lại.

Tử Dư bước vào nói:

- Thợ của bác hát, cứ sao lại thế?

Tư Tang nói:

- Tôi nghĩ không ra vì cớ gì đã làm cho tôi ra nông nổi này. Cha mẹ há lại muốn cho tôi nghèo như thế này ư? Trời không che riêng cho ai! Đất không chờ riêng cho ai! Trời đất há lại muốn làm riêng cho tôi nghèo ư? Tìm xem, mãi mãi mà không nghĩ ra, cái gì đã làm cho tôi ra nông nổi này! Vậy mà lại đến nỗi này, là do mệnh ư?

VII ỨNG ĐẾ VƯƠNG

Khiết Khuyết hỏi Vương Nghê, hỏi bốn câu không trả lời được câu nào, Khiết Khuyết cả mừng nhảy nhót; sang kể cho Bồ Y Tử hay.

Bồ Y Tử nói:

- Nay anh mới biết thế sao? Họ Hữu Ngu không bằng họ Thái. Họ Hữu Ngu thì chưa “nhân” để mà cầu người và được người theo, nhưng cái “vị thủy” (thực thể) lại đứng ngoài sự vật. Họ Thái ngủ thì khoan thai, thức thì lơ mơ, khi thì xem mình ngang như ngựa, khi thì xem mình ngang như bò (huyền đồng vật ngã) hiểu biết thì thấu lẽ, đức thì chân thật, còn cái “vị thủy” thì nhập làm một cùng sự vật.

Kiên Ngô gặp Cuồng Tiếp Dư. Cuồng Tiếp Dư hỏi:

- Ngày trước Trọng Thuỷ nói gì với ông?

Kiên Ngô nói:

- Nói rằng: Kẻ làm vua chúa mà biết lấy mình làm phép tắc thì thiên hạ ai dám chẳng nghe mà cảm hoá.

Tiếp Dư nói:

- Đó là đức giả dối. Dem nó mà điều hành thiên hạ, thì có khác gì lợi biển đào sông, bắt muỗi mòng vác núi. Cách sửa sang của thánh nhân có lo

sửa sang bằng cái ngoài đầu! Trước lo chính kỷ rồi sau mới hành sự. Chỉ có bấy nhiêu thôi. Vả, con chim cũng biết bay cao để tránh làn tên, dò bẫy; con chuột cống cũng biết khoét đất đào sâu hang ngách dưới gò thờ thần để tránh hoạ hun khói, đào bắt. Hai con vật ấy há lại chẳng biết gì cả hay sao?

Thiên Căn đi chơi núi Ân Dương, đến sông Liễu, gặp Vô Danh Nhân, mới hỏi:

- Xin hỏi cách điều hành thiên hạ?

- Đi đi! - Vô Danh Nhân nói - Anh là người quê dốt! Sao không dự trước lời hỏi. Ta sắp làm bạn cùng tạo vật, nếu chán thì cưới chim khinh hươ ra ngoài lục cực, ngao du làng “Vô hà hữu” giữa cánh đồng mênh mông. Tại sao anh lại lấy việc điều hành thiên hạ để làm rộn lòng ta?

Nhưng lại hỏi nữa.

Vô Danh Nhân nói:

- Giữ tâm cho điềm đạm, khí cho tĩnh, thuận theo tính tự nhiên của mọi vật, mà không theo ý riêng của mình, thì thiên hạ yên vui vậy.

Dương Tử Cư ra mắt Lão Đam, hỏi:

- Ở đây có người mẫn cán, quả quyết; việc đời thông suốt, minh bạch, học đạo không mỏi, người như thế có thể sánh với đáng minh vương không?

Lão Đam đáp:

- Hạng ấy mà sánh với thánh nhân, chỉ là những kẻ nô dịch, lao tâm nhọc xác. Sở dĩ hùm beo mà bị bắt là vì bộ lông tốt đẹp của chúng. Vượn và chó mà bị xiềng nhốt là vì cái tài hay của chúng.

- Sao lại có thể sánh họ với đấng minh vương? Dương Tử Cư ngạc nhiên hỏi. Và hỏi tiếp:

- Dám xin hỏi phép trị (điều hành) nước của minh vương là thế nào?

Lão Đan nói:

- Phép của minh vương là, công trùm thiên hạ mà làm như không phải mình làm. Hoá cả vạn vật mà không đợi người dân cày đến. Làm, mà không ai biết được tên, khiến cho mọi vật, vật nào cũng trị vui (hiền nhân vô kỷ, thánh nhân vô danh, thần nhân vô công). Đứng ở chỗ không thể đo lường mà vui chơi nơi “vô hữu” (chỗ đạo)

Nước Trịnh có một người đồng bóng rất tài tên là Quý Hàm; biết được cả sự sống chết, còn mất, may rủi, thọ yếu, lại hẹn được từng năm từng tháng, từng tuần, từng ngày; đoán đúng như thần.

Người nước Trịnh thấy anh đều bỏ chạy.

Liệt Tử thấy anh ta thì mê say. Liệt Tử về, đem việc ấy thưa lại với thầy là Hồ Tử:

- Trước đây tôi cho đạo của thầy là đã đến mực rồi! Nhưng nay lại còn có kẻ tài giỏi hơn!

Hồ Tử nói:

- Ta dạy người chỉ mới đến chỗ cùng của phần văn (hình thức), chưa từng dạy đến chỗ cùng của phần thực (phần cốt lõi). Người cho thế là đạt đạo rồi ư? Lũ gà mái không chịu trống mà lại đẻ, thì trứng làm gì nở được. Người đem đạo chống với đời, ắt phải tỏ nó ra ngoài, nhân thế mới để cho anh ta xem tướng được. Người hãy thử cùng nó đến đây, đưa ta cho nó xem!

Hôm sau, Liệt Tử cùng hấn vào ra mắt Hồ Tử. Khi ra ngoài, hấn bảo Liệt Tử:

- Ôi! Thầy của tiên sinh chết rồi! Không sống được nữa! Cũng chẳng được vài tuần đâu! Ta thấy lạ quá, cứ như tro ấm.

Liệt Tử vào, nước mắt ướt đầm cả áo, nói lại với Hồ Tử. Hồ Tử nói:

- Khi này, ta hiện về “địa văn” (như khối đất) cho nó xem mầm sống không động, không dừng. Chắc là anh ta nhìn thấy cái nền tảng vững chắc của cái đức của ta. Người lại thử cùng hấn tới đây lần nữa!

Lại hôm sau, Liệt Tử cùng hấn vào ra mắt Hồ Tử.

- May thay thầy của tiên sinh gặp được ta, có phần thuyên giảm nhiều chắc là sống được. Ta thấy cái máy quyền biến đã phát động rồi.

Liệt Tử trở vào, thưa lại với Hồ Tử.

Hồ Tử nói:

- Khi này, ta hiện về “thiên nhượng” (đất đầy sinh khí) cho hấn xem, danh lợi không cảm được lòng, nhưng quyền cơ của mầm sống phát động ngay từ gốc. Chắc là hấn ta thấy được cái cơ phát động của nguồn sống nơi ta. Vậy, người thử cùng anh ta tới đây!

Lại một lần nữa, Liệt Tử cùng hấn vào ra mắt Hồ Tử. Khi ra về, hấn bảo Liệt Tử:

- Thầy của tiên sinh trạng thái không quân bình, cho nên không định, ta không thể xem được. Vậy, thử chờ cho đồng đều lại, rồi sẽ trở lại xem cho.

Liệt Tử trở về, thuật lại với Hồ Tử.

Hồ Tử nói:

- Khi này ta hiện về “thái xung” (hỗn mang) mờ mịt cho hấn xem. Chắc là hấn thấy cái khí quân bình của ta, nên không nhận rõ gì cả. Rõ là một cái vực sâu, chỗ mà cá nghê vùng vẫy, nơi mà nước tụ, nơi mà nước chảy dồn vào, thật là một cái gì hỗn độn cho nên cái vực sâu ấy có đến chín tầng trên đấy là ba rồi. Người thử cùng hấn đến đây!

Liệt Tử lại cùng hấn ra mắt Hồ Tử.

Đứng chưa yên chỗ, hấn hết hồn bỏ chạy.

Hồ Tử bảo: “Đuổi theo hấn đi!”

Liệt Tử đuổi theo, không kịp. Trở về thưa với Hồ Tử: “Đã mất dạng rồi, đã thất lạc rồi! Tôi không theo kịp!

Hồ Tử nói

- Khi này ta hiện cho hần thấy cái bản thể vừa mới xuất tự nguồn gốc: Ta cho hần thấy cái hư không mà thân nhiên, nên hần không nhận biết là gì, nhân thế mà ta làm ra vẻ uể oải, làm ra vẻ sóng tan, cho nên hần mới chạy trốn.

Về sau Liệt Tử trở về với cái học “vị thủy”. Ba năm không ra khỏi cửa, nấu cơm cho vợ, nuôi heo như nuôi người (không phân biệt vật ngã), không tha thiết đến việc gì cả. Phá bỏ mọi trang sức giả tạo, để cho lòng trở về cõi thuần phác tự nhiên. Thành như cục đất, giữa cảnh náo nhiệt mà lòng vẫn không xao động. Như thế, cho đến trọn đời mình.

Lấy vô vi làm danh vọng chính của mình, làm mưu vọng chính của mình, làm việc làm chính của mình, làm sự hiểu biết chính của mình. Vô vi dùng mãi không cùng, còn cách sinh hoạt của nó thì không để dấu vết gì cả; cũng vì nó là hư không mà thôi. Bậc chí nhân (người rất người) dùng cái tâm mình như tấm gương; không đi theo, không từ bỏ, ứng mà không chấp chứa; vì vậy hay thắng được mọi vật mà không làm hại nó.

Vua biển Nam là Thúc, vua biển Bắc là Hốt.
Vua khu giữa là Hồn Độn.

Thúc và Hốt thường gặp nhau trên đất của Hồn Độn. Hồn Độn tiếp đãi họ rất tốt. Thúc và Hốt tính trả ơn Hồn Độn, bàn với nhau: “Người ta ai cũng có bảy khiếu (lỗ) để nhìn, để nghe, để ăn, để thở. Chỉ riêng có ông bạn chúng ta đây không có. Vậy, ta thử đục ông ta xem nào.

Mỗi ngày đục một khiếu, bảy ngày Hồn Độn chết.

PHỤ LỤC 2

NHỮNG CHUYỆN GHI CHÉP VỀ TRANG CHU TRONG “TRANG TỬ”

Lời tác giả:

“Ngoại và tạp thiên trong “Trang Tử” do chính Trang Chu hay hậu học viết, hiện nay khó mà đoán định. Nhưng những chuyện về Trang Chu được ghi chép ở trong đó, là tư liệu duy nhất để chúng ta biết về con người Trang Chu, cho nên trích lục vào đây để cung cấp cho độc giả. Qua đây có thể thấy những chuẩn tắc về hành vi và những nét thú vị trong sinh hoạt của ông.”

1. “Thiên vận”

Thái tử Đằng hỏi Trang Tử về chữ nhân.

Trang Tử nói:

- Hùm sói là “nhân” đấy!

Hỏi:

- Sao gọi thế?

- Tình cha con thân nhau, không thể gọi là không nhân - Trang Tử nói.

- Xin hỏi về chí nhân (nhân lớn lao)?

- Chí nhân thì không thân với ai cả - Trang Tử nói.

Thái Tể hỏi:

- Dãng tôi nghe rằng: không thân thì không yêu, không yêu thì không hiếu. Là chí nhân mà không hiếu được không?

Trang Tử nói:

- Không phải vậy, chí nhân cao lắm! Cho nên hiếu không đủ mà nói đến. Như thế đâu phải là chuyện thái quá của hiếu, mà là chuyện không kịp của hiếu. Kìa như có kẻ vào Nam, đến ấp Sính, nhìn về hướng bắc không thấy núi Minh San. Vì làm sao? Tại đi đã xa quá. Cho nên mới nói: hiếu mà kính, dễ; yêu hiếu mới khó. Yêu hiếu còn dễ; hiếu mà quên người thân của mình đi mới khó. Quên người thân của mình đi còn dễ, khiến người thân của mình quên mình đi mới khó. Khiến người thân của mình quên mình đi còn dễ, quên luôn cả thiên hạ mới khó. Quên luôn cả thiên hạ đi còn dễ, khiến cho cả thiên hạ đều quên mình đi mới còn khó hơn nữa. Kìa đức hơn Nghiêu Thuấn mà coi như chưa từng làm; ơn huệ thấm đượm đến muôn đời mà thiên hạ chẳng ai hay! Vả chẳng, hiếu dễ nhân nghĩa, trung tín trinh liêm, những thứ đó chỉ là cố gắng theo “đức” mà thôi, có đáng là bao.

2. “*Thu thủy*”

Trang Tử ngồi câu trên sông Bộc. Vua Sở cho hai quan đại phu đến cho hay trước rằng: xin đem đất nước để làm bạn rợn ông.

Trang Tử cầm cần câu, không ngoảnh lại, nói:

- Tôi nghe nước Sở có con thần quy (rùa thần) chết đã ba nghìn năm. Nhà vua cho đựng vào rương vải, cất ở nơi miếu đường. Con rùa ấy thích chết để lại cái xương của mình cho người ta thờ, hay là thích sống để kéo lê cái đuôi của mình trong bùn?

Hai vị đại phu nói:

- Thà sống lê cái đuôi trong bùn còn hơn.

Trang Tử nói:

- Thôi! Về đi! Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi mình trong bùn.

3. “*Thu Thủy*”

Huệ Tử làm tướng quốc nước Lương (Ngụy). Trang Tử định sang thăm. Có kẻ nói với Huệ Tử: Trang Tử mà đến đây, là để tranh ngôi tướng quốc của ông. Huệ Tử sợ (sợ điều xấu xảy ra với Trang Tử), cho lòng xét trong nước ba ngày ba đêm.

Trang Tử đến gặp Huệ Tử nói:

- Phương Nam có con chim tên là Uyên Sồ, ông có biết không? Uyên Sồ từ biển Nam bay ra

biển Bắc, nếu không gặp hột luyện không ăn, nếu không gặp nước suối ngọt thì không uống. Có con diều hâu đương rĩa xác chuột thối. Thấy Uyên Sồ bay qua; sợ nó giành miếng mồi, diều hâu ngược lên, kêu dọa! Nay ông định lấy nước Lương của ông để dọa tôi sao!

4. “*Thu thủy*”

Trang Tử cùng Huệ Tử đứng chơi trên cầu sông Hào. Trang Tử nói:

- Cá bơi lội tung tăng, cá vui đó!

- Ông không phải cá, sao biết cá vui? - Huệ Tử nói.

- Ông không phải tôi, sao biết tôi không biết cá vui – Trang Tử trả lời.

Huệ Tử nói:

- Tôi không phải ông, nên tôi không thể biết được ông; còn ông không phải cá, ắt ông không sao biết được cái vui của cá!

Trang Tử nói:

- Xin hãy xét lại câu hỏi đầu. Ông đã hỏi tôi làm sao biết được cá vui? Đã biết là tôi biết, ông mới hỏi “làm sao mà biết”... Thì đây, làm thế này: tôi đứng trên cầu sông Hào mà biết được.

5. “*Chí lạc*”

Vợ Trang Tử chết, Huệ Tử đến viếng. Thấy Trang Tử gõ chầu mà hát. Huệ Tử nói:

- Ăn ở với người ta, nuôi con khôn lớn, nay già chết, không khóc thì thôi, lại còn gõ chầu mà hát, thế chẳng quá đáng hay sao?

Trang Tử nói?

- Đâu phải thế! Khi bà ấy mới chết, tôi sao khỏi buồn thương, xét từ lúc ban đầu vốn không có sự sống, chẳng những không có sự sống, mà vốn là không có hình; chẳng những là không có hình, mà vốn là không có khí. Lẫn trong mầm mống thành khí, khí biến thành hình, hình biến đổi mà có sự sống. Nay lại biến hoá bằng sự chết, là nhập với bốn mùa xuân hạ thu đông mà vận hành. Khi người ta đã yên nghỉ nơi ngôi nhà lớn, mà tôi cứ còn theo mà khóc sụt sùi, chẳng nhẽ mình lại không biết thế nào là mệnh sao, nên không khóc nữa.

6. “*Chí lạc*”

Trang Tử sang nước Sở, thấy bộ xương còn vẹn hình người. Ông dùng roi ngựa, gõ vào và nói:

- Ông vì đắm đuối trong cuộc sống, mà nên thế này ư? Hay là nước của ông bị mất, nên bị chết dưới lưỡi búa rìu mà nên thế này ư? Hay là ông đã phí hoài tuổi đời, mà ra thế này? Nói xong, ông gối đầu lên bộ xương mà ngủ. Nửa đêm, ông mơ thấy bộ xương nói:

- Lời ông nói, nghe như lời biện sĩ; cứ như lời ông, đều là nỗi khổ của người sống. Chết đi, thì

không như thế nữa. Ông có muốn nghe về cái chết không?

Trang Tử nói:

- Có!

Bộ xương nói:

- Cái chết, trên không có vua, dưới không có bề tôi, cũng không có việc của bốn mùa; theo đó, trời đất là xuân thu. Tuy có ngoảnh mặt về hướng nam (làm vua), niềm vui liệu có hơn gì?

Trang Tử không tin nói:

- Ta sẽ xin với thần Tư Mệnh trả lại cho người hình cũ, đắp lại da thịt cho người, để người lại đoàn tụ với cha mẹ vợ con, người muốn không?

Bộ xương trợn đôi hố mắt nói:

- Ta đâu lại bỏ niềm vui ngoảnh mặt về hướng nam như vua, mà trở về cuộc sống lặn dận của đời người?

7. “Sơn mộc”

Trang Tử đi trên núi, thấy một cây lớn, cành lá rườm rà. Người thợ đốn cây đứng bên mà không đốn. Hỏi duyên cớ, thì đáp:

- Không dùng được vào việc gì.

Trang Tử nói:

- Cây này vì bất tài mà được hưởng trọn tuổi trời.

Ra khỏi núi, Trang Tử ghé nghỉ ở nhà người quen. Người quen mừng rỡ, sai con giết nhạn để đãi khách, con thưa:

- Một con biết gáy, một con không biết gáy, giết con nào?

- Giết con không biết gáy – Chủ nhân bảo.

Hôm sau, học trò hỏi Trang Tử:

- Hôm qua, trong núi, cái cây vì bất tài mà được hưởng trọn tuổi trời. Nay con nhạn của chủ nhân, lại vì bất tài mà chết. Thầy sẽ xử như thế nào?

Trang Tử cười nói:

- Chu này sẽ xử vào khoảng giữa của tài và bất tài (hữu dụng và vô dụng). Tài và bất tài cũng như nhau, đều không phải cả, nên sao khỏi lụy đến thân. Nếu biết dựa vào đạo đức mà rong chơi, thì sẽ không thế!

8. “Sơn mộc”

Trang Chu đi dạo trong rừng, trông thấy một con chim lạ, bay từ phương nam đến. Cánh nó rộng bảy thước, mắt rộng một tấc, nó bay cánh chạm vào trán Trang Chu. Nó đậu xuống rừng dẻ. Trang Tử nghĩ: Con chim gì vậy, cánh rộng bay không ngừng, mắt to không nhìn. Ông xốc áo chạy theo, nhặt đá định ném nó. Ông thấy một con ve, đương hóng mát, mà quên con bọ đương rình nó; con bọ

ngựa mải bắt ve mà quên con chim lạ lại đương rình nó. Con com chim lạ đâu biết gần nó lại có Trang Chu. Ông chợt vỡ lẽ nghĩ: “Vật vốn làm hại nhau, cả hai đều khổ”. Ông rút hòn đá trong tay, quay ra về. Người gác rừng, ngỡ ông đi trộm hạt dẻ, vừa đuổi theo vừa chửi. Trang Chu về đến nhà, vào nhà đóng cửa, ba ngày ba đêm không ra đến sân. Lận Thả thấy vậy hỏi:

- Thầy làm sao mà mấy ngày mấy đêm không ra ngoài sân.

Trang Chu nói:

- Ta giữ hình mà quên thân, nhìn nước đục mà ngỡ là nước trong. Vả ta nghe các bậc thầy thường nói: “vào cõi tục, theo thói tục”. Nay ta dạo chơi trong rừng mà quên thân, cánh con chim lạ quẹt vào trán, vào rừng dẻ mà quên mình. Người gác rừng dẻ, ngỡ ta là trộm, vì vậy nên ta không ra sân.

9. “Sơn mặc”

Trang Tử mặc áo vải thô vá, chân đi dép buộc gặp Ngụy Vương, Ngụy Vương nói:

- Tiên sinh mệt mỗi đến thế ư?

Trang Tử đáp:

- Tôi nghèo, chứ không mệt mỗi. Kẻ sĩ có đức mà không thực hiện được điều mình mong muốn, sẽ mệt mỗi. Còn áo rách, giày thủng là nghèo,

không phải là mệt mỏi. Như thế là không gặp thời vậy. Đại vương không thấy con vượn nó nhảy nhót sao? Nếu nó gặp rừng cây nam, tử; cành thoáng, nên nó tha hồ tung tẩy, tuy có Hậu Nghệ, Phùng Mông (tay thiện xạ) cũng không nhằm nhò gì. Nếu nó gặp cây trá, đầy gai góc, chạy nhảy, phải cẩn thận, hai mắt không ngừng quan sát, nơm nớp lo sợ. Điều đó không có nghĩa là gân xương của chúng so với trước mềm yếu hơn; mà vì xử vào thế không thuận lợi, để chúng được tha hồ nhảy nhót. Ngày nay trên thì vua tôi, dưới thì tể tướng tàn bạo, mà muốn không mệt mỏi, hỏi có được chăng?

10. “*Diễn Từ Phương*”

Trang Tử ra mắt Lỗ Ai Công. Ai Công nói:

- Nước Lỗ nhiều nho sĩ, tiên sinh hãy để ý mà xem.

Trang Tử nói:

- Nước Lỗ ít bậc nho chân chính.

Ai Công nói:

- Cả nước Lỗ mặc nho phục, sao lại bảo là ít được?

Trang Tử nói:

- Chu từng nghe, nhà nho đội mũ tròn, đi dép vuông là trên thì biết thiên thời, dưới thì biết địa thế (trời tròn đất vuông), ung dung đeo ngọc là việc đến quyết đoán sáng suốt. Bậc quân tử đạt được đạo đó, vị tất đã có thứ trang phục đó; có trang phục đó, vị tất đã đạt đạo đó. Nếu nhà vua cho là

đúng, sao không ra lệnh xuống cả nước: kẻ nào không có đạo mà mặc trang phục đó, chém đầu.

Thế là Ai Công ra lệnh trong ba ngày mà cả nước Lỗ không ai dám mặc trang phục nhà nho. Chỉ có một người mặc trang phục nhà nho đứng ở cửa công môn, ông liền đòi vào, đem việc nước ra hỏi, thiên hình vạn trạng đến vô cùng.

Trang Tử nói:

- Cả nước Lỗ có một nhà nho chân chính, có thể nói là nhiều sao?

11. “*Trí bắc Du*”

Đông Quách Tử hỏi Trang Tử:

- Cái gọi là đạo ở đâu?

- Nơi nào cũng có - Trang Tử nói.

- Ngài nói cụ thể một tí - Đông Quách Tử nói.

- Trong con kiến - Trang Tử nói

- Đạo sao lại có thể ở thấp như thế? Đông Quách Tử nói.

- Ở cây bo bo - Trang Tử nói.

- Đạo sao lại có thể càng thấp như thế? Đông Quách Tử nói.

- Ở gạch ngói - Trang Tử nói.

- Sao lại có thể càng thấp như thế? Đông Quách Tử nói.

- Ở phân, nước giải - Trang Tử nói.

Đông Quách Tử nghe đến đây không nói nữa.

Qua một lát, Trang Chu nói:

- Cái mà ngài hỏi, không vào thực chất của vấn đề. Nó giống như cách người xét thuế heo dùng để đánh giá heo. Mỗi lần đập trên lưng heo là mỗi lần ấn mạnh càng xuống thêm. Ngài đừng chỉ hấn vào một vật nào, vì không có vật nào là không có đạo. Đạo cả là thế mà lời cao cả cũng thế. Như ba tiếng này: “đều”, “cùng”, “cả thấy” tuy danh từ gọi có khác nhau mà chỉ cùng một ý.

12. “*Từ vô quý*”

Trang Tử đưa đám tang về, qua mộ Huệ Tử, quay lại nói với học trò:

- Có một người ở đất Sính, vô tình làm vấy bùn lên chóp mũi, vết bùn mỏng như cánh nhặng, nhờ người thợ đá chặt đi cho. Thợ đá vung rìu thành gió, nghe tiếng “vù” đi qua; vết bẩn hết mà mũi không bị thương, người Sính đứng mà nét mặt không thay đổi. Tống Nguyên Quân nghe nói, với thợ đá đến bảo:

- Hãy làm cho quả nhân cũng như thế đi.

Thợ đá trả lời:

- Kẻ bề tôi này thường vẫn làm được. Tuy vậy, cái chất của thần nó đã chết từ lâu rồi.

Từ ngày Phu Tử (Huệ Tử) mất đi, ta không còn gì để làm chất nữa. Ta không còn ai để mà nói cùng nữa.

13. “*Ngoại vật*”

Nhà Trang Chu nghèo, nên đến vay gạo nhà Giám Hà Hầu. Giám Hà Hầu nói:

- Vâng, tôi sắp lĩnh tiền của ấp, sẽ cho ngài vay ba trăm đồng, được không?

Trang Chu bực, nghiêm nét mặt nói:

- Khi Chu đến đây, giữa đường có tiếng gọi, Chu nhìn vào vết bánh xe, thấy con cá Phụ. Chu hỏi cá Phụ vì sao lại ra thế này? Nó trả lời: “Tôi là thần sóng của biển Đông, ông có một gáo nước để cứu sống tôi không? Chu trả lời: được, để ta đến chơi với vua các nước Ngô Việt, dẫn nước sông Tây Giang để đón người, được không? Cá Phụ bực nghiêm nét mặt nói: ta làm mất cái mà ta vẫn có, ta không biết làm cách nào, ta chỉ cần gáo nước nên mới nói, người trả lời như thế, chi bằng hãy tìm ta ở chợ cá khô.

14. “*Ngoại vật*”

Huệ Tử nói với Trang Chu:

- Lời nói của ông vô dụng.

Trang Tử nói:

- Biết là vô dụng, nhưng có thể nói là mở đầu cho có dùng. Đất chẳng những rộng mà còn lớn, nơi mà con người đặt chân. Nhưng, cứ đào sâu chỗ đứng chân ấy xuống tận suối vàng, người còn dùng được nữa hay không?

- Vô dụng - Huệ Tử đáp.

- Thế thì từ vô dụng lại trở thành hữu dụng đã rõ rồi - Trang Tử nói.

15. “*Liệt Ngự Khẩu*”

Tào Thương người nước Tống, vâng mệnh vua Tống sang sứ nước Tần. Khi đi, được cấp có mấy cỗ xe.

Thương sang nói vua Tần ưng, ban cho trăm cỗ xe; quay về nước Tống, gặp Trang Tử, nói:

- Ở nơi hang cùng ngõ hẻm, khốn quẩn bện giầy, để cho cổ ngẩng mặt vàng, đó là chỗ kém của Thương. Chỉ một lần làm cho bậc vua vạn cỗ xe hiểu ra, mà đoàn tùy tùng có hàng trăm cỗ xe, đó là chỗ sở trường của Thương vậy.

Trang Tử nói:

- Vua Tần ốm cho vời thầy thuốc, ai mà làm vỡ được mụn nhọt, thưởng cho một cỗ xe; ai liếm trĩ thì được năm cỗ. Cách chữa càng hèn hạ bao nhiêu số xe thưởng càng nhiều bấy nhiêu. Ông chữa trĩ sao, mà được nhiều xe như vậy? Ông hay lắm!

16. “*Liệt Ngự Khẩu*”

Có người ra mắt vua Tống, vừa lòng nên vua ban cho mười cỗ xe. Với mười cỗ xe, người đó huênh hoang đến gặp Trang Tử.

Trang Tử nói:

- Có nhà nghèo ở bên sông, kiếm ăn bằng nghề bó chổi, người con trai lặn xuống vực sâu, may mò được viên ngọc giá nghìn vàng, người cha bảo con:

- Lấy đá đập nát nó ra, viên ngọc nghìn vàng này, ắt ở vực sâu chín trùng, con ly long để bên dưới hàm nó; con được viên ngọc này, ắt lúc nó đương ngủ. Khi con ly long tỉnh con định tránh vào đâu? Nay độ sâu của nước Tống, còn sâu hơn vực chín trùng, sự tàn bạo của vua Tống, ắt là vượt hẳn ly long. Người nay được xe, ắt là vào lúc ông ấy ngủ; khi ông ấy tỉnh, liệu người có nát như ra không?

17. “*Liệt Ngự Khẩu*”

Có người đến mời Trang Tử ra làm quan. Trang Tử đáp sứ giả rằng:

- Ông có thấy con bò tể không? Thắt cho nó dải lụa màu, ăn ngon. Đến một ngày nào đó, đưa nó vào thái miếu. Lúc bấy giờ có muốn làm một con bê côi cút, liệu còn được chăng?

18. “*Liệt Ngự Khẩu*”

Khi Trang Tử ốm sắp chết, học trò định hậu táng. Trang Tử nói:

- Ta sẽ dùng trời đất làm quan quách, lấy mặt trời mặt trăng làm ngọc bích, lấy các vì sao làm châu ngọc, muôn vật làm đàn chay, đồ chôn cất của

ta há chẳng đầy đủ sao, sao còn thêm những thứ này làm gì.

Học trò thưa:

- Chúng con sợ điều quạ ăn thịt thầy.

Trang Tử nói:

- Ở trên có điều quạ ăn, ở dưới có kiến ăn, cướp đó mà cho đây, sao mà thiên lệch vậy.

PHỤ LỤC 3

“SỬ KÝ - TRANG TỬ TRUYỆN”

Lời tác giả:

“Trong “Sử ký - Lão Tử Hàn Phi liệt truyện” có “Trang Tử truyện”. Với những gì đã ghi thuật lại về học vấn cũng như con người của Trang Tử, tuy quá sơ sài, không có cách gì để hiểu rõ được cuộc sống của ông nhưng là một tư liệu ắt phải đọc khi nghiên cứu về Trang Tử, cho nên phụ lục vào đây”

Trang Tử người đất Mông, tên là Chu. Chu có làm chức lại vườn sơn, cùng thời Lương Huệ Vương Tề Tuyên Vương. Sự học của ông không gì không nhìn tới. Phần cơ bản vẫn quy vào những lời của Lão Tử. Cho nên ông viết ra hơn mười vạn chữ đại để bằng ngụ ngôn. Ông làm những thiên “Ngư phủ” “Đạo Chích” “Khư Kíp” để chê cười Khổng Tử và làm sáng tỏ học thuyết của Lão Tử. Những thiên như: “Ổi lũy hư” “Khang Tang Tử” đều là lời bịa đặt chẳng có sự thực, nhưng ông khéo ghép các đoạn sách, tách ra từng lời để nêu sự việc, xét rành mạch sự tình, nhằm công kích đạo Nho, đạo

Mặc. Dầu có những bậc túc học cũng không tài nào biện bạch được. Lời của ông mung lung phóng túng để thỏa ý mình, cho nên từ bậc vương công đại nhân trở xuống, không ai không biết quý trọng tài năng của ông. Uy Vương nước Sở nghe Trang Chu là người hiền, sai sứ mang hậu lễ đón, và mời ông làm tể tướng. Trang Chu cười bảo sứ giả nước Sở:

- Nghìn vàng là lợi to, khanh tướng là ngôi quý đấy, nhưng ông không thấy con bò lúc tế giao hay sao? Nó được ăn mấy năm, được mặc đồ vóc thêu để đưa vào nhà thái miếu. Lúc bấy giờ, muốn làm một con lợn nhỏ có được hay không? Ông đi ngay cho, đừng làm bẩn đến ta. Ta chỉ chơi đùa trong nơi ngòi vũng để tự vui, không để cho kẻ có nước trói buộc, trọn đời không ra làm quan, để thoả chí ta.

Lời người dịch:

Học thuyết Trang Tử bắt nguồn từ Lão Tử, văn từ của hai bậc triết gia này rất trừu tượng. Tuy là qua nguyên tác của Vương Tân Dân mà dịch ra, chúng tôi cũng phải tham khảo, và có sử dụng các tác phẩm và tài liệu sau:

1 – Đạo đức kinh

Nguyễn Duy Cần

2 – Đạo đức kinh

Nguyễn Hiến Lê

3 – Trang Tử

Nhượng Tống

4 – Nam hoa kinh

Nguyễn Duy Cần

5 – Trung Quốc cổ đại tư tưởng sử - của Dương
Vinh Quốc NXB Nhân Dân.

6 – Sử ký

Tư Mã Thiên

Và nhất là căn cứ vào lời chú của tác giả qua
các phần phụ lục

Ngày 16-7-2001

Những người dịch

TRANG TỬ **

VƯƠNG VƯƠNG TÂN

LÊ XUÂN KHÁI – TRẦN HIỆP

(Người dịch)

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du – Hà Nội

Tel & Fax: 8.222.135

Email: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN PHAN HÁCH

Biên tập

HÀ VIỆT ANH

Bìa

HUỲNH PHI HẢI

Sửa bản in

MINH THU

In 1000 cuốn, khổ **13 x 19** cm. Tại Công ty cổ phần In Bến Tre. Số đăng kí kế hoạch xuất bản 01/1130/XB-QLXB do Cục xuất bản cấp ngày 29/8/2003 và Giấy trích ngang kế hoạch xuất bản số 257/XB cấp ngày 04/09/2003.

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2004.



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỪ

288B AN DƯƠNG VƯƠNG, Q.5, TP.HCM - ĐT: 8392516

Phát hành



VN04.05661

Giá: 32.000đ